

VIỆT-NAM TIỂU-HỌC TÙNG-THU

(soạn theo nghị-định quan Toàn-Quyển ngày 10 Mai 1926)

**SỬ-KÝ — ĐỊA-DƯ
GIÁO - KHOA - THU
LỚP SƠ-ĐẲNG**

(Sách này do Nha Học-chính Đông-Pháp đã giao cho ông
TRẦN-TRUNG-KIM, thanh-tra các trường Sơ-đẳng Bắc-kỳ và
ông ĐẶNG-ĐÌNH-PHÚC, sơ-đẳng giáo-học thượng-hạng, soạn)

In lần thứ hai



NHA HỌC-CHÍNH ĐÔNG-PHÁP

XUẤT-BẢN

1928

COLLECTION DES LIVRES CLASSIQUES

à l'usage des Ecoles élémentaires indigènes
rédigés en conformité de l'arrêté du Gouverneur général
du 10 mai 1926

HISTOIRE — GÉOGRAPHIE

COURS ÉLÉMENTAIRE

(La rédaction de ce manuel a été confiée par la
Direction de l'Instruction publique à MM. TRAN-
TRONG-KIM, Inspecteur de l'enseignement primaire et
DANG-DINH-PHUC, Instituteur principal de 2^e classe).

Deuxième édition



PUBLIÉ PAR

LA DIRECTION DE L'INSTRUCTION PUBLIQUE EN INDOCHINE

1928

Tous droits réservés

Reproduction interdite

Cầu

VIỆT-NAM TIỂU-HỌC TÙNG-THƯ

(soạn theo nghị-định quan Toàn-Quyển ngày 10 Mai 1926)

**SỬ-KÝ — ĐỊA-DU
GIÁO-KHOA-THƯ**

LỚP SƠ-ĐẲNG

(Sách này do Nha Học-chính Đông-Pháp đã giao cho ông
TRAN-TRONG-KIM thanh-tra các trường Sơ-đẳng Bắc-kỳ và
ông DANG-DINH-PHUC sơ-đẳng giáo-học thượng hạng, soạn).

In lần thứ hai



Luật

NHA HỌC-CHÍNH ĐÔNG-PHÁP

XUẤT-BẢN

1928

Nhà-nước giữ bản quyền

Cấm không ai được in lại

TỰA

Ở lớp Dự-bị dạy sử-ký thì chỉ dạy những truyện cổ-tích, truyện ký-sự và những truyện của các danh-nhân trong lịch-sử theo đúng chương-trình đã định. Đến lớp Sơ-đẳng thì mới thật dạy sử-ký và không dạy lẻ-lỏi từng truyện một, như ở lớp Dự-bị nữa ; từ đầu đến cuối, bài nọ liên-lạc với bài kia và các sự biến-cổ lớn đều quan-hệ với nhau.

Sau cuốn sách này lại có cái niên-biểu kê rõ những năm có cuộc biến lớn ở trong nước, để cho tiện sự khảo-cứu.

Ông thầy phải biết rằng cái niên-biểu ấy cốt để cho ta biết rõ các thời-kỳ, chứ không phải để dạy cho học-trò học thuộc lòng. Tuy vậy những năm tháng quan-hệ đến những sự biến-cổ lớn trong nước, thì cần phải bắt học-trò nhớ cho thật đúng.

Về phần địa-dư thì sách này có chỗ không thể làm theo đúng như chương-trình, vì đoạn thứ nhất trong chương-trình nói rằng : « Dạy những cái đại-cương và cho thật đúng về những tỉnh lân-cận và nhắc lại địa-dư bản-tỉnh đã học trước. »

Như vậy thì trong một cuốn sách không thể theo như chương-trình mà soạn đủ các bài về các tỉnh ở Đông-Pháp được, tất phải chọn lấy một tỉnh nào để làm mẫu để ông thầy tùy tiện ở đâu, thì thay đổi theo đấy mà dạy. Trong sách này có nhiều bài làm theo phương-pháp ấy, vậy ông thầy dạy học ở địa-hạt nào, thì phải hiểu rõ cái đại-ý ấy mà châm-chước sự dạy của mình cho hợp cách-thức.

Có một điều nên biết là trong sách này có mười sáu bài đầu, thì dầu ở đâu cũng phải dạy một cách như thế cả. Những bài dạy về các xứ trong Đông-Pháp thì trường học ở vào xứ nào, phải dạy kỹ về xứ ấy và những xứ lân-cận, còn những xứ khác, thì chỉ dạy qua đi mà thôi.

VIỆT-NAM-SỬ

BÀI ĐẦU

Nước Việt-nam.

Nước Việt-nam ta ở về phía đông-nam châu Á-tế-á, bề ngang thì hẹp, bề dọc thì dài, hình cong như chữ S, trên Bắc-kỳ và dưới Nam-kỳ phình rộng ra, khúc giữa là Trung-kỳ thì eo hẹp lại.

Nước ta về phía đông và phía nam, giáp bể Nam-hải, phía tây giáp Ai-lao và Cao-mên, phía bắc giáp nước Tàu, liên tiếp với những tỉnh Quảng-đông và Vân-nam.

Diện-tích nước ta rộng độ chừng 31 vạn 2 nghìn ki-lô-mét vuông, chia ra như sau này:

Bắc-kỳ : 105.000 km²

Trung-kỳ : 150.000 km²

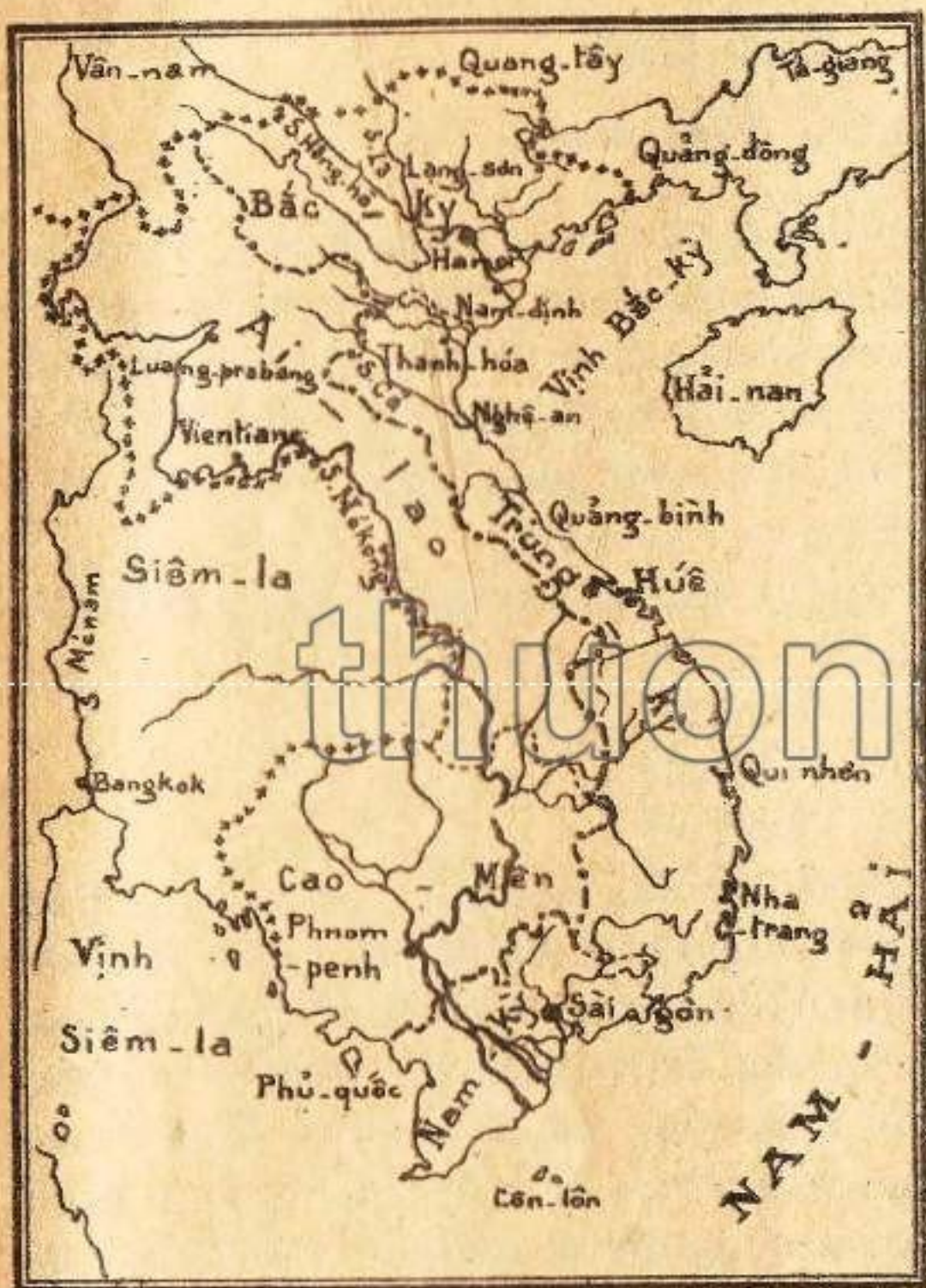
Nam-kỳ : 57.000 km²

Cứ theo sử cũ thì nước ta lúc đầu tiên gọi là Văn-lang. Đến đời vua Thục An-dương-vương đổi là Âu-lạc. Khi nhà Tần bên Tàu sang đánh lấy các nước ở phía Nam, đổi là Tượng-quận. Sau thuộc về nước Nam-việt của nhà Triệu. Nhà Hán lấy nước Nam-việt chia ra làm Giao-chỉ, Cửu-chân và Nhật-nam. Nhà Đông-Hán đổi Giao-chỉ làm Giao-châu. Đến thời tự-chủ thì nhà Đinh đổi là Đại-cồ-việt (Đại-cù), nhà Lý đổi là An-nam. Đến đời vua Thế-Tổ Cao-Hoàng nhà Nguyễn mới đổi là Việt-nam.

Nước ta trước ở vào vùng Bắc-kỳ, Thanh-hóa, Nghệ-an và Hà-tĩnh bây giờ, rồi dần dần (1) lan xuống phía nam, chiếm lấy

(1) lần lần.

nước Chiêm-thành, tức là đất Trung-kỳ từ Đèo-ngang trở vào, rồi lấy đất Cao-mên, lập ra xứ Nam-kỳ ngày nay.



Địa-đồ nước Nam.

Toát-yếu. — Nước Việt-nam ở phía đông châu Á-tế-á, hình cong như chữ S, phía đông và phía nam giáp Nam-hải, phía tây giáp Ai-lao và Cao-mên, phía bắc giáp nước Tàu.

Diện-tích cả nước được 31 vạn 2 nghìn km².

Người Việt-nam ta phải bao nhiêu phen chống giữ với người Tàu, phải cực khổ nhiều lần, mới gây dựng nên được một nước có thể-thống, có chính-trị, có văn-học, đủ làm cái lịch-sử vẻ-vang lắm vậy.

Cái lịch-sử ấy là chung cho cả người trong nước. Vậy ai cũng phải xem, phải học, thì mới hiểu được những sự-nghiệp của ông cha ta ngày trước, và cuộc thịnh suy của nước nhà từ xưa đến nay.

Nước ta lúc đầu gọi là Văn-lang, Thục An-dương-vương gọi là Âu-lạc. Tần đặt là Tượng-quận. Tây-Hán gọi là Giao-chỉ. Đông-Hán đổi là Giao-châu. Đinh gọi là Đại-cồ-việt. Lý gọi là An-nam. Đến năm Gia-long nguyên-niên (1802) mới đổi là Việt-nam.

Nước ta trước chỉ có từ Đèo-ngang trở ra, rồi sau lấy nước Chiêm-thành và đất Cao-mên mà mở rộng thêm ra.

Câu hỏi. — Nước Việt-nam ở vào châu nào? — Hình nước Việt-nam giống như gì? — Nước Việt-nam đông, tây, nam, bắc, giáp những đâu? — Diện-tích được bao nhiêu? — Từ xưa đến nay tên nước ta thế nào? — Lúc đầu nước ta ở vào quãng nào? — Sau lấy đất những nước nào để mở rộng thêm bờ cõi?

CHƯƠNG I — THƯỢNG-CỒ THỜI-ĐẠI

1. — Họ Hồng-Bàng

(2879-258 trước tây-lịch kỷ-nguyên).

Cứ theo sử cũ của ta, thì họ Hồng-Bàng làm vua nước ta trước tiên cả (nhứt)⁽¹⁾. Họ ấy là dòng-dối vua Thần-Nông bên Tàu. Vua Đế-Minh là cháu ba đời vua Thần-Nông, đi tuần-thú phương nam đến núi Ngũ-linh lấy một người tiên-nữ, sinh ra Lộc-Tục.

Đế-Minh truyền ngôi cho Đế-Nghi làm vua ở phương bắc và phong cho Lộc-Tục làm vua ở phương nam, tức là Kinh-dương-vương.

Kinh-dương-vương lấy long-nữ là con gái Động-đình-quân, sinh ra Sùng-Lãm, nối ngôi làm vua, xưng là Lạc-long-quân.

Lạc-long-quân lấy bà Âu-Cơ là con gái vua bên Tàu, sinh ra một trăm người con trai. Về sau năm mươi người con theo mẹ lên núi, và năm mươi người theo cha xuống biển. Người con

(1) hời.

trường sang làm vua nước Văn-lang, tức là nước ta thuở trước, xưng là Hùng-Vương. Vua Hùng-Vương đệ-nhất đóng đô ở Phong-châu, thuộc địa-hạt tỉnh Vĩnh-yên bây giờ.

Đời Hùng-Vương thì quan văn gọi là Lạc-hầu, quan võ gọi là Lạc-tướng, con trai vua gọi là Quan-lang, con gái vua gọi là Mị-nương, các quan nhỏ gọi là bộ-chính. Thuở ấy vua quan đều được cha truyền con nối cả.

Dòng-dối Hùng-Vương làm vua được 18 đời, từ Hùng-Vương thứ nhất đến Hùng-Vương thứ 18 thì hết.

Ấy là sử cũ của ta chép như vậy ; song những truyện ấy là truyện cổ-tích đã lâu đời lắm, mà nay cũng không có bằng chứng gì, để kê-cứu cho xác thực được. Vậy ta nên học cho biết, chứ không nên tin làm truyện thực (1).

Toát-yếu. — Họ Hồng-Bàng là dòng-dối vua Thần-Nông sang làm vua nước ta trước tiên cả (2).

Cháu ba đời vua Thần-Nông là Đế-Minh sinh ra Lộc-Tục, Lộc-Tục sang làm vua phương Nam, xưng là Kinh-dương-vương.

Kinh-dương-vương truyền ngôi cho Lạc-long-quân.

Lạc-long-quân cho người con trưởng sang làm vua nước Văn-lang là nước ta thuở trước, xưng là Hùng-Vương, đóng đô ở Phong-châu. Dòng-dối Hùng-Vương làm vua được 18 đời thì mất.

Câu hỏi. — Họ nào làm vua nước ta trước hết ? — Kinh-dương-vương là con ai ? — Kinh-dương-vương truyền ngôi cho ai ? — Kể truyện Lạc-long-quân chia con thế nào ? — Hùng-Vương làm vua nước nào ? — Dòng-dối Hùng-Vương làm vua được mấy đời ? — Tại làm sao không nên tin truyện đời Hồng-Bàng là truyện thật.

2. — Nhà Thục

(257-207 trước tây-lịch kỷ-nguyên).

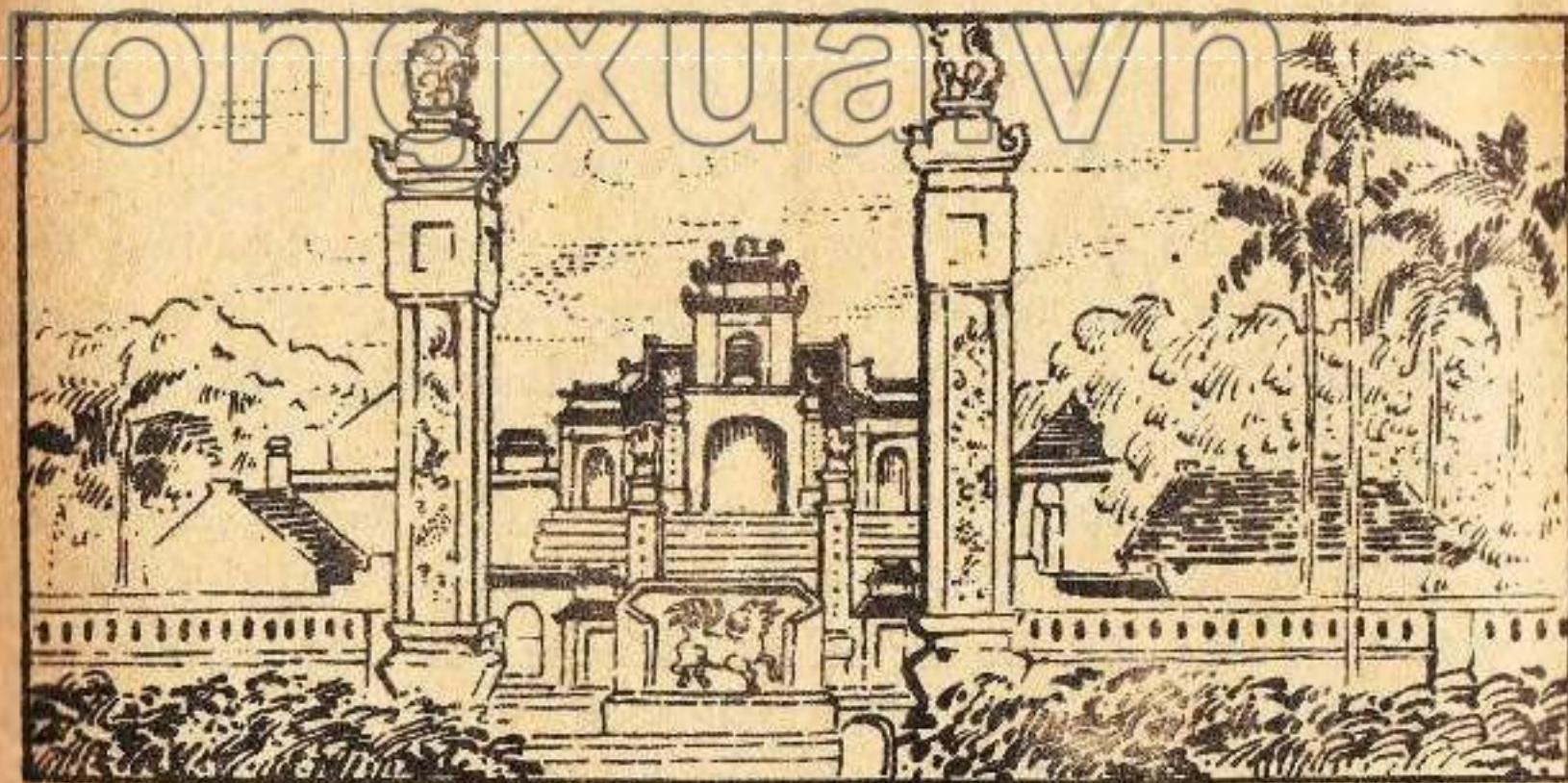
Sử chép rằng về cuối đời Hồng-Bàng có họ Thục là vua một

(1) thật — (2) hết

xứ ở mạn ngược Bắc-kỳ. Nhân vì vua Hùng-Vương thứ 18 không gả con gái cho, mới đem lòng thù oán. Đến khi sắp mất, Thục-Vương dặn người cháu tên là Thục-Phán tìm kế đánh báo thù.

Quả nhiên về sau Thục-Phán đánh lấy được nước Văn-lang, Hùng-Vương phải nhảy xuống giếng tự-tử. Thục-Vương đổi tên nước là Âu-lạc, hiệu là An-dương-vương, đóng đô ở Phong-kê, thuộc huyện Đông-anh, tỉnh Phúc-yên bây giờ.

Tục truyền rằng khi An-dương-vương xây Loa-thành, cứ bị giống yêu quái ngăn trở mãi không xây được. Sau nhờ có thần Kim-quy hiện lên giúp vua, mới xây xong thành ấy. Thần Kim-quy lại cho một cái móng chân để làm cái lẫy nỏ (nà, nổ). Hễ có giặc đến đem cái nỏ ấy ra bắn một phát, thì giặc phải tan. Thuở ấy ở bên Tàu có ông Triệu-Đa muốn đánh lấy nước Âu-lạc.



Đền công thờ An-dương-vương (Nghe-an).

Nhưng vì có cái nỏ ấy cho nên đánh không được. Triệu-Đa bèn giả làm thần, cho con sang lấy con gái An-dương-vương, để dùng kế mà lấy cái lẫy nỏ ấy đi. Khi lấy được cái lẫy nỏ ấy rồi, Triệu-Đa đem quân sang đánh lấy Âu-lạc, lập ra nước Nam-việt, gồm cả đất Quảng-đông, Quảng-tây ở bên Tàu và xứ Bắc-kỳ cùng

mấy tỉnh phía bắc xứ Trung-kỳ bây giờ. Nước ta thuộc về người Tàu cai-trị khởi đầu từ đây.

Toát-yếu. — Thục-Phán nhân có thù với Hùng-Vương, dấy binh đánh lấy nước Văn-lang lập ra nước Âu-lạc, hiệu là An-dương-vương.

An-dương-vương đóng đô ở Phong-khê và xây Loa-thành.

An-dương-vương bị Triệu-Đà đánh lấy mất nước. Từ năm 207 trước tây-lịch kỷ-nguyên nước ta thuộc về người Tàu cai-trị.

Câu hỏi. — Theo tục truyền thì vì có gì mà Thục-Vương đánh Hùng-Vương? — Thục-vương đánh được Hùng-Vương rồi đổi tên nước là gì? — An-dương-vương đóng đô ở đâu? — Kể truyện An-dương-vương xây Loa-thành thế nào? — Triệu-Đà làm thế nào mà đánh lấy Âu-lạc? — Từ khi An-dương-vương mất nước rồi nước ta thuộc về ai cai-trị?

3. — Nhà Triệu.

(207-111 trước tây-lịch kỷ-nguyên)

Triệu-Đà lấy được Âu-lạc, bèn gồm cả mấy quận bên Tàu mà lập ra nước Nam-việt, rồi lên làm vua, tức là Vũ-vương đóng đô ở Phiên-ngung, gần thành Quảng-châu, tỉnh-lý tỉnh Quảng-đông bây giờ.

Trong khi Triệu Vũ-vương lập ra nước Nam-việt ở phía nam, thì nhà Hán lên làm vua bên Tàu, rồi sai sứ sang phong vương cho Triệu Vũ-vương và bắt phải về thần phục nhà Hán.

Lúc đầu Triệu Vũ-vương phải chịu phong và sai sứ sang triều cống nhà Hán. Nhưng về sau nhà Hán muốn gây sự chiến tranh với Nam-việt, Triệu Vũ-vương mới xưng đế và tuyệt giao với nhà Hán, rồi đem quân đi đánh phá bên nước Tàu. Cách mấy năm, vua nhà Hán lại sai sứ sang giảng hoà, thì Triệu Vũ-vương lại chịu về triều cống nhà Hán như trước.

Nhà Triệu làm vua cả thấy được bốn đời. Đến đời thứ tư là đời vua Ai-vương bị mẹ là Cù Thái-hậu, tư-thông với sứ nhà

Hán, rồi xui vua đem nước Nam-việt dâng cho nước Tàu. Lúc ấy có ông lão-thần là Lữ-Gia không muốn để cho người Tàu lấy mất nước Nam-việt, bèn mưu với các quan trong triều, đem quân vào cung giết cả Ai-vương, Cù Thái-hậu và sứ nhà Hán đi, rồi lập người anh vua Ai-vương lên làm vua. Đoạn rồi Lữ-Gia chia quân đi phòng giữ các nơi.

Được ít lâu vua nhà Hán sai tướng đem quân sang đánh, bắt được bọn ông Lữ-Gia đem giết đi, rồi chiếm giữ lấy nước Nam-việt, chia ra làm quận huyện và sai quan sang cai-trị như đất nước Tàu vậy.



Lữ-Gia.

Toát-yếu. — Triệu-Đà lấy được nước Âu-lạc rồi gồm mấy quận bên Tàu lập ra nước Nam-việt, đóng đô ở Phiên-ngung.

Triệu-Đà làm vua tức là Vũ-Vương, chống với nhà Hán được ít lâu, rồi phải chịu về triều cống nhà Hán.

Nhà Triệu làm vua được bốn đời, thì bị quân nhà Hán lấy mất nước. Hết đời nhà Triệu, nước Việt-nam thuộc về nước Tàu.

Câu hỏi. — Ông Triệu-Đà lấy được nước Âu-lạc rồi làm gì? — Ông đóng đô ở đâu? — Lúc đầu ông đối với nhà Hán thế nào? — Tại sao nhà Triệu mất nước? — Nước Tàu lấy được nước Nam-việt rồi làm thế nào?

CHƯƠNG II. — **BẮC-THUỘC THỜI-ĐẠI**

1. — **Bắc-thuộc lần thứ nhất**

(111 trước tây-lịch kỷ-nguyên — 39 sau tây-lịch kỷ-nguyên).

Nhà Tây-Hán đánh lấy nước Nam-việt, rồi chia ra làm chín quận, mỗi quận có quan Thái-thủ đứng đầu, coi việc cai-trị trong quận.

Chín quận ấy là :

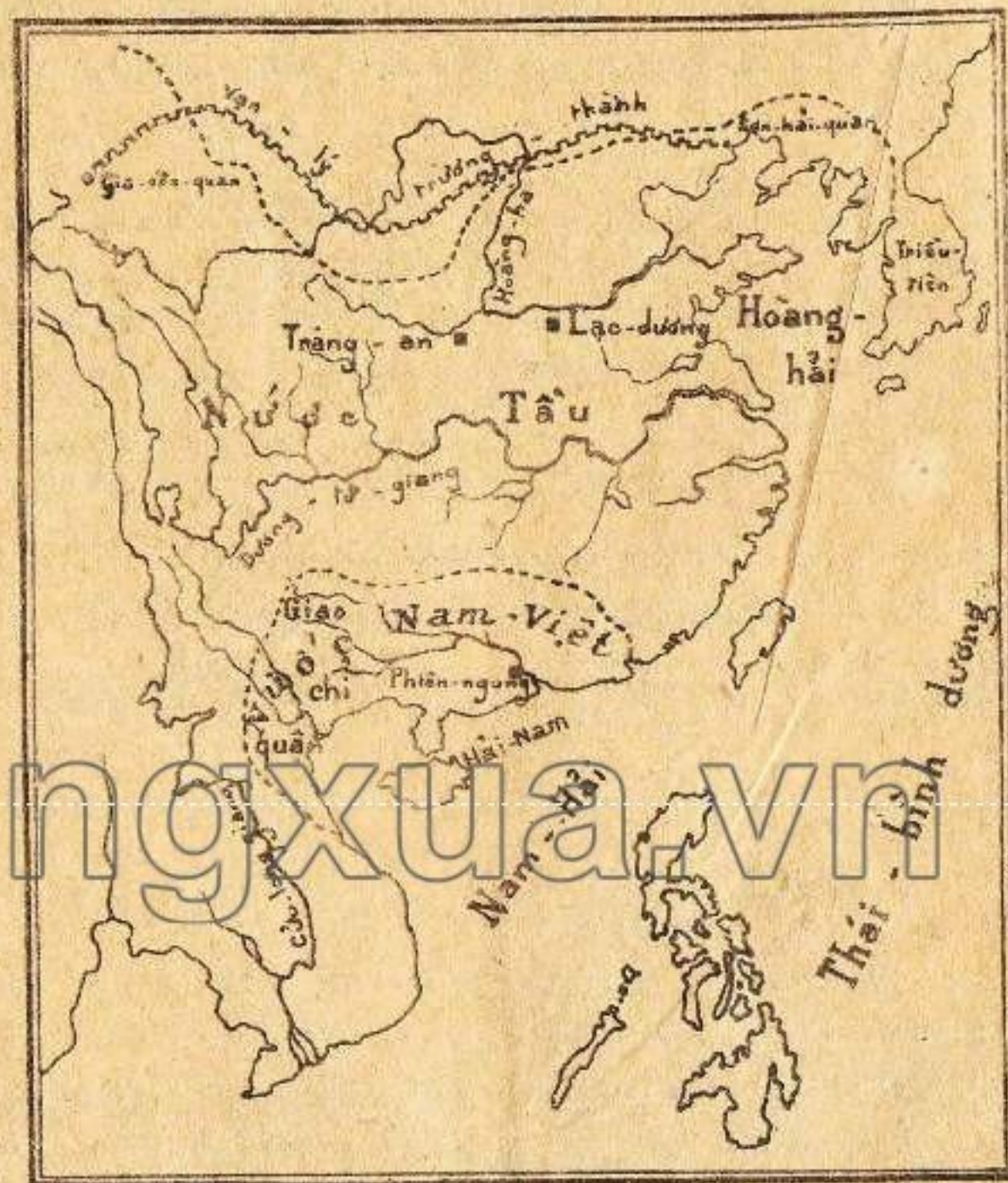
- | | |
|----------------|--|
| 1 — Nam-hải | } nay thuộc tỉnh Quảng-đông. |
| 2 — Hợp-phố | |
| 3 — Thương-ngô | } nay thuộc tỉnh Quảng-tây. |
| 4 — Uất-lâm | |
| 5 — Giao-chỉ | nay là mấy tỉnh ở Trung-châu đất Bắc-kỳ. |
| 6 — Cửu-chân | nay là Thanh-hóa. |
| 7 — Nhật-nam | nay là Nghệ-an và Hà-tĩnh. |
| 8 — Châu-nhai | } nay thuộc đạo Hải-nam. |
| 9 — Đạm-nhị | |

Gồm cả chín quận ấy gọi là Giao-chỉ-bộ, có quan Thứ-sử làm đầu, được quyền đi giám-sát việc chính-trị trong các quận.

Nhà Hán tuy có chia đất Nam-việt ra làm quận huyện, đặt Thái-thủ và Thứ-sử, nhưng việc chính-trị đại-khái vẫn đề như cũ. Như ở trong quận Giao-chỉ vẫn còn có Lạc-hầu, Lạc-tướng, không khác gì đời trước. Còn dân gian thì vẫn theo tục cũ, chứ không thay đổi gì mấy.

Mãi đến hết đời nhà Tây-Hán, quá sang đầu nhà Đông-Hán, sử mới chép rằng ở quận Giao-chỉ có quan Thái-thủ tên là Tích-

Quang dạy dân theo lễ nghĩa bên Tàu, và ở quận Cửu-chân có



Địa-đồ nước Tàu và nước Nam-việt.

quan Thái-thủ tên là Nhâm-Diên bắt dân theo phép cưới hỏi bên Tàu mà lấy vợ, lấy chồng.

Trong khoảng nước ta thuộc về nhà Tây-Hán, sử chỉ chép có hai người ấy là có nhân-chính, muốn mở mang cho người mình mà thôi.

Toát-yếu. — Nhà Tây-Hán lấy được nước Việt-nam, chia ra làm 9 quận, đặt quan Thái-thủ và Thứ-sử để cai-trị.

Các quan Tàu sang cai-trị những quận ấy trong đời nhà Hán, có ông Tích-Quang và ông Nhâm-Điền là người có nhân chính, dạy dân những điều lễ nghĩa và bắt dân theo phép cưới hỏi mà lấy vợ, lấy chồng.

Câu hỏi. — Nhà Tây-Hán lấy nước Việt-nam rồi chia ra làm 9 quận là những quận nào? — Chức Thái-thú làm những việc gì? — Chức Thứ-sử coi việc gì? — Phong tục những quận ấy trong đời nhà Hán thay đổi thế nào? — Ông Tích-Quang làm gì cho dân quận Giao-chỉ? — Ông Nhâm-Điền làm gì cho dân quận Cửu-chân?

2 — Trưng Nữ-vương. (40-43 sau tây-lịch kỷ-nguyên).

Đầu đời nhà Đông-Hán, ở quận Giao-chỉ có quan Thái-thú



Bà Trưng-Trắc và bà Trưng-Nhị.

tên là Tô-Định, bạo ngược tàn ác, dân trong quận oán giận đã nhiều, Tô-Định lại đem giết ông Thi-Sách là chồng bà Trưng-

Trắc. Bà ấy tức giận mới cùng với em là bà Trưng-Nhị nổi lên đánh Tô-Định để báo thù cho chồng.

Hai bà Trưng-Trắc và Trưng-Nhị là con gái quan Lạc-tướng ở huyện Mê-linh, nay thuộc về phủ Yên-lãng, tỉnh Phúc-yên. Khi hai bà nổi lên đánh quân Tàu ở quận Giao-chỉ, thì người những quận Hợp-phố, quận Cửu-chân và quận Nhật-nam đều theo về hai bà cả. Vậy nên chẳng bao lâu mà quân hai bà tràn đi khắp mọi nơi, chiếm giữ được các thành trì. Hai bà bèn tự-xưng làm vua (40), đóng đô ở Mê-linh, là chỗ quê nhà.

Hai bà làm vua được hơn hai năm, thì vua nhà Đông-Hán sai tướng là Mã-Viện đem quân sang đánh. Quân nhà Hán và quân hai bà đánh nhau một trận rất dữ ở gần hồ Lãng-bạc, có lẽ là Hồ-tây, gần Hà-nội bây giờ. Nhưng vì quân của Mã-Viện là quân đánh giặc đã quen, mà quân ta thì mới nhóm lên, chưa luyện tập được mấy, cho nên đánh trận ấy quân ta thua to (1). Hai bà chạy lên vùng Sơn-tây bây giờ, bị quân Tàu đuổi đánh ngặt quá, hai bà chững không nổi, nhảy xuống sông Hát-giang (tức là ngọn sông Đáy) mà tự-tử (43).

Tuy hai bà làm vua không được bao lâu, nhưng lấy cái tài người đàn-bà mà làm được việc nghĩa to lớn như vậy, tưởng xưa nay thật là ít có, và đáng để tiếng thơm cho muôn đời về sau.

Nay ở làng Hát-môn thuộc huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây và làng Đồng-nhân, gần Hà-nội, có đền thờ, cứ hằng năm đến ngày mùng sáu tháng hai là ngày hội.

Toát-yếu. — Đầu đời Đông-Hán bên Tàu, ở quận Giao-chỉ có hai bà Trưng-Trắc và Trưng-Nhị nổi lên đánh đuổi quan Thái-thú Tô-Định, rồi tự-xưng làm vua, đóng đô ở Mê-linh.

(1) nhiều.

Tướng nhà Đông-Hán là Mã-Viện đem quân sang đánh ở gần hồ Lãng-bạc, hai bà thua chạy đến sông Hát-giang thì nhảy xuống sông mà tự-lũ (43 sau tây-lịch kỷ-nguyên).

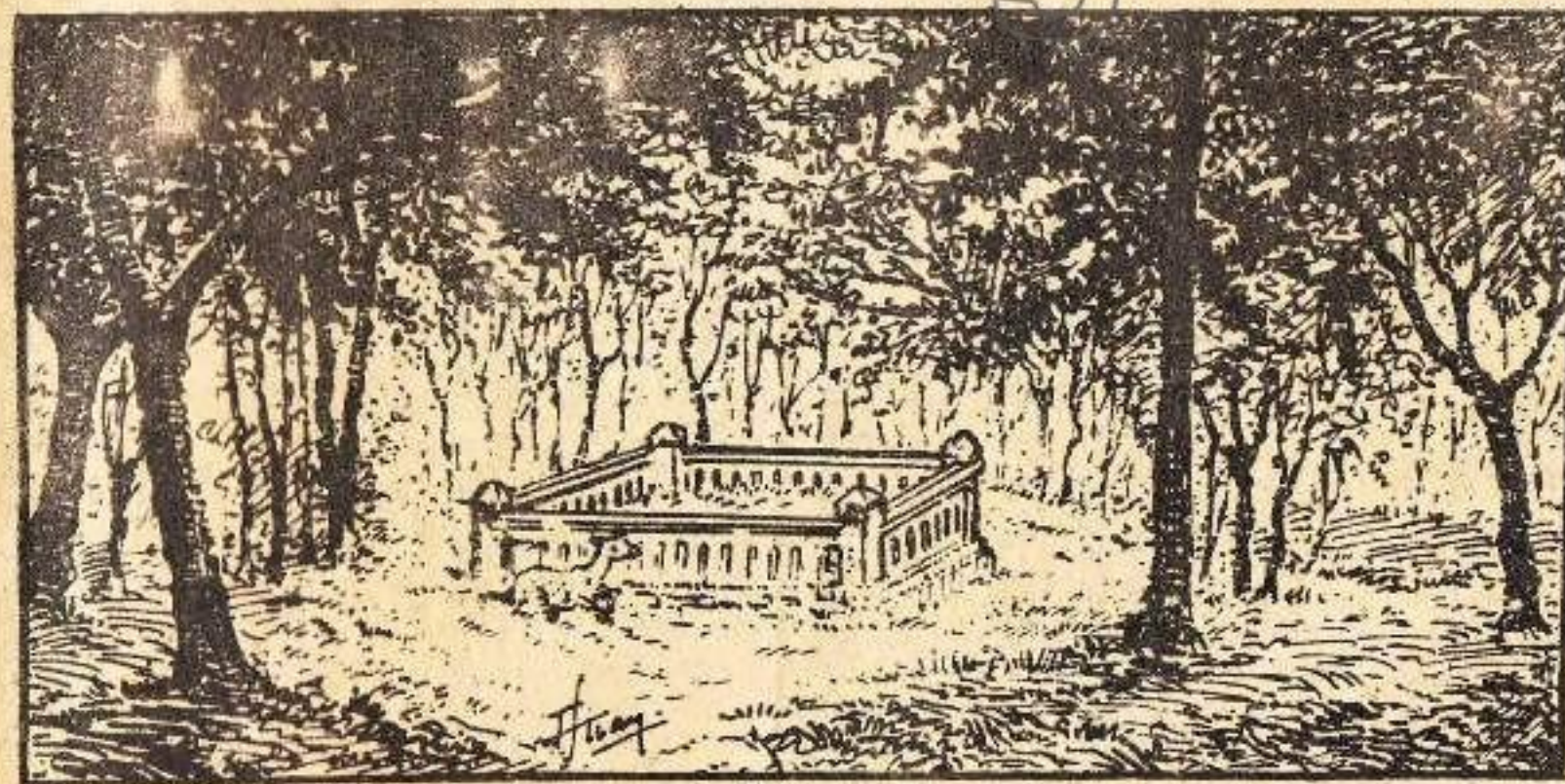
Hai bà là nữ anh-hùng nước ta. Nay có đền thờ ở làng Hát-môn và ở gần Hà-nội.

Câu hỏi. — Đầu đời Đông-Hán ai làm Thái-thứ quận Giao-chỉ? — Quan Thái-thứ ấy là người thế nào? — Tại làm sao bà Trưng-Trắc và bà Trưng-Nhi nổi lên đánh quân Tàu? — Khi hai bà nổi lên có những quân nào theo giúp? — Hai bà bị ai đánh? — Hai bà đánh thua rồi làm thế nào? — Hai bà là người thế nào?

3. — Bắc-thuộc lần thứ hai

(43-544).

Mã-Viện đánh được hai bà họ Trưng rồi, đem quân đi đánh



Lăng ông Sĩ-Nhiếp.

đẹp các quận khác. Những tướng tá của hai bà trước đều ra hàng cả. Mã-Viện bèn sửa đổi việc chính-trị trong các quận và xây

thành đắp lũy ở những nơi hiểm-yếu để phòng bị sự biến loạn.

Sử chép rằng khi Mã-Viện về Tàu có dựng cột đồng-trụ ở biên-giới, khắc sáu chữ « Đồng-trụ-chiết, Giao-chỉ-diệt ». Nghĩa là cột đồng-trụ đổ, thì người Giao-chỉ mất nòi. Vì vậy người Giao-chỉ ai đi lại cũng bỏ hòn đá vào chân cột đồng-trụ ấy, đến nỗi về sau cột ấy lấp đi mất.

Từ khi Mã-Viện sửa đổi mọi việc ở đất Giao-chỉ, việc cai-trị nghiêm ngặt hơn trước và những quan lại ở bên Tàu sang, thường có lắm người tàn-ác, tiếng oan khổ của nhân dân không kêu vào đâu được. Bởi vậy cho nên cứ hay có sự biến loạn.

Đến cuối đời nhà Đông-Hán, nước Tàu chia ra làm ba nước, tức là đời Tam-quốc, chỗ nào cũng có giặc cướp, đất Giao-chỉ nhờ có quan Thái-thứ là Sĩ-Nhiếp cùng với anh em mấy người chia giữ các quận huyện, cho nên mọi nơi đều được yên trị cả. Ông trị dân có phép tắc và lại chăm lo mở-mang sự học-hành, cho nên người bản-xứ ai cũng kính phục, và về sau người ta làm đền thờ, tôn là Sĩ-Vương.

Hết đời Tam-quốc, nhà Tấn lên làm vua, nhất thống cả nước Tàu. Trước sau được non một trăm năm, rồi nước Tàu lại chia ra làm Nam-triều và Bắc-triều.

Trong đời nhà Tấn và Nam Bắc triều, đất Giao-châu thường hay bị người nước Lâm-áp (tức về sau là nước Chiêm-thành) sang quấy nhiễu. Quân Tàu phải đi đánh dẹp luôn. Sau nước Tàu cứ loạn-lạc mãi, thế lực kém hèn đi, người mình mới nhận cái cơ-hội ấy mà nổi lên đánh đuổi quân Tàu đi, lập ra nhà Tiền-Lý.

Toát-yếu. — Mã-Viện dẹp yên đất Giao-chỉ rồi, sửa đổi việc chính-trị và đặt quan lại cai-trị nghiêm ngặt hơn trước.

Trong khi nước Tàu có loạn Tam-quốc, đất Giao-châu nhờ có ông Sĩ-Nhiếp cai-trị và mở-mang sự học-hành, cho nên mới được yên trị.

Đến đời nhà Tần và Nam Bắc triều, đất Giao-châu lại bị người Lâm-áp sang đánh phá. Sau người mình nhân khi bên Tàu có loạn, mới nổi lên đánh quân Tàu mà lập ra nhà Tiền-Lý.

Câu hỏi. — Mã-Viên đánh được hai bà rồi làm những việc gì? — Mã-Viên dựng cột đồng-trụ thế nào? — Trong khi bên Tàu có loạn Tam-quốc ai cai-trị đất Giao-châu? — Tại làm sao người bản-xứ làm đến thờ ông Sĩ-Nhiếp? — Trong đời nhà Tần và Nam Bắc triều đất Giao-châu bị người nước nào sang quấy nhiễu?

4. — Nhà Tiền-Lý.

(544-602).

Trong thời Nam Bắc triều (420-588) bên Tàu, đất Giao-châu bị loạn-lạc đã nhiều, lại phải quan Thứ-sử tên là Tiêu-Tư, làm nhiều điều tàn-ác, lòng người ai cũng oán giận. Thuở ấy người mình có ông Lý-Bôn mới nhân cái cơ-hội ấy nổi lên, đem binh đánh đuổi quan Tàu đi, chiếm giữ lấy các quận huyện, rồi xưng làm vua (544) tức là vua Tiền-Lý Nam-đế, đặt tên nước là Vạn-xuân.

Vua Tiền-Lý Nam-đế làm vua chưa được một năm, thì quân bên Tàu sang đánh. Ngài đánh thua mấy trận, phải đem quân lui lên mạn ngược, sau cùng lên đóng ở động Khuất-liêu, vào vùng Hưng-hóa bây giờ. Ngài thấy thế lực quân Tàu mạnh lắm, mà mình thì già yếu, ngài bèn giao binh quyền cho ông Triệu-Quang-Phục.

Ông Triệu-Quang-Phục đem quân về đóng ở Dạ-trạch, thuộc tỉnh Hưng-yên bây giờ, đề chống nhau với quân Tàu. Đến khi vua Tiền-Lý Nam-đế mất, thì ông lên làm vua (549), đề nối nghiệp, tức là Triệu Việt-vương.

Triệu Việt-vương đánh nhau với quân Tàu hơn ba năm trời, sau vì bên Tàu có loạn, tướng Tàu phải rút quân về, ngài mới khôi-phục lại được cả toàn châu.

Triệu Việt-vương làm vua được hơn 20 năm, thì bị cháu Tiền-Lý Nam-đế là Lý Phạt-Tử tranh mất ngôi.

Lý Phạt-Tử lên làm vua (571), tức là Hậu-Lý Nam-đế. Ngài làm vua hơn 30 năm, mà không có sửa-sang điều gì. Đến khi nhà Tùy bên Tàu sai tướng sang đánh, thì ngài đem gia-quyển ra hàng.

Nhà Tiền-Lý lấy lại nước, làm vua cả thấy được non 60 năm thì mất, đất Giao-châu lại thuộc về người Tàu cai-trị như cũ.

Toát-yếu. — Trong thời Nam Bắc triều bên Tàu, ở đất Giao-châu ta có ông Lý-Bôn nổi lên đánh đuổi quan Tàu đi, xưng làm vua, tức là Tiền-Lý Nam-đế.

Sau có quân bên Tàu sang đánh, Tiền-Lý Nam-đế thua, phải chạy lên mạn-ngược, giao binh quyền cho ông Triệu Quang-Phục.

Triệu Quang-Phục lên làm vua, tức là Triệu Việt-vương, đánh đuổi được quân Tàu và khôi-phục được nghiệp cũ.

Triệu Việt-vương làm vua được hơn 20 năm, bị Lý Phạt-Tử cướp mất ngôi.

Lý Phạt-Tử lên làm vua, tức là Hậu-Lý Nam-đế. Hậu-Lý Nam-đế làm vua được hơn 30 năm, bị quân Tàu sang đánh, phải ra hàng. Đất Giao-châu từ đó lại thuộc về nước Tàu.



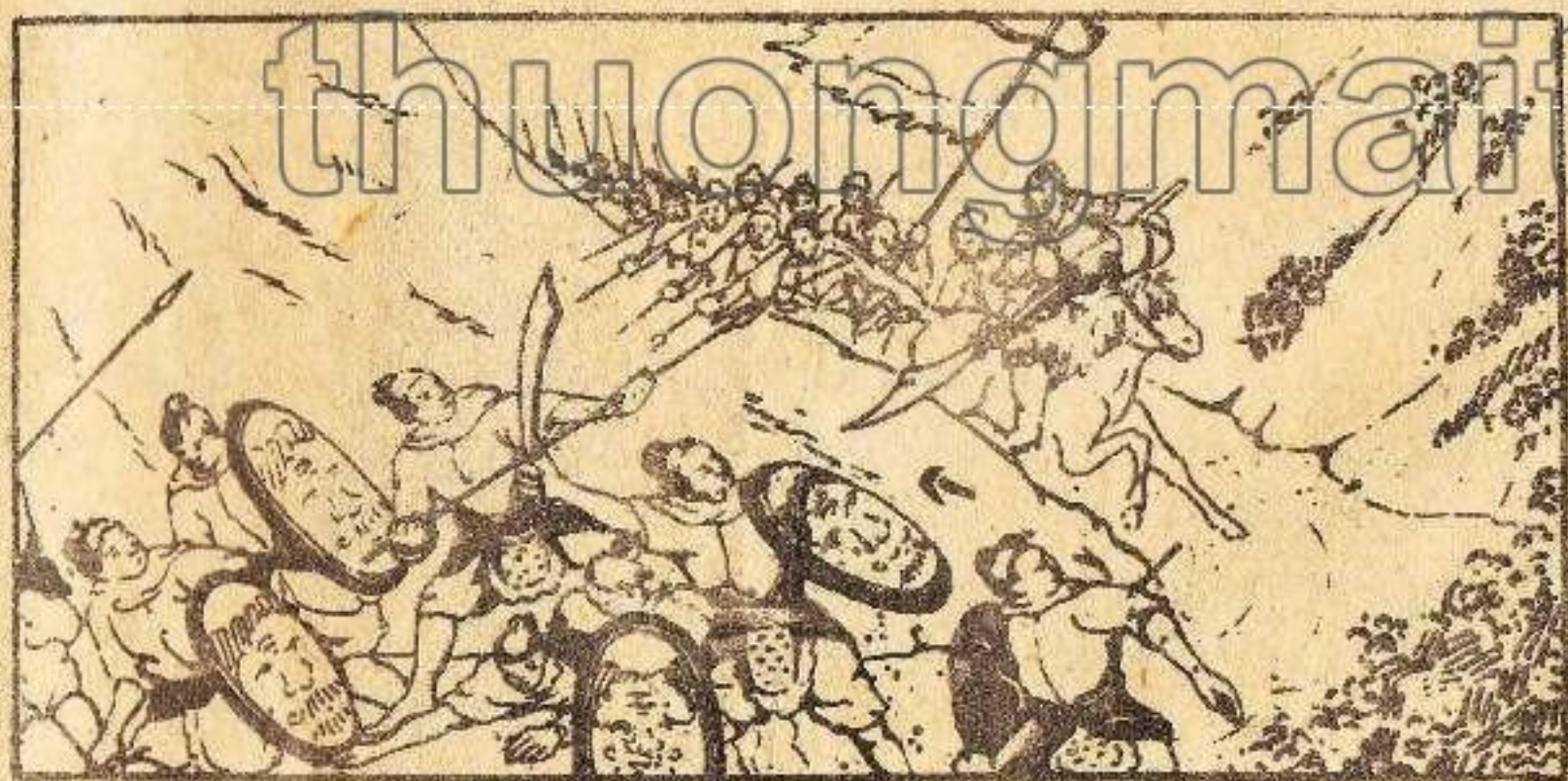
Triệu Quang-Phục.

Câu hỏi. — Nhân dịp (nhịp) gì mà ông Lý-Bôn nổi lên đánh quân Tàu? — Khi quân Tàu sang đánh vua Lý Nam-đề chạy về đâu, và làm thế nào? — Ông Triệu Quang-Phục đóng quân ở đâu? — Nhân có cơ-hội gì mà ông đánh được quân Tàu? — Triệu Việt-vương làm vua được bao lâu? — Ngai bị ai cướp mất ngôi? — Lý Phật-Tử làm vua được bao lâu? — Khi quân Tàu sang đánh thì Lý Phật-Tử làm thế nào?

5. — Bắc-thuộc lần thứ ba.

(603-939).

Nhà Tùy sai tướng sang đánh lấy đất Giao-châu, rồi đem về nội-thuộc nước Tàu như cũ. Nhưng nhà Tùy chỉ làm vua được có non 30 năm (589-617) thì mất ngôi. Nhà Đường (618-907) lên thay, đặt An-nam Đô-hộ-phủ để cai-trị đất Giao-chi.



Cao-Biến đuổi quân Nam-chiều.

Cách cai-trị của nhà Đường lại nghiêm ngặt hơn các đời trước, mà quan lại Tàu cũng có nhiều người tham nhũng, nên chỉ thuở ấy ở Giao-châu có những người như vua Mai Hắc-đế và ông Bồ-cái-đại-vương nổi lên chống với quân Tàu. Mai Hắc-đế thì chiếm giữ được một chỗ ở vùng Nghệ-an bây giờ (722), và

Bồ-cái-đại-vương thì đánh lấy được phủ Đô-hộ (791). Nhưng vì thế lực không đủ, cho nên công nghiệp không thành. Tuy vậy, hai ông đều có lòng trung-nghĩa với nước nhà, cho nên người trong nước ai cũng kính phục mà tiếng thơm vẫn truyền đến ngày nay.

Về cuối đời nhà Đường, ở đất Giao-châu lại có cuộc loạn lớn hơn cả, là việc giặc Nam-chiều sang quấy nhiễu. Nước Nam-chiều thuở ấy là một nước cường-thịnh, ở vào tỉnh Vân-nam bên Tàu bây giờ. Nhân vì ở Giao-châu có quan Đô-hộ hà hiếp những dân Mường, Mán trên mạn ngược, những dân ấy mới đi đón quân Nam-chiều sang đánh phá. Đất Giao-châu lúc ấy bị tàn phá đến mười năm trời, người mình chết hại rất nhiều. Sau vua nhà Đường sai tướng là Cao-Biến đem quân sang đánh đuổi được quân Nam-chiều đi, xây đắp lại thành Đại-la (thành Hà-nội bây giờ), định việc sưu-thuế cho công bằng, và lập đồn-ai ở các nơi hiểm-yếu để phòng bị sự giặc cướp. Nhân dân nhờ vậy mới được yên nghiệp mà làm ăn, ai ai cũng nhớ ơn Cao-Biến, cho nên về sau người ta làm đền thờ và tôn là Cao-vương.

Toát-yếu. — Nhà Đường thay nhà Tùy làm vua bên Tàu. Nhà Đường đặt An-nam Đô-hộ-phủ để cai-trị đất Giao-châu.

Vì quan lại Tàu tham nhũng, cho nên thuở ấy đất Giao-châu thường hay có sự biến loạn.

Vua Mai Hắc-đế và ông Bồ-cái-đại-vương đều nổi lên đánh quân Tàu, nhưng vì thế yếu không thành công.

Đất Giao-châu lại bị quân Nam-chiều sang đánh phá đến 10 năm. Sau nhờ có Cao-Biến sang dẹp yên được giặc ấy, và sửa đổi việc chính-trị, cho nên dân mới được yên nghiệp mà làm ăn.

Câu hỏi. — Nhà Tùy làm vua được bao lâu? — Nhà Đường cai-trị đất Giao-châu thế nào? — Tại làm sao đất Giao-châu lúc ấy hay có biến loạn? — Trong đời bây giờ có những người nào nổi lên đánh quân Tàu? — Nước Nam-chiều ngày trước ở chỗ nào? — Tại sao người Nam-chiều sang đánh phá Giao-châu? — Ai đánh dẹp được giặc Nam Chiếu? — Cao-Biến làm những công việc gì?

6. — Họ Khúc dấy nghiệp. (906-923).

Khi Cao-Biên sang đánh dẹp giặc Nam-chiếu ở đất Giao-châu ta, thì ở bên Tàu nhà Đường đã suy, cho nên chẳng bao lâu mà nước Tàu lại chia ra làm mấy nước.



Khúc-Hạo.

Ở chỗ Trung-nguyên thì có năm nhà nổi lên tranh nhau, là nhà Hậu-Lương, Hậu-Đường, Hậu-Tấn, Hậu-Hán và Hậu-Chu. Mỗi nhà làm vua được độ mấy năm thì mất, sử gọi là đời Ngũ-Quý hay là Ngũ-Đại (907-959).

Trong đời ấy ở đất Giao-châu có ông Khúc Thừa-Dụ là một người hào-phú ở đất Hồng-châu (nay thuộc về Hải-dương) và lại có tiếng là người khoan-hòa, có nhân, ai cũng kính mến. Lúc ấy chỗ nào cũng có giặc-giã, quan Tàu cai-trị không nổi, người bản xứ bên tôn ông ấy lên làm Tiết-độ-sứ để thay quan Tàu mà coi việc trị dân (906).

Ông Khúc Thừa-Dụ giữ quyền chưa được một năm thì mất (907), giao quyền lại cho con là ông Khúc-Hạo. Ông Khúc-Hạo đặt

quan-lại, sửa đổi việc thuế-mã và việc sưu-dịch, có chí định lập thành một nước tự-chủ. Nhưng công việc chưa xong, thì ông đã mất (917).

Con ông Khúc-Hạo là Khúc Thừa-Mỹ lên cầm quyền được non sáu năm, thì bị quân nước Nam-Hán bên Tàu sang đánh, lấy mất Giao-châu (923).

Họ Khúc tuy không lập thành cái cơ nghiệp lâu dài, nhưng nhờ có họ ấy xếp đặt, sửa sang mọi việc trong nước, cho nên người mình mới có cái thế nổi lên mà đánh đuổi được người Tàu đi, và lập thành một nước tự-chủ lâu dài về sau vậy.

Toát-yếu. — Nhà Đường mất ngôi, thì nước Tàu lại chia ra làm mấy nước, rồi có năm nhà tranh nhau làm vua, sử gọi là đời Ngũ-quí hay Ngũ-đại.

Trong đời Ngũ-đại, ở đất Giao-châu có họ Khúc nổi lên giữ lấy quyền chính-trị. Họ Khúc sửa đổi mọi việc, định lập thành một nước tự-chủ. Nhưng sau lại bị nước Nam-Hán lấy mất nước.

Họ Khúc tuy không lập thành cơ-nghiệp lâu dài, nhưng cũng có công gây nên cái mối tự-chủ cho nước nhà.

Câu hỏi. — Hết đời nhà Đường thì tình thế nước Tàu ra thế nào? — Đời Ngũ-quí có những nhà nào làm vua bên Tàu? — Trong đời Ngũ-quí ở Giao-châu ta có ai nổi lên? — Ông Khúc-Hạo làm những việc gì? — Ai đánh họ Khúc mà lấy đất Giao-châu? — Họ Khúc có công gì với nước ta?

CHƯƠNG III. — TỰ-CHỦ THỜI-ĐẠI

1. — Nhà Ngô và Thập-nhi Sứ-quân. (939-967).

Họ Khúc mất quyền, đất Giao-châu thuộc về nước Nam-Hán. Nước Nam-Hán là một nước người Tàu mới lập ra, ở vùng Quảng-đông và Quảng-tây bây giờ. Tuy nước ấy đã

lấy được Giao-châu, nhưng người mình đã chán sự cai-trị của người Tàu, và đã quen thói tự-chủ rồi, cho nên không bao lâu những tướng cũ của họ Khúc lại nổi lên đánh đuổi quân Nam-Hán đi.



Ngô-Quyền.

Song lúc đầu người mình không đồng lòng, đảng nọ mới nổi lên, đảng kia đã toan phá hại, rồi cứ giết lẫn nhau. Có người lại sang đón quân Nam-Hán về, để giữ quyền lợi của mình. May nhờ lúc ấy có ông Ngô-Quyền đem quân từ trong Ai-châu (Thanh-hóa) ra trừ được những kẻ làm loạn trong nước, và lại phá tan được quân Nam-Hán ở sông Bạch-đăng (939). Ông bèn xưng làm vua, tức là Tiền Ngô-vương, đóng đô ở Cồ-loa.

Ngô-vương đặt quan chức định triều nghi và chỉnh đốn mọi việc trong nước, chỉ muốn dựng nghiệp lâu dài. Nhưng ngài chỉ làm vua được non sáu năm thì mất (944).

Ngô-vương mất rồi, người em bà Dương-hậu là Dương-Tam-Kha tranh mất ngôi của con Ngô-vương. Người trong nước thấy Dương-Tam-Kha làm điều phản nghịch như vậy, đều không phục. Bấy giờ có những kẻ hào-phú ở các nơi đều nổi lên xưng là sứ-quân (945-967).

Thuở ấy nước ta có cả thảy 12 Sứ-quân. Mỗi Sứ-quân độc-

lập một xứ, rồi cứ đem quân đi đánh lẫn nhau, làm cho dân gian thật là khổ sở. Giá không có một người anh-hùng là vua Đinh Tiên-hoàng đem giang-sơn về một mối, thì nước ta ngổ hầu lại thuộc về tay người Tàu cai-trị vậy.

Toát-yếu. — Họ Khúc mất quyền, đất Giao-châu thuộc về Nam-Hán. Song chẳng được bao lâu, những tướng cũ của họ Khúc lại đánh đuổi quân Nam-Hán đi.

Thuở ấy người trong nước đánh cướp lẫn nhau, rồi lại có người đi đón quân Nam-Hán sang. May có ông Ngô-Quyền dẹp được loạn trong nước và đuổi được quân Tàu đi, lên làm vua lập ra nhà Ngô (939).

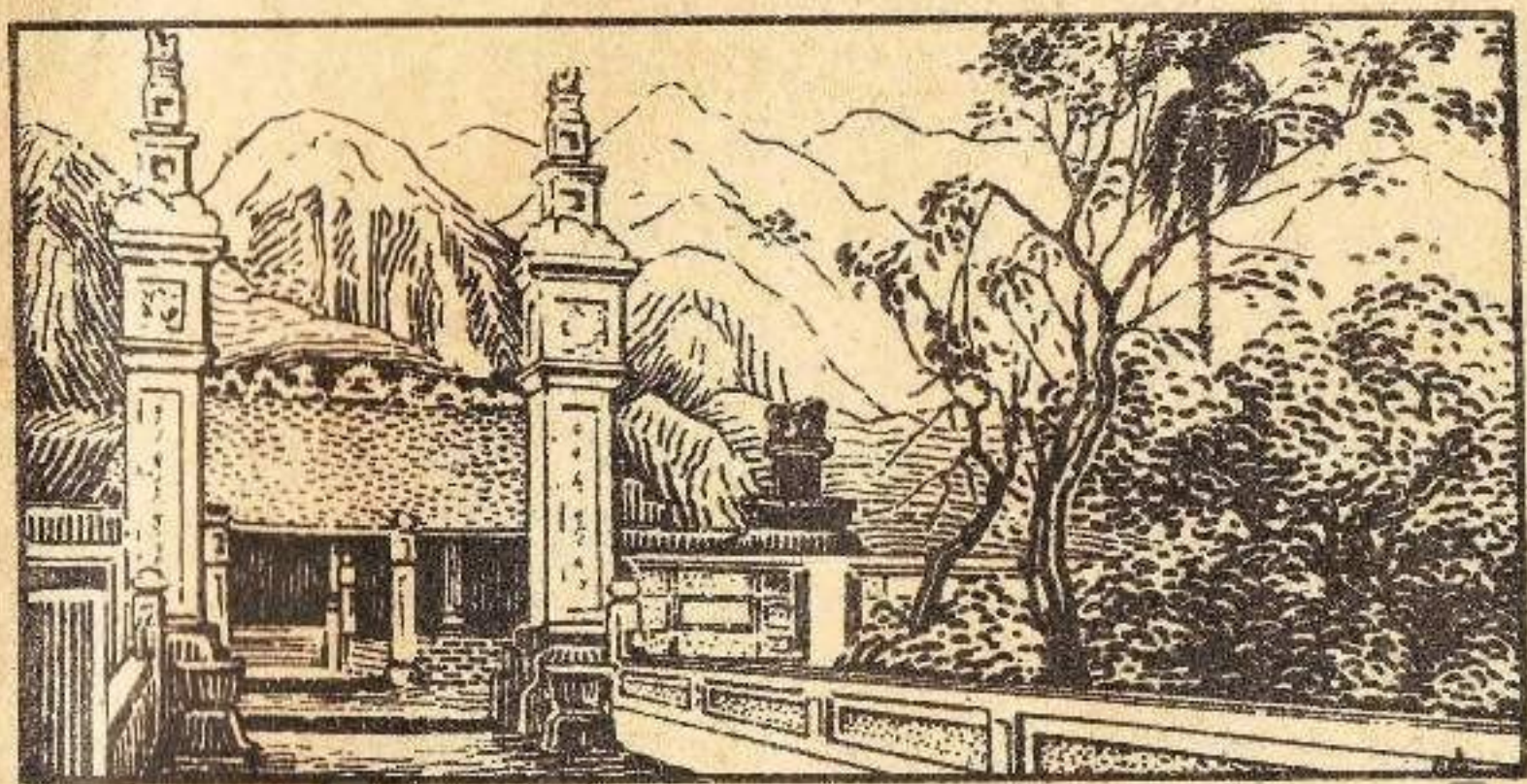
Ngô-vương làm vua được non 6 năm thì mất, nước ta lại loạn, 12 Sứ-quân nổi lên đánh lẫn nhau (945-967), người trong nước phải nhiều điều cực khổ.

Câu hỏi. — Nước Nam-Hán ngày trước ở vào chỗ nào? — Khi quân Nam-Hán lấy mất Giao-châu thì các tướng cũ họ Khúc làm thế nào? — Sau khi đánh đuổi được quân Nam-Hán rồi, trong nước ta làm sao? — Ông Ngô-Quyền làm những việc gì? — Ông làm vua đóng đô ở đâu? — Khi Ngô-vương mất rồi tình thế nước ta ra làm sao? — Loạn Thập-nhị Sứ-quân là thế nào?

2. — Nhà Đinh. (968-980).

Về cuối đời nhà Ngô, nước ta bị cái loạn Thập-nhị Sứ-quân, người trong nước bị giặc-giã cướp phá, thật là khổ sở. Thuở ấy ở đất Hoa-lư, thuộc huyện Gia-viễn, tỉnh Ninh-bình bây giờ, có ông Đinh Bộ-Lĩnh nổi lên, đem quân đi đánh các Sứ-quân,

Ông đánh đầu được đỏ, cho nên các tướng sĩ mới tôn ông



Dinh Tien-Hoang (Ninh-binh)

làm Vạn-thắng-vương. Chỉ trong hơn một năm trời, ông dẹp yên được cả mười hai Sứ-quân, rồi lên ngôi làm vua (968), tức là Tiên-hoàng-đế nhà Đinh.

Vua Tiên-hoàng đóng đô ở Hoa-lư và đổi quốc-hiệu là Đại-cồ-việt. Ngài xây cung điện, lập ra phép tắc ở trong triều, và định phẩm hàm quan văn và quan võ, chỉnh đốn thành một triều-đình có trật-tự. Nhưng thuở ấy nước ta mới dựng lên, người trong nước hãy còn nhiều kẻ quen thói lúc loạn li, không chịu theo luật phép, vua Tiên-hoàng phải đặt hình phép rất nghiêm, nấu vạc dầu để giữa sân, nuôi hổ báo trong vườn, để trừng trị kẻ gian phi. Ngài chú ý về việc sửa sang các quân đội, đặt ra mười đạo quân để phòng giữ các nơi.

Tự đó nước ta thành một nước có thể lực, đủ chống với nước Tàu. Nhưng vua Tiên-hoàng muốn giữ lấy sự hòa bình, bèn sai con sang cống vua Tàu, đề cầu phong và xin cử ba năm một lần sang triều cống.

Từ khi trong nước được yên-đàn rồi, vua Tiên-hoàng càng ngày càng sinh ra lười biếng và say mê rượu chè, rồi lại bỏ con cả, lập con thứ, gây nên cái mối loạn trong nhà, đến nỗi anh em giết lẫn nhau. Chẳng bao lâu ngài lại bị người Đỗ-Thích giết, để nước lại cho Hoàng-tử mới có 6 tuổi, lên làm vua. Vì vậy cho nên nhà Đinh chỉ làm vua được hai đời đã bị người khác cướp mất ngôi.

Toát-yếu. — Ông Đinh Bộ-Lĩnh dấy binh ở đất Hoa-lư, dẹp yên được 12 Sứ-quân, rồi lên làm vua (968), tức là vua Tiên-hoàng nhà Đinh.

Vua Tiên-hoàng đặt ra pháp luật và sửa sang mọi việc chính-trị. Nhưng vì sau ngài sinh ra lười biếng hay rượu chè, rồi lại bỏ con trưởng, lập con thứ, cho nên trong nhà thành ra biến loạn. Tiên-hoàng sau bị giết và cơ-nghiệp nhà Đinh cũng đổ vậy.

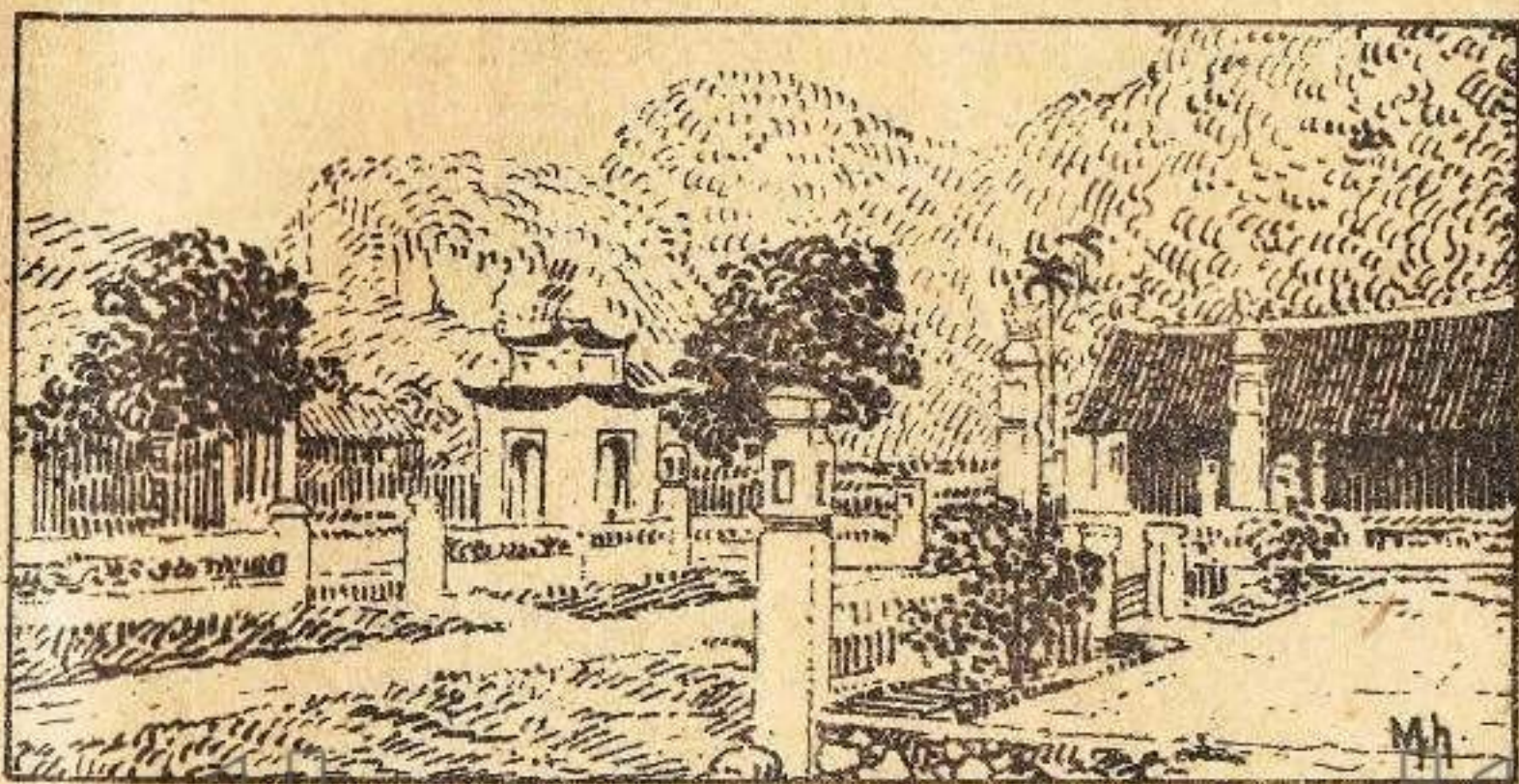
Câu hỏi. — Vua Tiên-hoàng nhà Đinh đánh giặc nào? — Ngài đóng đô ở đâu? — Ngài làm những việc gì? — Tại làm sao mà nhà Đinh chóng mất?

3. — Nhà Tiên-Lê.

(980-1009).

Vua Đinh Tiên-hoàng bị giết rồi, vua kế-tự thì hãy còn nhỏ tuổi, việc triều-chính do quan Thập-đạo-tướng-quân là ông Lê-Hoàn quyết định cả. Sau lại nhân có quân nhà Tống bên Tàu thấy vua nhà Đinh mới mất, muốn sang đánh lấy nước ta, trong nước nao-động cả lên. Ông Lê-Hoàn bèn sai người ra nói với quân sĩ rằng: « Bây giờ quân nghịch sắp vào cõi, mà vua thì còn nhỏ, lấy ai thưởng phạt cho phân minh. Dẫu chúng mình có hết sức lập được chút công nào, thì có ai biết cho? Chi bằng nay ta tôn quan Thập-đạo-tướng-quân lên làm vua, rồi hãy đi đánh giặc ». Quân sĩ nghe nói đều hô « Vạn-tuế ». Bà Dương

Thái-hậu ở trong cung cũng lấy áo hoàng-bào mặc vào cho ông



Điện thờ vua Lê Đại-Hành

Lê-Hoàn. Ông bèn lên ngôi vua (980) hiệu là Đại-hành Hoàng-đế.

Vua Đại-hành sai sứ sang nhà Tống xin bãi binh. Vua nhà Tống không nghe, sai tướng đem quân thủy bộ phân làm hai đạo, một đạo đi đường bộ sang Lạng-sơn, một đạo đi đường biển vào sông Bạch-đăng. Vua Đại-hành phải ngự giá thân chinh, chém được tướng nhà Tống ở vùng Chi-băng. Vua nhà Tống thấy đánh nước ta không được, bèn cho giảng hòa và phong vương cho vua Đại-hành.

Cách mấy năm vua Đại-hành lại ngự-giá đi đánh Chiêm-thành, bắt vua nước ấy phải sang triều cống. Từ đó thanh-thế ngài lừng lẫy lắm, các bộ-lạc mừng, oán, ở trên mạn-ngược đều về thần phục cả.

Vua Đại-hành trị vì được 24 năm thì mất. Các hoàng-tử tranh nhau lên ngôi. Sau ông Long-Đĩnh giết anh, lên làm vua, tục gọi là Ngoa-triều, vì ngài có bệnh cứ phải nằm mà trị triều.

Vua Ngoa-triều chỉ trị vì được non bốn năm thì mất (1004), nhưng vì tính ngài bạo ngược, hay chém giết, cho nên đến khi mất rồi, Triều-đình lập người họ khác lên thay nhà Lê.

Toát-yếu. — Quan Tập-đạo-tướng-quân là Lê-Hoàn lên làm vua nối ngôi nhà Đinh, tức là vua Đại-hành nhà Tiền-Lê.

Vua Lê Đại-hành có công phá được quân nhà Tống, đánh được nước Chiêm-thành và dẹp yên được giặc-giã trong nước.

Con vua Đại-hành là Long-Đĩnh lên làm vua, hoang-dâm qua độ, lại hay chém giết, cho nên người họ khác lên tranh mất ngôi.

Câu hỏi — Kể lại truyện ông Lê-Hoàn được lên làm vua làm sao? — Đòi với nước Tàu vua Đại-hành làm thế nào? — Quân Tàu sang đánh ta ở những chỗ nào? — Vua Đại-hành có công đánh những giặc nào nữa? — Tại làm sao nhà Lê chóng mất ngôi?

4. — Nhà Lý.

(1010-1225).

Khi vua Ngoa-triều mất rồi, con còn nhỏ tuổi, và lòng người ai cũng oán giận, vậy nên các quan đại-thần mới tôn ông Lý Công-Uân lên làm vua (1010), tức là vua Thái-tổ nhà Lý.

Vua Thái-tổ thấy đất Hoa-lư chật hẹp, không có thể mở rộng ra, để làm chỗ đô-hội một nước được, ngài bèn dời Kinh-đô ra thành Đại-la là Hà-nội bây giờ. Tục truyền rằng khi thuyền nhà vua ra đến Đại-la thấy có rồng vàng bay lên, mới nhân điềm ấy mà đặt tên là Thăng-long-thành.

Buổi đầu có nhiều nơi nổi lên làm loạn, ngài phải ngự-giá thân-chinh. Khi sự giặc-giã đã yên rồi, ngài lo sửa-sang việc chính-trị, đổi lại luật-pháp, định việc sưu-thuế, chỉnh-đốn quân ngũ, bắt các hoàng-tử và các hoàng-thần phải làm tướng, cầm quân đi đánh giặc. Bởi vậy các bậc vương hầu thuở ấy nhiều người giỏi nghề dùng binh.

Vua Thái-tổ sùng đạo Phật, cho nên ngài làm chùa đúc



Đền thờ vua nhà Lý (Định-bảng).

chùa rất nhiều, và lại sai người sang Tàu lấy kinh Phật đem về truyền bá ra mọi nơi.

Kể đến vua Thái-tôn lên làm vua (1028). Ngài là một ông anh-quân đời nhà Lý, đã giỏi nghề văn, lại sành việc võ, thường phải thân-chính đi đánh đông, dẹp bắc. Tuy vậy không lúc nào ngài bỏ nhặng (lãng) việc trị dân. Ngài chia đường quan-lộ ra từng cung, đặt trạm dịch để cho tiện việc vận tải và việc chuyển đệ công văn. Ngài cấm người trong nước không được theo thói dã-man, mua người trẻ tuổi về làm nô. Hình-pháp luật-lệ điều gì cũng sửa-sang lại rất phân minh.

Trong đời nhà Lý việc chính-trị giản dị, vua với dân thường được thân mật lắm, và việc võ-công thì rục-rỡ, đủ làm cho nhà Tống bên Tàu phải nể, nước Chiêm-thành phải sợ. Nước ta từ đó trở đi thành ra có cơ-sở vững bền, và có thể-thống một nước cường-thịnh.

Toát-yếu — Vua Ngoại-triều nhà Tiền-Lê mất, Triều-đình tôn ông Lý Công-Uân lên làm vua (1010), tức là vua Thái-tổ nhà Lý.

Vua Thái-tổ dời đô ra Thăng-long (Hà-nội), đánh dẹp giặc-giã, định pháp luật, sửa sang việc võ-bị. Ngài làm chùa đúc chuông, lấy kinh Phật về truyền bá đi các nơi.

Vua Thái-tôn lên nối ngôi (1028), là một ông anh-quân, dẹp yên được các giặc-giã, và sửa đổi việc chính-trị trong nước, làm cho nước ta thuở ấy thành một nước cường thịnh.

Câu hỏi. — Nhân cơ-hội gì mà ông Lý Công-Uân làm vua? — Tại sao vua Lý Thái-tổ dời đô ra Thăng-long? — Vua Thái-tổ làm những việc gì? — Vua Thái-tôn là người thế nào? — Ngài sửa đổi những việc gì?

5. — Sự chiến-tranh đời nhà Lý.

Trong đời nhà Lý có những cuộc chiến-tranh to (1) hơn cả là đánh giặc Nông trên Cao-bằng, giặc nhà Tống bên Tàu, và giặc Chiêm-thành.

Về đời vua Thái-tôn (1028-1054) ở vùng Cao-bằng bây giờ có một người tù-trưởng tên là Nông Tồn-Phúc, nổi lên chống với nhà Lý, rồi đem quân đi đánh phá các nơi (1038). Vua Thái-tôn phải ngự-giá thân-chính, bắt được Nông Tồn-Phúc đem về giết đi. Con Nông Tồn-Phúc là Nông Trí-Cao chạy thoát được, rồi về khôi-phục được đất cũ, và xưng là Hoàng-đế. Vua Thái-tôn sai tướng lên đánh bắt về Thăng-long, nhưng ngài lại tha cho về và cho cai-trị đất Quảng-nguyên. Được mấy năm Trí-Cao (1048) lại phản, rồi đem quân sang đánh phá bên Tàu. Quân nhà Tống đi đánh mãi mới trừ được Nông Trí-Cao. Từ đó vùng Cao-bằng mới yên.

Giặc Nông yên rồi, nhưng quân nhà Tống lại lăm-le muốn sang đánh nước Nam ta. Triều-đình nước ta thấy vậy, bèn sai ông Lý Thường-Kiệt đem quân sang đánh vùng Quảng-đông, Quảng-tây, chém giết quân Tàu rất nhiều (1075). Nhưng vì nước ta thế nhỏ quân ít, sợ đánh lâu không lợi, cho nên ông Lý Thường-Kiệt phải rút quân về. Triều-đình nhà Tống lấy điều

(1) lớn.

ấy làm căm tức, bèn sai tướng đem quân sang đánh nước Nam



Lý Thái-tôn đi đánh giặc Nông.

(1075), chiếm giữ cả vùng Lạng-sơn Cao-bằng bây giờ. Vua nhà Lý sai Lý Thường-Kiệt lên chống giữ ở vùng sông Cầu. Ông đặt ra bốn câu thơ sau này nói là của thần cho:

Nam quốc sơn-hà Nam-đế cư,
Tuyệt nhiên định phận tại thiên thư;
Như hà nghịch lộ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Quân lính nghe đọc mấy câu thơ ấy, ai nấy đều nức lòng đánh giặc, quân Tàu đánh lâu không tiến lên được, phải rút về. Vua nhà Tống thấy thế đánh nước ta không được, cũng cho giảng hòa và cho thông sứ như cũ.

Đời nhà Lý lại phải nhiều lần đi đánh nước Chiêm-thành. Vua Thái-tôn đã đi đánh phá được kinh-thành nước ấy và bắt được vương-phi về (1044). Đến đời vua Thánh-tôn lại ngự-giá đi đánh bắt được vua Chiêm-thành là Chế-Củ (1069). Chế-Củ xin dâng ba châu Địa-ly, Ma-linh và Bố-chính để chuộc tội. Ba châu ấy là đất Quảng-bình, Quảng-trị bây giờ. Đến đời vua Nhân-tôn,

ông Lý Thường-Kiệt lại phải đi đánh hai ba lần nữa, mới dẹp yên những châu của vua Chiêm-thành đã dâng ngày trước.

Toát-yếu. — Trong đời nhà Lý có những cuộc chiến-tranh to (1) hơn cả, là đánh giặc Nông, giặc nhà Tống và giặc Chiêm-thành.

Giặc họ Nông nổi lên ở miền Cao-bằng, sau sang đánh phá bên Tàu, quân Tàu phải đánh mãi mới trừ được.

Nhà Tống bên Tàu lại muốn đánh lấy nước Nam ta và gây nên cuộc đánh nhau trong mấy năm. Quân ta sang đánh Tàu (1075), rồi quân Tàu tràn sang nước ta, nhưng nhờ có ông Lý Thường-Kiệt có tướng tài, giữ cho quân Tàu không tiến lên được, phải rút về.

Quân nhà Lý lại đi đánh Chiêm-thành mấy lần lấy được đất Quảng-bình, Quảng-trị bây giờ.

Câu hỏi. — Giặc họ Nông nổi lên ở đâu? — Vua Thái-Tôn đánh giặc Nông làm sao? — Nông-Trí-Cao đánh Tàu thế nào? — Khi quân Tàu sang đánh nước ta, ông dùng kế gì mà chống giữ? — Nhà Lý lấy đất Chiêm-thành những châu nào?

6. — Cuối đời nhà Lý.

Lúc nhà Lý đang thịnh, thì các vua không những sửa-sang việc võ-bị, làm cho nước ta lúc ấy có đủ thế-lực mà đánh nước Tàu, dẹp nước Chiêm, mà lại lo mở-mang việc học, theo đạo thánh hiền. Vua Thánh-tôn (1034-1072) sai quan làm Văn-miếu thờ đức Khổng-tử và 72 tiên-hiền. Vua Nhân-tôn (1072-1127) mở khoa thi, để chọn lấy người tài giỏi ra làm quan. Nước Nam ta mở khoa thi khởi đầu từ đây. Vua Nhân-tôn lại lập Hàn-lâm-viện, bổ những người có văn-học vào làm việc viện ấy.

Nhưng về sau phải mấy ông vua như Thần-tôn, Anh-tôn, Cao-tôn, khi lên ngôi đều còn nhỏ tuổi cả, cho nên Triều-chính

(1) lớn.

đồ nát. Khi thì bà Thái-hậu muốn làm triều, cầm quyền chính-



Lý Chiêu-hoàng.

trị; khi thì kẻ quyền-thần chuyên chế, làm sự tàn bạo, và giết hại những người trung lương. May nhờ được mấy năm có ông Tô Hiến-Thành hết lòng lo việc nước, giúp vua Anh-tôn (1138-1175) và vua Cao-tôn (1175-1210) chinh-đốn việc quân binh, dẹp yên được giặc-giã. Nhưng sau khi ông mất rồi, vua Cao-tôn hoang chơi, bắt dân phải phục dịch khổ sở, bày tôi thì gian nịnh, chỉ những mua quan, bán tước, và làm những điều nhùng nhậm. Bởi vậy lòng người oán giận, giặc-giã nổi lên khắp mọi nơi. Quân sĩ phải đi đánh dẹp vất vả, mà nhà vua lại thường phạt không minh, chém giết những người có công. Quân sĩ tức giận nổi lên đánh phá kinh-thành, vua Cao-tôn và Thái-tử phải chạy đi trốn (1208).

Lúc ấy Thái-tử chạy về ở nhà họ Trần, ở vùng Nam-định bây giờ, rồi lấy con gái họ ấy. Sau nhờ thế lực họ Trần mới về khôi phục được kinh-đô. Thái-tử lên làm vua, tức là vua Huệ-tôn, tính khí nhu nhược và thường lại hay yếu đau, có khi say rượu nằm ngủ cả ngày, không thiết gì đến việc nước. Anh em họ Trần mới được chuyên giữ quyền bính.

Vua Huệ-tôn lại nghe lời Trần Thủ-Độ, bỏ đi tu, nhường ngôi cho bà công-chúa mới lên 7 tuổi, tức là bà Chiêu-hoàng. Bà Chiêu-hoàng lên làm vua được mấy tháng, thì lấy ông Trần Cảnh là cháu họ ông Trần Thủ-Độ, rồi truyền ngôi cho chồng. Nhà Lý làm vua được 216 năm truyền được 8 đời thì mất.

Toát-yếu. — Nhà Lý sửa-sang việc võ-bị làm cho nước được cường thịnh và mở-mang việc học-hành. Làm văn-miếu thờ đức Khổng-tử, mở khoa thi chọn lấy người tài giỏi ra làm quan.

Về sau, vua thì trẻ tuổi, không lo được việc nước. Quan thì không có mấy người trung-thành chỉ làm những điều tham nhũng. Được mấy năm nhờ có ông Tô Hiến-Thành là người trung-nghĩa giúp-rập, việc nước được yên. Nhưng sau khi ông mất rồi, vua Cao-tôn hoang chơi, làm mất lòng người, và lại nghe lời gian nịnh, chém giết tướng-sĩ, khiến cho đất kinh-thành có loạn. vua phải chạy trốn. Họ Trần nhờ có cơ-hội này được chiếm giữ binh quyền.

Vua Huệ-tôn nhu nhược, nghe lời Trần Thủ-Độ, nhường ngôi cho công-chúa là bà Chiêu-hoàng. Bà Chiêu-hoàng truyền ngôi cho chồng là ông Trần Cảnh. Nhà Lý làm vua được 216 năm, truyền được 8 đời.

Câu hỏi. — Đời nhà Lý việc võ-bị làm sao? — Việc văn-học thế nào? — Cuối đời nhà Lý tình-thế trong nước thế nào? — Ông Tô Hiến-Thành giúp những vua nào? — Vua Cao-tôn trị nước làm sao? — Tại sao vua Cao-tôn phải bỏ kinh-đô mà chạy? — Thái-tử chạy đến ở nhà ai? — Tại làm sao anh em họ Trần được giữ binh quyền? — Tại làm sao vua Huệ-tôn lại nhường ngôi cho bà Chiêu-boàng? — Bà Chiêu-hoàng truyền ngôi cho ai? — Nhà Lý làm vua được bao lâu?

7. — Nhà Trần.

(1225-1400).

Ông Trần Cảnh lấy bà Chiêu-hoàng, rồi được vợ truyền ngôi cho, lên làm vua (1225) tức là vua Thái-tôn.

Vua Thái-tôn khi lên ngôi mới có 8 tuổi. Việc triều-chính ở cả Trần Thủ-Độ quyết đoán. Lúc ấy lại có nhiều

giặc-giã nổi lên, người xưng đế, kẻ xưng vương, đề chống với nhà Trần. Ở vùng Hải-dương thì có Đoàn Thượng, ở vùng Bắc-ninh thì có Nguyễn-Nộn, ở vùng Sơn-lây thì có giặc mường. Trần Thủ-Độ phải trù tính sự đánh dẹp đến ba bốn năm mới yên.

Khi trong nước đã yên cả rồi, Trần Thủ-Độ giúp vua Thái-tôn sửa đổi mọi việc. Định lại các thứ thuế, như thuế thân, thuế ruộng, thuế các hàng hóa. Đặt quan coi việc đề-diều để phòng giữ cho khỏi sự lụt ngập. Mở mang sự học hành, đặt ra khoa thi tam giáo là: Nho, Thích và Lão, và phân ra khoa giáp, khoa át, đề định trên dưới. Lại mở khoa thi Đình để lấy Trạng-nguyên, Bảng-nhơn, Thám-hoa.

Vua tôi nhà Trần lại hết lòng lo sửa-sang việc võ-bị, bắt những người trai-tráng trong nước ai cũng phải đi lính, và bắt các vương hầu phải chuyên cần luyện tập quân sĩ, đề phòng khi có

sự chiến-tranh. Hễ ở đâu có giặc, thì vua ngự-giá thân-chinh đi đánh. Bởi vậy cho nên quân-thể nhà Trần thuở ấy rất mạnh, trong có thể giữ cho dân gian được yên ổn mà lam ăn, ngoài có thể chống với kẻ cường-địch như quân Mông-cô.

Toát-yếu. — Ông Trần-Cảnh được vợ truyền ngôi cho lên làm vua (1228), tức là vua Trần Thái-tôn.



Vua Trần Thái-tôn.

Công việc trong nước lúc ấy ở Trần Thủ-Độ quyết đoán cả. Trần Thủ-Độ giúp vua Thái-tôn dẹp yên giặc-giã và sửa đổi mọi việc chính-trị. Mở-mang sự học-hành và chỉnh-đốn việc võ-bị, bắt trai-tráng trong nước ai cũng phải đi lính, và bắt các vương hầu phải luyện tập sĩ tốt. Bởi vậy quân-thể nhà Trần lúc ấy rất mạnh.

Câu hỏi. — Nhân có cơ-hội gì mà ông Trần-Cảnh được lên làm vua ? — Trong đời vua Thái-tôn công việc trong nước ở người nào quyết đoán ? — Việc học-hành lúc ấy thế nào ? — Việc võ-bị thế nào ? — Quân-thể nước ta lúc ấy thế nào ?

8. — Sự chiến-tranh đời nhà Trần.

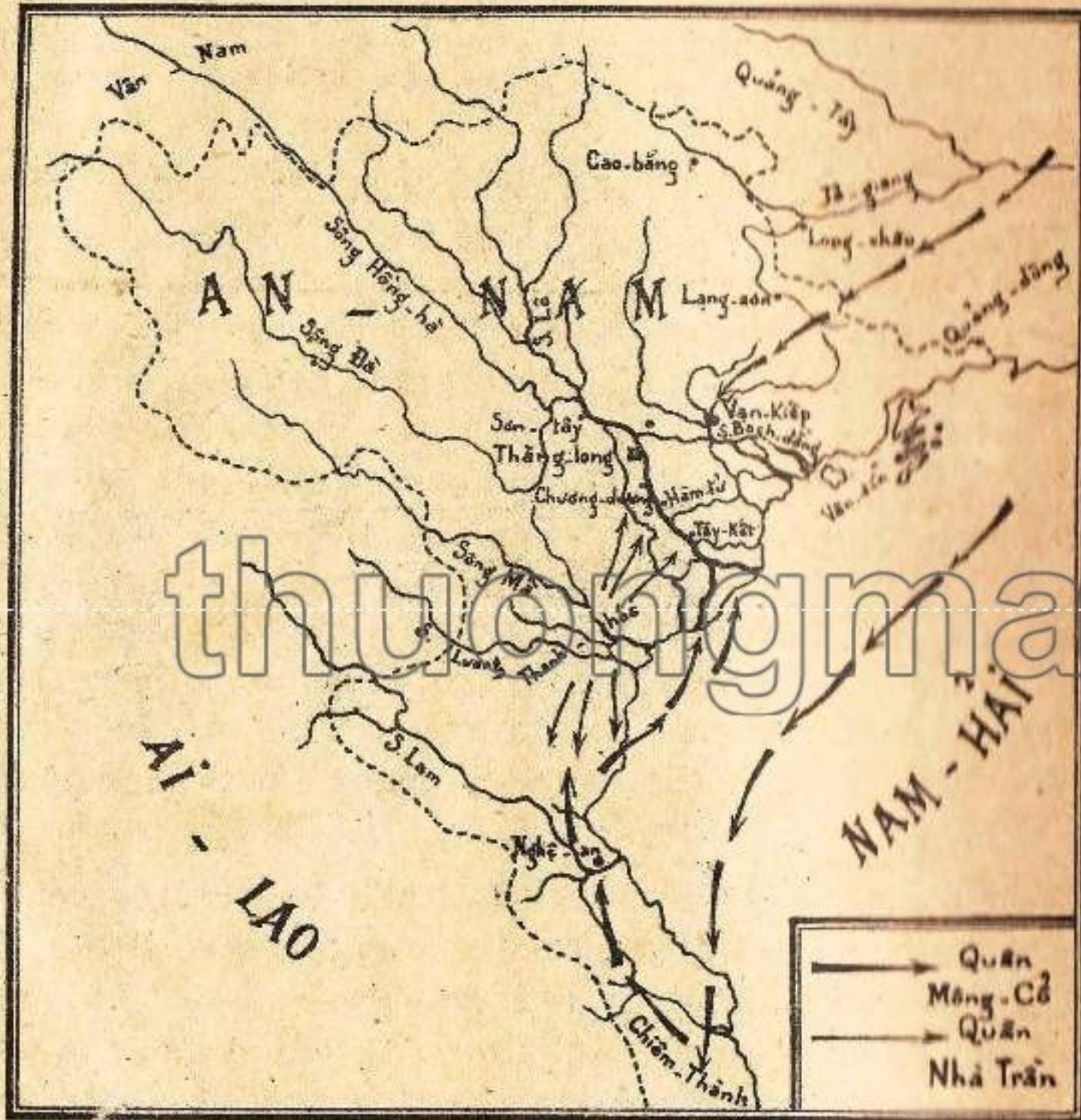
Đời nhà Trần có sự chiến-tranh với các nước lân-bang như đánh Ai-lao, Chiêm-thành và chống với quân nhà Nguyên bên Tàu.

Ai-lao là nước nhỏ ở phía tây-nam, thường hay sang cướp phá ở vùng Thanh-hóa, Nghệ-an, vua nhà Trần sai ông Phạm Ngũ-Lão đi đánh mấy lần, sau vua phải ngự-giá thân-chinh mới dẹp yên được. Nước Chiêm-thành thì trước vẫn thần phục nhà Trần. Đến năm 1306 vua nước ấy lại đem dâng cho vua nhà Trần châu Ô và châu Ri, tức là đất Thừa-thiên bây giờ, để lấy bà Huyền-trần công-chúa. Sau người Chiêm-thành phản trắc, muốn lấy lại những châu ấy, gây thành sự chiến-tranh trong bao nhiêu năm trời.

Song những cuộc chiến-tranh ấy là việc ngoài biên, không kịch liệt bằng việc đánh nhau với quân Mông-cô.

Khi nhà Trần mới lên làm vua ở nước Nam ta, thì quân Mông-cô ở phía bắc xuống đánh lấy nước Tàu. Hiện ngay đời vua Thái-tôn nhà Trần đã có một toán quân Mông-cô đi đánh Vân-nam rồi tràn sang nước ta, xuống cướp phá kinh-thành Thăng-long (1257). Lúc ấy nhờ có bọn ông Trần Thủ-Độ đánh đuổi đi được.

Đến đời vua Nhân-tôn nhà Trần vua Mông-cổ đã lấy được cả nước Tàu, đổi quốc-hiệu là Nguyên và muốn bắt vua nước



Địa-đồ nước Nam khi nhà Trần đánh quân Mông-cổ.

Nam ta sang triều cống. Vua ta không chịu. Năm 1284 vua nhà Nguyên sai Thái-tử là Thoát-Hoan cùng với bọn Toa-Đô và Ô-Mã-Nhi đem quân thủy bộ sang đánh nước ta.

Thuở ấy trong nước Nam ta tự vua quan cho đến dân sự ai nấy đều nức lòng đánh giặc, vua bên sai Hưng-đạo-vương là ông

Trần-Quốc-Tuấn làm Tiết-chế, đem quân đi chống giữ các nơi. Buổi đầu quân ta thua to ⁽¹⁾, bị quân Mông-cổ đuổi đánh lấy mất thành Thăng-long. Vua nhà Trần và Triều-đình chạy cả về Thanh-hóa.

Hưng-đạo-vương về Thanh-hóa thu xếp binh lương, chỉ trong mấy tháng lại ra Bắc, đánh chém được tướng Mông-cổ là Toa-Đô ở bến Tây-kiết và phá được quân của Thoát-Hoan ở Vạn-kiếp (1285). Quân Mông-cổ chạy cả về Tàu.

Cách hai năm sau, vua nhà Nguyên lại sai Thoát-Hoan đem quân sang đánh báo thù. Lần này thế giặc tuy mạnh, nhưng tướng sĩ của ta đã quen sự chiến đấu, và ai nấy cũng hết lòng vì nước, cho nên quân giặc không được đắc chí như lần trước. Bao nhiêu những chỗ hiểm yếu đều có quân ta đóng giữ, giặc thấy đánh lâu không lợi, định rút ⁽²⁾ về. Khi thủy-quân của giặc đi đến sông Bạch-đăng, bị Hưng-đạo-vương đem đại-binh đến đón đánh một trận rất dữ, bắt được tướng Ô-Mã-Nhi và chém giết được quân giặc rất nhiều (1288). Thoát-Hoan được tin bại trận ấy, liền bỏ chạy về Tàu.

Vua Mông-cổ thấy đánh nước ta không được, lại cho thông sứ như cũ. Từ đó giặc ấy mới yên.

Toát-yếu. — Trong đời nhà Trần có sự chiến-tranh với nước Ai-lao và nước Chiêm-thành, nhưng không kịch liệt bằng sự đánh nhau với quân nhà Nguyên bên Tàu.

Vua nhà Nguyên sai Thoát-Hoan sang đánh nước Nam ta hai lần. Lần trước bị Hưng-đạo-vương Trần Quốc-Tuấn phá ở Vạn-kiếp (1285). Lần sau bị phá ở Bạch-đăng-giang (1288).

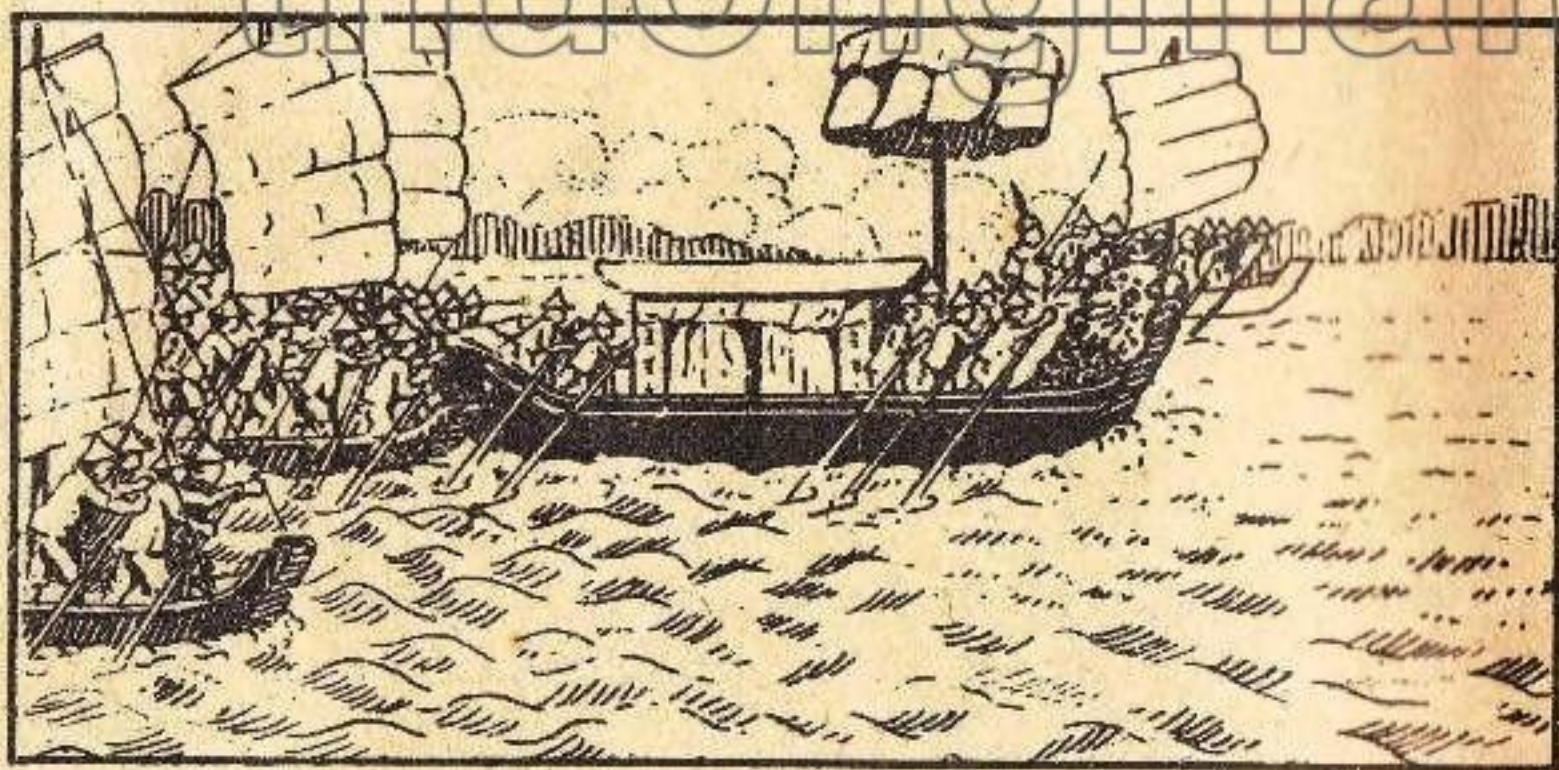
Câu hỏi. — Nhà Trần đánh nhau với những nước nào? — Tại làm sao nước ta đánh nước Ai-lao? — Tại làm sao có sự chiến-tranh với nước Chiêm-thành? — Mông-cổ là người ở xứ nào? — Thoát-Hoan sang đánh ta mấy lần? — Vua nhà Trần sai ai làm tướng đánh quân Mông-cổ? — Hưng-đạo-vương phá quân Mông-cổ ở những trận nào?

(1) lằm — (2) lui.

9. — Cuối đời nhà Trần.

Nhà Trần kể từ vua Hiến-tôn (1329-1341) về trước, thì rất là cường-thịnh, không những là việc võ-công rực-rỡ, mà việc văn-học cũng vẻ-vang lắm. Trong đời vua Thánh-tôn (1258-1278) có ông Bàng-nhữn Lê Văn-Hưu làm xong bộ Đại-Việt-sử-ký, là bộ sử đầu tiên của nước ta. Đến đời vua Nhân-tôn (1279-1293) có ông Nguyễn-Thuyên khởi đầu dùng chữ nôm mà làm thơ phú. Thuở ấy lại có những người nho-học như ông Mạc-Đĩnh-Chi, Trương-Hán-Siêu, Nguyễn-Trung-Ngạn, Đoàn-Nhữ-Hải và Chu-Văn-An đều là người học rộng tài cao, danh tiếng còn truyền đến đời nay.

Từ đời vua Dụ-tôn (1341-1369) trở về sau, thì việc chính-trị suy kém. Vua thì hoang chơi, không lo đến việc nước, các quan thì không có ai là người tài giỏi, có thể giúp nước yên dân được. Kể đến vua Nghệ-tôn lên ngôi, lại hôn-ám nhu-nhược hơn nữa. Việc triều-chính càng đổ nát thêm, mà chỗ dân gian thì đói



Vua Chế-Bồng-Nga sang đánh Thăng-long.

khô, giặc cướp nổi lên quấy nhiễu khắp mọi nơi. Tình-cảnh trong nước đã rối loạn, giặc Chiêm-thành lại vào đánh phá luôn.

Thuở ấy vua nước Chiêm-thành là Chế-Bồng-Nga là một ông vua anh hùng, định chí đánh nước Nam để báo thù, cho nên hết sức luyện tập quân lính, sửa đổi binh pháp, rồi đem quân sang cướp phá bên nước ta. Vua quan nhà Trần đi đánh mấy lần, đều bị bại vong cả. Vua Chế-Bồng-Nga thừa thế mới đem quân sang đánh đến thành Thăng-long (1388). Vua nhà Trần phải bỏ kinh-thành mà chạy. Từ đó không năm nào là năm không có cái vạ giặc Chiêm-thành, mãi đến năm 1390 Chế-Bồng-Nga đem quân vào sông Hồng-hà, định lên đánh Thăng-long, bị tướng nhà Trần bắn chết. Từ đó giặc Chiêm-thành mới yên.

Ngoài thì bị giặc Chiêm-thành vào (tới) đánh phá như thế (1), trong thì vua Nghệ-tôn ủy thác mọi việc cho một người ngoại-thích là Lê Quý-Ly. Vua tin dùng Lê Quý-Ly đến nỗi nó bảo gì vua cũng làm, nó bảo giết ai, vua cũng giết. Có khi vua nghe Lê Quý-Ly đem giết cả con cháu. Bởi vậy quyền thế của Lê Quý-Ly càng ngày càng mạnh, vây cánh càng ngày càng to (2). Đến khi vua Nghệ-tôn mất, thế lực nhà Trần không còn gì nữa. Lê Quý-Ly định cướp ngôi nhà Trần, bèn dời đô vào Tây-đô trong Thanh-hóa, rồi bắt vua phải nhường ngôi cho mình (1400).

Nhà Trần làm vua được 175 năm, truyền được 12 đời thì mất.

Toát-yếu. — Đời nhà Trần từ vua Hiến-tôn về trước, thì rất cường thịnh (3). Việc văn học cũng vẻ vang lắm.

Ông Lê Văn-Hưu làm bộ Đại-Việt-sử-ký là bộ sử đầu tiên của nước ta. Ông Nguyễn-Thuyên khởi đầu dùng chữ nôm làm thơ phú. Ông Mạc Đĩnh-Chi, Trương Hán-Siêu, Nguyễn Trung-Ngạn, Đoàn Nhữ-Hải và Chu Văn-An là những bậc danh-nho của nước ta đời bấy giờ.

Từ vua Dụ-tôn về sau, thì chính-trị nước ta suy hèn. Vua Dụ-tôn thì hoang chơi, không lo việc nước, vua Nghệ-tôn thì hôn-

(1) vậy — (2) lớn — (3) thanh.

âm nhu-nhược. Ngoài thì có giặc Chiêm-thành đánh phá đến mười mấy năm, trong thì có Lê Quý-Ly chuyên quyền chém giết cả những người trung-lương. Đến khi thế lực nhà Trần không còn gì nữa, Lê Quý-Ly mới dời đô vào Tây-đô trong Thanh-hóa và cướp ngôi nhà Trần.

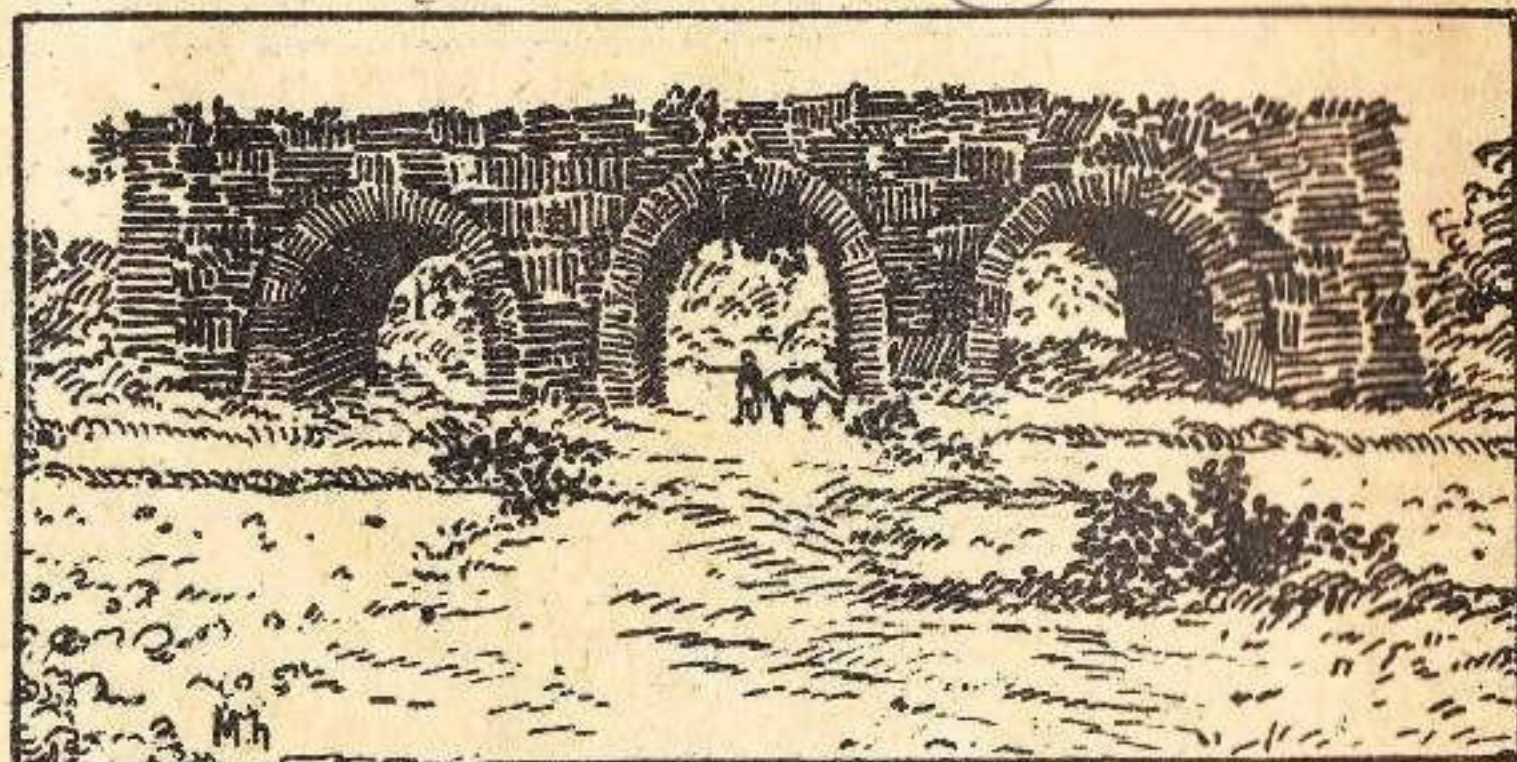
Nhà Trần làm vua được 175 năm, truyền được 12 đời.

Câu hỏi. — Việc văn học về đời nhà Trần thế nào? — Danh-nho nhà Trần có những ai? — Vua Nghệ-tôn là người thế nào? — Về cuối đời nhà Trần có giặc nước nào sang đánh nước ta? — Chê-Bồng-Nga đánh nước ta bao nhiêu lâu? — Vua Nghệ-tôn tin dùng Lê Quý-Ly thế nào? — Khi Nghệ-tôn mất rồi Lê Quý-Ly làm thế nào để cướp ngôi nhà Trần? — Nhà Trần làm vua được bao lâu?

10. — Nhà Hồ.

(1400-1407).

Lê Quý-Ly cướp được ngôi nhà Trần rồi, đổi họ là Hồ và



Thành nhà Hồ.

đổi quốc-hiệu là Đại-ngu, đóng đô ở Tây-giai thuộc Thanh-hóa, gọi là Tây-đô.

Quý-Ly làm vua có non một năm, rồi bắt chước lối các vua nhà Trần nhường ngôi lại cho con là Hồ Hán-Thương và giữ ngôi Thái-thượng-hoàng-để cùng coi việc nước.

Nhà Hồ sửa đổi mọi việc chính-trị, bắt làm lại sổ đinh, sổ điền, hể người trong nước từ hai tuổi trở lên là phải khai, đề biên tên vào sổ; định các ngạch thuế ruộng và thuế thuyền⁽¹⁾ buôn; đặt ra các thứ tiền giấy để tiêu thay tiền bạc thật. Nhà Hồ chú ý về việc võ-bị hơn cả, vì còn sợ nhà Minh bên Tàu, chưa biết cuộc chiến hay hòa ra thế nào⁽²⁾. Vậy nên vua nhà Hồ lo luyện tập quân lính và làm những chiến thuyền rất nhiều, đề phòng khi có việc chiến-tranh. Nhân có binh lực sẵn-sàng, nhà Hồ sai tướng (1402) vào đánh Chiêm-thành lấy đất Chiêm-động và đất Cồ-luy là đất Quảng-nam và Quảng-nghia bây giờ, rồi đem người mình vào mở-mang những đất ấy.

Trong lúc đó con cháu nhà Trần sang cầu cứu bên Tàu, vua nhà Minh muốn nhân cơ-hội ấy để sang đánh lấy nước Nam, bèn sai bọn Trương-Phụ đem quân sang giả danh đi đánh kẻ nghịch-thần để giúp nhà Trần. Vua nhà Hồ sai tướng đi giữ các nơi, nhưng vì trong nước có nhiều người không phục, bỏ theo quân Tàu, để đánh lại nhà Hồ. Vì vậy quân nhà Hồ chỗ nào cũng không giữ được, phải bỏ chạy cả. Quân của bọn Trương-Phụ vào đánh lấy Tây-đô và đuổi bắt được cha con nhà Hồ, đem về bên Tàu trị tội.

Nhà Hồ làm vua được 6 năm. Đến năm 1407 thì bị nhà Minh sang đánh lấy mất nước, rồi chia ra làm quận huyện của Tàu.

Toát-yếu. — Lê Quý-Ly lên làm vua đổi họ là Hồ và đổi quốc-hiệu là Đại-ngu, đóng đô ở Tây-đô.

Nhà Hồ sửa đổi mọi việc chính-trị, chỉnh-đốn việc võ-bị, đánh Chiêm-thành lấy đất Quảng-nam Quảng-nghia bây giờ. Sau bị quân nhà Minh sang đánh lấy mất nước.

Nhà Hồ làm vua được 6 năm thì mất.

(1) ghe — (2) làm sao.

Câu hỏi. — Nhà Hồ đổi quốc-hiệu là gì ? — Đóng đô ở đâu ? — Nhà Hồ làm những công việc gì ? — Nhà Hồ đánh Chiêm-thành lấy được đất nào ? — Nhà Minh lấy cớ gì sang đánh nước ta ? — Cha con nhà Hồ bị làm sao ? — Nhà Hồ làm vua được bao lâu ?

11. — Thuộc nhà Minh. (1407-1427).

Tướng nhà Minh là bọn Trương-Phụ trước thì nói sang đánh nhà Hồ để báo thù cho nhà Trần. Đến khi bắt được cha con họ Hồ và lấy được nước ta rồi, nói dối rằng con cháu nhà Trần không còn ai nữa, đem chia nước Nam ra làm quận huyện, đặt quan cai-trị các nơi.

Lúc ấy con cháu nhà Trần biết là người Tàu dối mình, mới nổi lên, tìm kế đánh quân Tàu, để lo sự khôi phục. Các quan cựu-thần và các người nghĩa-khí trong nước theo giúp cũng nhiều, cho nên nhà Hậu-Trần lại dấy lên và đã lấy được tự Thanh-hóa trở vào. Nhưng vì thế quân Tàu thì mạnh mà vua tôi nhà Hậu-Trần lại không đồng lòng, đồng ý với nhau, đem chém giết lẫn-nhau, cho nên chẳng được bao lâu lại bị quân Tàu phá tan cả.

Quân nhà Minh dẹp yên cả mọi nơi rồi, lo sửa đổi việc chính-trị trong nước. Phàm luật lệ suu



Trương-Phụ

dịch, thuế-má, cho chí cách ăn-mặc, việc cúng-tế, bất cứ điều gì cũng bắt người mình đổi theo như người Tàu cả. Vua nhà Minh lại sai quan đem sách vở bên Tàu sang dạy người mình, và ở nước mình có những sách vở gì thì nhật-nhạnh (lặt-lạnh) đem cả về Tàu. Cách cai-trị như thế đã là độc ác lắm, mà bọn quan Tàu như Lý-Bân và Mã-Kỳ lại tham những đủ điều, vơ vét của dân, bắt dân đi tìm ngà voi, sừng tê⁽¹⁾ trên rừng, hoặc đi mò ngọc trai dưới biển. Bởi vậy lòng oán giận càng ngày càng thêm ra, ai cũng mong đánh đuổi người Tàu đi. Cũng vì vậy cho nên nhà Minh cai-trị nước ta cả thấy được hai mươi năm, thì bị nhà Lê nổi lên đánh đuổi đi.

Toát-yếu. — Quân nhà Minh sang đánh được nhà Hồ, rồi chiếm giữ lấy nước Nam.

Con cháu nhà Trần nổi lên lo sự khôi-phục, nhưng vì thế lực không đủ, cho nên không thành công được.

Nhà Minh bắt người mình theo luật-lệ phong-tục Tàu, bắt đổi y phục, chịu sưu dịch như người Tàu. Quan nhà Minh thì tham những vơ vét của dân, làm lắm điều tàn ác. Bởi vậy lòng người oán giận, cho nên cuộc cai-trị của nhà Minh được có 20 năm thì thôi.

Câu hỏi. — Quân nhà Minh đánh được nhà Hồ rồi làm thế nào ? — Tại sao nhà Hậu-Trần không khôi phục được nghiệp cũ ? — Nhà Minh cai-trị nước mình thế nào ? — Quan nhà Minh thế nào ? — Nước ta thuộc nhà Minh được bao lâu ?

12. — Ông Lê-Lợi khởi nghĩa đánh quân nhà Minh (1418-1427).

Từ khi nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần, rồi bị nhà Minh bên

(1) têy.

Tàu sang cai-trị, dân tình khổ sở, ai cũng có lòng oán giận. Thuở ấy ở đất Lam-sơn thuộc Thanh-hóa có một người tên là Lê Lợi, làm nghề cày ruộng, và lại có chí lớn, muốn dẹp loạn yên dân. Ông chiêu mộ những kẻ hào-kiệt, rồi đến năm 1418 kéo cờ nghĩa xưng là Bình-định-vương, đem quân đi đánh quân Tàu.



Địa-dồ nước Nam khi Lê-Lợi đánh quân Tàu.

Buổi đầu, quân ít thế kém, vương cứ phải ẩn nấp ở miền thượng-du đất Thanh-hóa. Lắm khi vương đánh thua, chạy vào

rừng, phải nhịn đói nhịn khát thật là khổ-sở. Tuy vậy không lúc nào vương ngã lòng nản chí, mà các tướng sĩ ai cũng dốc một lòng phò tá cho thành nghiệp lớn. Bởi vậy thế lực của vương mỗi ngày một mạnh thêm ra. Vương bèn đem quân vào đánh lấy vùng Nghệ-an và vùng Thuận-hóa tức là đất Quảng-bình, Quảng-trị, Thừa-thiên và Quảng-nam bây giờ, rồi dần dần (1) ra đánh Thanh-hóa và đánh Bắc-kỳ. Quân nhà Minh lúc ấy thua to, và bị vây ở cả mọi nơi. Vua nhà Minh sai Vương-Thông đem quân sang cứu viện (1426).

Wương-Thông sang đánh một trận ở Tuy-động, vùng Mỹ-đức tỉnh Hà-đông bây giờ, quân Tàu thua chạy về giữ Đông-quan, tức là Hà-nội ngày nay. Bình-định-vương một mặt chia quân đi vây thành Đông-quan, một mặt sai các tướng đi đánh lấy các nơi. Quân ta đi đến đâu dân sự mừng-rỡ, đem trâu bò và rượu xôi ra đón rước, vây nên chỉ trong mấy tháng mà lấy lại gần hết được cả đất Bắc-kỳ.

Quân của Bình-định-vương tuy thắng trận ở các nơi, nhưng quân nhà Minh hãy còn ở trong thành Đông-quan, mà bên Tàu lại cho Liễu-Thăng đem toán quân khác sang cứu. Bình-định-vương liền sai các tướng đem quân lên phục ở gần cửa Chi-lăng (thuộc Lạng-sơn). Khi quân của Liễu-Thăng sang đến đấy (2), bị quân ta đỡ ra đánh, chém được Liễu-Thăng ở trận tiền và phá tan được quân Tàu (1427).

Bọn Vương-Thông được tin quân cứu-viện đã thua rồi, liền xin hàng cả. Thế là trong mười năm trời, ông Lê-Lợi quét sạch bờ cõi, thu phục giang sơn lại như cũ, và lập ra cơ nghiệp nhà Lê vậy.

Toát-yếu. — Ông Lê-Lợi khởi nghĩa đánh nhà Minh, xưng là Bình-định-vương.

Lúc đầu đánh ở vùng thượng-du đất Thanh-hóa, sau vào lấy Nghệ-an và Thuận-hóa, rồi ra đánh lấy Thanh-hóa và Bắc-kỳ.

(1) lần lần (2) đó.

Tướng nhà Minh là Vương-Thông bị thua ở trận Tuy-dộng rồi bị vây ở trong thành Đông-quan. Liễu-Thăng đem quân sang cứu-viện, bị chém ở trận Chi-lăng (1427). Quân Tàu ở các nơi đều xin hàng cả.

Ông Lê-Lợi lên làm vua lập ra cơ-nghiệp nhà Lê.

Câu hỏi. — Ông Lê-Lợi khởi quân từ đâu? — Lúc đầu ông đánh nhau với quân Tàu ở chỗ nào? — Thê lực của ông lúc đầu thế nào? — Ông đánh lấy những chỗ nào rồi mới ra đánh Bắc-kỳ? — Quân Vương-Thông thua ở trận nào? — Quân của ông Lê-Lợi chém được Liễu-Thăng ở đâu? — Sau trận Chi-lăng thê lực của ông Lê-Lợi thế nào?

13. — Nhà Lê.

(1428-1788).

Ông Lê-Lợi đánh phá được quân nhà Minh rồi, lên làm



Thành Đồ-bàn.

vua (1428), tức là vua Thái-tổ nhà Lê, và đổi quốc-hiệu là Đại-Việt.

Vua Thái-tổ đã dựng xong nghiệp lớn, nhưng còn phải lo

việc giao-thiệp với nhà Minh bên Tàu cho thành cuộc hòa-bình. Ngài bèn sai sứ sang Tàu điều-định việc giảng hòa và việc cầu phong, xin cử ba năm sang cống một lần.

Ở trong nước, thì ngài sửa đổi lại việc cai-trị, mở-mang sự học-hành. Ngài lại thấy có nhiều người nghèo khổ, ruộng đất không có, ngài bèn định phép « quân điền » lấy công điền, công thổ mà chia cho mọi người. Từ quan đại-thần cho chí những người già yếu, cô quả, ai cũng có một phần ruộng, khiến cho sự giàu nghèo trong nước không chênh-lệch lắm.

Sau vua Thái-tổ, cách hai đời vua nữa, có vua Thái-tôn (1460-1497) là một ông anh-quân, chăm lo việc nước và xếp đặt mọi việc, làm cho nước Nam ta thành một nước cường thịnh, tưởng từ xưa chưa bao giờ hơn được. Ngài định lại quan-chế, sửa đổi pháp luật. Ngài chú ý về việc khuyến dân cấy ruộng trồng dâu, mở ra hơn 40 sở đồn-điền, đặt quan coi riêng về việc khai khẩn đất hoang. Lập ra nhà Tế-sinh để nuôi những kẻ già yếu và những người ốm đau. Mở rộng nhà Thái-học để cho học-trò vào ⁽¹⁾ ăn ở đây ⁽²⁾ mà học. Dựng nhà thư-viện để chứa những sách-vở xưa nay, và đặt ra 24 điều dạy để phát ra các thôn xã khuyến dân giữ lấy thói tốt.

Vua Thánh-tôn chăm lo việc trị nước yên dân, và vẫn không bỏ trễ việc võ-bị. Ngài bắt các quan phải chăm việc luyện tập quân sĩ, và giữ gìn kỷ-luật rất nghiêm. Khi quân Lào sang quấy nhiễu ở biên-thùy ngài sai quân đi đánh dẹp, rồi đặt ra phủ Trấn-ninh, tức là tỉnh Trấn-ninh nước Lào bây giờ.

Ngài lại ngự giá đi đánh Chiêm-thành (1479), bắt được vua nước ấy và lấy được thành Đồ-bàn, ở tỉnh Bình-định ngày nay.

Trong đời ngài làm vua thì việc văn-trị và võ-công rất là rực-rỡ, nhưng về sau các con cháu ngài, có nhiều ông hoang dâm vô độ, bỏ trễ việc nước, đến nỗi giặc cướp lại nổi lên,

(1) vô — (2) đó.

tướng sĩ làm loạn, vậy nên nhà Mạc mới có cơ-hội mà cướp ngôi nhà Lê, và gây nên cái mối loạn Nam Bắc phân tranh.

Toát-yếu. — Vua Thái-tổ lập ra cơ nghiệp nhà Lê. Ngài sửa đổi việc cai-trị và định lại phép « quân điền ».

Vua Thánh-tôn (1460-1497) xếp đặt mọi việc trong nước, đặt luật phép, định quan-chế, khuyến sự canh nông, mở-mang sự học-hành. Ngài đánh Lào, đặt ra phủ Trấn-ninh, đánh Chiêm-thành lấy đất Bình-định.

Vì các vua nhà Lê về sau hoang dâm vô độ, bỏ trễ việc nước, cho nên nhà Mạc mới cướp ngôi nhà Lê, gây nên cuộc Nam Bắc phân tranh.

Câu hỏi. — Vua Thái-tổ điều-đinh việc giảng hòa với nước Tàu làm sao ? — Ngài sửa-sang những việc gì trong nước ? — Vua Thánh-tôn là ông vua thế nào ? — Ngài làm những việc gì ? — Ngài đánh Ai-lao lấy chỗ nào ? — Đánh Chiêm-thành lấy chỗ nào ? — Tại làm sao nhà Mạc cướp được ngôi nhà Lê ?

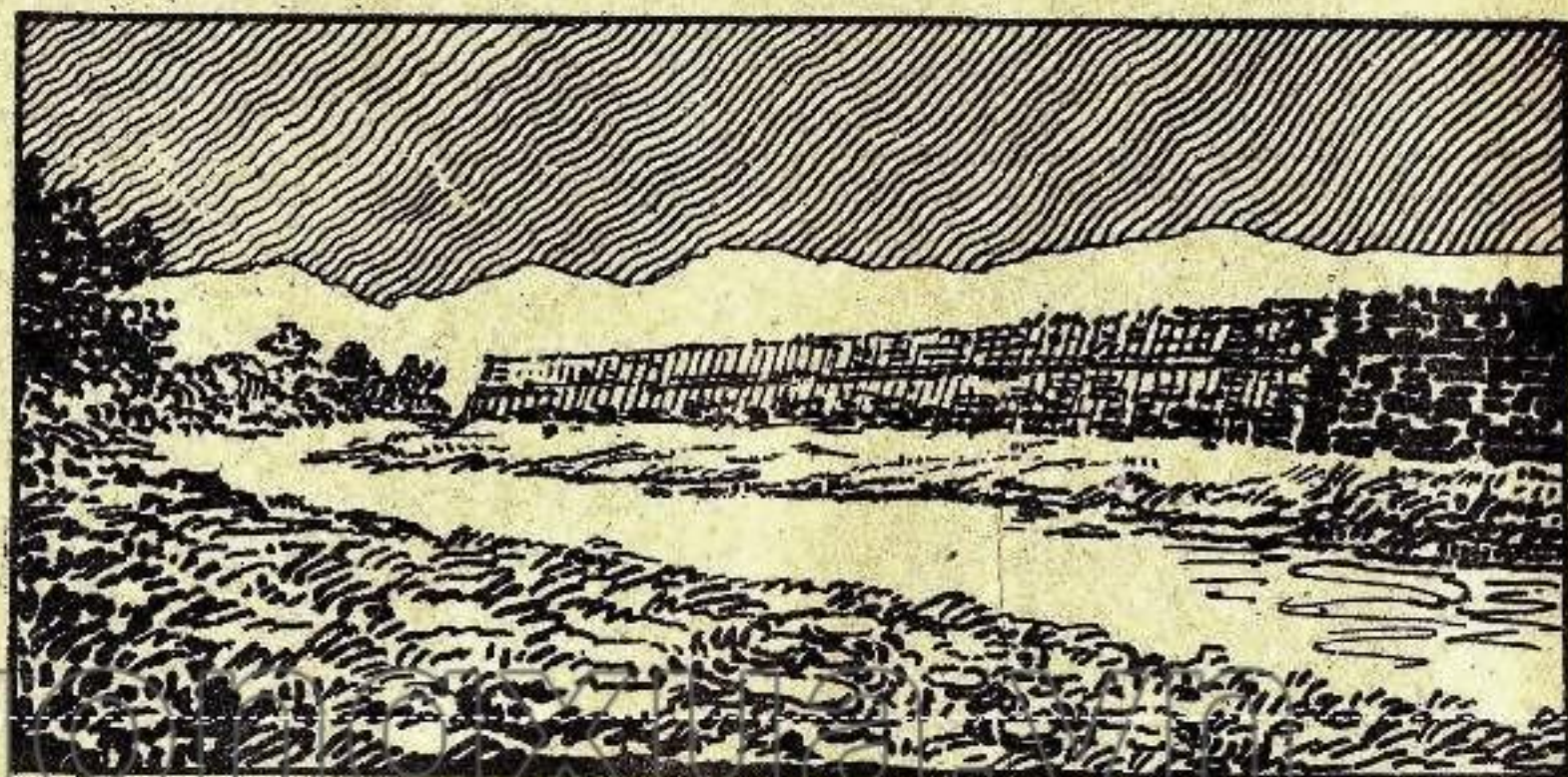
CHƯƠNG IV. — NAM BẮC PHÂN TRANH THỜI-ĐẠI

1. — Nhà Mạc. (1527-1592).

Nhà Lê làm vua đến đời vua Túc-tôn và vua Tương-dực thì chính-trị trong nước suy đồi. Vua thì hoang chơi, tàn bạo, không lo gì đến việc nước, các tướng-sĩ thì kiêu-hãnh, không chịu theo kỷ-luật, người nọ đánh cướp người kia. Ở ngoài dân gian, thì đói khổ, giặc cướp đánh phá, có khi vua phải bỏ kinh-thành mà chạy.

Lúc ấy có Mạc-Đặng-Dung, làm nghề đánh cá ở đất Hải-dương, vì có sức khỏe được đậu võ-sĩ, vào làm quan trong triều. Vua tin dùng cho giữ binh quyền. Đến khi có giặc vào đánh

phá kinh-thành, Đặng-Dung có công đánh đuổi được giặc. Vậy nên uy quyền càng ngày càng mạnh, vậy cánh càng ngày càng đông. Được ít lâu Đặng-Dung giết vua đi, cướp lấy ngôi nhà Lê, lập ra nhà Mạc (1527).



Thành nhà Mạc.

Mạc Đặng-Dung làm vua, nhưng sợ quân Tàu sang đánh, bèn sai quan đem tiền bạc sang đút lót với quan Tàu, nói dối rằng con cháu nhà Lê không còn ai nữa, cho nên nhà Mạc phải lên thay vì trị nước. Quan Tàu được tiền của họ Mạc rồi, dưng⁽¹⁾ xin vua Tàu phong cho Mạc Đặng-Dung làm vua nước Nam.

Nhà Mạc đã cướp ngôi nhà Lê, nhưng vẫn giữ phép tắc và luật-lệ của nhà Lê như cũ, không biến cải điều gì cả. Tuy vậy người trong nước vẫn nhớ nhà Lê, và các quan cựu-thần lại đi tìm con cháu nhà Lê mà lập lên, để chống với nhà Mạc. Chẳng bao lâu nhà Lê lại trung-hung lên, chiếm giữ được từ Thanh-hóa trở vào, lập ra một triều-đình ở trong ấy. Từ đó nước ta tự Thanh-hóa trở ra bắc, thì thuộc về nhà Mạc, tự Thanh-hóa trở vào nam, thì thuộc về nhà Lê.

(1) dưng.

Nhà Lê nhờ có họ Trịnh giúp rập, đánh nhau với nhà Mạc hơn 50 năm trời mới lấy lại được đất Bắc-kỳ.

Toát-yếu. — Nhà Lê làm vua đến đời vua Túc-tôn và vua Tương-dực, thì việc triều-chính đổ nát, trong nước loạn-lạc.

Mạc Đăng-Dung mới nhân có cơ-hội ấy mà cướp ngôi nhà Lê.

Nhà Mạc làm vua được mấy năm, thì các quan cựu-thần lại giúp con cháu nhà Lê trung-hưng lên, chiếm giữ lấy tự đất Thanh-hóa trở vào, lập ra một triều-đình riêng.

Tự đó nước ta chia ra Lê-triều từ Thanh-hóa trở vào, Mạc-triều từ Thanh-hóa trở ra. Hai bên đánh nhau hơn 50 năm, nhà Lê mới dứt được nhà Mạc.

Câu hỏi. — Đến đời vua Túc-tôn và vua Tương-dực thì chính-trị nhà Lê ra thế nào? — Mạc Đăng-Dung là người ở đâu? — Trước làm nghề gì? — Nhân có cơ-hội gì mà Mạc Đăng-Dung cướp được ngôi nhà Lê? — Mạc Đăng-Dung đòi với nước Tàu thế nào? — Nhà Lê trung-hưng lên chiếm giữ được chỗ nào? — Nhà Lê và nhà Mạc đánh nhau bao nhiêu lần?

2. — Nhà Lê trung-hưng. (1532-1788).

Khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, những quan cựu-thần trốn tránh đi nhiều. Người thì về ẩn-nấp ở chốn thôn dã, người thì đi chiêu mộ quân sĩ để đánh nhà Mạc. Thuở ấy có ông Nguyễn-Kim, tức là đức Triệu-tổ bản-triều nhà Nguyễn bây giờ, vốn là dòng-dõi quan nhà Lê, trước đã làm quan tại triều.

Nhưng đến khi Mạc Đăng-Dung lên làm vua, ông bỏ quan trốn sang Lào, ở quãng Sầm-nưa bây giờ, rồi cho người đi tìm con vua Lê, rước về lập lên làm vua (1532). Tự đó ông chiêu tập quân sĩ để lo sự đánh nhà Mạc.

Những quan cũ và những người nghĩa khí ở các nơi, nghe tiếng nhà Lê đã trung-hưng lên, đều theo về giúp-rập. Bởi vậy

chỉ trong mấy năm mà thế lực của nhà Lê đã mạnh, ông Nguyễn-Kim bèn đem quân về đánh lấy Nghệ-an, rồi ra lấy Thanh-hóa, để làm chỗ căn bản (1543).



Dầu tích chỗ An-trường.

Khi ông đem quân ra Bắc đánh nhà Mạc, đi được nửa đường, thì bị người hàng-tướng nhà Mạc đánh thuốc độc chết (1545). Người con rể là ông Trịnh-Kiểm lên thay, để lo sự khôi-phục cho nhà Lê.

Ông Trịnh-Kiểm biết thế đánh nhà Mạc chưa được, bèn rút quân về Thanh-hóa, và rước vua về ở An-trường, rồi sai tướng đi giữ các nơi hiểm-yếu, để phòng ngự quân nhà Mạc. Tự đó Lê trong Nam, Mạc ngoài Bắc, hai bên cứ đánh nhau mãi. Tướng nhà Mạc là bọn Mạc Kính-Điền và Mạc Đôn-Nhượng đem binh vào đánh nhà Lê kể đến mười mấy lần. Lần nào cũng bị Trịnh-Kiểm và các tướng nhà Lê đánh phá, phải rút quân về. Lúc đầu vua quan nhà Lê chỉ giữ thế thủ mà thôi, dần dần ⁽¹⁾ thế lực mạnh lên, bọn ông Trịnh-Kiểm mới đòi thế thủ ra thế công. Kể đến đời con ông Trịnh-Kiểm là ông Trịnh-Tùng đánh mãi đến năm 1592

(1) lấn lấn.

mới lấy lại được thành Thăng-long, đuổi họ Mạc lên mạn Cao-bằng, và rước vua nhà Lê ra kinh-thành cũ.

Kể từ khi ông Nguyễn-Kim khởi binh để đánh nhà Mạc ở đất Nghệ-an cho đến khi ông Trịnh-Tùng đánh lấy lại đất Thăng-long, cả thấy hơn 50 năm. Về sau con cháu nhà Mạc còn giữ đất Cao-bằng được hơn ba đời nữa mới mất hẳn.

Toát-yếu. — Quan cũ nhà Lê là ông Nguyễn-Kim, tức là đức Triệu-tổ bản-triều nhà Nguyễn, giúp con vua Lê trung-hưng lên ở đất Lào (1532). Sau ông đem quân về đánh lấy Nghệ-an và Thanh-hóa để làm căn bản.

Ông Trịnh-Kiểm thay ông Nguyễn-Kim, rước vua về Thanh-hóa rồi tìm kế chống giữ với nhà Mạc. Nhà Lê và nhà Mạc đánh nhau hơn 50 năm, đến đời ông Trịnh-Tùng quân nhà Lê mới khôi-phục lại được thành Thăng-long. Con cháu nhà Mạc lên giữ đất Cao-bằng được ba đời nữa mới mất.

Câu hỏi. — Khi nhà Mạc đã cướp ngôi nhà Lê thì các quan cự-u-thần nhà Lê làm thế nào? — Ông Nguyễn-Kim khởi binh từ đâu? — Khởi đầu ông đánh lấy chỗ nào? — Ông chết vì cớ gì? — Ai nổi nghiệp ông để đánh nhà Mạc? — Nhà Mạc và nhà Lê đánh nhau bao nhiêu lâu? — Ông Trịnh-Tùng có công gì với nhà Lê?

3. — Họ Trịnh làm chúa ở xứ Bắc.

Trong khi nhà Lê còn ở trong Thanh-hóa, phải lo việc chống giữ với quân nhà Mạc, thì họ Trịnh tuy giữ cả quyền binh, thế lực át cả nhà vua, nhưng vẫn không xưng vương, xưng chúa gì cả. Đến khi ông Trịnh-Tùng dứt được nhà Mạc, lấy lại đất Bắc-hà, và khôi-phục giang sơn cũ cho nhà Lê, thì thế họ Trịnh lại mạnh hơn trước.

Vua nhà Lê trở về Thăng-long rồi, phong cho Trịnh-Tùng làm Bình-an-vương, coi cả việc quân lính và việc chính-trị trong

nước (1599). Từ đó họ Trịnh được quyền cha truyền con nối làm vương, tục xưng là chúa.



Vua Lê và chúa Trịnh.

Thuở ấy nhà Lê tuy vẫn giữ ngôi vua, nhưng chỉ giữ cái hư vị mà thôi. Lê định mỗi năm nhà vua được lấy thuế của một nghìn xã để tiêu dùng, và được 5.000 quân để làm lính túc-vệ, canh giữ trong các cung điện. Công việc nhà vua thì giữ việc tế lễ, việc thiết triều và việc tiếp sứ các nước lân bang. Còn những việc chính-trị, hình-luật, thuế-má, thưởng phạt, học-hành, quân lính, việc gì cũng do bên phủ chúa quyết định cả.

Họ Trịnh lập ra phủ riêng để các quan văn-võ đến châu cũng như bên nhà vua. Nhưng bên nhà vua thì gọi là Triều-đình mà không có việc gì; bên phủ chúa thì gọi là Phủ-liêu, thống lĩnh mọi việc trong nước.

Từ khi nhà Lê trung-hưng lên, nước ta có vua lại có chúa. Vua ngồi làm vị, chúa giữ quyền chính-trị. Hễ khi nào có sự chinh phạt, thì chúa rước vua đi để sai khiến mọi người cho dễ.

Tuy vậy họ Trịnh nhờ có nhà Lê thì mới giữ được quyền, mà nhà Lê có họ Trịnh thì mới giữ được ngôi. Vậy nên về sau họ Trịnh đồ thì nhà Lê cũng mất.

Toát-yếu. — Họ Trịnh giúp nhà Lê đánh nhà Mạc. Khi nhà Lê khôi-phục được đất Bắc-hà, và lấy lại được đất Thăng-long, phong cho ông Trịnh-Tùng làm vương, coi các việc quân lính và việc chính-trị trong nước. Từ đó về sau vua nhà Lê chỉ được lấy thuế của 1.000 xã để tiêu dùng, còn quyền chính-trị trong nước thì về cả họ Trịnh.

Thuở ấy nước ta có vua lại có chúa. Vua ngồi làm vì, chúa giữ quyền chính-trị.

Câu hỏi. — Khi vua nhà Lê còn ở trong Thanh-hóa, thế lực họ Trịnh thế nào? — Khi họ Trịnh đánh được nhà Mạc rồi thế lực thế nào? — Quyền thế của vua nhà Lê thế nào? — Vua làm những việc gì? — Chúa làm những việc gì? — Nhà Lê với nhà Trịnh nương tựa nhau thế nào?

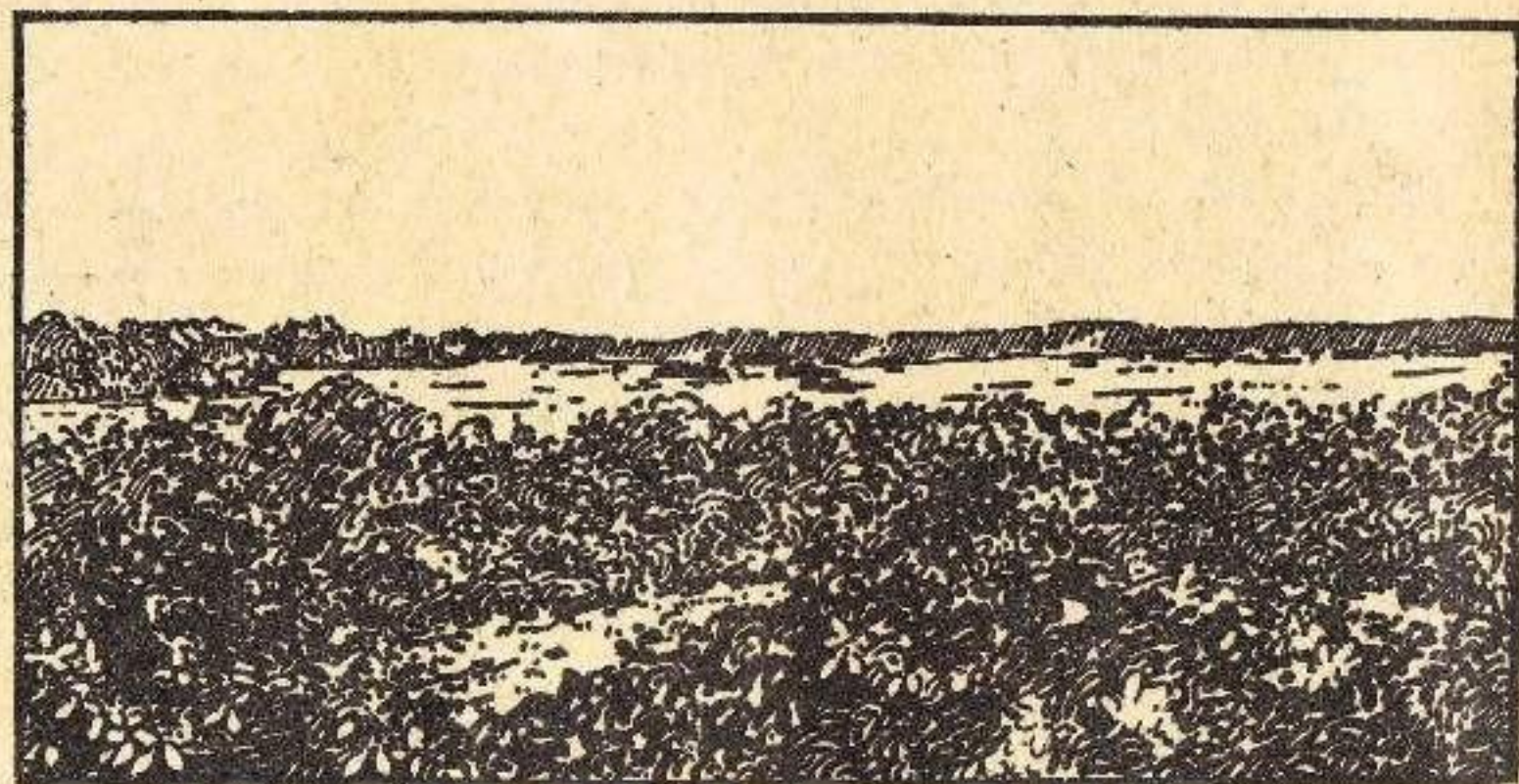
4. — Họ Nguyễn làm chúa ở xứ Nam.

Khi ông Nguyễn-Kim mất, thì hai người con là ông Nguyễn-Uông và ông Nguyễn-Hoàng hãy còn trẻ tuổi, phải theo anh rể là ông Trịnh-Kiểm đi đánh nhà Mạc, đề lo sự khôi-phục cho nhà Lê. Về sau hai ông đi đánh giặc có công, đều được phong tước quận-công. Nhưng sau vì sự hiềm nghi mà ông Trịnh-Kiểm buộc tội cho ông Nguyễn-Uông phải tội bị giết.

Còn ông Nguyễn-Hoàng thấy vậy, lấy làm lo sợ, biết rằng nếu ở lâu với ông Trịnh-Kiểm, thì có ngày mắc vạ, nhưng chưa biết làm thế nào ⁽¹⁾. Tục truyền rằng lúc ấy ông cho người ra Hải-dương hỏi ông trạng Trình là Nguyễn-Bình-Khiêm. Ông ấy bảo rằng: « Hoành-sơn nhất đại, vạn đại dung thân », nghĩa là một dải Hoành-sơn kia có thể vơn thân được muôn đời. Ông

(1) làm sao.

Nguyễn-Hoàng nghe câu ấy hiểu ý, bèn vào nói với chị, đề xin ông Trịnh-Kiểm cho vào trấn đất Thuận-hóa.



Dấu-tích Đình-cát chỗ Nguyễn-Hoàng đóng.

Ông Trịnh-Kiểm thấy ông Nguyễn-Hoàng xin đi trấn chỗ xa, cũng sẵn lòng cho đi, bèn vào tâu với vua, y cho như lời xin.

Năm 1558, ông Nguyễn-Hoàng đem những thân thích ở huyện Tống-sơn, cùng những quân lính ở đất Thanh, Nghệ, vào đóng ở xã Ai-tử, thuộc huyện Đăng-xương, gần tỉnh-lỵ tỉnh Quảng-trị bây giờ. Ông vào ⁽¹⁾ đó thu dụng những kẻ hào kiệt, yên ủi nhân dân, ý muốn gây dựng cơ-nghiệp lâu dài. Nhưng lúc đầu thế lực chưa đủ, ông vẫn phải theo mệnh lệnh vua nhà Lê và thỉnh-thoảng phải ra châu vua ở Thanh-hóa (1569), hoặc ở Thăng-long. Lần sau cùng ông ra ở Thăng-long đến bảy tám năm mới về. Dần dà ⁽²⁾ về sau đến đời con là ông Nguyễn-Phúc-Nguyên, tục gọi là chúa Sãi, họ Nguyễn mới ra mặt chống với họ Trịnh, và gây thành cái cuộc Nam Bắc phân tranh trong non hai trăm năm trời.

(1) vô — (2) lần lần —

Toát-yếu. — Khi ông Nguyễn-Kim mất, binh quyền về cả họ Trịnh. Con ông Nguyễn-Kim là Nguyễn-Uông và Nguyễn-Hoàng đều theo ông Trịnh-Kiểm đi đánh nhà Mạc. Sau vì sự hiềm nghi ông Nguyễn-Uông bị giết, ông Nguyễn-Hoàng xin vào trấn đất Thuận-hóa (1558).

Họ Nguyễn vào Thuận-hóa lo sửa-sang mọi việc, định mở công-nghiệp lâu dài, rồi dần-dà ⁽¹⁾ có đủ thế lực mới ra mặt chống với họ Trịnh và gây nên cuộc Nam Bắc phân tranh trong hơn 200 năm.

Câu hỏi. — Khi ông Nguyễn-Kim mất thì binh quyền về ai? — Tại làm sao ông Nguyễn-Uông bị giết? — Ông Nguyễn-Bình-Khiêm bảo ông Nguyễn-Hoàng thế nào? — Ông Nguyễn-Hoàng nhờ ai xin vào đất Thuận-hóa. — Đến bao giờ họ Nguyễn mới khởi sự đánh họ Trịnh?

5. — Trịnh và Nguyễn đánh nhau.

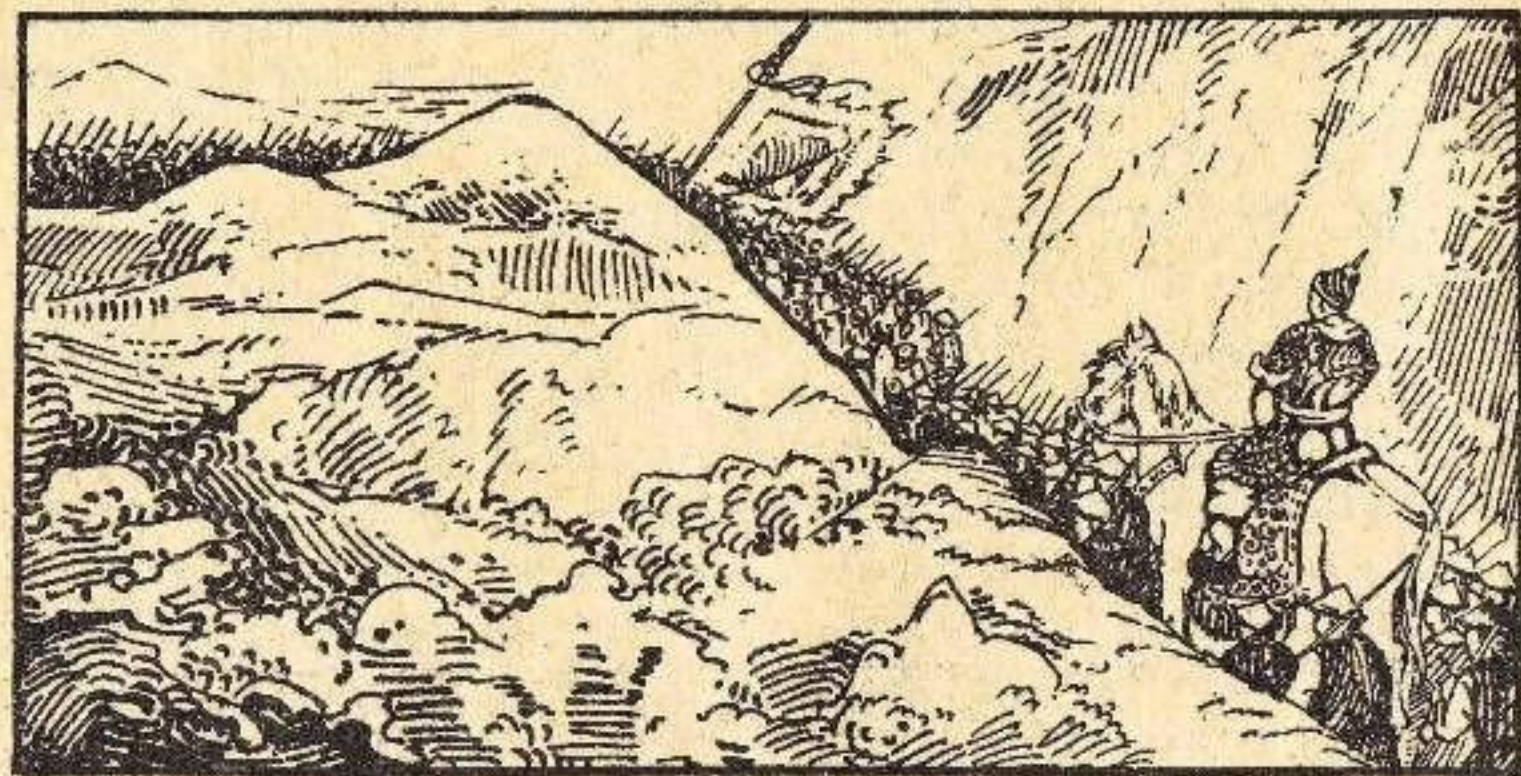
Họ Trịnh và họ Nguyễn vốn là công-thần nhà Lê và lại có tình thông ⁽²⁾ gia với nhau, nhưng vì cạnh tranh về đường quyền lợi mà thành ra thù hằn. Họ Trịnh thì cậy có công mà át lẫn quyền vua, họ Nguyễn thì chiếm giữ lấy đất xứ Nam mà đối địch với họ Trịnh, rồi hai bên gây thành cuộc chiến-tranh ở vùng Quảng-bình và Hà-tĩnh bây giờ.

Nguyên lúc đầu ông Nguyễn-Hoàng vào trấn đất Thuận-hóa là chỉ cốt làm cái kế yên thân mà thôi, sau đến đời con ông là ông Nguyễn-Phúc-Nguyên thành lũy đã kiên cố, binh lương sung túc và tướng tá có nhiều người tài giỏi, lúc ấy họ Nguyễn mới ra mặt kháng cự lại họ Trịnh.

Ở xứ Bắc thì lúc ông Trịnh-Tùng hầy còn, giặc-giã chưa dẹp yên và con cháu nhà Mạc còn giữ ở mạn Cao-bằng, cho nên dẫu ở xứ Nam có việc gì, cũng làm lơ đi. Đến đời con là ông Trịnh-Tráng (1632-1657) lên làm chúa, thấy họ Nguyễn kháng mệnh nhà vua, không chịu nộp thuế, ông mới rước vua đem quân vào đánh xứ Nam.

(1) lần lần — (2) sui

Trong khoảng 50 năm (1627-1672) họ Trịnh và họ Nguyễn đánh nhau bảy lần. Lần nào quân chúa Trịnh vào cũng bị quân



Quân chúa Trịnh đi đánh chúa Nguyễn.

chúa Nguyễn giữ vững các nơi hiểm yếu, đánh lâu ngày không được lại phải rút về. Chỉ có một lần quân hai bên xông (xung) đột nhau dữ-dội hơn cả ⁽¹⁾, là khi chúa Hiền đem quân xứ Nam ra đánh lấy bảy huyện ở vùng Hà-tĩnh bây giờ (1655).

Sau vì các tướng của chúa Hiền không hoà với nhau, và quân của chúa Trịnh lại kéo vào đánh riết, cho nên quân Nam lại phải rút về phía nam sông Gianh.

Thuở ấy quân chúa Trịnh thì nhiều, nhưng phải đi đánh xa, lương thực vận tải không tiện. Quân chúa Nguyễn tuy ít, nhưng đánh ở đất nhà và lại có thành lũy chắc chắn, tướng sĩ hết lòng chống giữ, cho nên thành ra hai bên không làm gì được nhau. Sau cùng hai bên phải chia đất mà giảng hòa, lấy sông Gianh (thuộc Quảng-bình) làm giới hạn. Từ con sông ấy ra Bắc là thuộc quyền chúa Trịnh, từ con sông ấy vào Nam là thuộc quyền chúa Nguyễn.

(1) hệt.

Toát-yếu. — Họ Trịnh và họ Nguyễn vốn là công-thần nhà Lê và lại có tình thông ⁽¹⁾ gia với nhau. Nhưng vì lòng cạnh tranh quyền lợi mà thành ra thù nghịch.

Hai bên đánh nhau trong khoảng 50 năm kể cả thầy là bảy lần, ở vùng Quảng-bình và Hà-tĩnh bây giờ.

Quân họ Trịnh tuy nhiều nhưng phải đi xa, lương thực vận tải không tiện. Quân họ Nguyễn tuy ít, nhưng đánh ở đất nhà, thành lũy kiên cố, tướng sĩ hết lòng. Vì vậy hai bên phải giảng hòa, lấy sông Gianh làm giới hạn mà chia địa-giới.

Câu hỏi. — Họ Trịnh và họ Nguyễn hai bên với nhau là thế nào? — Tại sao mà hai bên sinh sự đánh nhau? — Họ Trịnh và họ Nguyễn đánh nhau vào quãng nào? — Thế lực của hai bên lúc ấy khác nhau thế nào? — Khi hai bên giảng hòa thì lấy chỗ nào làm địa-giới?

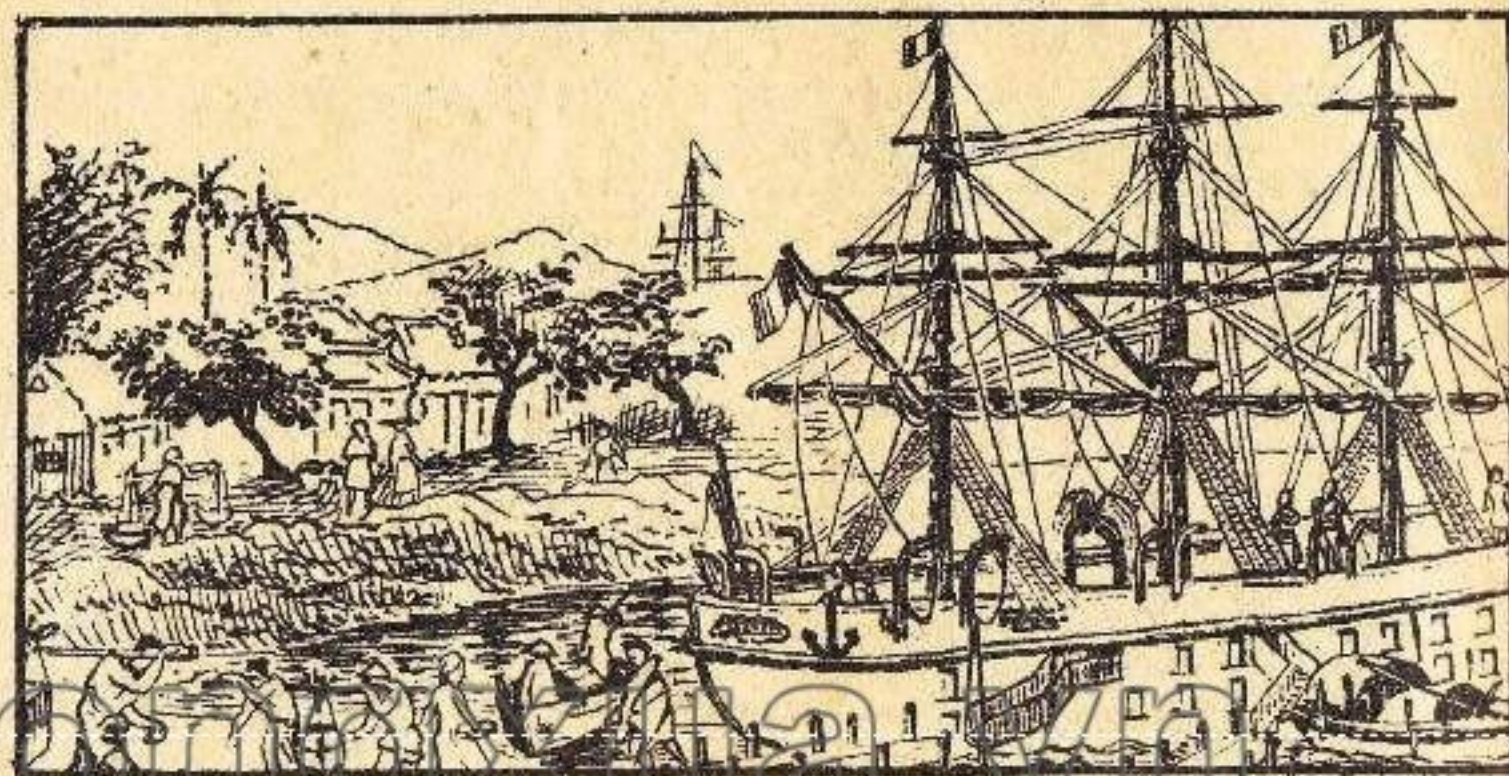
6. Công việc chúa Trịnh ở xứ Bắc.

Nhà Trịnh làm chúa xứ Bắc tuy có cái tội lấn quyền của vua, nhưng vẫn có công đánh dẹp giặc-giã, và hết lòng lo sửa đổi mở-mang mọi việc trong nước, khiến cho trong khoảng 200 năm nước ta cũng có vẻ thịnh trị.

Các chúa có nhiều ông chăm lo việc nước, và lại có những người tài cán như ông Phạm-Công-Trứ, ông Nguyễn-Công-Hăng đều hết lòng giúp-rập để sửa đổi mọi việc. Ngoài thì giữ cho việc giao-thiệp với nước Tàu được êm ái, trong thì sửa-sang những pháp luật, định lại cách xét những việc kiện tụng, chỉnh đốn lại sự học-hành và cách tuyên-cử. Làm lại sổ đinh, sổ điền, rõ-ràng phân-minh hơn trước. Đặt ra các sở tuần-ti ở các bến, để đánh thuế thuyền bè và các hàng-hóa. Mở-mang việc công nghệ và việc buôn bán. Định lệ cho người Tàu sang khai những mỏ đồng, mỏ kẽm, ở mạn thượng-du. Thuở trước người mình ai đi học cử phải mua sách ở bên Tàu, chúa bắt người mình phải khắc bản in in các sách mà bán.

(1) sui.

Chúa cho người ngoại-quốc vào ⁽¹⁾ buôn bán, nhất là cho người Hòa-lan vào mở cửa hàng ⁽²⁾ ở phố Hiến, gần tỉnh-ly. Hưng-yên bây giờ. Dần-dà ⁽³⁾ rồi có người Tàu, người Nhật-bản ⁽⁴⁾ và người các



Tàu ngoại-quốc vào buôn bán ở phố Hiến.

nước khác vào đó buôn bán rất là phồn-thịnh. Vì vậy người đời bây giờ có câu rằng: « Thứ nhất Kinh-kỳ, thứ nhì phố Hiến ».

Nói rút lại không kể những việc chiến-tranh với nhà Mạc và nhà Nguyễn, nhà Trịnh cũng có công giữ cho nước được yên trị, mở-mang sự học-hành, và làm cho việc buôn bán cũng có phần phát đạt hơn trước.

Toát-yếu. — Nhà Trịnh làm chúa chăm lo việc nước, lại có những tài hiền như ông Phạm Công-Trứ và ông Nguyễn Công-Hăng hết lòng giúp-rập. Ngoài thì giữ việc giao-thiệp với người Tàu được hòa hảo. Trong thì lo sửa đổi luật pháp, chỉnh-đốn sự học-hành, mở-mang việc buôn bán và việc công-nghệ, cho người Hòa-lan và người ngoại-quốc khác vào buôn bán ở phố Hiến, khắc

(1) vô — (2) liêm — (3) lần lần — (4) bốn.

bản in để in sách ra bán, khai mỏ đồng, mỏ kẽm, ở vùng thượng-du.

Họ Trịnh chăm lo mọi việc, làm cho nước ta được yên trị trong khoảng 200 năm.

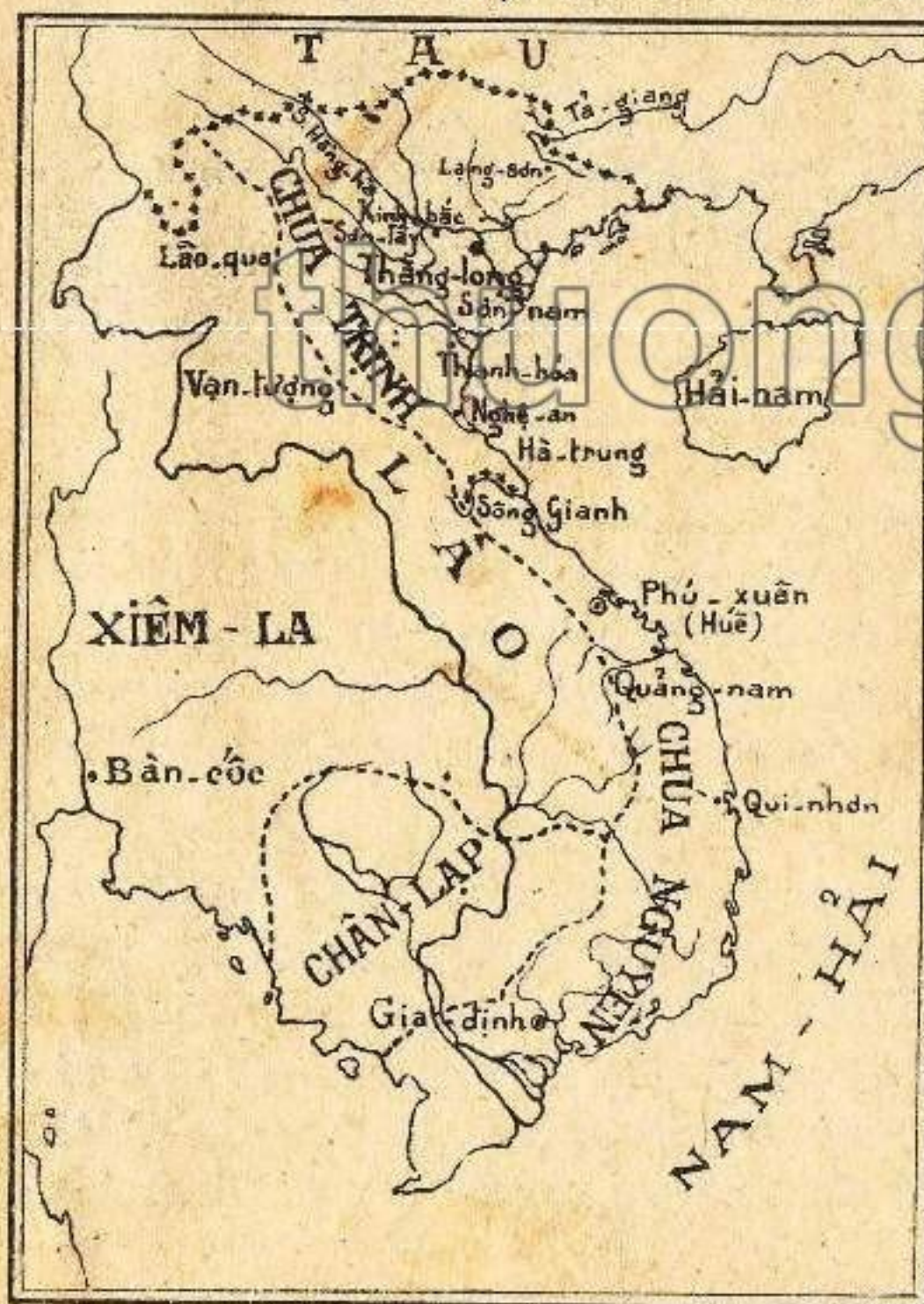
Câu hỏi. — Nhà Trịnh làm chúa ở xứ Bắc làm những công việc gì ? — Đối với nước Tàu chúa làm thế nào ? — Việc công nghệ trong nước chúa mở-mang thế nào ? — Việc buôn bán thế nào ? — Trong khi họ Trịnh làm chúa có người nước nào vào buôn bán và ở chỗ nào ?

7. — Công việc chúa Nguyễn ở xứ Nam.

Từ khi thời việc chiến-tranh với chúa Trịnh rồi, chúa

Nguyễn mới được thư việc mà lo sự sửa-sang ở xứ Nam.

Chúa Nguyễn tuy vẫn chịu quan chức và vẫn theo niên-hiệu vua nhà Lê, nhưng từ khi gây nên việc đánh nhau với chúa Trịnh rồi, thì không giao-thiệp với Bắc-triều nữa, việc gì chúa cũng tự chủ mà xếp đặt lấy: bỏ quan lại, lập luật phép, định thuế lệ, mở khoa thi, cho người ngoại-quốc vào buôn bán ở cửa Hội-an (Faifo), vân vân, đều do quyền chúa Nguyễn chủ trương cả.



Địa-đồ nước Nam về thời chúa Nguyễn và chúa Trịnh.

Trong những việc chúa làm ở xứ Nam, có việc khai-khẩn ruộng đất và việc mở-mang bờ cõi là quan trọng hơn cả. Nguyên từ đời vua Lê Thánh-tôn (1460-1497) trở đi, nước ta chỉ vào đến hết địa-phận tỉnh Bình-định bây giờ thôi, mà dân cư ở miền Nam hãy còn lác-đác (rẻng-rãng), chưa đông-đúc là bao nhiêu. Đến khi ông Nguyễn-Hoàng vào trấn xứ Nam, đánh lấy đất Phú-yên (1611), rồi đến đời các chúa về sau đánh lấy đất Khánh-hòa (1653) và đất Bình-thuận (1693) đem địa-giới nước ta giáp với nước Cao-mên. Các chúa lại chiêu mộ những dân nghèo khó ở phía Bắc đem vào lập trại, mở ấp, ở những đất mới lấy được. Người mình tự đó dần-dà ⁽¹⁾ kéo xuống phía Nam, trước lấy hết đất Chiêm-thành, rồi sau tràn sang đất Cao-mên.

Nguyên nước Cao-mên trước chia ra làm hai phần, phần trên gọi là Lục Chân-lạp, phần dưới gọi là Thủy Chân-lạp. Lục Chân-lạp là nước Cao-mên ngày nay, còn Thủy Chân-lạp là đất Nam-kỳ của ta bây giờ. Vì thuở ấy bên Cao-mên có nhiều giặc-giã, ruộng đất bỏ hoang cả. Người mình kéo nhau sang khai khẩn, làm ăn. Năm 1698 chúa sai quan sang mở đất Biên-hòa và đất Gia-định, rồi dần-dà ⁽¹⁾ đến năm 1757 chúa lấy hết cả đất Lục Chân-lạp mà mở ra sáu tỉnh Nam-kỳ.

Xem như thế thì công nghiệp của chúa Nguyễn đối với nước ta cũng lớn lắm vậy.

Toát-yếu. — Từ khi đánh nhau với chúa Trịnh xong rồi, chúa Nguyễn sửa-sang mọi việc ở xứ Nam, như một nước độc-lập vậy.

Trong những công việc của chúa Nguyễn, có việc khai-khẩn ruộng đất và việc mở-mang bờ cõi là quan trọng hơn cả. Chúa lấy đất Chiêm-thành, tức là tỉnh Phú-yên (1611), Khánh-hòa (1653), Bình-thuận (1693), và từ năm 1698 đến năm 1757 chúa lại lấy đất Cao-mên mà mở ra sáu tỉnh Nam-kỳ.

(1) lần lần.

Câu hỏi. — Từ khi thời việc chiến-tranh với chúa Trịnh, chúa Nguyễn cai-trị đất xứ Nam thê nào? — Chúa Nguyễn đối với vua Lê thê nào? — Chúa Nguyễn lấy đất Chiêm-thành lập ra những tỉnh nào? — Lấy đất Cao-mên lập ra những tỉnh nào?

8. — Nhà Nguyễn Tây-sơn.

(1778-1802).

Về cuối đời nhà Lê, vào quãng cuối thế-kỷ thứ 18, ở trong xứ Nam, phải khi chúa Nguyễn còn nhỏ dại, quyền bính trong nước về tay người quyền-thần làm bậy, việc nước rất là rối loạn.

Thuở ấy ở đất Qui-nhơn có ông Nguyễn-Nhạc cùng với hai em là ông Nguyễn-Lữ và ông Nguyễn-Huệ, nổi lên đánh chúa Nguyễn. Vì quân của bọn ông Nguyễn-Nhạc khởi từ làng Tây-sơn, cho nên tục gọi là quân Tây-sơn.

Trong khi quân Tây-sơn đang đánh phá ở vùng Bình-định, Quảng-ngĩa, thì quân chúa Trịnh cũng thừa cơ vào đánh lấy thành Phú-xuân, tức là thành Huế ngày nay (1774). Chúa Nguyễn phải chạy vào Nam-kỳ.

Ông Nguyễn-Nhạc thấy quân Bắc thế mạnh, sợ chống không nổi, bèn giả xin về hàng. Chúa Trịnh phong cho làm quan và cho giữ đất Quảng-nam (1777). Quân Tây-sơn không phải lo mặt Bắc nữa, vào đánh chúa Nguyễn, chiếm giữ được đất Nam-kỳ.

Ông Nguyễn-Nhạc trở về Qui-nhơn tự xưng làm vua (1778) và sai tướng giữ các nơi, đề chống với chúa Trịnh.

Chúa Trịnh lúc ấy tuy đã lấy được đất Phú-xuân, nhưng ở ngoài Bắc lại bị quân lính nổi lên làm loạn, đốt phá kinh-thành. Vua thì không có quyền, chúa thì bị quân lính áp chế. Các tướng sai vào giữ đất Phú-xuân thì trẻ-nãi, không lo phòng giữ gì cả. Vua Tây-sơn thấy vậy, bèn sai em là ông Nguyễn-Huệ ra đánh lấy thành Phú-xuân. Quân Tây-sơn đánh đâu được đấy ⁽¹⁾, rồi

(1) đó.

thừa thế kéo thẳng ra đánh lấy thành Thăng-long giết được chúa Trịnh (1786).

Ông Nguyễn-Huệ đột-ngột ra đánh Bắc-hà, không ngờ thành công mau như thế, và lại sợ lòng người không phục, bèn trả quyền lại cho vua Lê, rồi về giữ thành Phú-xuân. Nhưng vì vua



Ông Nguyễn-Nhạc đứng trên thành nói chuyện với ông Nguyễn-Huệ.

nhà Lê nhu nhược, cầm quyền không nổi, để cho kẻ cường-thần áp chế, quân Tây-sơn lại ra Bắc-hà lần nữa (1787). Lần này vua nhà Lê bỏ chạy sang Tàu cầu cứu. Quân Tàu kéo sang đông tại thành Thăng-long, bị ông Nguyễn-Huệ đem quân ra đánh phá một trận (1789), tướng Tàu phải bỏ cả ấn tín mà chạy.

Vua Tàu thấy sự chiến-tranh không lợi, bèn nhận cho ông Nguyễn-Huệ làm vua nước Nam, tức là vua Thái-tổ nhà Nguyễn Tây-sơn, niên-hiệu là Quang-trung (1788-1792). Vua Quang-trung làm vua được có 5 năm thì mất, vua tự-quân còn trẻ tuổi, các quan đình-thần tranh quyền nhau, thành ra chẳng bao lâu mà cơ-nghiệp nhà Nguyễn Tây-sơn đổ nát vậy.

Toát-yếu. — Cuối đời nhà Lê ở đất Qui-nhơn có anh em ông Nguyễn-Nhạc nổi lên đánh chúa Nguyễn, tục gọi là quân Tây-sơn.

Lúc ấy chúa Nguyễn bị chúa Trịnh vào đánh lấy mất thành Phú-xuân phải chạy vào Nam-kỳ.

Nguyễn-Nhạc giả vờ hàng chúa Trịnh, rồi đem quân đi đánh lấy Nam-kỳ. Đoạn, trở về xưng làm vua và đánh lại quân chúa Trịnh.

Được ít lâu, vua Tây-sơn thấy ngoài Bắc có loạn, bèn sai ông Nguyễn-Huệ đi đánh lấy thành Phú-xuân, và kéo thẳng ra Bắc, đánh thành Thăng-long, giết chúa Trịnh, rồi trả quyền cho vua Lê mà trở về Nam.

Đất Bắc lại có loạn, quân Tây-sơn lại ra lần nữa. Vua Lê chạy sang Tàu cầu cứu. Quân Tàu sang, bị ông Nguyễn-Huệ phá tan. Vua Tàu nhận cho ông Nguyễn-Huệ làm vua nước Nam, tức là vua Thái-tổ nhà Nguyễn Tây-sơn.

Câu hỏi. — Anh em ông Nguyễn-Nhạc nổi lên ở đâu? — Tại sao tục gọi là Tây-sơn? — Tại sao chúa Nguyễn phải chạy vào Nam-kỳ? — Khi có quân chúa Trịnh vào đánh, thì anh em ông Nguyễn-Nhạc làm thế nào? — Khi ông Nguyễn-Nhạc lấy được Nam-kỳ rồi làm gì? — Đất Bắc-hà lúc ấy có loạn gì? — Tây-sơn lấy Bắc-hà lần thứ nhất rồi làm thế nào? — Tại sao quân Tây-sơn lại ra Bắc-hà lần thứ hai nữa? — Lần này vua Lê chạy đi đâu? — Ông Nguyễn-Huệ phá quân Tàu ở đâu? — Sau việc chiến-tranh với nước Tàu, ai làm vua nước Nam? — Tại làm sao nhà Nguyễn Tây-sơn làm vua không được lâu?

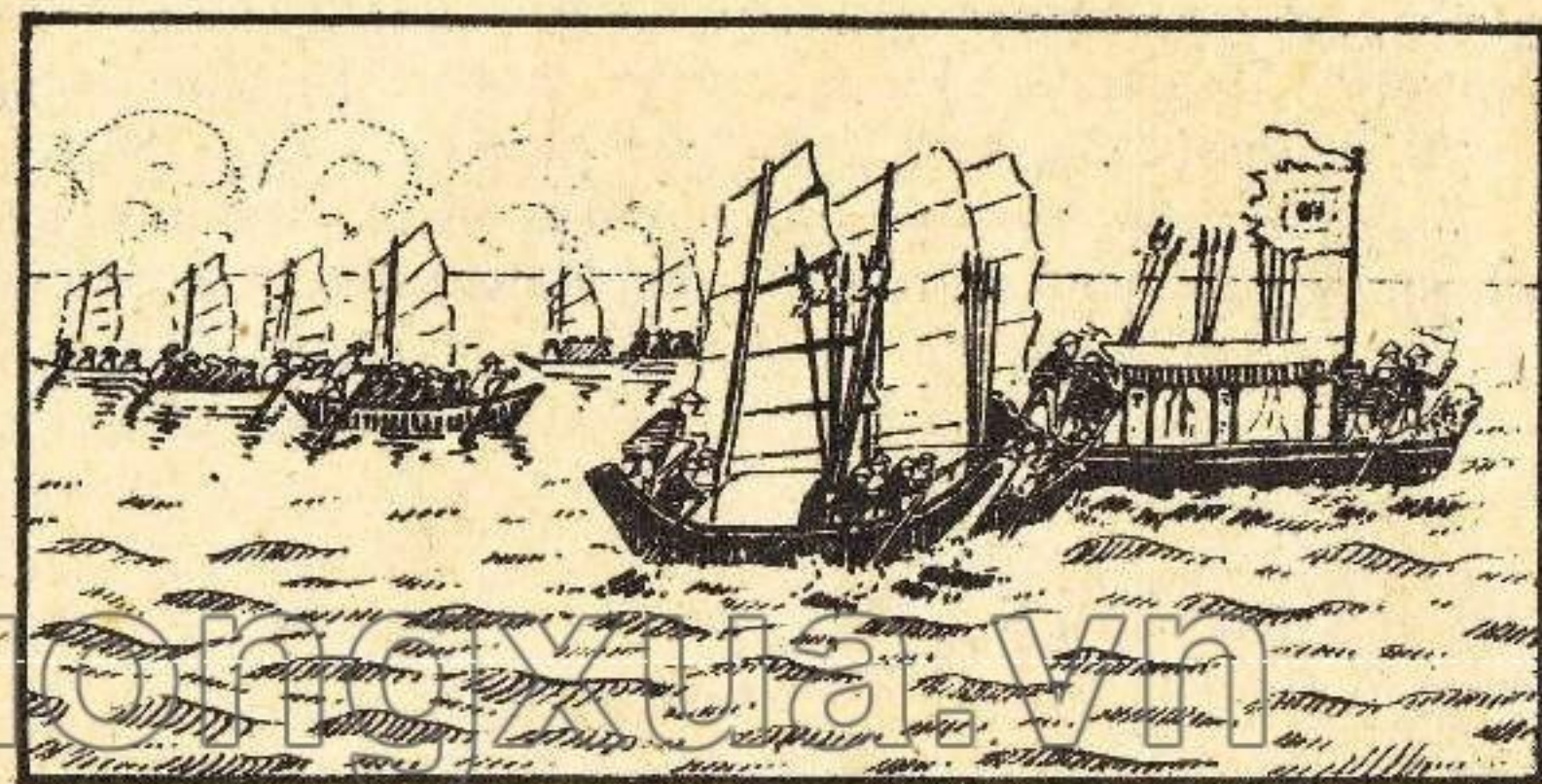
CHƯƠNG V. — THÔNG-NHẤT THỜI-ĐẠI

1. — Ông Nguyễn-Ánh khởi binh đánh Tây-sơn.

Khi quân Tây-sơn vào đánh lấy Nam-kỳ (1777), chúa Nguyễn bị hại, còn người cháu (con anh) là ông Nguyễn-Ánh chạy thoát được, trốn tránh ở chỗ dân gian, dần-dà⁽¹⁾ lại chiêu tập những

(1) lần lần.

người tôi cũ, rồi xưng vương (1780), đề lo sự khôi-phục. Đã ba bốn phen quân của Nguyễn-vương lấy lại được thành Gia-định, nhưng mỗi phen chỉ giữ được ít lâu, rồi bị quân Tây-sơn vào đánh, lại phải bỏ chạy. Trong khi Nguyễn-vương chống nhau với Tây-sơn, thường phải trốn tránh vất-vả, có khi ra ở các



Chiến-thuyền của vua Gia-long đi đánh Tây-sơn.

đảo ngoài biển, lương thực không có, phải đi tìm⁽¹⁾ rau tìm củ chuối mà ăn.

Thuở ấy Nguyễn-vương quen một người nước Pháp, tên gọi là Bá-đa-lộc làm giám-mục đạo Thiên-chúa. Ông Bá-đa-lộc khuyên Nguyễn-vương sang cầu cứu nước Pháp là nước giàu-có, cường-thịnh, có thể giúp ngài đánh được Tây-sơn. Nguyễn-vương nghe lời, bèn nhờ ông đem hoàng-tử Cảnh sang Pháp, để xin viện-binh. Đoạn rồi, Nguyễn-vương sang ở nhờ nước Xiêm. Chẳng bao lâu, anh em Tây-sơn đánh lẫn nhau, lòng người ly tán, thế lực suy kém đi. Nguyễn-vương biết tình thế ấy, mới ở

(1) kiếm.

Xiêm về đánh lấy đất Nam-kỳ (1787), rồi sửa sang mọi việc, đề chờ dịp (nhịp) tiến binh. Lúc ấy, lại có ông Bá-đa-lộc ở Tây sang, tuy việc nhờ nước Pháp cứu-viện không xong, nhưng ông có đem tàu-bè, súng-ống và mấy người Pháp sang giúp, bởi vậy thế lực của Nguyễn-vương lại càng mạnh thêm. Tự đó quân của Nguyễn-vương ra đánh lấy được thành Qui-nhơn là chỗ Tây-sơn khởi nghiệp. Sau lại ra khôi-phục được thành Phú-xuân (Huế). Vua tời Tây-sơn chống không nổi, phải bỏ chạy ra Bắc (1801).

Nguyễn-vương thu phục được nghiệp cũ rồi, trù tính việc binh lương, định ra đánh lấy Bắc-hà, đề gồm cả Nam-Bắc lại làm một. Lúc ấy quân của Nguyễn-vương luyện tập đã giỏi và lại có nhiều súng-ống, cho nên khi ra đánh xứ Bắc, chỉ trong mấy tháng mà bắt được vua tời Tây-sơn và dẹp yên được xứ Bắc (1802).

Nguyễn-vương đánh nhau với Tây-sơn, cả thảy kể đến 20 năm, mới thống-nhất được cả nước Nam ta.

Toát-yếu. — Cháu chúa Nguyễn là ông Nguyễn-Ánh xưng vương (1780) ở đất Nam-kỳ, đánh nhau với Tây-sơn để khôi-phục nghiệp cũ.

Nguyễn-vương bị đánh thua nhiều lần, phải nhờ ông Bá-đa-lộc đem hoàng-tử Cảnh sang Pháp cầu cứu, và phải sang ở nhờ bên nước Xiêm.

Anh em Tây-sơn đánh lẫn nhau, thế lực kém hèn, Nguyễn-vương mới lấy lại được đất Nam-kỳ. Sau lại nhờ có mấy người nước Pháp, cùng tàu và súng của ông Bá-đa-lộc đem sang giúp, Nguyễn-vương đánh lấy lại thành Qui-nhơn và thành Phú-xuân, rồi ra lấy cả Bắc-hà, gồm Nam Bắc lại làm một nước (1802).

Câu hỏi. — Ông Nguyễn-Ánh khởi đầu đánh Tây-sơn ở đâu ? — Lúc đầu ông bị làm sao ? — Nguyễn-vương nhờ ai sang Pháp cầu cứu ? — Nguyễn-vương đi ở nhờ nước nào ? — Nhân có cơ-hội gì mà Nguyễn-vương lấy lại được đất Nam-kỳ ? — Ông Bá-đa-lộc giúp Nguyễn-vương thế nào ? — Nguyễn-vương nhờ có sự giúp-rập ấy thành công làm sao ?

2. — Nhà Nguyễn. — Vua Gia-long. (1802-1819).

Nguyễn-vương nhờ có tôi hiền, tướng giỏi, và lại có ông giám-mục Bá-đa-lộc đem người Pháp và binh khí sang giúp, mới đánh được Tây-sơn, nhất-thống được cả Nam Bắc.

Ngài lên làm vua (1802), tức là bản triều Thế-tổ Cao-hoàng-đế, đặt niên-hiệu là Gia-long, đổi quốc-hiệu là Việt-nam, đóng đô ở Phú-xuân, là thành Huế bây giờ.



Thành Huế.

Thưở ấy nước ta loạn-lạc đã lâu, việc chính-trị đồ nát (chềnh-mảng), phong tục bại hoại, việc gì cũng cần phải chỉnh-đốn lại. Vua Gia-long lên ngôi rồi ngài chọn những người tài giỏi đi sung các chức, tìm những người khoa-mục đời nhà Lê ra lục dụng, mở khoa thi để lấy những người có học ra làm quan. Ngài sai các quan soạn lại bộ luật, lấy luật cũ đời Hồng-đức nhà Lê mà tham chước với luật nhà Thanh bên Tàu, làm ra bộ luật mới, in ra nhiều bản, để phát đi các nơi. Ngài định lại thuế đinh thuế điền,

và các thứ thuế khác, và bắt làm lại đình-bạ và địa-bạ cho rõ-ràng phân-minh hơn trước, ngài bắt các quan ở các trấn (tỉnh) phải chăm sửa-sang đường-sá, đào sông ngòi để tiện việc giao thông và việc canh-nông. Ngài lại sai quan đi đánh các nơi, và từ Nam-kỳ ra đến mạn thượng-du đất Bắc-kỳ, chỗ nào hiểm-yếu ngài cũng bắt xây thành đắp lũy và đặt quan để phòng giữ giặc-giã. Từ đó dân trong nước dần dần được yên-ôn mà làm ăn.

Vua Gia-long không những là có công sửa-sang mọi việc, làm cho nước Việt-nam ta thành ra một nước có kỷ-cương, có trật-tự, mà ngài lại có cái công đức rất lớn, là ngài gộp cả xứ Nam Bắc làm một, đem giang sơn nước nhà về một mối, khiến cho nước ta thành một nước cường thịnh.

Toát-yếu. — Nguyễn-vương lên ngôi, tức là bản triều Thế-tổ Cao-hoàng-đế (1802-1819), đặt niên-hiệu là Gia-long, đóng đô ở Huế.

Vua Gia-long chỉnh-đốn mọi việc, mở-mang khoa thi, để chọn người có học ra làm quan, làm lại bộ luật phát ra các nơi, định lại các thứ thuế, và làm lại đình-bạ và địa-bạ. Ngài lại bắt xây thành đắp lũy ở những nơi hiểm yếu, để phòng giữ giặc-giã. Ngài có công làm cho nước ta thành một nước thống-nhất, có thể lực cường thịnh.

Câu hỏi. — Nguyễn-vương lên làm vua đặt niên-biểu là gì ? — Đóng đô ở đâu ? — Vua Gia-long sửa đổi những việc gì ? — Pháp luật đổi lại thế nào ? — Ngài có công gì với nước ta ?

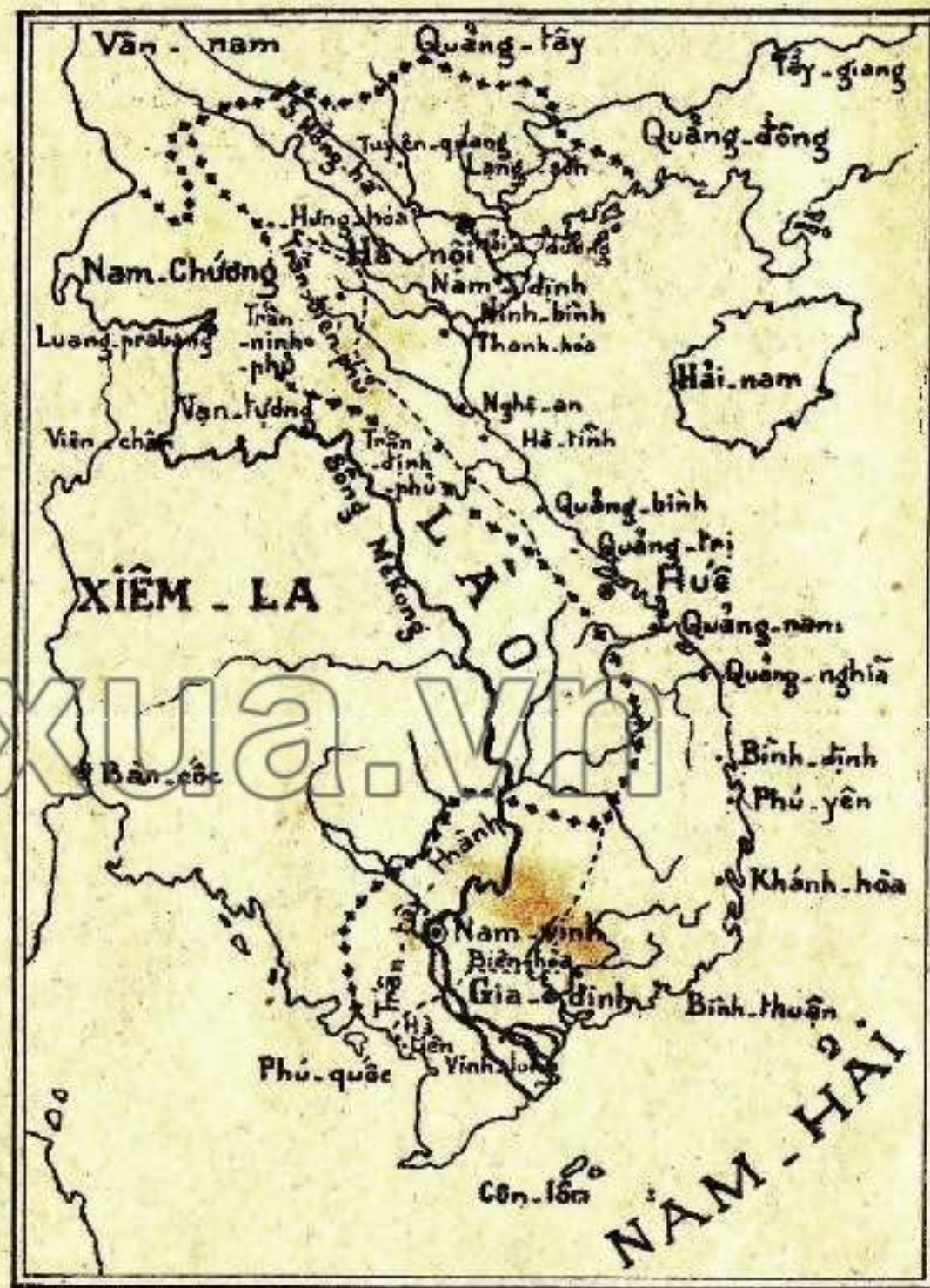
3. — Vua Minh-mệnh. (1820-1840).

Vua Gia-long làm vua được 18 năm thì mất, truyền ngôi cho vua Thánh-tổ (1820), niên-hiệu là Minh-mệnh.

Vua Minh-mệnh là ông vua có tư-chất thông minh, học giỏi, và hết lòng lo việc nước. Thường việc gì ngài cũng xem xét

đến. Có khi buổi chiều xong rồi, ngài đòi một vài quan đại-thần lên điện, đề hỏi-han những việc chính-trị trong nước và đêm thì ngài ngồi xem các sổ tấu đến canh hai, canh ba mới thôi. Thường ngài nói rằng: « Người ta ai cũng muốn yên nhàn, những lúc trẻ mạnh mà không cố gắng làm mọi việc, đến lúc già yếu mỗi mệt, còn làm gì được nữa. Bởi vậy cho nên trăm không dám lười biếng lúc nào ».

Ngài sửa-sang việc triều-chính, đặt Nội-các để coi việc chế, cáo, biểu, chương ở trong điện, và Cơ-mật-viện để coi quân quốc trọng sự. Ngoài thì ngài đòi các trấn ra làm tỉnh, và đặt chức tổng-đốc và tuần-phủ để coi việc cai-trị. Ngài chăm mở-mang sự văn-học, và định lại lệ thi hương, thi hội. Nhưng vì tính ngài nghiêm khắc quá, ở với thần dân lắm điều ít có độ lượng, cho nên trong đời ngài làm vua thường hay sinh ra sự biến loạn.



Địa-đồ nước Nam về đời vua Minh-mệnh.

Nhân vì ngài ghét ông Lê-Văn-Duyệt, đến khi ông mất rồi, ngài bắt tra xét và làm tội những người thuộc-hạ của ông, cho nên giặc Lê-Văn-Khôi mới nổi, đánh phá ở đất Nam-kỳ (1833). Kế đến giặc Nông-Văn-Tân ở Bắc-kỳ cùng giặc Xiêm, giặc Lào quấy nhiễu trong mấy năm trời, bắt quan quân phải đi đánh dẹp rất là khó nhọc. Ngài sai quan quân đánh lấy nước Cao-mên (1835), lập ra làm phủ huyện của ta, nhưng hết đời ngài, vì sự giặc-giã, Triều-đình ta lại phải trả nước Cao-mên lại cho người Cao-mên.

Đối với ngoại-quốc, thì ngài không chịu giao-thiệp với nước nào cả. Ngài bãi những người Pháp theo giúp vua Gia-long ngày trước, và lại giết hại những giáo-sĩ và những người theo đạo Thiên-chúa.

Ngài thiên về đạo Nho, chỉ trọng những điều cương thường đạo lý, chứ không biết bao dung các tôn-giáo khác. Ngài là một ông giáo-chủ tốt, nhưng không phải là ông vua biết tùy thời mà làm lợi cho nước.

Toát-yếu. — Vua Minh-mệnh (1820-1840) sửa-sang việc triều-chính, định quan-chế, sửa sự học-hành và xếp đặt mọi việc rất có trật-tự.

Nhưng đối với thần dân, thì ngài nghiêm khắc quá, bởi vậy mới thành ra nhiều mối loạn. Trong đời ngài có giặc Lê Văn-Khôi ở Nam-kỳ, giặc Nông Văn-Vân ở Bắc-kỳ cùng giặc Xiêm, giặc Lào. Ngài không giao-thiệp với người ngoại-quốc và lại chém giết những giáo-sĩ và những người theo đạo Thiên-chúa.

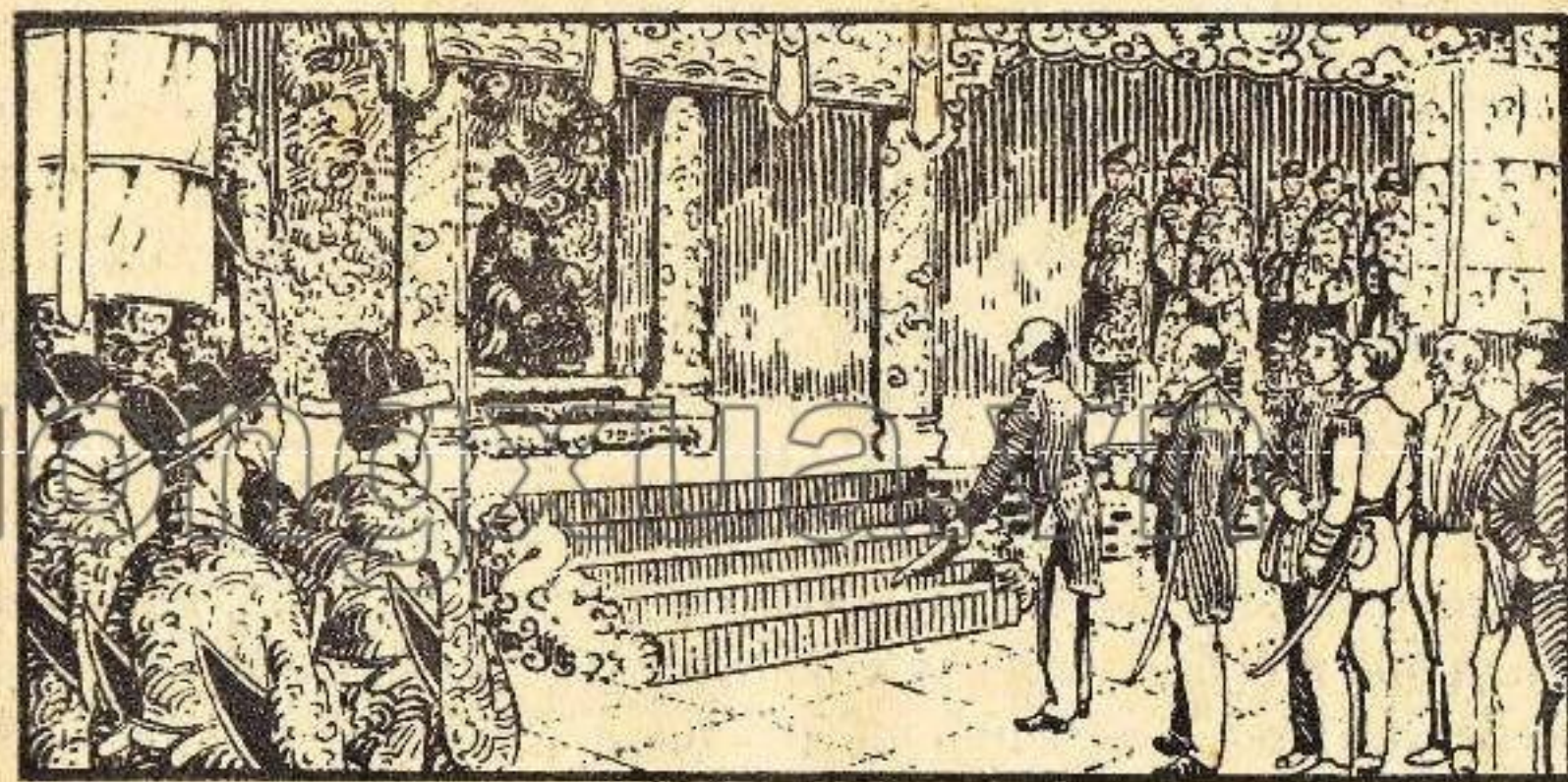
Ngài không phải là ông vua biết tùy thời mà làm lợi cho nước.

Câu hỏi — Vua Minh-mệnh là người thế nào? — Ngài làm những việc gì? — Ngài đối với thần dân thế nào? — Trong đời ngài có những việc gì? — Ngài đối với ngoại-quốc thế nào? — Đối với những người theo đạo Thiên-chúa thế nào?

4. — Vua Thiệu-trị (1841-1847) và vua Tự-đức (1847-1883).

Vua Minh-mệnh làm vua được 21 năm thì mất, truyền ngôi cho vua Hiến-tổ (1841), niên-hiệu là Thiệu-trị.

Vua Thiệu-trị (1841-1847) làm vua được có bảy năm. Tính ngài hiếu sự hòa-bình, cho nên ngài lên làm vua, thì bãi việc chiến-tranh với nước Xiêm, bỏ đất Cao-mên, rút quân về giữ đất Nam-kỳ. Ngài cũng không chịu giao-thiệp với ngoại-quốc và vẫn



Vua Tự-đức tiếp sứ Pháp.

cứ nghiêm cấm đạo Thiên-chúa. Bởi vậy đã mấy lần quân nước Pháp phải can-thiệp đến để cứu lấy những người giáo-sĩ phải bắt. Có khi chiến-thuyền của nước Pháp vào bắn phá ở cửa Đà-nẵng mà Triều-đình ta vẫn không thôi việc cấm đạo.

Kế đến đời vua Dục-tôn (1847-1883), niên-hiệu Tự-đức. Ngài là ông vua thông minh, thờ bà Hoàng-thái-hậu rất có hiếu, ở với bà-y-tôi rất tử-tế. Tính ngài siêng năng, sáng chừng 5 giờ ngài đã dậy sửa soạn ra buổi chầu. Ngài vốn là người hiếu học, đêm nào cũng xem sách đến khuya, và làm sách bằng chữ nôm

đề dạy dân, như Luận-ngữ điển ca, Tự-học điển ca, Thập-diệu, văn vân... Nhưng tiếc thay ngài làm vua vào một thời khó khăn, trong nước hay bị nước lụt, đại-hạn, mất mùa, dân-sự đói khổ, giặc-giã nổi lên đánh phá các nơi, nhất là miền thượng-du Bắc-kỳ bị quân Cờ-đen, Cờ-vàng ở bên Tàu tràn sang quấy nhiễu chỗ dân gian, rất là tàn hại. Đối với ngoại-quốc thì ngài không chịu cho người các nước vào buôn bán trong nước, lại cứ giết hại những kẻ đi đạo Thiên-chúa và các giáo-sĩ người nước Pháp và nước I-pha-nho vào truyền đạo ở nước ta. Vậy nên nước Pháp mới phải dùng binh-lực sang đánh lấy Nam-kỳ, rồi lấy Bắc-kỳ và Trung-kỳ, lập ra cuộc Bảo-hộ ngày nay.

Toát-yếu. — Vua Thiệu-trị (1841-1847) lên làm vua, trở đất Cao-mén và bãi việc chiến-tranh với nước Xiêm. Ngài cấm đạo Thiên-chúa, gây nên mối bất-bình với nước Pháp. Chiến-thuyền của Pháp vào bắn phá ở cửa Đà-nẵng.

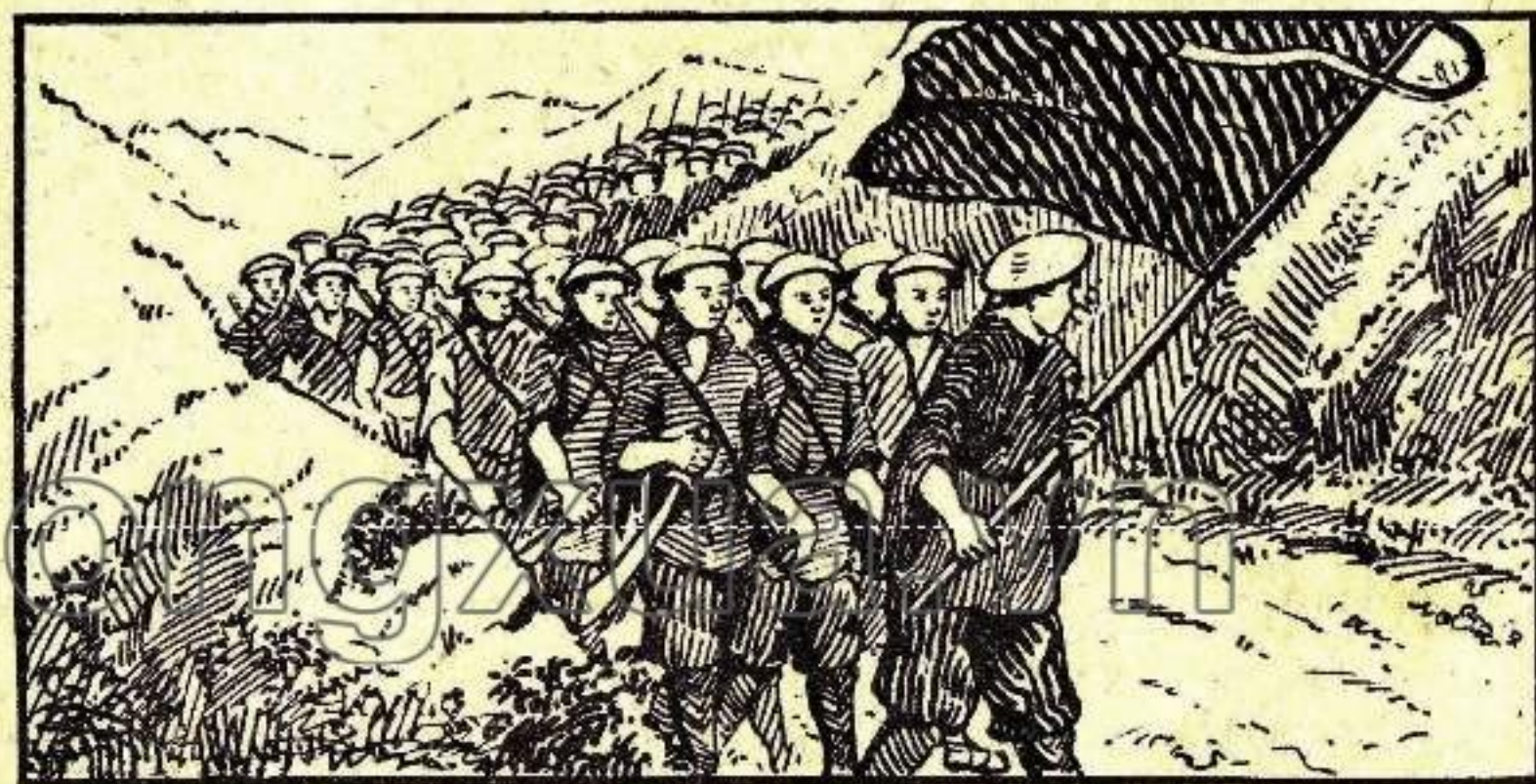
Vua Tự-đức (1847-1883) tuy là ông vua thông minh, thờ mẹ rất có hiếu, nhưng phải khi trong nước nhiều tai biến, giặc cướp đánh phá mọi nơi, làm cho dân gian phải nhiều điều cực khổ. Lại vì sự cấm đạo Thiên-chúa mà giết hại các giáo-sĩ ngoại-quốc, cho nên nước Pháp mới sang đánh lấy nước ta, lập ra cuộc Bảo-hộ ngày nay.

Câu hỏi. — Vua Thiệu-trị lên làm vua làm những việc gì? — Trong đời vua Thiệu-trị chiến-thuyền của nước Pháp vào bắn phá ở đâu và tại có gì? — Vua Tự-đức là ông vua thế nào? — Ngài làm những việc gì? — Trong thời ngài có sự biến loạn gì? — Ngài đối với ngoại-quốc thế nào? — Tại sao quân nước Pháp sang đánh lấy nước ta?

5. — Sự biến loạn trong đời vua Tự-đức.

Từ khi vua Tự-đức lên ngôi, trong nước thường hay loạn-lạc, nhất là ở đất Bắc-kỳ có nhiều giặc-giã hơn cả. Bởi vì đất Bắc-kỳ là đất nhà Lê thuở trước, dân tình còn có nhiều người tưởng

nhớ đến nhà Lê, cho nên những người làm loạn, người thì tự xưng là dòng-dõi nhà Lê, người thì đi tìm⁽¹⁾ một người nào giả nhận là con cháu nhà Lê, tôn lên làm minh-chủ, để lấy cớ mà khởi sự. Lại nhân lúc ấy ở bên Tàu có giặc Thái-bình nổi lên đánh nhà Thanh, đến khi giặc ấy tan, thì dư-đảng chạy tràn sang mạn thượng-du Bắc-kỳ. Thành ra thuở ấy ở Bắc-kỳ nào là giặc



Quân Cờ-đen.

ta, nào là giặc khách, quan quân cứ phải đi đánh dẹp luôn. Nào có thế⁽²⁾ mà thôi đâu, dân gian lại bị nước lụt, đê vỡ, v.v... ở Hưng-yên, đê Văn-giang vỡ 18 năm liền, cả vùng ấy thành ra bãi cát bỏ hoang, dân tình đói khổ, nghề nghiệp không có, cho nên người đi làm giặc càng ngày càng thêm ra.

Những quân giặc đánh phá ở Bắc-kỳ lúc bấy giờ⁽³⁾, thì trước hết ở miền Thái-nguyên có giặc khách gọi là giặc Tam-Đường, vì là ba người tướng đều tên là Đường cả; vùng Sơn-tây có giặc

(1) kiếm — (2) vậy — (3) ấy.

Châu-chấu, vì khi có giặc ấy, châu-chấu ra nhiều lắm, ăn hại mất cả mùa màng. Kể đến giặc tên Phụng, mạo xưng là dòng-dối nhà Lê, nổi lên đánh phá ở vùng Hải-ninh, và tên Nguyễn Văn-Thịnh, tục gọi là Cai-tổng Vàng, cũng nhập đảng với tên Phụng mà đánh phá ở vùng Bắc-ninh.

Khi những giặc ấy dẹp vừa yên, thì tên giặc khách Ngô-Côn đem bọn Hoảng-Sùng-Anh (Cờ-vàng), Lưu-Vĩnh-Phúc (Cờ-đen), Bàn-Văn-Nhị (Cờ-trắng) sang đánh phá ở vùng Thái-nguyên, Tuyên-quang, Hà-giang, Lao-kay bảy giờ. Bọn giặc ấy quấy nhiễu mãi đến khi quân Pháp lập thành cuộc Bảo-hộ mới thôi.

Ấy là nói riêng ở xứ Bắc-kỳ thì vậy, còn ở kinh-thành thì có cháu vua Tự-đức là Đinh-Đạo làm loạn, toan sự cướp ngôi vua. Ở Quảng-nam và ở Nam-kỳ thì có quân nước Pháp và nước I-pha-nho sang đánh.

Nước ta từ xưa đến nay, không có lúc nào loạn-lạc như mấy năm về cuối đời vua Tự-đức vậy.

Toát-yếu. — Về đời vua Tự-đức ở Bắc-kỳ có giặc Tam-Đường, giặc Châu-chấu, giặc tên Phụng, giặc Nguyễn-Văn-Thịnh và giặc khách Cờ-vàng, Cờ-đen, Cờ-trắng.

Bọn giặc khách này quấy nhiễu đến khi quân Pháp sang lập thành cuộc Bảo-hộ mới thôi.

Ở kinh-đô thì có tên Đinh-Đạo làm phản.

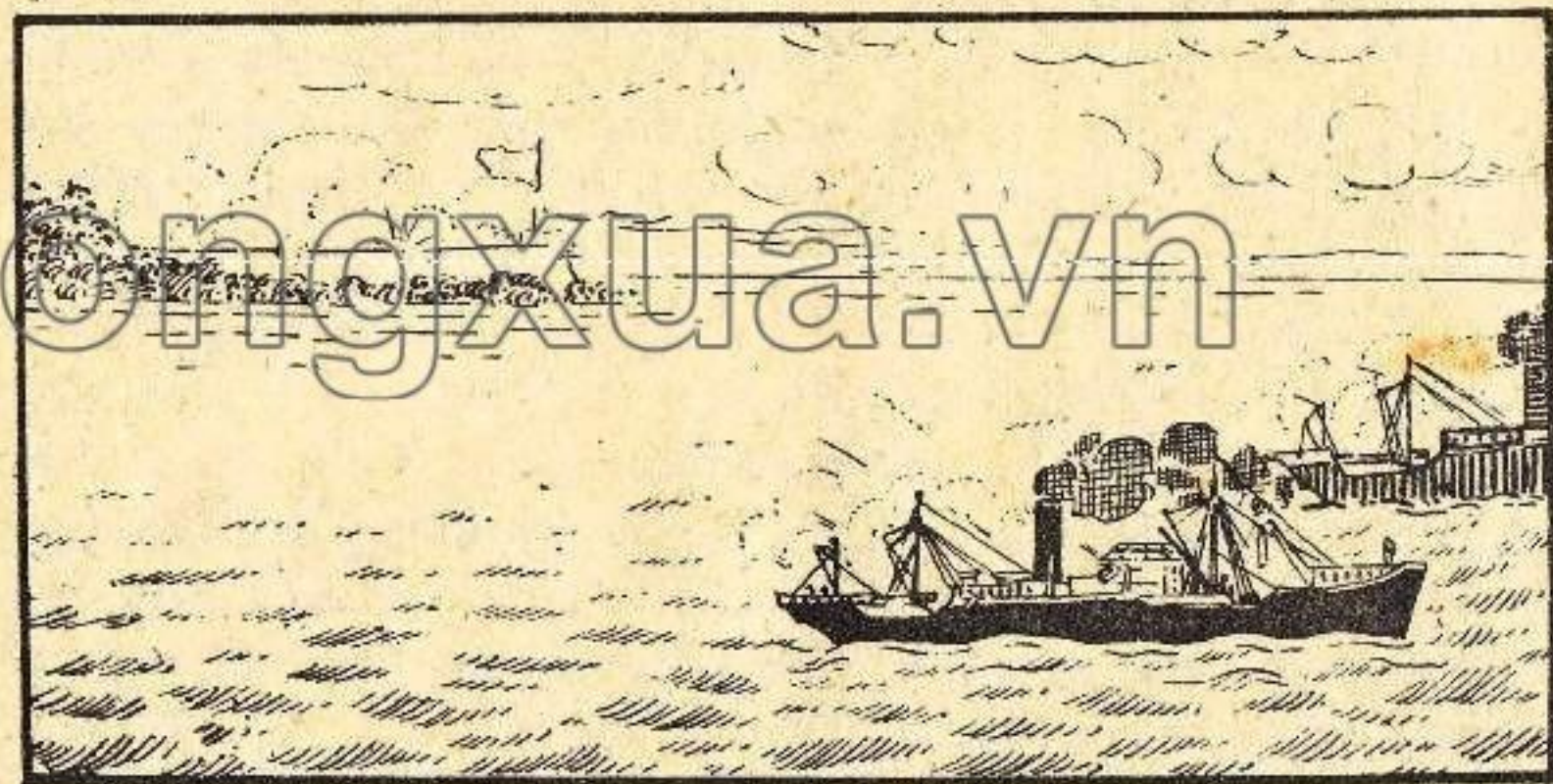
Ở Quảng-nam và ở Nam-kỳ thì có sự chiến-tranh với nước Pháp và nước I-pha-nho.

Câu hỏi. — Về đời vua Tự-đức ở Bắc-kỳ có sự biến loạn gì? — Tại sao lúc ấy những người làm giặc hay xưng là dòng-dối nhà Lê? — Lúc ấy dân Bắc-kỳ còn bị tai nạn gì nữa? — Kể lại những giặc đánh phá ở Bắc-kỳ là những giặc nào? — Ở kinh-đô có sự biến gì? — Thuở ấy ở Nam-kỳ có sự chiến-tranh với nước nào?

CHƯƠNG VI. — CUỘC BẢO-HỘ

1. — Quân Pháp lấy ba tỉnh Nam-kỳ. — Hòa-ước năm 1862.

Đời vua Tự-đức đã lắm giặc-giã và nhiều tai biến, mà sự cấm đạo lại ngặt hơn trước. Những giáo-sĩ nước Pháp và nước I-pha-nho sang giảng đạo bên ta, nhiều người bị bắt-bớ, hoặc bị chém giết. Còn những người sang buôn bán thì không được tự-do. Trước kia nước Pháp đã sai sứ sang điều-định việc thông-



Chiến-thuyền Pháp đánh thành Gia-định.

thương và việc đi giảng đạo. Triều-đình ta không chịu. Nay nhân có sự giết các giáo-sĩ, nước Pháp và nước I-pha-nho bèn sai tướng đem binh thuyền sang đánh.

Năm 1858, chiến-thuyền của nước Pháp và nước I-pha-nho vào cửa Đà-nặng rồi cho quân lên chiếm giữ khu đất ở núi Trà-sơn. Vua Tự-đức liền sai ông Nguyễn Tri-Phương đem quân ra

lập đồn, đắp lũy, đề chống với quân hai nước. Quân Pháp và quân I-pha-nho thấy đánh mãi không tiến lên được, bèn đem quân vào đánh Gia-định.

Ở Gia-định quân lính không luyện tập, súng ống thì đã cỗi cảo, cho nên khi quân Pháp và quân I-pha-nho vào đánh một ngày là hạ ngay được thành Sài-gòn. Vua Tự-đức lại sai ông Nguyễn Tri-Phương vào giữ đất Nam-kỳ. Ông vào lập đồn Kỳ-hòa giữ được mấy tháng, rồi bị quân Pháp đánh một trận; quân ta thua to ⁽¹⁾, ông Nguyễn Tri-Phương bị thương, chạy về Biên-hòa, các tướng tá chết hại rất nhiều.

Quân Pháp phá được đồn Kỳ-hòa rồi, tiến lên đánh Mỹ-tho, Biên-hòa và Vĩnh-long. Trong khi quân Pháp đang đánh ở Nam-kỳ, thì Bắc-kỳ có giặc tên Phung và tên Nguyễn Văn-Thịnh (Cai-tổng Vàng) đánh phá rất dữ. Triều-đình lo sợ, bèn sai ông Phan Thanh-Giản vào Gia-định giảng hòa, phải ký tờ hòa-ước năm Nhâm-tuất (1862), chịu nhường cho nước Pháp ba tỉnh Gia-định, Định-tường (Mỹ-tho) và Biên-hòa, phải trả bốn triệu bạc binh-phí, phải để cho giáo-sĩ đạo Thiên-chúa được quyền tự-do đi giảng đạo, phải mở cửa Đà-nẵng, cửa Ba-lạt, và cửa biển ở Quảng-yên cho người nước Pháp và nước I-pha-nho vào buôn bán. Hòa-ước ấy ký xong quân nước I-pha-nho rút về, nhường quyền thuộc-địa cho nước Pháp.

Toát-yếu. — Vì sự cấm đạo Thiên-chúa và giết giáo-sĩ nước Pháp và nước I-pha-nho, cho nên quân hai nước sang đánh cửa Đà-nẵng, rồi vào đánh lấy tỉnh Gia-định. Triều-đình ở Huế sai ông Nguyễn Tri-Phương vào giữ đất Nam-kỳ. Ông đắp đồn Kỳ-hòa đề chống với quân hai nước. Được mấy tháng đồn vỡ, ông bị thương, chạy về Biên-hòa. Quân hai nước tiến lên đánh lấy Định-tường (Mỹ-tho), Biên-hòa và Vĩnh-long.

(1) nhiều.

Lúc ấy ở Bắc-kỳ cũng có giặc, Triều-đình ở Huế mới sai ông Phan Thanh-Giản vào nghị-hòa, và ký tờ hòa-ước năm Nhâm-tuất (1862).

Câu hỏi. — Vì có gì mà quân Pháp và quân I-pha-nho sang đánh nước ta? — Quân hai nước khởi đầu đánh từ đâu? — Triều-đình ở Huế sai ai đi chống với quân hai nước? — Ông Nguyễn Tri-Phương vào Gia-định giữ ở chỗ nào? — Phá được đồn Kỳ-hòa rồi quân hai nước lấy những tỉnh nào? — Hòa-ước năm Nhâm-tuất định những khoản gì? — Sau khi ký tờ hòa-ước quân I-pha-nho làm thế nào?

2. — Quân Pháp lấy ba tỉnh phía tây đất Nam-kỳ.

Quân nước Pháp lấy xong ba tỉnh phía đông đất Nam-kỳ rồi, sửa-sang mọi việc, xếp đặt cách cai-trị và lo sự đánh dẹp cho



Ông Phan Thanh-Giản uống thuốc độc.

yên. Quân Pháp lại kinh-doanh định việc bảo-hộ nước Cao-mên (1864), bắt nước Xiêm phải rút quân về và nhường quyền bảo-hộ cho nước Pháp.

Quân Pháp lúc ấy trừ tính mọi việc, định mở ra cuộc thuộc-địa lâu dài. Tuy vậy Triều-đình ta ở Huế vẫn không hiểu, còn

muốn tìm cách chuộc ba tỉnh lại, bèn sai bọn ông Phan Thanh-Giản sang sứ bên Tây đề thương nghị việc ấy với Pháp-đình. Pháp-đình không chịu. Ông Phan Thanh-Giản trở về lĩnh chức Kinh-lược-sứ ở ba tỉnh phía tây đất Nam-kỳ.

Triều-đình thấy sự xin chuộc ba tỉnh không xong, lấy làm tức giận, thường cứ tỏ ra ý muốn chống lại với quan Pháp. Lúc ấy lại nhân có nhiều người trong những tỉnh đã thuộc quyền nước Pháp cứ hay nổi lên làm loạn, quan Pháp ngờ cho Triều-đình Việt-Nam ta xui giục những người ấy làm vậy, bèn quyết ý lấy nốt (luôn) ⁽¹⁾ ba tỉnh phía tây.

Tháng 6 năm Tự-đức thứ 20 (1867) quân nước Pháp tiến lên lấy tỉnh Vĩnh-long, An-giang (Châu-đốc) và Hà-tiên. Lúc ấy ông Phan Thanh-Giản biết thế chống lại không nổi, mà thêm thiệt hại cho nhân dân, ông bèn truyền lệnh đi các nơi phải giao thành-trị cho quân Pháp, rồi ông uống thuốc độc mà tự tử.

Bấy giờ ông đã 74 tuổi, làm quan rất thanh-liêm, nhưng chẳng may gặp phải khi nước có biến, biết thế mình không làm gì được, đem tấm lòng son sắt mà báo đền ơn nước, cho hết bồn phận người làm tôi. Khi ông chết, ai cũng lấy làm thương tiếc, quan Pháp cho chiếc tàu binh đem đi-hải ông về táng tại quê nhà.

Từ đó, sáu tỉnh Nam-kỳ thuộc về nước Pháp cai-trị, làm thành một xứ rất phồn-thịnh ngày nay.

Toát-yếu. — Quan Pháp sửa-sang việc cai-trị ở ba tỉnh phía đông xứ Nam-kỳ và kinh-doanh (đình) việc bảo-hộ nước Cao-mên.

Triều-đình ta tuy đã nhường ba tỉnh Nam-kỳ rồi, nhưng vẫn muốn chuộc lại, bèn sai sứ sang Pháp đề thương-nghị việc ấy. Pháp-đình không chịu cho chuộc. Sau vì có người làm loạn ở những tỉnh thuộc quyền nước Pháp, quan Pháp ngờ cho Triều-đình ta xui giục, bèn lấy nốt (luôn) ba tỉnh phía tây.

(1) hết.

Ông Phan Thanh-Giản giao ba tỉnh cho quan Pháp rồi, uống thuốc độc mà tự tử.

Câu hỏi — Triều-đình ta sai ông Phan Thanh-Giản sang sứ bên Pháp có việc gì? — Tại làm sao quân Pháp đánh lấy ba tỉnh phía tây? — Vì lẽ gì mà ông Phan Thanh-Giản giao ba tỉnh cho quân Pháp mà không đánh? — Ông Phan Thanh-Giản là người thế nào?

3. — Quân Pháp đánh Bắc-kỳ lần thứ nhất.

Khi nước Pháp đã lấy xong sáu tỉnh Nam-kỳ và đã xếp đặt mọi việc đầu vào đấy ⁽¹⁾ rồi, Sứy-phủ ở Sài-gòn trừ tỉnh việc ra buôn bán ở Bắc-kỳ.



Quân Pháp lấy thành Hà-nội.

Lúc ấy có một người nước Pháp tên là Jean Dupuis, ta gọi là Đờ-phủ-nghĩa, đi buôn bán ở bên Tàu, biết có con sông Hồng-hà chảy từ đất Văn-nam qua đất Bắc-kỳ ra biển. Ông Dupuis về Pháp mua hàng hóa súng ống định chở qua Bắc-kỳ sang bán cho quan Tàu ở Văn-nam.

(1) đó.

Quan ta ở Bắc-kỳ không thấy có lệnh Triều-đình cho người Pháp chở muối gạo lên Vân-nam, bèn tỏ ý muốn ngăn trở ông Dupuis. Ông Dupuis không chịu, cứ chở hàng lên Vân-nam, rồi đến lúc trở xuống, mộ mấy chục tên lính Cờ-vàng của bọn giặc khách đem về đóng ở Hà-nội.

Triều-đình trong Huế thấy ngoài Bắc có sự lộn-thời như vậy, sai ông Nguyễn-Tri-Phương ra điều-đinh việc ấy, nhưng mãi không xong. Triều-đình nghĩ rằng việc này quan-hệ đến người Pháp, tất phải nhờ đến Sứ-phủ ở Sài-gòn phân xử cho mới xong được, bèn sai quan đem việc ấy vào nói với Sứ-phủ. Sứ-phủ sai quan đại-ủy (quan-ba) Francis Garnier đem mấy chiếc tàu chiến và độ 100 lính ra Bắc-kỳ.

Đại-ủy Francis Garnier ra đến nơi, gặp ông Dupuis đem tàu đi đón, đã kê tính đầu mọi việc. Đến lúc lên Hà-nội, thấy nhiều việc không xúng-y và lại thấy quan ta sửa soạn binh lính, đại-ủy bèn cùng với ông Dupuis hạ lệnh đánh thành (1873). Ông Nguyễn-Tri-Phương trúng đạn bị thương và phải bắt. Ông nhịn ăn mà chết.

Thành Hà-nội thất-thủ rồi, người trong nước náo động lên, và chẳng bao lâu mà thành Hải-dương, Nam-định, Ninh-bình đều mất cả. Quan ta lúc ấy ngỡ-ngác, không biết làm thế nào (1) gọi quân Cờ-đen về để đánh quân Pháp. Quân Cờ-đen ở mạn Sơn-tây về phục ở mạn Cầu-giấy đón đánh quân Pháp và giết mất đại-ủy Francis Garnier.

Tin ấy về đến Sài-gòn, Sứ-phủ cho ông Philastre ra trang-trải (xếp đặt) (2) cho êm việc ở Bắc-kỳ. Ông Philastre ra đến Hà-nội, trả lại các thành cho Triều-đình ta và lập tờ hòa-ước năm Giáp-tuất (1874), cho người Pháp vào buôn bán và giảng đạo ở Bắc-kỳ.

(1) làm sao — (2) điều đình.

Toát-yếu. — Nước Pháp lấy xong Nam-kỳ rồi muốn mở-mang việc buôn bán ở Bắc-kỳ.

Lúc ấy có ông Dupuis chở hàng hóa và súng ống sang Vân-nam, bị quan ta ngăn trở. Sau thành ra việc lộn-thời, ông Nguyễn-Tri-Phương ở trong Huế ra điều-đinh không xong. Triều-đình phải nhờ Sứ-phủ ở Sài-gòn ra phân xử việc ấy.

Sứ-phủ Sài-gòn sai ông Garnier ra Bắc-kỳ. Ông ra đến nơi thấy nhiều sự không vừa ý, bèn hạ lệnh đánh thành Hà-nội, rồi đi lấy Hải-dương, Nam-định, Ninh-bình. Quan ta gọi quân Cờ-đen về đánh quân Pháp, giết mất đại-ủy Francis-Garnier.

Sứ-phủ Sài-gòn sai ông Philastre ra Bắc-kỳ trả lại các thành và ký tờ hòa-ước năm Giáp-tuất (1874).

Câu hỏi. — Ông Dupuis ra Bắc-kỳ định làm việc gì? — Ông chở gì lên Vân-nam? — Tại sao quan ta lại ngăn trở? — Triều-đình ta sai ông Nguyễn-Tri-Phương ra làm gì? — Tại sao Sứ-phủ Sài-gòn sai ông Garnier ra Bắc-kỳ? — Ông Garnier ra Bắc-kỳ rồi có sự biến gì? — Quân Cờ-đen về đánh quân Pháp ở đâu? — Khi ông Garnier chết rồi, Sứ-phủ Sài-gòn làm thế nào? — Ông Philastre ra Hà-nội làm việc gì?

4. — Quân Pháp đánh Bắc-kỳ lần thứ hai.

Nước Pháp trả lại những thành đã lấy ở Bắc-kỳ, rồi lập tờ hòa-ước và đặt lính-sự (1) ở Hà-nội và ở Hải-phòng để coi việc thông-thương. Nhưng lúc ấy ở Bắc-kỳ giặc-giã hãy còn nhiều, ở mạn thượng-du vẫn còn bị giặc khách Cờ-vàng. Cờ-đen quấy nhiễu, và ở mạn Quảng-yên thì đảng tên Phụng vẫn chưa trừ xong. Lại kể đến bọn văn-thân trong Nghệ, Tĩnh thấy bọn giáo-dân (2) có nhiều người theo giúp ông Garnier, bèn đem lòng căm tức, mới nổi lên đi đốt phá các làng đạo và chém giết những người có đạo.

(1) lính — (2) có đạo.

Ở trong Triều thì bối-rối, bề ngoài tuy phải hòa hiếu với quan Pháp mà bề trong vẫn nghi-kỵ, và từ vua quan cho chí những sĩ-phu trong nước, ai cũng tin rằng nước Tàu có thể bênh vực được mình. Vậy nên cứ sai sứ đi lại triều cống bên Tàu, để mong đường cứu-viện.



Ông H. RIVIÈRE

Quan Pháp lúc ấy đã biết rõ tình hình trong nước và lại thấy Triều-đình ta không theo lời ước, cứ sai sứ sang triều cống bên Tàu, bèn quyết ý đánh lấy Bắc-kỳ.

Đến năm nhâm-ngo là năm Tự-đức thứ 35 (1882) Sứy-phủ Sài-gòn sai quan đại-tá (quan năm) Henri Rivière đem hai đội lính thủy, một đội pháo-thủ, cùng một toán lính tập An-nam ra Hà-nội để đánh dẹp giặc-giã ở Bắc-kỳ.

Đại-tá ra đến nơi, thấy quan ta có lòng ngờ-vực, muốn sửa-soạn để chống lại với quân Pháp. Đại-tá liền hạ lệnh đánh lấy thành Hà-nội.

Lúc ấy quan Tổng-đốc Hoàng-Diệu phải thất cổ mà tự-tử. Đại-tá lại đem quân đi lấy Nam-định rồi về xếp đặt mọi cách tiến-thủ.

Triều-đình trong Huế thấy sự tình như thế, một mặt sai quan sang cầu cứu bên Tàu, một mặt truyền cho các quan phải



Ông PAUL BERT

tìm cách chống giữ. Các quan lại gọi quân Cờ-đen về giúp. Quân Cờ-đen về đóng ở phía tây gần thành Hà-nội. Đại-tá Henri Rivière đem quân ra đánh, ra vừa khỏi Hà-nội thì bị quân Cờ-đen bắn chết (1882).

Chính-phủ bên Pháp được tin đại-tá Henri Rivière chết, liền sai tướng đem binh thuyền sang đánh dẹp để lập thành cuộc Bảo-hộ.

Toát-yếu. — Nước Pháp đánh Bắc-kỳ lần thứ nhất, rồi trả lại các thành và lập lãnh-sự ở Hà-nội và ở Hải-phòng.

Đất Bắc-kỳ bấy giờ vẫn nhiều giặc-giã, ở trong Nghệ-an, Hà-tĩnh lại có văn-thân nổi lên giết những người có đạo. Triều-đình thì không giữ lời ước với nước Pháp, lại sai sứ sang triều cống bên Tàu. Vì những lẽ ấy, quan Pháp mới sai ông Henri Rivière ra đánh lấy thành Hà-nội và thành Nam định.

Quan ta gọi quân Cờ-đen về đánh, bắn chết ông Henri Rivière (1882). Chính-phủ pháp sai tướng đem quân sang đánh dẹp, để lập thành cuộc Bảo-hộ.

Câu hỏi. — Sau khi quân Pháp trả các thành ở Bắc-kỳ rồi tình thế trong nước thế nào? — Tại sao Triều-đình vẫn cứ sai quan sang triều cống bên Tàu? — Tại sao quan Pháp sai ông Henri Rivière ra đánh Bắc-kỳ? — Khi mất thành Hà-nội rồi quan ta làm thế nào? — Khi ông Henri Rivière bị giết rồi, chính-phủ Pháp làm thế nào?

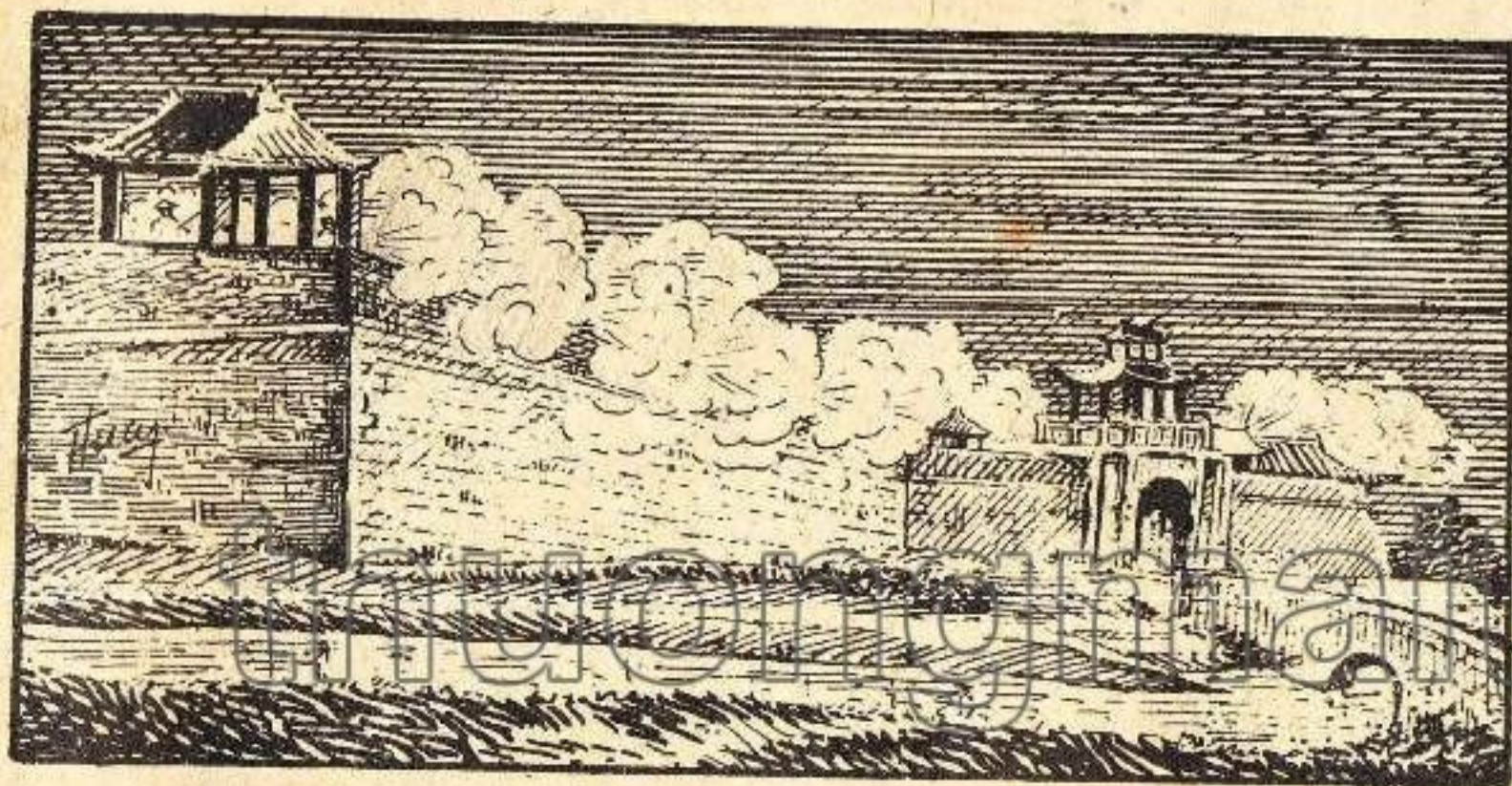
5. — Quân Pháp vào Huế.

Khi bên Pháp được tin đại-tá Henri Rivière đã chết rồi, chính-phủ Pháp một mặt điện sang cho Sứy-phủ Sài-gòn để tiếp quân ra Hà-nội, một mặt sai quan Toàn-quyền Harmand sang kinh-lý việc ở bên nước ta.

Trong khi công việc ở ngoài Bắc còn rối loạn như thế (1), thì ở trong Triều vua Tự-đức mất (1883), các quan đại-thần chuyên

(1) vậy.

quyền, nay lập ông vua này, mai lại lập ông vua khác. Đến khi quan hải-quân trung-tướng Courbet đem 7 chiếc tàu vào bắn phá cửa Thuận-an và chiếm giữ được các đồn lũy, rồi quan Toàn-quyền Harmand lên kinh-đô bắt Triều-đình ta phải ký tờ giao-ước (1883) chịu nhận quyền bảo-hộ của nước Pháp.



Một cái thành cháy.

Triều-đình ta lúc ấy phải phục tùng hai quan Phụ-chính là ông Nguyễn Văn-Tường và Tôn-thất Thuyết. Hai ông ấy uy quyền hống hách, các quan có ai không chịu theo mình, thì hoặc là cách chức đuổi đi, hoặc là đem giết hại đi. Sau vì thế bức mà phải ký nhận cuộc bảo-hộ của nước Pháp, nhưng vẫn lo việc chống với quân Pháp. Ở ngoài Bắc-kỳ quân ta cùng với quân Tàu đánh nhau với quân Pháp ở vùng thượng-du. Ở trong kinh thì ông Tôn-thất Thuyết chuyên giữ binh-quyền, chiêu mộ quân lính, và lập đồn Tân-sở ở Quảng-trị để phòng khi đánh thua, thì lui ra đấy mà chống giữ.

Lúc ấy tướng nước Pháp là ông Courcy ở bên Tây mới sang, thấy các quan trong Triều ngang ngạnh, không thật lòng theo

lời ước đã ký với nước Pháp. Ông bèn đem quân vào Huế, định bắt Triều-đình ta phải theo lời giao-ước mà thi-hành cái chính-sách Bảo-hộ. Không ngờ bất-thình-linh nửa đêm ông Tôn-thất Thuyết khởi sự đánh quân Pháp, rồi sáng hôm sau ông đem vua Hàm-nghi cùng ba bà Thái-hậu chạy ra Quảng-trị (1885).

Lúc ấy đất Kinh-thành rối loạn, quan Phụ-chính Nguyễn Văn-Tường ra điều-đinh với quan Pháp đề rước vua và ba bà Thái-hậu về Kinh. Được ít lâu ông Thuyết đem vua trốn vào rừng, còn ba bà Thái-hậu lại trở về Huế, lập người anh vua Hàm-nghi lên làm vua, tức là vua Đồng-khánh.

Từ đó trong Triều-đình, ngoài các quan, ai cũng một lòng theo chính-sách của chính-phủ Bảo-hộ.

Toát-yếu. — Quân nước Pháp đánh lấy Bắc-kỳ năm trước, thì năm sau vua Tự-đức mất, quyền về hai quan Phụ-chính là ông Nguyễn Văn-Tường và Tôn-thất Thuyết.

Quan hải-quân Courbet đem chiến-thuyền vào đánh lấy cửa Thuận-an, rồi quan Toàn-quyền Harmand lên Huế bắt Triều-đình phải ký tờ giao ước, chịu quyền bảo-hộ của nước Pháp (1883).

Ở Bắc-kỳ quân ta cùng với quân Tàu chống nhau với quân Pháp; ở Kinh thì bọn ông Tôn-thất Thuyết còn muốn chống với Bảo-hộ. Khi tướng nước Pháp là ông Courcy vào Huế để xếp đặt cuộc Bảo-hộ, thì bị ông Thuyết nửa đêm phát quân đánh, rồi sáng hôm sau đem vua chạy ra Quảng-trị (1885).

Các bà Thái-hậu và các quan trở về Huế, tôn vua Đồng-khánh lên ngôi. Từ đó Triều-đình và các quan đều thuận theo chính-sách của Bảo-hộ.

Câu hỏi. — Khi vua Tự-đức mất rồi việc triều-chính ra thế nào? — Quan Toàn-quyền Harmand vào Huế làm gì? — Lúc ấy ai giữ quyền binh ở trong Triều? — Tướng Courcy vào Huế định làm gì? — Ông Tôn-thất Thuyết đem vua và các bà Thái-hậu đi đâu? — Ai ra điều-đinh với quân Pháp đề rước vua về? — Các bà Thái-hậu và các quan lập ai lên làm vua?

6. — Ông Paul Bert và việc đánh dẹp ở nước Nam.

Vua Đồng-khánh đã lên ngôi, vua Hàm-nghi vẫn còn ở vùng

Quảng-bình, đảng văn-thân ở các tỉnh lấy nghĩa cần-vương nổi lên, đánh phá khắp mọi nơi. Ở Bắc-kỳ tuy quân Tàu đã rút về cả, vì chính-phủ Tàu đã ký hòa-ước với nước Pháp, nhận cuộc bảo-hộ bên nước ta, nhưng các quan cự-thần vẫn không chịu, cứ tìm cách chống cự lại với chính-phủ Bảo-hộ. Vậy nên việc đánh dẹp càng ngày càng khó thêm ra.

Chính-phủ Pháp thấy vậy đòi quan thống-tướng Courcy về và cử ông Paul Bert sang kinh-lý việc bên Việt-nam ta (1886).

Ông Paul Bert là một người thông-thái bên nước Pháp và lại có lòng nhân-ái. Khi ông sang đến nước Nam, thấy dân

Đồng-khánh.

gian khổ-sở về sự loạn-lạc, ông cho chiêu mộ mọi người về yên nghiệp làm ăn, sửa-sang các đê-điều và cứu giúp những dân bị lụt ngập, hoặc bị giặc-giã cướp phá.



Ông đặt ra phủ Thống-sứ ở Bắc-kỳ và xin lập ra nha Kinh-lược để coi việc cai-trị trong xứ cho tiện. Ông mở trường Pháp-Việt để dạy trẻ con học tiếng Pháp, lập ra phòng Thương-mại để chủ-trương việc buôn bán, và đặt lệ cho người mở đồn-điền để khai khẩn những đất bỏ hoang.

Ông cùng với vua Đồng-khánh trù tính cách đánh dẹp cho yên mọi nơi. Nhưng công việc chưa xong, thì ông đã mắc bệnh mà mất.

Tuy vậy việc đánh dẹp một ngày một yên dần ⁽¹⁾. Vua Hàm-nghi chẳng bao lâu cũng bị bắt (1888), phải đem sang an trí ở bên Algérie. Còn các quan và đảng văn-thân tuy phần nhiều là người có nghĩa khí, nhưng thế lực không đủ, lâu ngày cũng phải tan cả.

Toát-yếu. — Chính-phủ Bảo-hộ đã lập vua Đồng-khánh lên, nhưng vua Hàm-nghi còn ở vùng Quảng-bình và đảng văn-thân còn đang đánh phá các nơi.

Chính-phủ Pháp cho ông Paul Bert sang kinh-lý việc bên nước ta (1886). Ông là người thông-thái và lại có lòng nhân-ái. Ông lo mở-mang mọi việc và cứu giúp những dân nghèo khổ. Ông trù tính việc đánh dẹp cho yên, nhưng công việc chưa xong, thì ông phải bệnh mất.

Từ đó việc đánh dẹp càng ngày càng bớt dần. Vua Hàm-nghi phải bắt, đem sang ở Algérie. Các quan và đảng văn-thân cũng tan cả.

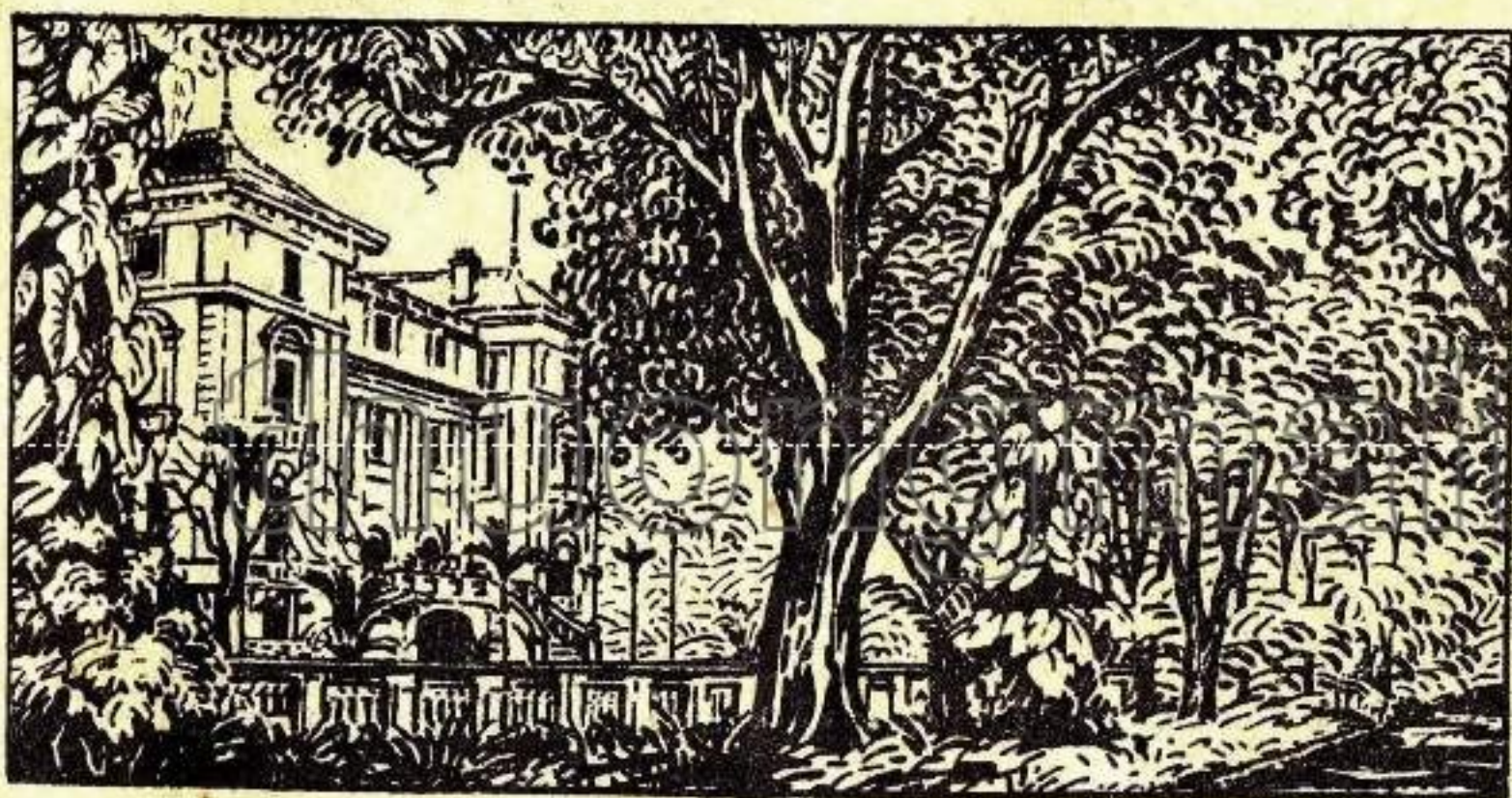
Câu hỏi. — Khi vua Đồng-khánh lên ngôi thì tình thế trong nước thế nào? — Chính-phủ Pháp cho ai sang kinh-lý việc bên ta? Ông Paul Bert là người thế nào? — Ông sang bên ta làm những việc gì? — Vua Hàm-nghi bị thế nào? — Đảng văn-thân là người thế nào?

1) lần.

7. — Việc cai-trị trong các xứ Đông-pháp.

Chính-phủ Bảo-hộ một mặt trù tính việc đánh dẹp các nơi, một mặt lo xếp đặt việc chính-trị ở Đông-pháp. Nước Nam ta thì chia ra làm ba phần là : Nam-kỳ, Trung-kỳ và Bắc-kỳ.

Nam-kỳ là đất thuộc-địa, có quan Thống-đốc làm đầu. Bắc-kỳ và Trung-kỳ là đất Bảo-hộ có quan Thống-sứ và quan Khâm-sứ làm đầu. Ngoài nước Việt-nam ta, lại còn có nước Cao-mên và xứ Ai-lao, cũng thuộc quyền bảo-hộ nước Pháp. Gồm cả năm



Phủ Toàn-quyền.

xứ lại gọi là Đông-pháp, có quan Tổng-thống Toàn-quyền làm đầu, khi thì đóng ở Hà-nội, khi thì đóng ở Sài-gòn.

Đất thuộc-địa Nam-kỳ vẫn chia ra làm tỉnh, phủ, huyện, tổng, xã, như thuở trước. Nhưng mỗi tỉnh có quan cai-trị người Pháp, gọi là quan Tham-biện làm đầu tỉnh. Còn thuộc-hạ như đốc-phủ, phủ, huyện đều là người Nam cả.

Còn những đất Bảo-hộ như Trung-kỳ và Bắc-kỳ thì cách cai-trị cũng không khác ngày xưa là mấy. Duy mỗi tỉnh có quan Nam, lại có quan Bảo-hộ để kiểm-soát mọi việc.

Quan Bảo-hộ thì mỗi tỉnh có quan Công-sứ, quan phó-sứ và các quan tham-biện. Quan Công-sứ có quyền coi cả các việc. Phạm việc sưu thuế, việc công-vụ, việc học-hành, việc gì trong tỉnh cũng thuộc quyền quan Công-sứ cả.

Toát-yếu. — Nước Việt-nam ta chia ra làm ba xứ là Nam-kỳ, Bắc-kỳ và Trung-kỳ. Ngoài ba xứ ấy còn có Cao-mên và Ai-lao cũng thuộc quyền bảo-hộ nước Pháp.

Cả năm xứ gồm lại gọi là Đông-pháp có quan Tổng-thống Toàn-quyền làm đầu.

Mỗi xứ có quan thủ-hiến riêng, như Nam-kỳ là đất thuộc-địa, thì có quan Thống-đốc, còn Bắc-kỳ, Trung-kỳ và những xứ khác là đất Bảo-hộ, thì có quan Thống-sứ, hay Khâm-sứ coi việc chính-trị trong xứ.

Ở những xứ Bảo-hộ thì có những người bản-xứ làm quan, coi việc cai-trị và quan Bảo-hộ, gọi là Công-sứ, kiểm soát mọi việc.

Câu hỏi. — Từ khi lập xong cuộc Bảo-hộ, thì nước Việt-nam ta chia ra làm mấy xứ ? — Đất Đông-pháp gồm cả mấy xứ ? — Ai đứng đầu Đông-pháp ? — Các quan làm thủ-hiến các xứ gọi là gì ? — Cách cai-trị ở các tỉnh trong Nam-kỳ ra thế nào ? — Cách cai-trị ở các tỉnh Bắc-kỳ và Trung-kỳ ra thế nào ? — Quan Bảo-hộ làm đầu tỉnh gọi là gì ? — Quyền quan Công-sứ có những gì ?

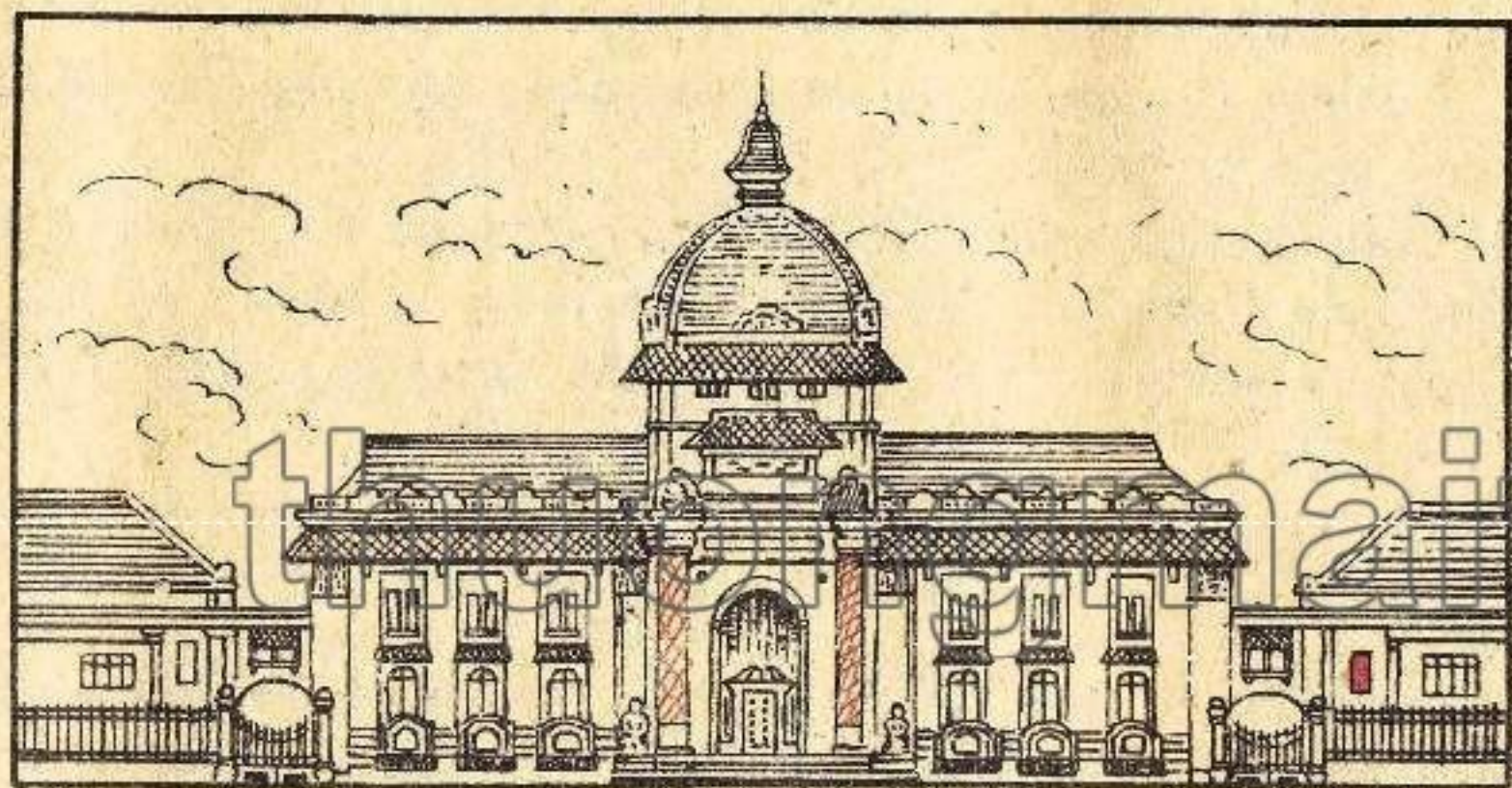
8. — Những công việc của chính-phủ Bảo-hộ.

Việc đánh dẹp đã yên, chính-phủ Bảo-hộ mới lo mở-mang việc học-hành, việc buôn bán và công-nghệ, theo lối Thái-tây. Đem khoa-học bên Tây sang truyền bá khắp mọi nơi.

Hiện nay sự học-hành mở-mang ra nhiều : Ở chỗ thôn-dã thì có các trường sơ-đẳng yếu-lược, dạy trẻ con học bằng tiếng quốc-âm. Ở những tỉnh-ly và những nơi đô-hội thì có trường

sơ-đẳng kiêm-bị. Ở những thành-thị lớn, thì có trường sơ-học cao-đẳng. Ở Hà-nội và ở Sài-gòn thì có các trường trung-đẳng và cao-đẳng để cho thiếu-niên trong nước học tập.

Chính-phủ Bảo-hộ lại lo sửa-sang đường-sá, làm cầu cống, đặt đường xe lửa, làm cho sự giao-thông trong nước được tiện lợi; đào sông ngòi và đem nước vào ruộng, để sự cấy cấy của dân khỏi bị đại-hạn hay nước lụt. Khi xưa trong nước ta có



Trường Cao-đẳng.

nhieu đất bỏ hoang, sự trồng-trọt không được thịnh lợi, nay chính-phủ Bảo-hộ cho mở đồn-điền khắp mọi nơi, sự trồng cà-phê, cao-su, vắn-vắn, càng ngày càng thịnh.

Về đường công-nghệ thì chính-phủ Bảo-hộ khuyến-khích sự khai mỏ và mở các nhà máy, như mỏ than ở Hòn-gay, mỏ kẽm ở Tĩnh-túc, nhà máy sợi máy tơ ở Nam-định, máy làm xi-măng ở Hải-phòng, máy xay gạo ở Chợ-lớn và những xưởng làm tàu biển, vắn vắn... Ấy là những công-nghệ to lớn, còn những công-nghệ nhỏ-nhỏ như làm chiếu, làm đồ gỗ, đồ đồng, vắn-vắn, thì ngày nay cũng nhiều lắm.

Nước ta thuở trước thường bị những bệnh truyền-nhiễm, như bệnh đậu, bệnh tả, bệnh dịch, làm hại mất nhiều người. Nay chính-phủ Bảo-hộ lập ra cuộc Y-tế, mở nhà Bệnh để chữa người đau yếu, và dạy phép giữ vệ-sinh để tránh khỏi những bệnh hay lây.

Ấy là nói tóm tắt những điều to lớn và có ích cho quốc dân ta. Mong rằng quốc dân ta biết giữ sự hòa-bình và cố sức học-hành, làm-lụng, khiến cho mai sau này nước ta nhờ chính-phủ Bảo-hộ lại được cường-thịnh và vẻ-vang hơn xưa.

Toát-yếu. — Chính-phủ Bảo-hộ mở-mang sự học-hành, mở trường sơ-đẳng yếu-lược, trường sơ-đẳng kiêm-bị, trường sơ-học cao-đẳng, trường trung-đẳng và trường cao-đẳng cho thiếu-niên học tập.

Chính-phủ lại làm đường-sá, cầu cống và đặt đường xe lửa cho sự giao-thông được tiện lợi. Đào sông ngòi, đem nước vào (1) ruộng cho tiện việc cấy cấy, khuyến-khích việc trồng-trọt, việc khai mỏ, việc mở các nhà máy, để mở-mang công-nghệ trong nước.

Chính-phủ lại mở ra cuộc Y-tế, để cứu giúp kẻ đau yếu, và chữa các bệnh truyền-nhiễm. Những công việc của chính-phủ Bảo-hộ đều có ích cho nước ta cả.

Câu hỏi. — Sự học ở chỗ nhà quê ta bây giờ có trường gì? — Ở những nơi đô-hội thì có những trường gì? — Ở Hà-nội và ở Sài-gòn có những trường gì? — Về đường giao-thông chính-phủ làm những việc gì? — Về đường canh-nông chính-phủ làm những việc gì? — Việc công-nghệ mở-mang ra làm sao? — Cuộc Y-tế đặt ra để làm gì?

(1) vó.

NĂM	I — SỰ BIẾN CỐ TRONG NƯỚC	II — THỜI-ĐẠI NỘI-THUỘC NƯỚC TÀU
2879-258 trước Tây-lịch kỷ-nguyên	Họ Hồng-bàng	
258-207 —	Nhà Thục	
207-111 —	Nhà Triệu	
111 trước Tây-lịch kỷ-nguyên-39 sau Tây-lịch kỷ-nguyên		Bắc-thuộc lần thứ nhất : Nhà Tây-Hán.
40-43 sau Tây-lịch kỷ-nguyên	Trưng Nữ-vương	
43-544		Bắc-thuộc lần thứ hai : Đông-Hán (25-220) — Đông-Ngô (220-265) — Tần (265-420) — Nam-triều (420-588).
544-602	Nhà Tiên-Lý	
544	Tiên-Lý Nam-đề.	
549	Triệu-Việt-vương.	
571	Hậu-Lý Nam-đề.	
603-939		Bắc-thuộc lần thứ ba : Nhà Tùy (589-617) — Nhà Đường (618-907) — Ngũ-đại (907-959).
722	Mai Hắc-đề khởi nghĩa.	
791	Bô - cái - đại - vương giữ quyền.	
906-923	Họ Khúc dấy nghiệp	
939-944	Nhà Ngô	
945-967	Thập-nhi Sĩ-quân	
968-980	Nhà Đinh	
980-1009	Nhà Tiên-Lê	

NĂM	I — SỰ BIẾN CỐ TRONG NƯỚC	II — THỜI-ĐẠI NỘI-THUỘC NƯỚC TÀU
1010-1225	Nhà Lý	
1010	Vua Lý Thái-tổ lên ngôi và dời đô ra Thăng-long.	
1048	Giặc Nông Trí-Cao.	
1069	Nhà Lý đánh Chiêm-thành lấy đất Quảng-bình, Quảng-trị.	
1073	Lý-Thường-Kiệt đánh Tàu.	
1225-1400	Nhà Trần	
1225	Vua Trần Thái-tôn lên ngôi.	
1257	Quân Mông-cổ ở Vân-nam sang đánh Thăng-long.	
1284	Thoát-Hoan sang đánh lần thứ nhất.	
1287	Thoát-Hoan sang đánh lần thứ hai.	
1306	Vua Chiêm-thành dâng đất Thừa-thiên.	
1383	Vua Chê-Bổng-Nga sang đánh Thăng-long.	
1400-1407	Nhà Hồ	
1400	Hồ-Quý-Lý cướp ngôi nhà Trần.	

NĂM	I — SỰ BIẾN CỐ TRONG NƯỚC	II — THỜI-ĐẠI NỘI-THUỘC NƯỚC TÀU
1402	Nhà Hồ đánh Chiêm-thành lấy đất Quảng-nam, Quảng-ngĩa.	<i>Thuộc nhà Minh.</i>
1406	Nhà Minh đánh nhà Hồ.	
1407-1427		
1408	Nhà Hậu-Trần khởi binh	
1418-1427	Ông Lê Lợi khởi nghĩa.	
1428-1788	<i>Nhà Lê</i>	
1428	Vua Lê Thái-tổ lên ngôi.	
1470	Vua Lê Thánh-tôn đánh Chiêm-thành, lấy đất Bình-dinh.	
1527-1592	<i>Nhà Mạc</i>	
1527	Mạc Đăng-Dung cướp vua nhà Lê.	
1532-1788	<i>Nhà Lê Trung-Hưng</i>	
1532	Ông Nguyễn-Kim lập vua nhà Lê.	
1543	Ông Nguyễn-Kim đánh lấy Nghệ-an và Thanh-hóa.	
1545	Ông Trịnh-Kiểm thay ông Nguyễn-Kim.	
1558	Ông Nguyễn-Hoàng vào trần-thủ đất Thuận-hóa.	

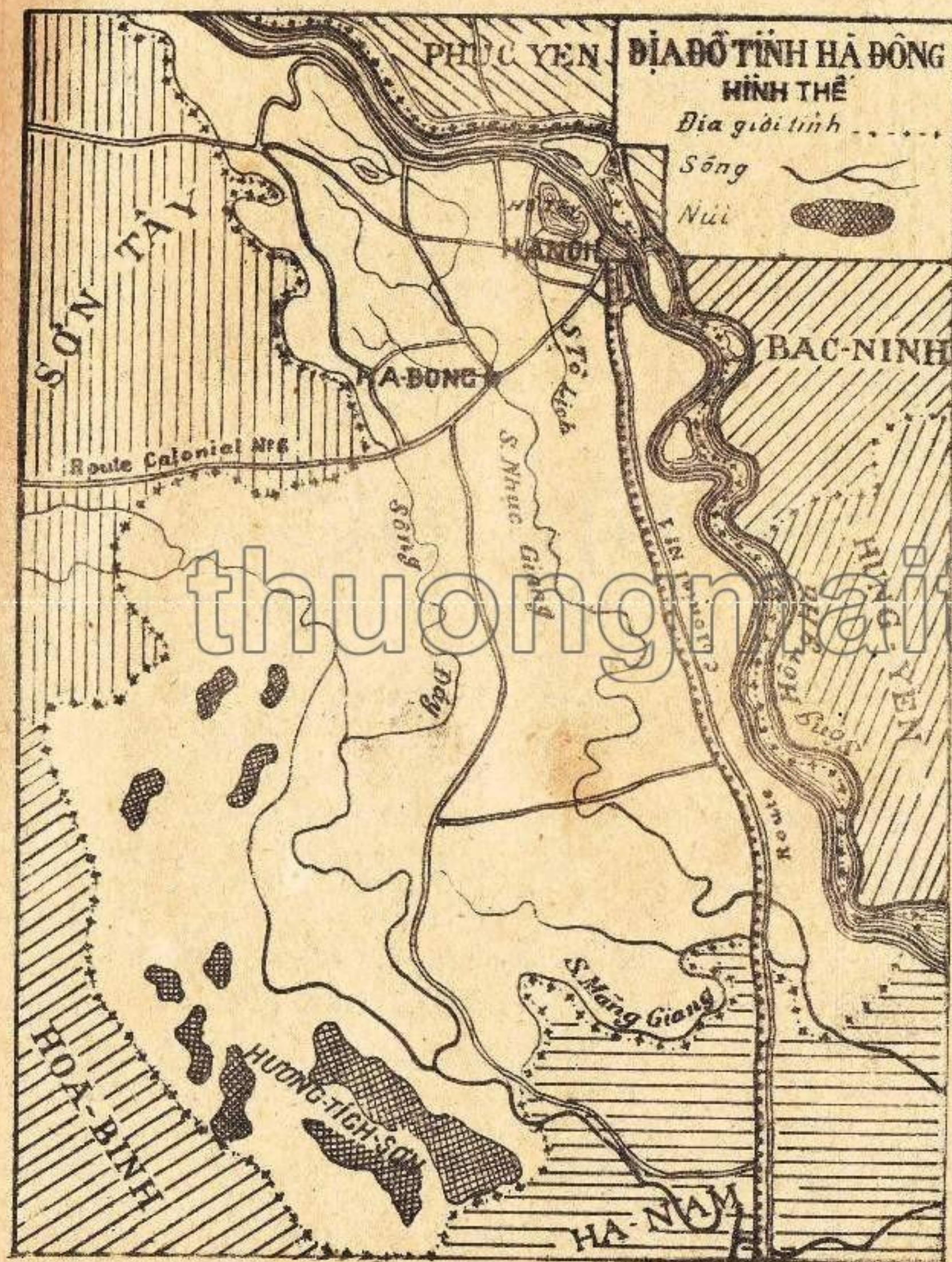
NĂM	I — SỰ BIẾN CỐ TRONG NƯỚC	II — THỜI-ĐẠI NỘI-THUỘC NƯỚC TÀU
1592	Ông Trịnh-Tùng dứt nhà Mạc lấy lại đất Bắc-kỳ.	
1611	Ông Nguyễn-Hoàng đánh Chiêm-thành lấy đất Phú-yên.	
1627-1672	Trịnh-Nguyễn đánh nhau.	
1693	Chúa Nguyễn lấy hết đất Chiêm-thành.	
1698-1757	Chúa Nguyễn lấy đất Cao-mên lập ra sáu tỉnh Nam-kỳ.	
1778-1802	<i>Nhà Nguyễn Tây-sơn.</i>	
1778	Ông Nguyễn-Nhạc làm vua ở Qui-nhơn.	
1780	Ông Nguyễn-Anh xưng vương ở Nam-kỳ.	
1786	Ông Nguyễn-Huệ đánh Bắc-bà dứt nhà Trịnh.	
1789	Ông Nguyễn-Huệ xưng đế và phá quân nhà Thanh ở Thăng-long.	
1802	<i>Nhà Nguyễn.</i>	
1802	Vua Gia-long lên ngôi.	
1820	Vua Minh-mệnh lên ngôi.	
1833	Lê-Văn-Khôi dấy loạn ở Nam-kỳ.	
1835	Lấy nước Cao-mên lập Trần-tây-thành.	
1841	Vua Thiệu-trị lên ngôi.	
1847	Vua Tự-đức lên ngôi.	

III — SỰ CAN-THIỆP CỦA NƯỚC PHÁP

NĂM	
1858	Quân nước Pháp và nước I-pha-nho chiếm giữ núi Trà-sơn (Quảng-nam).
1859	Quân nước Pháp và nước I-pha-nho vào đánh lấy thành Gia-định.
1862	Quân Pháp lấy ba tỉnh Nam-kỳ — Hòa-ước năm Nhâm-tuất (1862).
1876	Quân Pháp lấy ba tỉnh phía tây đất Nam-kỳ — Ông Phan Thanh-Giản tự vẫn.
1873	Quân Pháp đánh Bắc-kỳ lần thứ nhất — Hạ thành Hà-nội — Ông Nguyễn Tri-Phương tử tiết — Ông Francis Garnier tử trận.
1874	Hòa-ước năm Giáp-tuất (1874).
1882	Quân Pháp đánh Bắc-kỳ lần thứ hai — Hạ thành Hà-nội — Ông Hoàng Diệu tuấn nạn — Ông Henri Rivière tử trận.
1883	Vua Tự-đức mất — Ông Harmand làm Toàn-quyền — Ký tờ hòa-ước nhận cuộc Bảo-hộ.
1885	Tôn-thất Thuyết đánh quân Pháp — Vua Hàm-nghi xuất ngoại.
1886	Ông Paul Bert sang làm Toàn-quyền.
1888	Vua Hàm-nghi bị bắt.
1888-1926	Sự đánh dẹp và sự tổ-chức việc cai-trị của Bảo-hộ.

ĐIÀ-DƯ

thuongmaitruongxua.vn



ĐỊA-DƯ

CHƯƠNG THỨ NHẤT

1. — Tỉnh

Lời dẫn. — Trước khi dạy địa-dư toàn xứ, thì cần phải cho trẻ học địa-dư tỉnh nó ở và các tỉnh phụ-cận. Trong sách này không có thể dẫn riêng về tất cả ⁽¹⁾ mọi tỉnh được, cho nên mới đặt ra mấy bài sau này để làm thí-dụ (mẫu). Ông thầy theo những bài ấy, mà đặt những bài mình phải dạy.

Tỉnh Hà-đông (Bắc-kỳ): Vị-trí, giới-hạn, diện-tích, địa-thế, khí-hậu. — Tỉnh ta là tỉnh Hà-đông, một phần thuộc miền châu-thỏ, một phần thuộc miền trung-du xứ Bắc-kỳ, phía bắc giáp tỉnh Sơn-tây và Phúc-yên, phía nam giáp Hà-nam, phía đông giáp Bắc-ninh và Hưng-yên, phía tây giáp Sơn-tây và Hòa-bình. Diện-tích rộng độ chừng 355.556 mẫu tây.

Phần thuộc miền châu-thỏ thì toàn là đồng-bằng, cây-cây trồng-trọt, có đê hộ-vệ ở bờ sông; phần có núi thì ở về phía tây, ngoài châu-thỏ, giáp tỉnh Hòa-bình.

Các chi (ngọn) sông phần nhiều là làm giới-hạn cho tỉnh. Như sông Hồng-hà chảy về phía đông, sông Đáy chảy về phía tây, sông Mang-giang chảy về phía nam, sông Nhục-giang thì chảy qua tỉnh-ly.

Khí-hậu tỉnh Hà-đông cũng như khí-hậu các miền châu-thỏ Bắc-kỳ, chỉ có một phần phủ Mỹ-đức là không được lạnh.

Toát-yếu. — Tỉnh Hà-đông phần nhiều ở về miền châu-thỏ Bắc-kỳ, phía bắc giáp Sơn-tây và Phúc-yên, phía nam giáp Hà-nam, phía đông giáp Bắc-ninh và Hưng-yên, phía tây giáp Sơn-tây và Hòa-bình. Diện-tích rộng độ chừng 355.556 mẫu tây.

(1) hết thầy.

Toàn tỉnh là đồng-bằng, chỉ trừ phía tây là có núi.

Các sông chảy trong tỉnh là sông Hồng-hà chảy ở phía đông, sông Đáy chảy ở phía tây, sông Mang-giang ở phía nam và sông Nhuệ-giang chảy qua tỉnh-ly.

Khí-hậu trong tỉnh thì lạnh, chỉ có về phủ Mỹ-đức là độc.

Câu hỏi. — Tỉnh Hà-đông ở đâu ? — Tỉnh Hà-đông giáp những tỉnh nào ? — Diện-tích rộng bao nhiêu ? — Trong tỉnh về phía nào có núi ? — Những sông nào chảy qua tỉnh ? — Sông nào chảy qua tỉnh-ly ? — Khí-hậu tỉnh Hà-đông thế nào ?

2. — Tỉnh Hà đông: Dân-cư — Sự cai-trị.

Dân số trong tỉnh Hà-đông có tới 800.000 người, hầu (gần) hết là người Việt-nam. Về miền Chợ-bến là miền núi, thuộc phủ Mỹ-đức, có độ 4.000 người Mường.

Về sự cai-trị thì tỉnh chia ra làm phủ, huyện; mỗi phủ hay mỗi huyện lại chia ra làm tổng, xã.

Việc cai-trị trong xã, thì có lý-trưởng là người quan nhận cho làm môi-giới cho dân và quan trên, và có một hội-đồng, gọi là hương-hội. Mỗi hương-hội có chánh, phó hương-hội, thủ-quý, thư-ký, hộ-lại và các tộc-biêu.

Đứng đầu một tổng thì có chánh-tổng và phó-tổng. Chức vụ hai người ấy là phải trông nom ⁽¹⁾ những việc quan-hệ đến các xã trong tổng. Những viên-chức ấy có quyền đốc-suất các lý ⁽²⁾-trưởng, và thuộc quyền các quan phủ, huyện.

Việc cai-trị trong tỉnh, thì có các quan Nam và các quan Pháp đều ở tỉnh-ly. Quan Nam thì có quan tổng-đốc, án-sát, thương-lá và một viên thông-phán cùng các thừa-phái. Tất cả ⁽³⁾ các quan và các viên-chức ấy đều thuộc quyền một quan cai-trị đứng đầu tỉnh là quan Công-sứ. Ngoài những quan bản-xứ, quan

(1) săn-sóc — (2) xã — hết thảy.

Công-sứ lại còn có các quan người Pháp như quan giám-binh, quan thầy-thuốc, quan thương-chính, ông « cầm ».

Toát-yếu. — Dân số tỉnh Hà-đông có độ 800.000 người Việt-nam và 4.000 người Mường ở miền Chợ-bến.

Tỉnh chia ra làm phủ, huyện, có tri-phủ và tri-huyện cai-trị. Phủ, huyện lại chia ra làm tổng, có chánh, phó tổng và xã, có lý-trưởng cùng hương-hội để coi việc cai-trị.

Ở tỉnh-ly có các quan tỉnh là quan tổng-đốc, án-sát, thương-lá. Các quan bản-xứ cùng các quan Pháp như quan giám-binh, ông « cầm » đều thuộc quyền quan Công-sứ.

Câu hỏi. — Số dân cư ở tỉnh Hà-đông có bao nhiêu người ? — Người Mường ở đâu ? — Tỉnh chia ra làm sao ? — Ai cai-trị một xã, một tổng ? — Quan tỉnh là những viên-chức nào ? — Kể các quan Pháp trong tỉnh có những người nào ?

3. — Tỉnh Hà-đông: Cách cai-trị — Đường giao-thông.

Cách cai-trị. — Tỉnh Hà-đông chia ra làm 4 phủ, 6 huyện, 105 tổng và 826 xã.

Tỉnh-ly là Hà-đông trước gọi là Cầu-đor, cách Hà-nội 11 km.

Bốn phủ là :

Hoài-đức cách Hà-đông 9 kilômét, cách Hà-nội 10 kilômét.

Thường-tin cách Hà-đông 14 kilômét, cách Hà-nội 16 kilômét.

Ứng-hòa cách Hà-đông 28 kilômét.

Mỹ-đức cách Hà-đông 41 kilômét.

Sáu huyện là :

Đan-phượng cách Hà-đông 19 kilômét trên con đường đi Sơn-lầy.

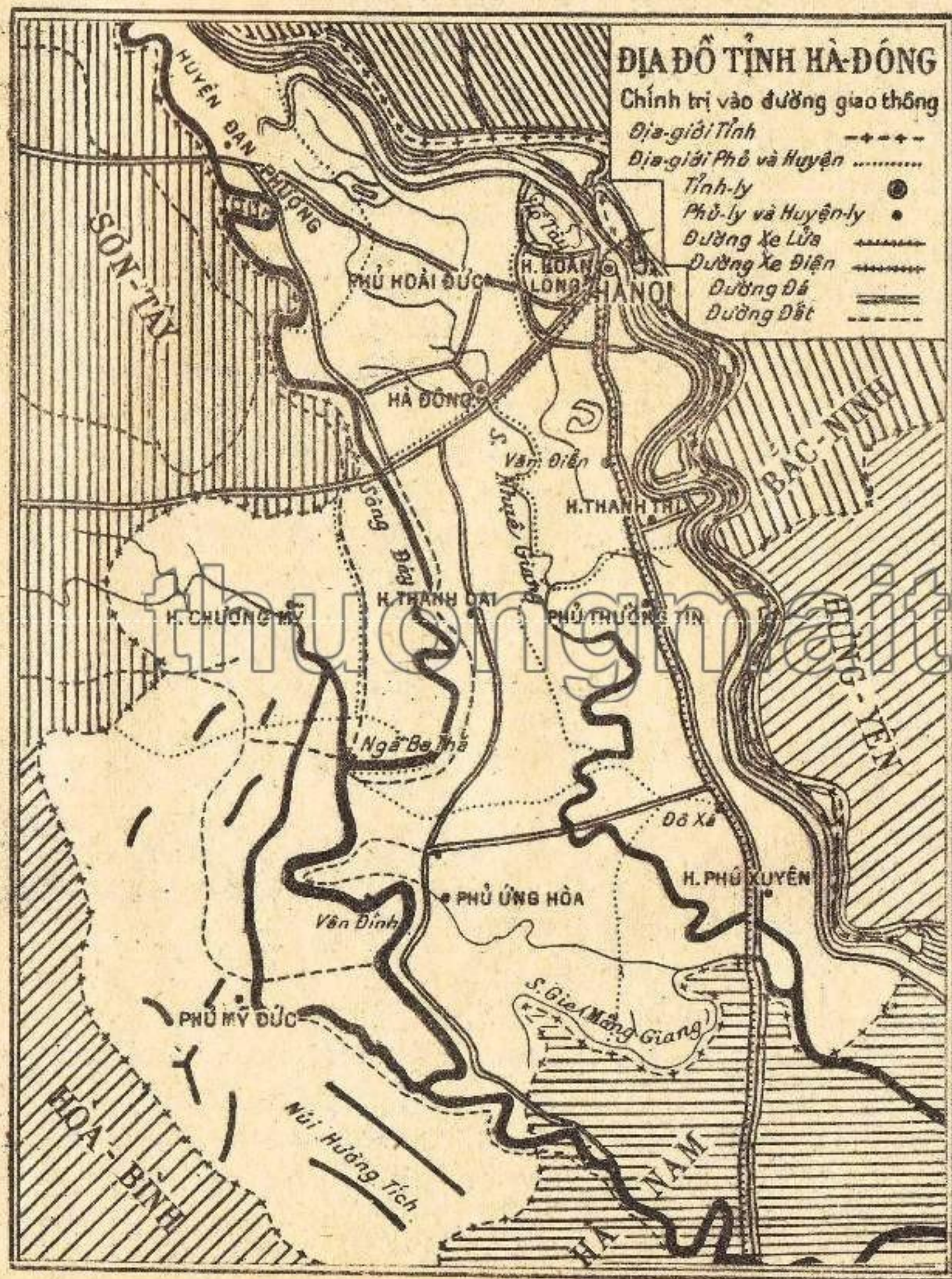
Thanh-oai cách Hà-đông 11 kilômét.

Thanh-tri cách Hà-đông 11 kilômét.

Chương-mỹ cách Hà-đông 17 kilômét.

Phủ-xuyên cách Hà-nội 34 kilômét.

Hoàn-long gần Hà-nội.



Đường giao-thông. — Có nhiều đường giao-thông chạy từ tỉnh-lỵ đến các phủ, huyện, và các chợ lớn. Những đường lớn là: Hà-nội đi Sơn-tây — Hà-nội đi Phủ-lý — Hà-nội đi Hà-đông (11 km).

Hà-đông đi ra sông Hồng-hà qua Văn-diên — Hà-đông đi Văn-dinh (30 km).

Hà-đông đi ra sông Đáy (7 km).

Đường xe-lửa từ Hà-nội đi Vinh, qua địa-hạt tỉnh Hà-đông, một quãng 40 km về hạt Thanh-trì, Thường-tín và Phú-xuyên. Có một đường xe điện chạy từ Hà-nội đến Hà-đông.

Toát-yếu. — Tỉnh Hà-đông chia ra làm 4 phủ, 6 huyện, 105 tổng và 826 xã.

Bốn phủ là: Hoài-đức, Thường-tín, Ứng-hòa, Mỹ-đức.

Sáu huyện là: Đan-phương, Thanh-oai, Thanh-trì, Chương-mỹ, Phú-xuyên, Hoàn-long.

Có nhiều đường giao-thông đi từ tỉnh-lỵ đến các phủ, huyện. Đường xe lửa từ Hà-nội đến Vinh, chạy qua địa-hạt tỉnh Hà-đông trong một quãng 40 km. Có một đường xe điện chạy từ Hà-nội đến Hà-đông.

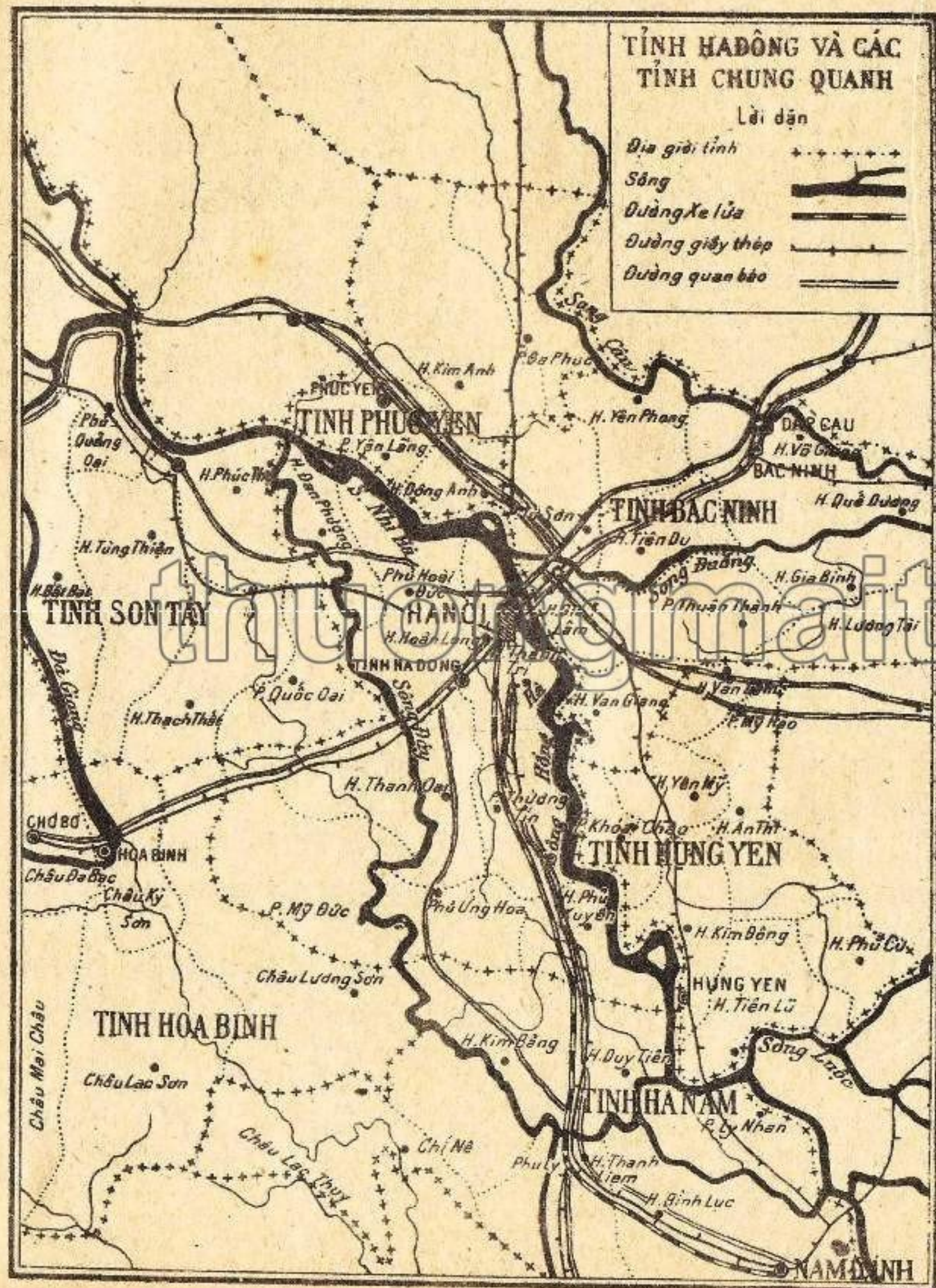
Câu hỏi. — Tỉnh Hà-đông chia ra làm bao nhiêu phủ huyện? — Là những phủ huyện nào? — Những con đường nào chạy trong tỉnh? — Đường xe lửa đi qua địa-hạt tỉnh một quãng dài là bao nhiêu? — Từ Hà-nội đến Hà-đông có những đường giao-thông nào?

4. — Tỉnh Hà-đông: Sản-vật — Công-nghệ — Thương-mại.

Sản-vật. — Tỉnh Hà-đông là một tỉnh canh-nông. Những sản-vật nhiều nhất là thóc (1), ngô (2), khoai, đậu. Người ta còn trồng dâu, thầu-dầu (3), thuốc-lá, mía, chè và các cây ăn trái nữa.

Công-nghệ. — Trong tỉnh có nhiều công-nghệ: ở làng Phù-xá có công-ty làm thuốc nổ, làng Thụy-khuê có nhà máy xe điện,

(1) lúa — (2) bắp — (3) đu-đu-tía.



CHƯƠNG II. — CÁC TỈNH LÂN-CẬN

1. — Sơn-tây — Phúc-yên — Bắc-ninh.

Những tỉnh lân-cận tỉnh Hà-đông là : Sơn-tây, Phúc-yên, Bắc-ninh, Hưng-yên, Hà-nam và Hòa-binh. Bài này nói về ba tỉnh Sơn-tây, Phúc-yên và Bắc-ninh.

Trong ba tỉnh ấy thì tỉnh Sơn-tây diện-tích rộng hơn tỉnh Hà-đông, còn các tỉnh kia thì nhỏ hơn.

Kề về địa-thể thì tỉnh nào cũng có một phần núi, một phần đồng-bằng. Ở Bắc-ninh thì có nhiều núi trọc, nhỏ và thấp. Ở Sơn-tây thì có núi Ba-vi cao hơn cả. Ở Phúc-yên thì về phía tây có dãy núi nhỏ, thuộc về núi Tam-đảo.

Cả ba tỉnh cũng có sông Hồng-hà chảy qua. Ngoài con sông lớn ấy lại còn có sông khác nữa, như sông Đuống, sông Cầu, sông Cà-lồ chảy qua Bắc-ninh và Phúc-yên; sông Đà-giang và sông Đáy chảy qua Sơn-tây.

Dân-cư phần nhiều là người Việt-nam. Ở Phúc-yên và ở Sơn-tây có một ít người Mán.

Bắc-ninh có hai phủ là: Từ-sơn và Thuận-thành; tám huyện là: Yên-phong, Võ-giang, Tiên-du, Quế-duơng, Gia-lâm, Gia-binh, Lang-tài và Văn-giang.

Phúc-yên có hai phủ là: Đa-phúc và Yên-lãng; hai huyện là: Đông-anh và Kim-anh.

Sơn-tây có hai phủ là: Quốc-oai và Quảng-oai; bốn huyện là: Tùng-thiện, Phúc-thọ, Thạch-thất và Bất-bại.

Cả ba tỉnh cũng chuyên về nghề canh-nông. Ở Sơn-tây có một miền có rừng tre nứa và các thứ gỗ⁽¹⁾. Ở Sơn-tây lại có mỏ

(1) cây.

đồng ở về vệ sông Bờ, mỏ sắt ở Đá-trong, mỏ than ở Yên-khoái, và có chỗ lấy đá xanh.

Ở Bắc-ninh có một vài xưởng công-nghệ lớn, như nhà làm giấy và nhà làm đồ hộp ở Thị-cầu, xưởng làm máy ở Gia-lâm. Ở những tỉnh kia thì chỉ có công-nghệ của người Việt-nam thôi.

Bắc-ninh có đường xe lửa Hà-nội-Lạng-sơn chạy qua; Sơn-tây có đường tàu thủy Hà-nội-Chợ-bờ chạy qua. Còn những đường giao-thông thì cũng như là những đường chạy trong tỉnh Hà-đông.

Việc thương-mại do ở các chợ, chỉ quanh ở trong tỉnh, chứ không có hàng hóa chở ra ngoài bán.

Toát-yếu. — Trong các tỉnh lân-cận tỉnh Hà-đông, thì bài này dạy về ba tỉnh: Bắc-ninh, Sơn-tây và Phúc-yên.

Bắc-ninh và Phúc-yên diện-tích hẹp hơn Hà-đông, còn Sơn-tây thì rộng hơn.

Cả ba tỉnh cùng có một phần núi và một phần đồng-bằng. Những sông chảy qua những tỉnh ấy là sông Hồng-hà, sông Đuống, sông Cầu, sông Cà-lồ, sông Đà-giang và sông Đáy.

Bắc-ninh có hai phủ, tám huyện; Phúc-yên có hai phủ, hai huyện; Sơn-tây có hai phủ, bốn huyện.

Cả ba tỉnh cùng chuyên nghề canh-nông; ở Sơn-tây có rừng và có mỏ. Bắc-ninh có một vài xưởng công-nghệ lớn. Bắc-ninh, Phúc-yên có đường xe lửa, Sơn-tây có đường tàu thủy chạy qua.

Việc thương-mại chỉ quanh ở trong tỉnh, không có hàng hóa tải ra ngoài.

Câu hỏi. — Những tỉnh lân-cận tỉnh Hà-đông là những tỉnh nào? — Diện-tích những tỉnh ấy sánh với Hà-đông như thế nào? — Địa-thê thế nào? — Mỗi tỉnh có những sông nào chảy qua? — Mỗi tỉnh có mấy phủ, huyện? — Ở Bắc-ninh có những xưởng công-nghệ nào? — Ở Bắc-ninh, Phúc-yên, Sơn-tây có những đường giao-thông nào?

2. — Hưng-yên — Hà-nam — Hòa-bình.

Hưng-yên và Hà-nam thì diện-tích nhỏ hơn Hà-đông, còn Hòa-bình thì rộng hơn nhiều.

Hưng-yên toàn là đồng-bằng có nhiều sông chảy qua, như sông Hồng-hà ở phía tây, sông Luộc ở phía nam, sông Đáo và sông Cửu-yên ở phía đông. Trong tỉnh lại còn có nhiều sông đào khác nữa. Tỉnh Hà-nam chia ra làm hai phần: một phần ở về tả-ngạn sông Đáy thì là đồng-bằng, còn về phần bên hữu-ngạn thì có nhiều núi. Ở phía đông thì có sông Hồng-hà chảy qua.

Hòa-bình là một tỉnh toàn núi, có nhiều sông chảy qua và lớn nhất là sông Đà-giang.

Khí-hậu ở Hưng-yên thì lạnh, ở Hà-nam thì ấm-thấp, ở Hòa-bình thì độc.

Dân-cư ở Hưng-yên thuần là người Việt-nam, ở Hà-nam thì có một ít người Mường ở châu Lạc-thủy, còn ở Hòa-bình thì thuần là người Mường, Mán, Thái, Mèo.

Hưng-yên có hai phủ là: Khoái-châu và Mỹ-hào, sáu huyện là: Ân-thị, Kim-động, Phú-cử, Tiên-lữ, Yên-mỹ và Văn-lâm. Hà-nam có một phủ là Lý-nhan; bốn huyện là: Duy-tiên, Kim-bằng, Bình-lục, Thanh-liêm và một châu là Lạc-thủy. Hòa-bình có năm châu là: Lạc-sơn, Lương-sơn, Kỳ-sơn, Đà-bắc và Mai-châu.

Hưng-yên là tỉnh canh-nông. Công-nghệ thì chỉ có nghề làm quạt và dệt chiếu. Ở Hà-nam thì dân-cư vừa làm canh-nông vừa làm nghề đánh⁽¹⁾ cá. Lại có nghề làm đá xanh, đá hoa, làm gạch, ngói, vôi, mật. Ở Kẻ-sở có một nhà máy làm thuốc-lá. Ở Hòa-bình có nhiều lâm-sản, như củ-nâu, nấm, măng, lại có mỏ vàng, mỏ than và mỏ đồng.

Cả ba tỉnh cùng có nhiều đường giao-thông. Hưng-yên và Hòa-bình có đường tàu thủy; Hà-nam có đường xe lửa Hà-nội-Vinh chạy qua.

Ở Hưng-yên và Hà-nam thì việc thương-mại thịnh nhất là buôn gạo. Ở Hòa-bình thì người ta thường đem những lâm-sản đổi lấy hàng-hóa ở Trung-châu chở lên bán.

(1) lưới — (2) cầm thạch.

Toát-yếu. — Hưng-yên và Hà-nam diện-tích hẹp hơn Hà-dông, Hòa-bình thì rộng hơn nhiều.

Hưng-yên toàn là đồng-bằng, Hòa-bình thì toàn là núi. Hà-nam thì một phần núi, một phần đồng-bằng. Những sông chảy qua những tỉnh ấy là sông Hồng-hà, sông Luộc chảy qua Hưng-yên, sông Hồng-hà và sông Đáy chảy qua Hà-nam, sông Đà-giang chảy qua Hòa-bình.

Khí-hậu ở Hưng-yên thì lạnh, ở Hà-nam thì ẩm, ở Hòa-bình thì độc.

Dân-cư ở Hưng-yên thì toàn là người Việt-nam, ở Hòa-bình thì có nhiều người Mường, người Mán. Ở châu Lạc-thủy, tỉnh Hà-nam, cũng có người Mường ở.

Hưng-yên có hai phủ, sáu huyện; Hà-nam có một phủ, bốn huyện và một châu; Hòa-bình có năm châu.

Hưng-yên thì chuyên về nghề canh-nông, Hà-nam có nghề canh-nông và nghề đánh cá⁽¹⁾; Hòa-bình có nhiều lâm-sản.

Cả ba tỉnh đều có nhiều đường giao-thông, Hưng-yên và Hòa-bình có đường tàu thủy, Hà-nam có đường xe lửa.

Việc buôn bán thịnh nhất trong ba tỉnh là buôn gạo. Ở Hòa-bình người ta bán những lâm-sản và mua hàng-hóa ở miền Trung-châu.

Câu hỏi. — Diện-tích tỉnh Hưng-yên, Hà-nam, Hòa-bình sánh với Hà-dông là thế nào? — Địa-thể ba tỉnh ấy thế nào? — Mỗi tỉnh có sông nào chảy qua? — Khí-hậu mỗi tỉnh thế nào? — Dân-cư ba tỉnh thế nào? — Mỗi tỉnh có bao nhiêu phủ huyện? — Là những phủ huyện nào? — Trong tỉnh có những công-nghệ gì? — Đường giao-thông có những đường nào? — Việc thương-mại ở mỗi tỉnh thế nào?

(1) chài lưới.

CHƯƠNG III. — ĐÔNG-PHÁP

1. — Đông-pháp: hình thể.

Vị-trí — Giới-hạn — Diện-tích — Núi và cao-nguyên.

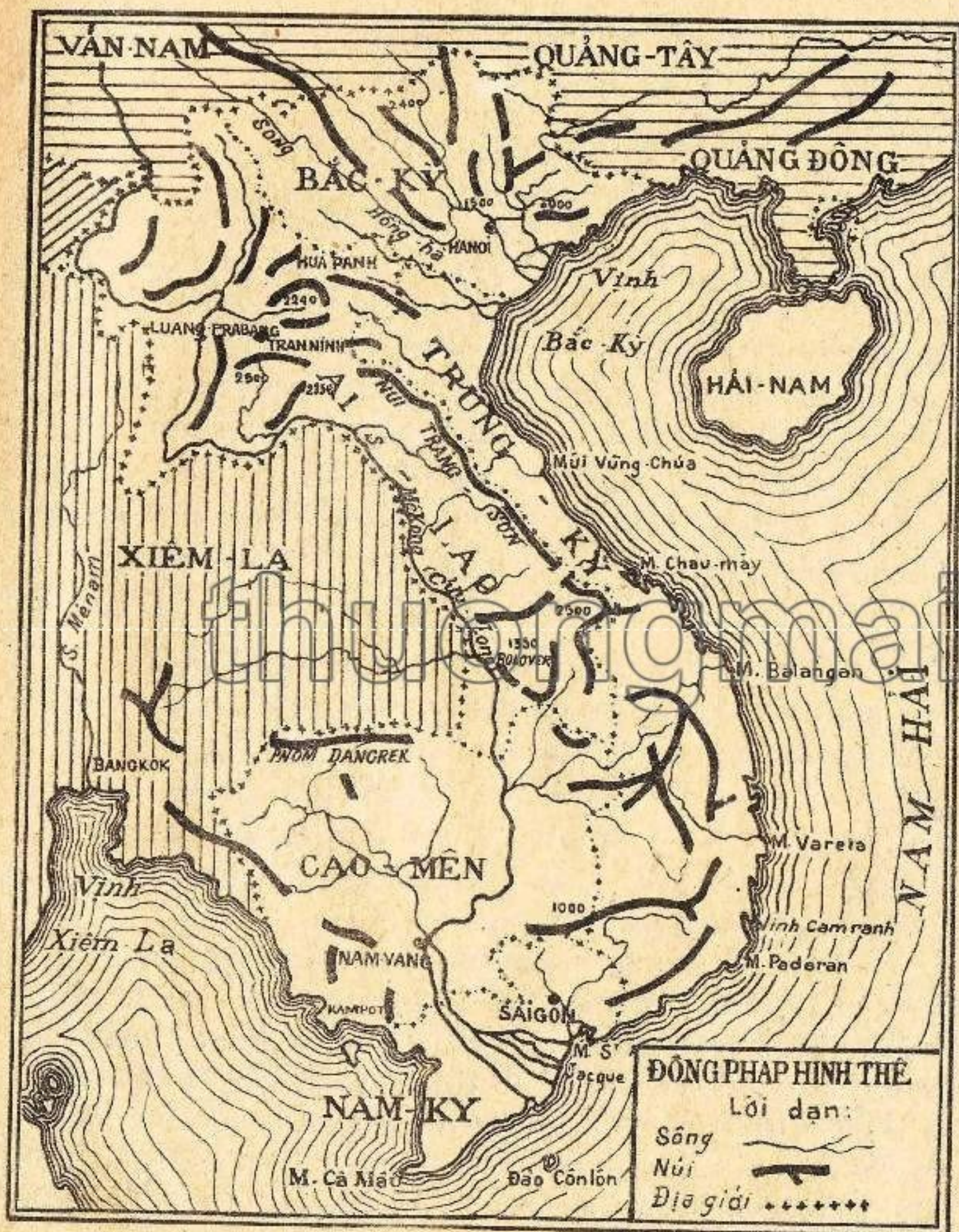
Vị-trí — Giới-hạn — Diện-tích. — Ấn-độ-chi-na là một giải đất lớn ở về phía nam châu Á. Ấn-độ-chi-na có nhiều nước nhỏ là: nước Diến-điện ở phía tây, bán-đảo Ma-lắc-kha ở phía nam, nước Xiêm ở giữa. Ở phía đông thì có nước Việt-nam, nước Cao-mên và xứ Ai-lao. Ba nước ở phía đông ấy thuộc quyền nước Pháp, cho nên gọi gồm cả là Đông-pháp. Nước Việt-nam ta chia ra làm ba xứ là: Bắc-kỳ, Trung-kỳ và Nam-kỳ.

Đông-pháp tây giáp nước Xiêm và nước Diến-điện, bắc giáp nước Trung-hoa, đông và nam giáp vịnh Bắc-kỳ, biển Nam-hải và vịnh Xiêm. Diện-tích Đông-pháp là 700.000 km vuông, chia ra như sau đây:

Nước Việt-nam 312.000 km ²	Bắc-kỳ:	105.000 km vuông.
	Trung-kỳ:	150.000 km vuông.
	Nam-kỳ:	57.000 km vuông.
	Cao-mên:	175.000 km vuông.
	Ai-lao:	214.000 km vuông.

Núi và cao-nguyên. — Ở Đông-pháp có nhiều núi cao, có cao-nguyên và bình-nguyên rộng.

Về phía bắc có một vùng núi rộng bằng một phần lớn xứ Bắc-kỳ và cả vùng Thượng-Lào. Những dãy núi chạy từ tây-bắc về đông-nam, hoặc từ đông-bắc về tây-nam. Ở giữa có những cao-nguyên như Huapanh và Trấn-ninh hay là những thung-lũng hẹp và sâu như về miền thượng-lưu sông Hồng-hà và sông Cửu-long. Về phía tây và phía bắc, thì có những ngọn núi cao tới hơn 2.000 và 3.000 m. Ở vùng châu-thổ xứ Bắc-kỳ có sông Hồng-hà, sông Thái-bình chảy, thì mặt đất thấp, cho nên khi nước sông lên lớn, hay tràn vào ngập lụt hết cả.



Những núi và cao-nguyên ở vùng Thượng-Lao chạy về phía nam, thành dãy núi Tráng-sơn, chạy khắp cả xứ Trung-kỳ và mãi đến Nam-kỳ. Dãy núi ấy về phía đông thì giốc thẳng ra đến biển, ở phía tây thì lan lan đến lưu-vực sông Cửu-long.

Toát-yếu. — Ấn-độ-chi-na ở về đông-nam châu Á, có những nước này: Diên-diện, Xiêm, Việt-nam, Cao-mên và Ai-lao. Nước Việt-nam chia ra Bắc-kỳ, Trung-kỳ và Nam-kỳ cùng nước Cao-mên và Ai-lao gồm lại thành Đông-pháp, diện-tích đo được 700.000 km².

Ở Đông-pháp có nhiều núi cao và các cao-nguyên, bình-nguyên rộng. Về phía bắc có một vùng núi từ Bắc-kỳ sang Thượng-Lao bao-bọc những cao-nguyên và những thung-lũng hẹp, và có ngọn núi cao tới 3.000 m. Vùng núi ấy chạy về phía nam, thành dãy núi Tráng-sơn, chạy khắp Trung-kỳ vào đến Nam-kỳ.

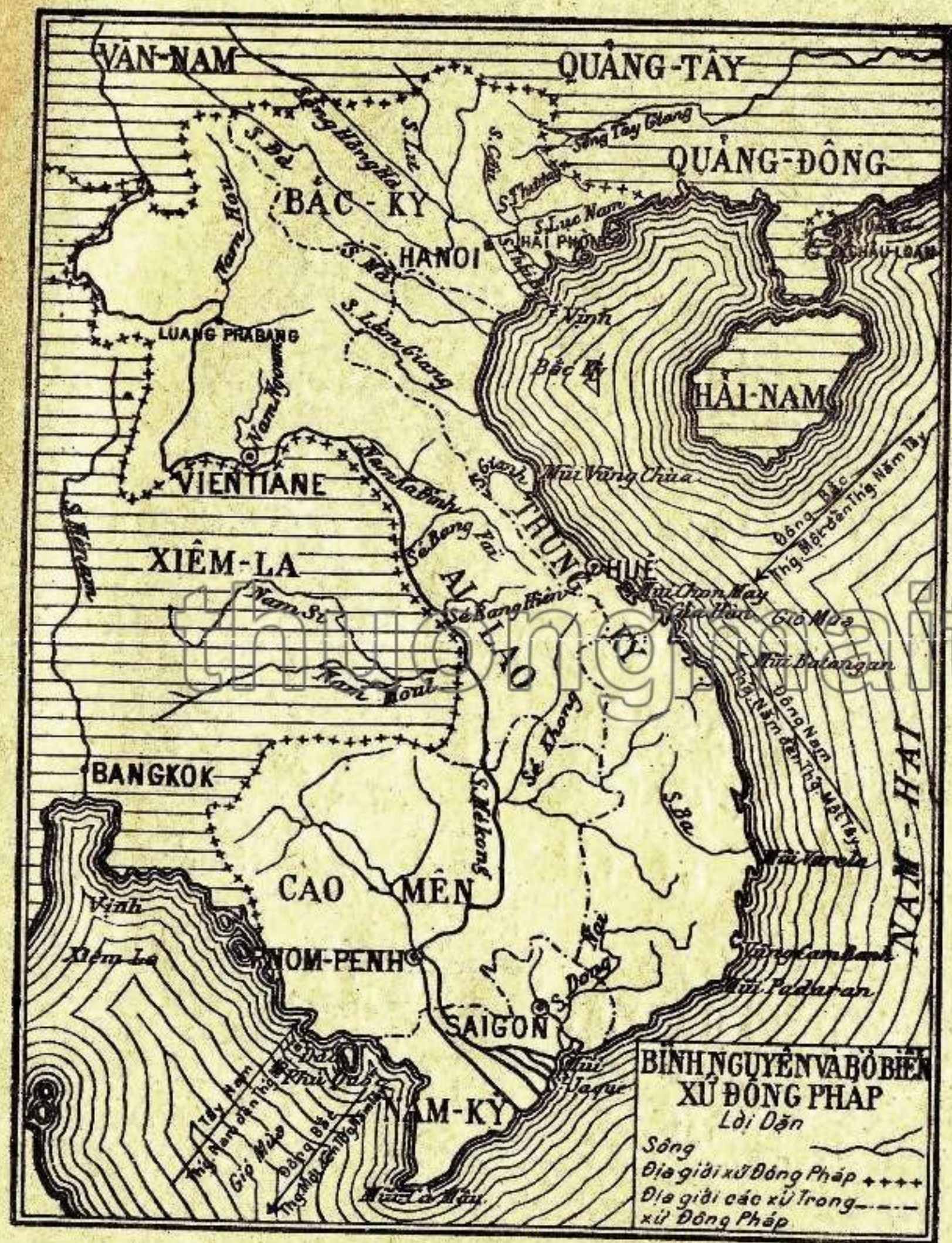
Câu hỏi. — Ấn-độ-chi-na ở đâu? — Ấn-độ-chi-na có những xứ nào? — Đông-pháp có những xứ nào? — Nước Việt-nam chia ra làm mấy xứ? — Đông-pháp giáp giới những đâu? — Diện-tích mỗi xứ ở Đông-pháp là bao nhiêu? — Ở Đông-pháp có những dãy núi nào? — Những dãy núi ấy chạy từ đâu đến đâu? — Dãy núi Tráng-sơn thế nào?

2. — Đông-pháp: hình-thể.

Bình-nguyên và bờ biển.

Bình-nguyên. — Đông-pháp có hai nơi bình-nguyên rộng lắm là vùng châu-thỏ sông Hồng-hà và sông Thái-bình ở Bắc-kỳ, vùng châu-thỏ sông Cửu-long ở Cao-mên và ở Nam-kỳ.

Châu-thỏ sông Hồng-hà và sông Thái-bình gọi là châu-thỏ Bắc-kỳ, là do đất phù-sa hai con sông ấy bồi lên. Đất tốt, người ở đông-đúc, nhưng thấp cho nên về mùa mưa hay bị lụt. Về phía tây dãy núi Tráng-sơn cũng có một cánh đồng-bằng là nơi lưu-vực sông Cửu-long. Châu-thỏ sông Cửu-long là xứ Nam-kỳ cũng thấp như châu-thỏ Bắc-kỳ. Về phía bắc miền châu-thỏ ấy có nhiều nơi trũng, quanh năm có nước, tức là Biền-hồ xứ Cao-mên. Về phía tây miền châu-thỏ ấy có một vùng đất thấp và lầy



mỗi năm người ta khẩn ra được ít đất làm thành ruộng, tức là Thấp-mười và bãi Cà-mau.

Bờ biển. — Bờ biển Đông-pháp hình cong như chữ S, giải độ chừng 2.500 km. Những nơi núi chạy ra đến tận biển như ở vịnh Hạ-long, phía bắc xứ Bắc-kỳ, miền nam xứ Trung-kỳ kể từ mũi Chu-mại trở đi, và ở vịnh Xiêm thì bờ biển cao và lởm-chồm⁽¹⁾ những đá. Về những miền châu-thỏ, thì bờ biển thấp và phẳng.

Vịnh Bắc-kỳ có nhiều cù-lao bao-bọc ở ngoài, bởi vậy có hải-cảng tốt và tàu bè đi lại dễ. Về miền Trung-kỳ và ở vịnh Xiêm, thì hay có bão rất nguy-hiêm cho những tàu bè đi lại.

Toát-yếu. — Đông-pháp có hai nơi bình-nguyên lớn, là châu-thỏ sông Hồng-hà và sông Thái-bình và châu-thỏ sông Cửu-long.

Những bình-nguyên ấy thấp, đất tốt và người ở đông-đúc. Ở bình-nguyên sông Cửu-long có nhiều chỗ trũng, quanh năm có nước.

Bờ biển Đông-pháp hình chữ S, dài tới 2.500 km. Những nơi nào núi ra đến tận biển, thì bờ biển cao và lởm-chồm những đá, còn nơi nào thuộc về châu-thỏ thì bờ biển thấp và phẳng.

Câu hỏi. — Những bình-nguyên lớn ở Đông-pháp là những nơi nào? — Những nơi bình-nguyên ấy đất tốt xấu thế nào? — Bờ biển Đông-pháp hình gì? — giải bao nhiêu? — Những nơi nào cao và lởm-chồm những đá? — Những nơi nào thấp và phẳng? — Tại làm sao ở Trung-kỳ và vịnh Xiêm lại không có hải-cảng tốt?

3. — Đông-pháp: hình-thể.

Khí-hậu.

Đông-pháp là một xứ nóng, nhưng không phải là toàn xứ nơi nào cũng nóng đều.

Nam-kỳ và Cao-mên ở gần đường xích-đạo, thì nóng quanh năm. Ở Sài-gòn và Nam-vang thì nhiệt-độ trung-bình xem ở hàn-thử-biểu, về tháng chạp tây là tháng mát nhất là 25 độ, và về

(1) lởm-chồm.

tháng tư tây là tháng nóng nhất là 30 độ. Càng về mạn bắc thì sự nóng lạnh lại càng khác nhau. Ở Huế thì về tháng hai tây, nhiệt-độ là 20, và về tháng sáu tây là 30 độ. Ở Hà-nội thì về tháng hai tây là 16 độ, về tháng bảy tây là ngoài 30 độ. Ở Xiengkhouang (Trấn-ninh) là một xứ ở trên cao-nguyên, thì về tháng chạp tây là 13 độ, và về tháng sáu tây là 23 độ.

Ở Đông-pháp có thứ gió gọi là *gió mùa*. Từ tháng tư, tháng năm tây cho đến tháng mười, tháng mười một tây, thì gió thổi từ tây-nam về đông-bắc (qua Cao-mên, Nam-kỳ và Ai-lao), gió ấy là *gió nam*, hay là đông-nam về tây-bắc (qua bờ biển Trung-kỳ và Bắc-kỳ), gió ấy là *gió nồm*. Từ tháng mười, tháng mười một đến tháng tư tháng năm tây, thì gió thổi qua khắp cõi Đông-pháp từ đông-bắc về tây-nam, gió ấy là *gió bắc*.

Từ tháng sáu đến tháng mười một tây ở vịnh Bắc-kỳ và bờ biển Trung-kỳ hay có bão.

Gió nồm ở ngoài biển thổi vào Đông-pháp, cho nên hay có mưa. Còn như gió bắc ở miền lục-địa thổi lại, thì lạnh mà không hay mưa.

Khí-hậu Đông-pháp không được lạnh. Về mạn thượng-du có nhiều rừng, thì hay sinh ra bệnh sốt-rét ⁽¹⁾ ngã nước; về mạn thấp và lầy, thì hay sinh ra bệnh sốt-rét ⁽¹⁾ thương-hàn. Người Tây-phương thì hay bị bệnh đau gan, bệnh lỵ, còn người bản-xứ thì hay mắc bệnh thời-khí như bệnh đậu, bệnh tả, bệnh hạch, vân vân... chết hại nhiều lắm.

Chỉ có ở những miền bờ biển như Đồ-sơn ở Bắc-kỳ, Sầm-sơn ở Trung-kỳ và Vũng-tàu (Mũi Saint-Jacques) ở Nam-kỳ, vân vân... và những nơi cao như Tam-đảo, « Xa-bá », Trấn-ninh, Lang-bian, Bokor, vân vân... là khí-hậu lạnh. Người Tây-phương thường hay đến những nơi ấy nghỉ mát và dưỡng sức.

Toát-yếu. — Khí-hậu Đông-pháp nóng. Ở Nam-kỳ và ở Cao-mên thì nóng quanh năm, nhưng càng lên phía bắc, thì nóng lạnh lại càng khác nhau.

(1) nóng lạnh.

Ở Đông-pháp có gió mùa. Từ tháng tư, tháng năm, đến tháng mười, tháng mười một tây, là gió nam hoặc gió nồm, còn thì gió bắc. Gió nồm có nhiều mưa, gió bắc thì lạnh mà không hay mưa.

Khí-hậu Đông-pháp không được lạnh, hay sinh ra nhiều bệnh. Ở miền bờ biển và đỉnh núi thì khí-hậu lạnh.

Câu hỏi. — Khí hậu Đông-pháp thế nào? — Ở Nam-kỳ, Cao-mên, Trung-kỳ, Bắc-kỳ, Xiengkhouang thì nóng lạnh thế nào? — Gió mùa là thế nào? — Hay mưa về mùa nào? — Người Tây-phương, người bản-xứ, chịu khí-hậu thế nào? — Ở những nơi nào có khí-hậu lạnh?

4. — Đông-pháp: hình-thể.

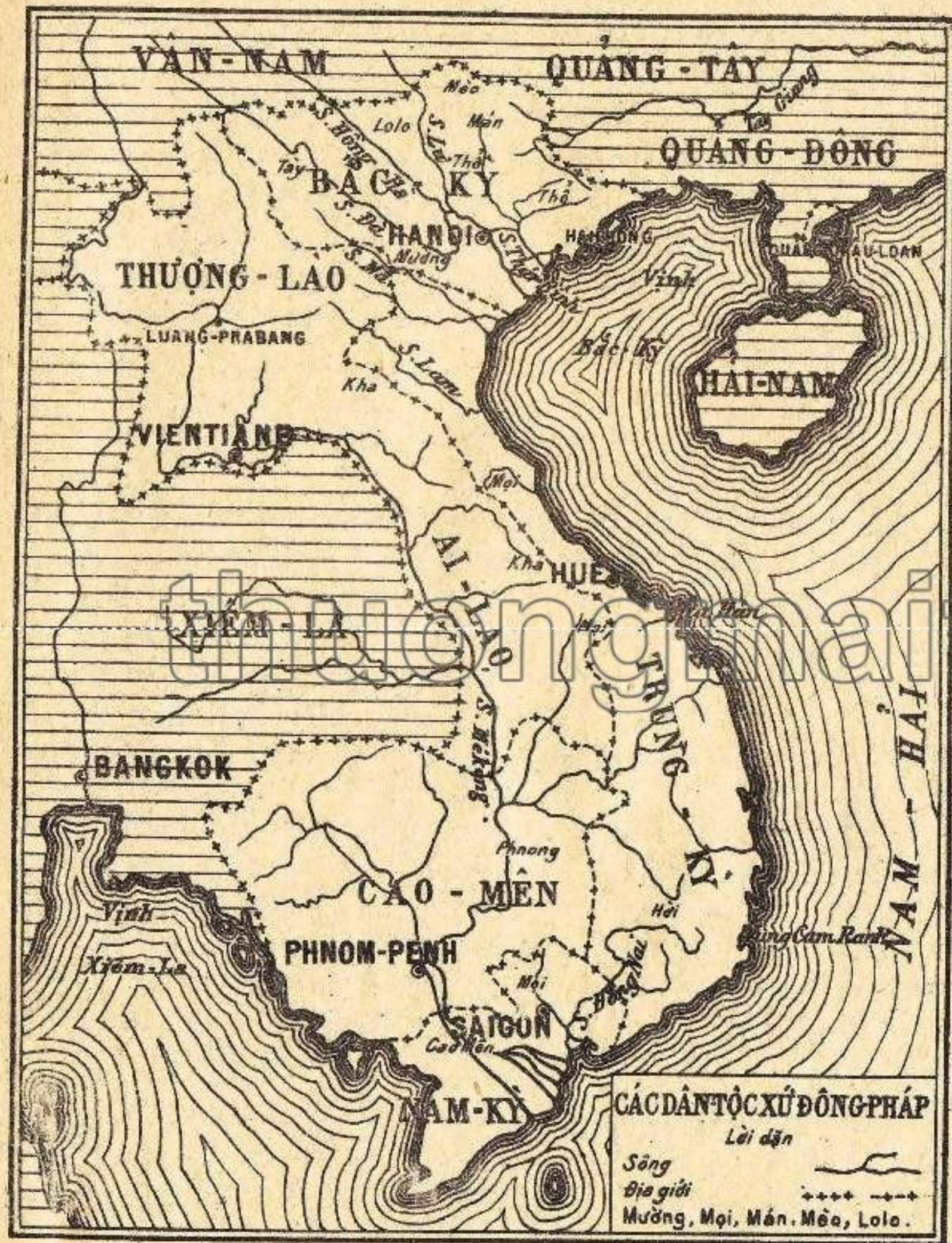
Sông ngòi.

Đông-pháp là xứ hay mưa to ⁽¹⁾, cho nên có nhiều sông ngòi. Những sông ngòi ấy chảy ở hai lưu-vực lớn là lưu-vực sông Hồng-hà và sông Thái-bình, và lưu-vực sông Cửu-long và sông Đồng-nai ở phía tây và phía nam dãy Tráng-sơn. Ở giữa hai lưu-vực ấy có nhiều sông nhỏ, như sông Mã, sông Cả, sông Gianh chảy từ dãy núi Tráng-sơn xuống biển Nam-hải. Ở miền bắc và miền nam lại còn mấy con sông chảy vào sông Tây-giang bên Tàu, hay là chảy ra vịnh Xiêm.

Những sông ấy ở mùa mưa, thì nước hay lên lớn, đầu năm thì nước cạn, rồi từ tháng sáu, tháng bảy tây, thì nước lên. Có khi nước lên lớn sinh ra lụt, rất là tàn hại. Những sông ấy phần nhiều lại chảy qua những miền núi, cho nên hay có thác, có ghềnh. Có một vài ngọn chảy về những miền châu-thỏ. Những châu-thỏ ấy trước là những vịnh, sau vì đất phù-sa bồi lên mà thành ra.

Toát-yếu. — Những sông ngòi ở Đông-pháp chảy ở lưu-vực sông Hồng-hà và sông Thái-bình và lưu-vực sông Cửu-long và sông Đồng-nai. Ở giữa hai lưu-vực ấy có nhiều sông nhỏ chảy từ dãy núi Tráng-sơn xuống biển Nam-hải.

(1) lớn.



Về mùa mưa nước sông lên to hay sinh ra lụt. Sông chảy qua những miền núi rồi chảy về các vùng châu-thỏ.

Câu hỏi.— Sông ở Đông-pháp chia ra bao nhiêu lưu-vực? — Trong những lưu-vực ấy có những sông nào? — Sông ở Đông-pháp có những tính-cách gì đồng nhau? — Châu-thỏ là gì?

5. — Đông-pháp: chính-trị

Dân-cư.

Dân số ở Đông-pháp được 19 triệu người. Về vùng núi và các cao-nguyên thì người ở thưa, các nơi gần sông thì người ở đông hơn và ở các vùng châu-thỏ thì càng đông lắm. Những người ở Đông-pháp có nhiều giống.

Ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ và Nam-kỳ thì phần nhiều là người Việt-nam, ở Cao-mên thì người Mên, ở Ai-lao thì người Lào hay là Lèo.

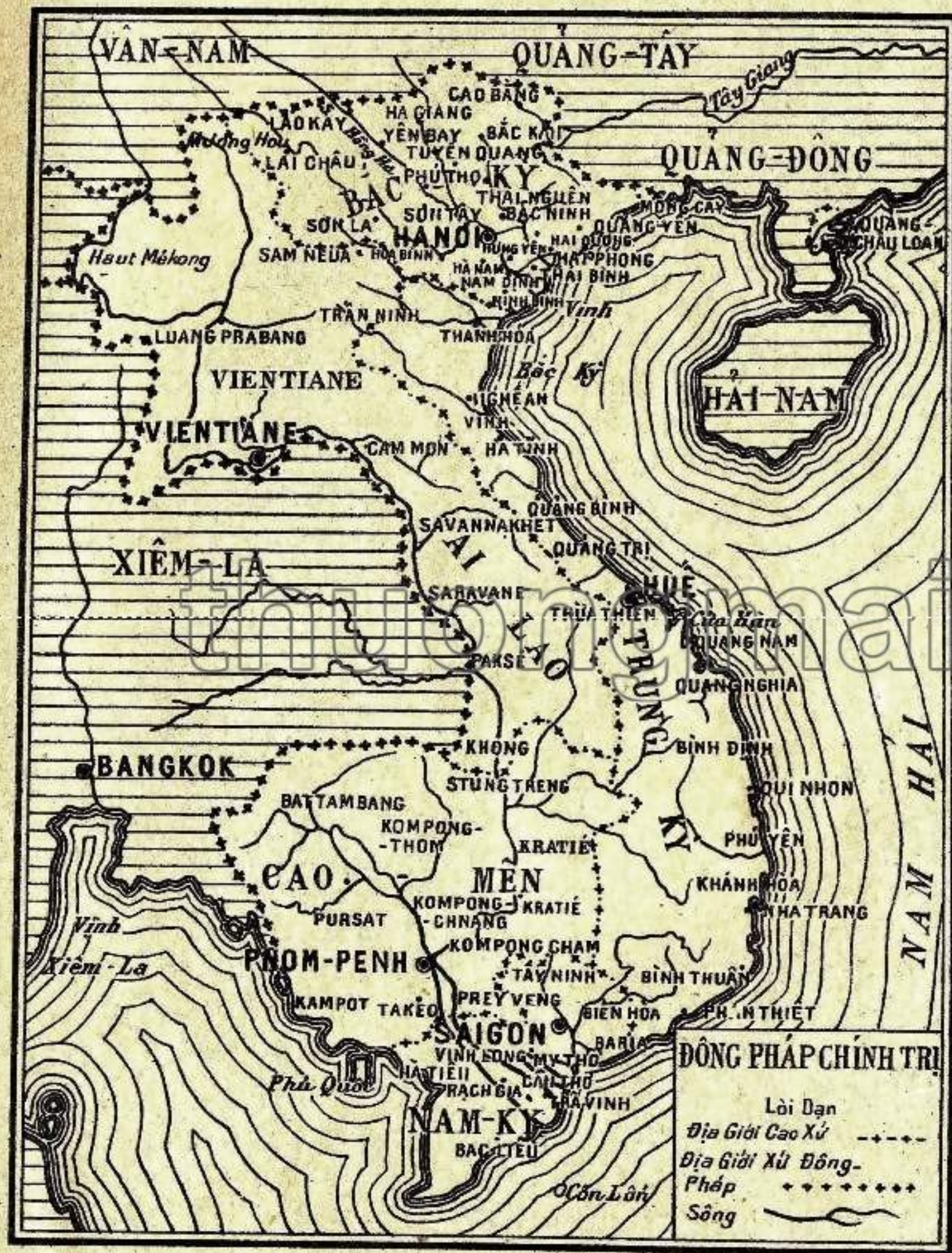
Ở những miền núi có nhiều giống người, như ở thượng-du Bắc-kỳ và ở Thượng-Lao thì có người Mường, người Mán, người Thổ, người Mèo, người Lô-lô. Ở dãy núi Tráng-sơn có những giống người, ta gọi là Mọi, người Cao-mên gọi là Phnông, người Lào gọi là Kha.

Những giống người ấy khi xưa bị người Chiêm-thành và người Cao-mên thuộc văn-minh An-đô, hoặc người Việt-nam và người Thái (Tây) thuộc văn-minh Tàu đánh đuổi, cho nên họ phải lui vào ở những vùng họ ở bây giờ. Kỳ thủy thì người Chiêm-thành ở khắp cả bờ biển Trung-kỳ, còn người Cao-mên thì ở Nam-kỳ và Cao-mên bây giờ. Người Việt-nam ta ở Bắc-kỳ tràn xuống, dần dần (1) chiếm lấy đất Trung-kỳ và Nam-kỳ, còn người Thái thì chiếm giữ đất Lào.

Ngoài những người bản-xứ, ở Đông-pháp lại còn có người Tàu, người Pháp, người Ấn-độ ở tản nát khắp mọi nơi.

Toát-yếu.— Dân số ở Đông-pháp ước chừng được 19 triệu, phần nhiều là người Việt-nam, người Cao-mên và người Lào.

(1) lần lần.



Dân-cư có nhiều giống, và ở những nơi thấp, thì đông-đúc hơn ở các miền núi. Về miền núi, thì có những giống người Thổ, người Mường, người Mán, người Mèo, người Lô-lô ở Bắc-kỳ; người Mọi ở Trung-kỳ; người Kha ở Ai-lao và người Phnông ở Cao-mên. Lại có người Tàu, người Pháp, người Ấn-độ nữa.

Câu hỏi. — Dân số ở Đông-pháp được bao nhiêu? — Dân-cư ở như thế nào? — Những giống người ở vùng núi anh biết những giống nào? — Những giống người ấy ở đâu? — Những giống ấy bị ai đánh đuổi mà lui vào những vùng họ ở bây giờ?

6. — Đông-pháp: chính-trị

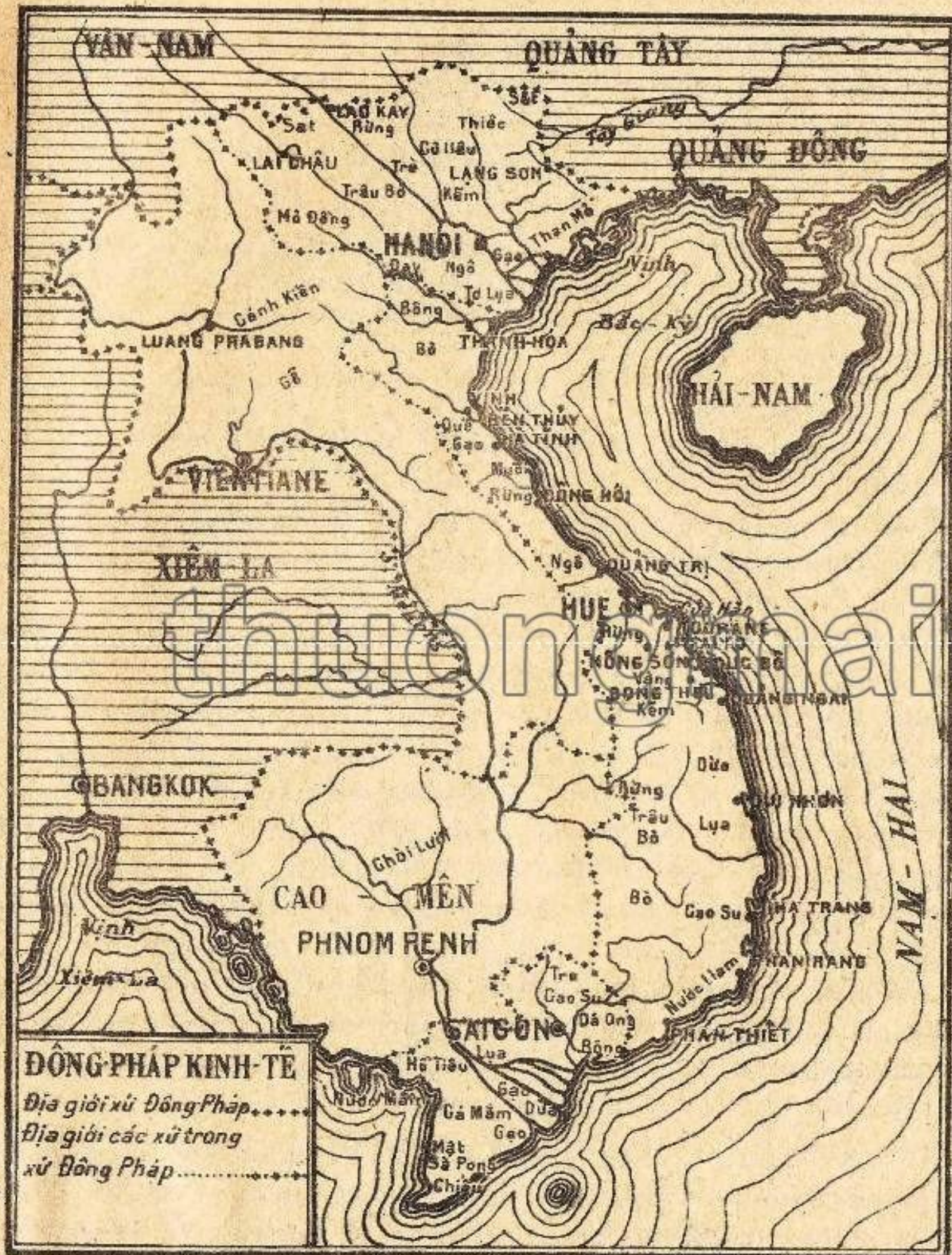
Việc cai-trị.

Đông-pháp là một xứ ở Viễn-đông, thuộc quyền nước Pháp cai-trị. Đông-pháp gồm cả Nam-kỳ là đất thuộc-địa, và Trung-kỳ, Bắc-kỳ, Cao-mên, Ai-lao là đất bảo-hộ.

Cách cai-trị trong mỗi xứ một khác. Ở Nam-kỳ tuy vẫn theo lối cũ chia ra làm phủ, huyện, tổng, xã, mà cách cai-trị thì theo lối của người Pháp đặt ra. Quan thủ-hiến trong xứ là quan Thống-đốc ở Sài-gòn. Ở những xứ bảo-hộ thì cách cai-trị vừa theo lối Pháp, vừa theo lối bản-xứ. Về việc cai-trị bản-xứ, thì có vua và các quan. Nước Pháp chỉ giữ quyền kiểm sát mà thôi. Vua Việt-nam đóng đô ở Huế, vua Cao-mên ở Nam-vang, vua nước Luang-prabang ở Luang-prabang. Đứng đầu mỗi một xứ bảo-hộ có một quan thủ-hiến là quan Thống-sứ Bắc-kỳ thì ở Hà-nội, quan Khâm-sứ Trung-kỳ ở Huế, quan Khâm-sứ Cao-mên ở Nam-vang và quan Thống-sứ Ai-lao ở Vạn-tượng. Đứng đầu tất cả⁽¹⁾ năm xứ thuộc-địa và bảo-hộ, thì có quan Tổng-thống Toàn-quyền, khi thì đóng ở Hà-nội, khi thì đóng ở Sài-gòn.

Toát-yếu. — Đông-pháp có một xứ thuộc-địa là Nam-kỳ và bốn xứ bảo-hộ là Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Cao-mên và Ai-lao. Nam-kỳ thì có quan Thống-đốc cai-trị đóng ở Sài-gòn. Ở những xứ bảo-hộ thì có quan Thống-sứ đóng ở Hà-nội và ở Vạn-tượng, quan

(1) hết thảy.



Khâm-sứ đóng ở Huế, và ở Nam-vang. Vua các nước thuộc quyền bảo-hộ thì đóng đô ở Huế, ở Nam-vang hay ở Luang-prabang.

Tất cả Đông-pháp thuộc quyền quan Tổng-thống Toàn-quyền, khi thì đóng ở Hà-nội, khi thì đóng ở Sài-gòn.

Câu hỏi. — Đông-pháp có những xứ nào? — Cách cai-trị mỗi xứ thế nào? — Quan đứng đầu mỗi xứ là ai? — Các vua bản-xứ đóng ở đâu? — Ai cai-trị cả Đông pháp?

7. — Đông-pháp: kinh-tế.

Các sản vật.

Đông-pháp là một xứ nóng và ẩm-thấp (ướt). Bởi vậy có nhiều rừng, vì cây cối có nóng và ẩm thấp thì mọc lên mới mạnh. Lại là một xứ nhiều ruộng, vì ruộng cũng cần có nhiều mưa, nhiều nắng, như các rừng.

Tất cả (1) những miền núi ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ và Ai-lao đều là những rừng rậm, người ta lấy được nhiều sản-vật có ích và quý, như các thứ gỗ làm nhà, đóng tàu, làm đồ dùng và các thứ cây làm thuốc, tre, nứa, mây, v. v.

Vùng châu-thờ sông Hồng-hà và sông Thái-bình ở Bắc-kỳ, vùng châu-thờ sông Cửu-long ở Cao-mên và Nam-kỳ đất tốt lắm. Lúa cấy không những dư ăn trong xứ, mỗi năm lại xuất-cảng được nhiều lắm. Nước ta từ xưa đến nay vẫn là một nước canh-nông.

Không những người ta trồng lúa, mà lại còn trồng ngô (bắp), khoai, đậu, những cây có trái, chè, cà-phê, hột-tiểu, và những cây dùng trong công-nghệ như vừng (mè), lạc (đậu-phụng), thầu-dầu (2), để ép dầu; bông, gai, đay, để lấy sợi, vãn vãn.... Dân ở bờ sông bờ biển thì làm nghề chài lưới, làm muối hay nước mắm.

Toát-yếu. — Đông-pháp là một xứ nhiều rừng và nhiều ruộng. Rừng thì có gỗ, các thứ cây làm thuốc, tre, nứa, mây. Ruộng thì trồng lúa lấy thóc gạo, mỗi năm xuất-cảng có tới một

(1) hột thây — (2) đu-đu tía

triệu tấn. Người ta lại còn trồng nhiều thứ cây khác ăn được hay là dùng trong công-nghệ. Ở bờ sông, bờ biển thì người ta đánh cá, làm muối.

Câu hỏi. — Lâm-sản ở Đông-pháp có những thứ gì? — Ở Đông-pháp có những thứ cây gì là cây ăn được? — Ở Đông-pháp có những thứ cây gì dùng trong công-nghệ? — Những dân ở bờ sông, bờ biển làm nghề gì?

8. — Đông-pháp : kinh-tế.

Các sản vật.

Ngoài những lâm-sản và nông-sản, ở Đông-pháp lại còn nhiều sản vật khác, hoặc ở trên mặt đất, hoặc ở dưới đất, như các chỗ làm đá và các mỏ. Những sản vật ấy nhiều lắm, nhưng mà người ta tìm ⁽¹⁾ ra chưa được mấy.

Ở miền núi Đông-pháp, thứ nhất ở Bắc-kỳ có nhiều mỏ lắm, như mỏ than, mỏ kẽm, mỏ thiếc, mỏ đồng, mỏ vàng, mỏ bạc.

Ở Bắc-kỳ, ở miền nam Trung-kỳ và ở Nam-kỳ có mấy cái núi có đá xanh, đá tồ-ong, vân vân...

Ở những nơi đồng-bằng, thì có đất sét để nung gạch, ngói, chum ⁽²⁾, vại ⁽³⁾ và đất trắng để làm đồ sứ.

Ở Ai-lao thì có mỏ muối và các thứ ngọc.

Những mỏ ấy người đời trước không biết, mà có biết nữa cũng không biết khai lên mà lấy. Từ khi người Pháp sang bảo-hộ mới bắt đầu khai mỏ. Ngày nay ai tìm được mỏ, Nhà-nước lại cho lính trung cả khu đất mà khai, cho nên sự khai mỏ mỗi ngày một thịnh.

Toát-yếu. — Đông-pháp có nhiều sản vật hoặc ở trên mặt đất, hoặc ở dưới đất, như là chỗ làm đá và mỏ.

Ở Đông-pháp có núi đá hoa và có mỏ than, kẽm, thiếc, đồng, v. v. Ở đồng-bằng có đất sét và đất trắng. Ở Ai-lao có mỏ muối và các thứ ngọc.

(1) kiếm — (2) lu — (3) mái.

Câu hỏi. — Ở mặt đất có những sản vật gì? — Ở dưới đất xứ Đông-pháp có những gì? — Những mỏ lớn ở Đông-pháp là những mỏ gì? — Ở Ai-lao có những mỏ gì?

9. — Đông-pháp : kinh-tế.

Công-nghệ.

Tuy rằng Đông-pháp là một xứ canh-nông, song cũng có một phần dân chuyên về công-nghệ. Trong các xứ Đông-pháp thì Bắc-kỳ là xứ có nhiều công-nghệ hơn cả ⁽¹⁾.

Ở các xứ khác, như ở Cao-mên và Ai-lao thì không có mấy ⁽²⁾ công-nghệ, còn ở Nam-kỳ thì phần-nhiều vào tay người Tàu mất cả.

Ở nước ta ngày trước công-nghệ còn cồ-lỗ sơ-sài ⁽³⁾ lắm. Người ta chỉ biết dệt vải và làm những đồ thường dùng thôi, mà có khi làm cũng không đủ dùng. Từ khi người Pháp sang bảo-hộ ta đến giờ, không những công-nghệ được tinh xảo hơn lên mà lại thêm ra nhiều nữa.

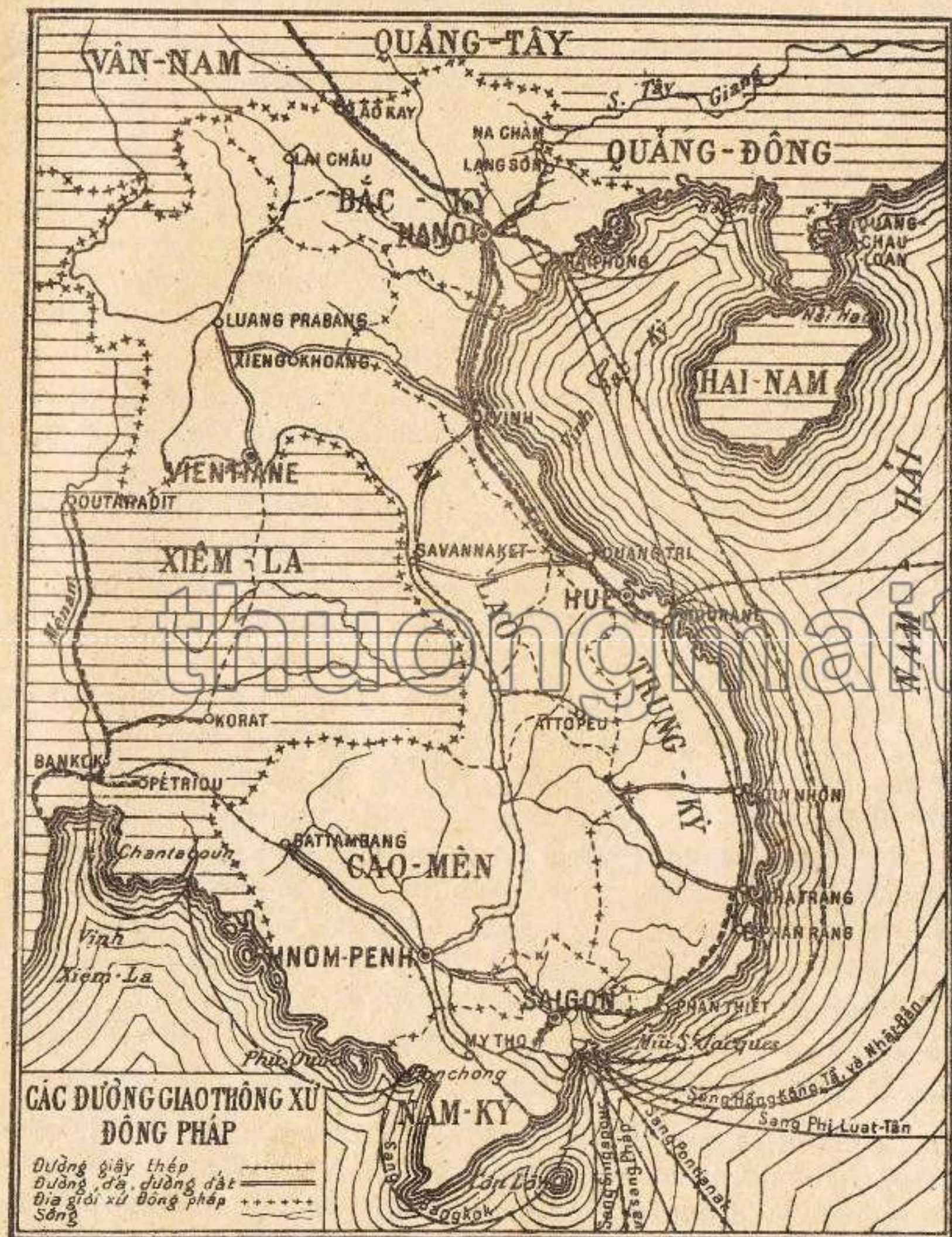
Khi người Pháp chưa sang nước ta, thì những công-nghệ ở trong nước là : nghề đánh cá, làm muối, làm nước mắm, nấu rượu, nung vôi, gạch, ngói, chum ⁽⁴⁾, vại ⁽⁵⁾, nghề đúc, nghề thêu, cần, chạm, nghề làm đồ vàng bạc, nghề nuôi tằm, vân vân....

Những công-nghệ các nước khác đem đến là : máy xay gạo, máy rượu, máy ép dầu, máy sợi, máy diêm ⁽⁶⁾, máy thuốc-lá, làm xà-phòng, thủy tinh, máy nước, máy điện, máy xi-moong, nghề khai mỏ, nghề làm gạch, ngói, nhà máy chế các chất hóa-học.

Những tỉnh ở Đông-pháp có nhiều công-nghệ là : Hà-nội, Hải-phòng, Nam-định, Bắc-ninh ở Bắc-kỳ ; Vinh, Huế ở Trung-kỳ ; Sài-gòn, Chợ-lớn ở Nam-kỳ.

Toát-yếu. — Bắc-kỳ là xứ có nhiều công-nghệ nhất Đông-pháp. Công-nghệ ở nước ta thuở trước còn cồ-lỗ (sơ-sài) lắm. Từ khi người Pháp sang bảo-hộ nước ta, thì công-nghệ được tinh xảo và nhiều thêm ra.

(1) hết — (2) chút — (3) vụng về — (4) lu — (5) mái — (6) hộp quẹt.



Những tỉnh ở Đông-pháp có nhiều công-nghệ là : Hà-nội, Hải-phòng, Nam-định ở Bắc-kỳ ; Vinh và Huế ở Trung-kỳ ; Sài-gòn và Chợ-lớn ở Nam-kỳ.

Câu hỏi. — Trong Đông-pháp thì xứ nào nhiều công-nghệ hơn cả ? — Ở Nam-kỳ thì công-nghệ vào tay ai ? — Công-nghệ thuở trước ở nước ta thế nào ? — Khi người Pháp chưa sang nước ta thì công-nghệ có những gì ? — Người Pháp đem những công-nghệ gì sang nước ta ? — Những tỉnh có nhiều công-nghệ là những tỉnh nào ?

10. — Đông-pháp: kinh-tế.

Đường giao-thông — Việc thương-mại — Các thương-cảng.

Đường giao-thông. — Ngày trước ở nước ta chỉ có những đường hẹp và cách đi lại thì chỉ có đi ngựa và đi cáng là tiện hơn cả. Vận-tải⁽¹⁾ các hàng hóa thì bằng xe một bánh và xe bò. Đường thủy thì chỉ có thuyền mảnh⁽²⁾ đi lại các sông cùng ven biển, không bao giờ dám ra khơi.

Từ khi người Pháp sang đến giờ, đường-sá mở-mang ra nhiều. Hiện nay có 13.000 km đường rải đá, 10.000 km đường đất xe ô-tô có thể chạy được và 7.000 km đang đắp. Người Pháp lại đem sang nhiều thứ xe khác vận-tải mau và tiện lợi, như là xe tay, xe ngựa, xe ô-tô. Lại đặt ra hơn 2.000 km đường xe lửa nữa. Lại có tàu thủy chạy trong nước, chạy sang Tàu, sang Nhật và sang Pháp.

Việc thương-mại và các thương-cảng. — Đường giao-thông nhiều, sự vận-tải mau, cho nên việc thương-mại cũng được phát đạt.

Những thứ hàng mà ta xuất-cảng nhiều nhất là những thực-phẩm như gạo, có tới 70/100 số hàng xuất-cảng, cá, ngô⁽³⁾, hột tiêu, rồi đến than mỏ, quặng (quánh), thiếc, kẽm, lụa, da và cao-su.

Những thứ hàng nhập-cảng là lụa, vải, bao (bì) gai, kim-khí và các đồ dùng bằng kim-khí, rượu, nha-phấn và dầu hỏa⁽⁴⁾.

(1) chở chuyên — (2) ghe bầu — (3) bắp — (4) dầu lửa.

Miền châu-thỏ ở vào giữa những núi thuộc về miền trung-du, hình tam-giác, đầu nhọn giáp Việt-trì, bề dưới giáp vịnh Bắc-kỳ. Miền châu-thỏ ấy cũng như các châu-thỏ khác, trước là cái vịnh, sau có phù-sa sông Hồng-hà và sông Thái-bình lấp đi mà thành châu-thỏ. Những núi nhỏ, như núi ở Phù-liễn và ở Đồ-sơn, trước là những cù-lao ở giữa vịnh, sau vì đất phù-sa bồi lên cho nên mới nối với đất liền.

Bờ biển. — Về phía bắc từ Mông-cái đến cù-lao Cát-bà thì bờ biển nhiều đá và nhiều chỗ lồi chỗ lõm: Vịnh Bái-tử-long và Hạ-long có nhiều núi và có cù-lao Cái-bầu, cù-lao Cái-bản và cù-lao Cát-bà đứng chắn ở ngoài.

Về phía nam đảo Cát-bà thì bờ biển thấp có những cửa sông chảy ra.

Có hai cái đèn biển (vọng-dăng) để chỉ lối cho những tàu vào Hải-phòng, một cái ở quần-đảo Noway, một cái ở Hòn-đầu.

Toát-yếu. — Bắc-kỳ ở về phía bắc Đông-pháp, bắc giáp nước Tàu, tây và nam giáp Ai-lao và Trung-kỳ, đông giáp vịnh Bắc-kỳ.

Bắc-kỳ chia ra làm ba phần: Thượng-du có nhiều núi, Trung-du và Châu-thỏ.

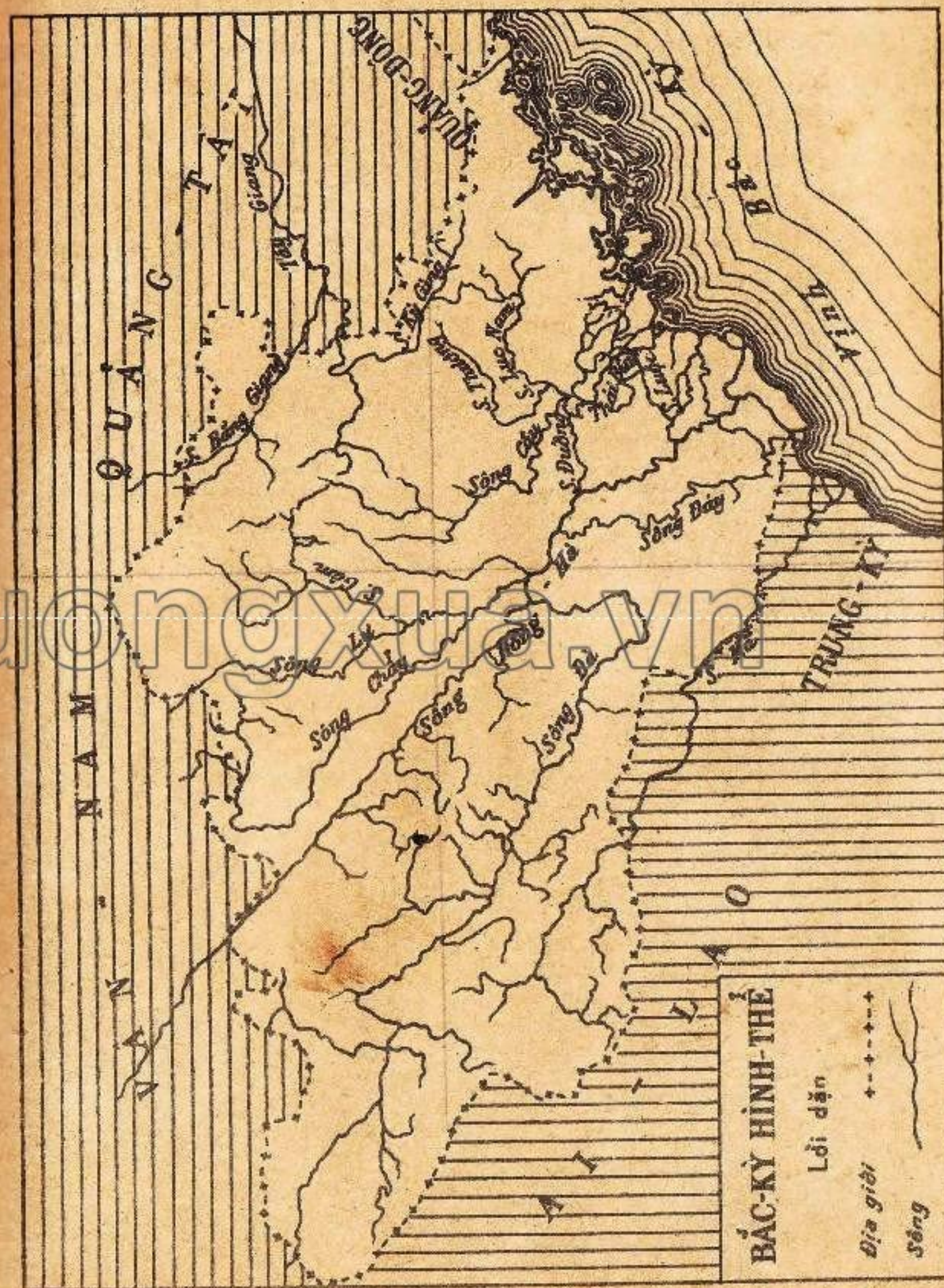
Bờ biển Bắc-kỳ từ Mông-cái đến cù-lao Cát-bà thì có nhiều đá, còn về miền nam thì thấp và có nhiều cửa sông.

Câu hỏi. — Bắc-kỳ ở đâu? — Bắc-kỳ giáp giới những xứ nào? — Diện-tích Bắc-kỳ được bao nhiêu? — Bắc-kỳ có mấy miền? — Miền thượng-du thế nào? — Miền châu-thỏ thế nào? — Bờ biển Bắc-kỳ thế nào? — Bờ biển Bắc-kỳ chỗ nào có nhiều đá? — Chỗ nào thấp và nhiều cửa sông?

2. — Bắc-kỳ: hình-thể.

Khí-hậu — **Sông-ngòi.**

Khí-hậu. — Ở xứ Bắc-kỳ có hai mùa khác nhau, là mùa nóng và mùa lạnh. Mùa nóng từ tháng ba, tháng tư, đến tháng tám, tháng chín; mùa lạnh từ tháng tám, tháng chín, đến tháng



ba, tháng tư. Những tháng nóng lắm hàn-thử-biêu lên tới 35 độ; những tháng lạnh lắm xuống tới dưới 15 độ. Về miền thượng-du thì nóng lạnh lại khác nhau hơn nữa. Về tháng giêng, tháng hai, lại hay có mưa phùn.

Về mùa gió nồm thổi, từ tháng ba, tháng tư đến tháng chín, tháng mười, thì hay mưa. Từ tháng bảy đến tháng mười thì ở vịnh Bắc-kỳ hay có bão.

Sông-ngòi. — Sông-ngòi ở Bắc-kỳ chảy trong hai lưu-vực:

a) Sông Bằng-giang, sông Kỳ-cung và sông Bắc-giang chảy vào lưu-vực sông Tây-giang bên Tàu;

b) Sông Thái-bình và sông Hồng-hà cùng các phụ lưu là sông Lục-nam, sông Thương, sông Cầu, sông Đáy, sông Lô-giang, sông Chảy và sông Đà-giang.

Về mùa mưa thì nước sông Thái-bình và sông Hồng-hà hay lên lớn và hay tràn vào đồng-bằng làm thành lụt ngập. Những nơi gần sông người ta phải đắp đê để giữ nước.

Nước sông Thái-bình và sông Hồng-hà có nhiều phù-sa bồi lên, vậy lòng sông hay có bãi nổi lên, tàu đi hay mắc cạn; cửa sông cũng có bãi, nhưng tàu lớn phải chờ nước thủy-triều lên mới qua được.

Toát-yếu. — Bắc-kỳ có hai mùa: mùa nóng, hàn-thử-biêu lên tới 35 độ, và mùa lạnh xuống quá 15 độ.

Về tháng giêng, tháng hai, hay có mưa phùn; từ tháng bảy đến tháng mười ở vịnh Bắc-kỳ hay có bão.

Sông-ngòi ở Bắc-kỳ chảy vào hai lưu-vực; lưu-vực sông Tây-giang chảy vào biển Nam-hải và lưu-vực sông Thái-bình và sông Hồng-hà chảy vào vịnh Bắc-kỳ.

Câu hỏi. — Thi-tiết ở Bắc-kỳ thế nào? — Mưa phùn là thế nào? — Bao giờ hay có mưa phùn? — Mùa nào hay mưa? — Mùa nào hay có bão? — Sông-ngòi ở Bắc-kỳ chảy vào mấy lưu-vực? — Các anh biết gì về sông Thái-bình và sông Hồng-hà? — Nước sông lên lớn về mùa nào? — Người ta làm gì để giữ nước? — Ở sông có những điều gì ngăn trở tàu-bè đi lại?

3. — Bắc-kỳ: chính-trị,

Dân-cư — Việc cai-trị — Các tỉnh.

Dân-cư. — Dân-cư xứ Bắc-kỳ được chừng 7 triệu 30 vạn người, có nhiều giống khác nhau.

Về miền thượng-du thì có người Mường, Thổ, Mèo, Mán, Yao. Những giống người ấy hãy còn dã-man, không có công-nghệ, không biết buôn-bán.

Người Việt-nam độ 5 triệu 30 vạn, ở miền châu-thổ, chuyên nghề canh-nông và chài-lưới, không thích buôn-bán.

Việc cai-trị. — Bắc-kỳ là đất bảo-hộ, có quan cai-trị vừa người Pháp vừa người Nam. Việc cai-trị một xã, thì có hương-hội, đứng đầu là chánh-hương-hội và có lý-trưởng là người thừa hành mọi việc. Nhiều làng hợp lại thành một tổng, có chánh-tổng và phó-tổng cai-trị. Nhiều tổng hợp lại thành một phủ, một huyện, hay một châu, có tri-phủ, tri-huyện, hay tri-châu cai-trị. Nhiều phủ, huyện hợp lại thành một tỉnh, có quan tỉnh và các quan người Pháp cai-trị. Đứng đầu một tỉnh thì có quan Công-sứ.

Đứng đầu cả các quan Tây và ta, thì có quan Thống-sứ ở Hà-nội.

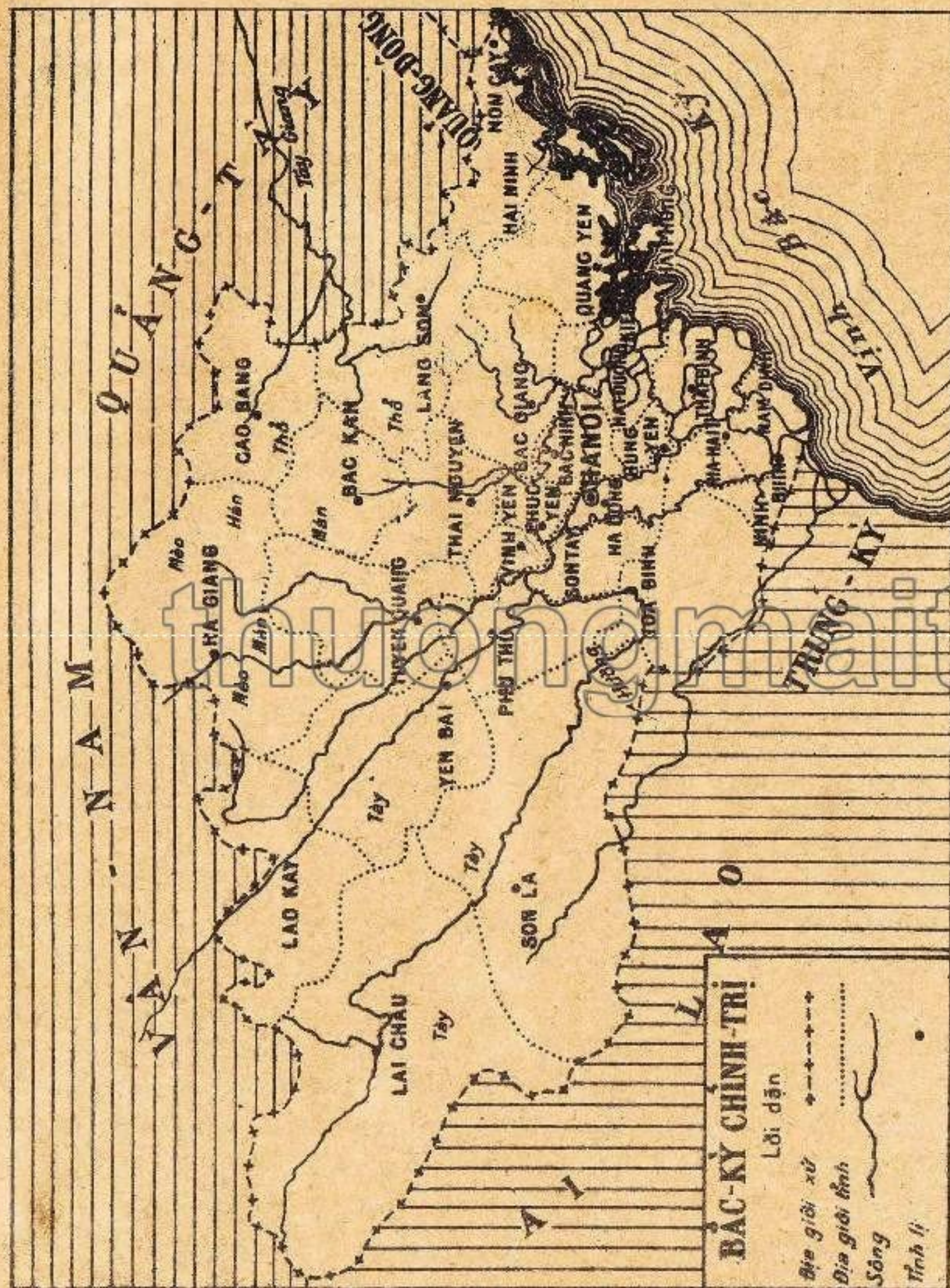
Tỉnh. — Bắc-kỳ có 23 tỉnh, và bốn đạo quan binh cai-trị là Hải-ninh, Cao-bắc, Hà-giang, Lai-châu.

Các tỉnh và các đạo chia ra làm ba phần:

a) Những tỉnh miền thượng-du: Sơn-La, Lai-châu, Lào-kay, Hà-giang, Cao-bắc;

b) Những tỉnh miền trung-du: Hòa-bình, Phú-thọ, Yên-báy, Tuyên-quang, Hải-ninh, Thái-nguyên, Bắc-giang, Bắc-kạn, Lạng-sơn, Quảng-yên;

c) Những tỉnh miền châu-thổ: Vĩnh-yên, Phúc-yên, Sơn-tây, Hà-đông, Bắc-ninh, Hải-dương, Kiến-an, Hưng-yên, Thái-bình, Nam-định, Ninh-bình, Hà-nam.



Thành-phố Hà-nội, Hải-phòng, Nam-định, Hải-dương, thì có quan Đốc-ly và hội-đồng thành-phố quản-trị.

Toát-yếu. — Dân-cư Bắc-kỳ có nhiều giống. Ở thượng-du thì có giống người Mường, Thổ, Mán, Mèo, Yao. Trong những dân-cư ấy có người Việt-nam nhiều hơn cả ở về miền châu-thỏ.

Bắc-kỳ là xứ bảo-hộ, có quan ta, quan tây cai-trị.

Bắc-kỳ có 23 tỉnh và 4 đạo quan binh.

Câu hỏi. — Dân số Bắc-kỳ là bao nhiêu? — Ở thượng-du có những giống người nào? — Người Việt-nam ở đâu? — Quan lại người Nam có những ai? — Bắc-kỳ có bao nhiêu tỉnh? — Những tỉnh miền thượng-du là những tỉnh nào? — Những tỉnh miền trung-du là những tỉnh nào? — Những tỉnh miền châu-thỏ là những tỉnh nào? — Có những thành-phố nào? — Cách cai-trị các thành-phố thế nào?

4. — Bắc-kỳ: kinh-tế.

Các sản vật.

Bắc-kỳ có mỏ than và mỏ các loài kim.

Từ Phả-lại đến vịnh Hạ-long có nhiều chỗ có mỏ than, thứ nhất là ở Đông-triều, Quảng-yên, Hòn-gay và Cái-bầu. Ở mỏ than Hòn-gay có tới 5 ngàn phu làm.

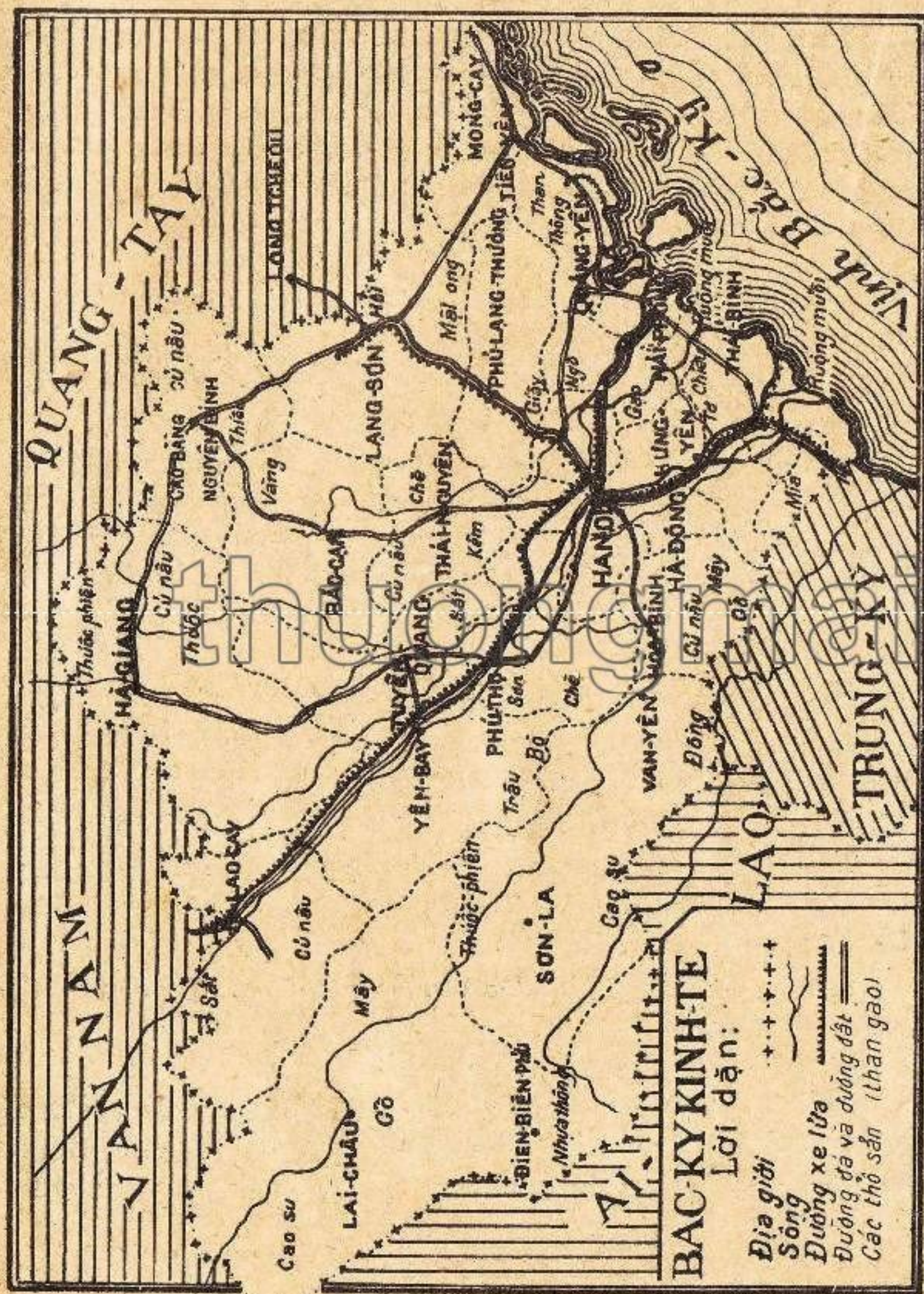
Người ta lại còn khai mỏ kẽm ở vùng Lang-hít, gần Thái-nguyên, ở Tuyên-quang và Tuần-muội, khai mỏ thiếc ở vùng Pia-ouac, gần Nguyên-bình.

Người ta lấy đá ở tổng Dương-động và ở núi Voi gần Hải-phòng, để làm xi-moong.

Người ta làm muối ở Kiến-an và Nam-định.

Khắp cả miền núi Bắc-kỳ, chỗ nào cũng có rừng. Trong rừng có củi; gỗ (1) bồ-đề để làm diêm (2); gỗ lim, giổi, dẻ, đề đông đồ; mây, tre, nứa (Bắc-kạn), củ nâu (Chợ-rã), sơn (Phú-thọ), thông (Quảng-yên).

(1) cây — (2) hộp quẹt.



Trong các thứ cây của người ta trồng, có cây lúa là nhiều hơn cả. Người ta lại còn trồng các thứ cây khác như ngô⁽¹⁾, rau, khoai lang, đậu, khoai sọ, sắn, củ từ, củ hoàng-thanh (huỳnh tinh); các thứ trái, mía, chè, cà-phê và thuốc-lá; những cây có sợi như bông, đay, cói; những cây có dầu như thầu-dầu⁽²⁾, lạc (đậu phụng)⁽³⁾; những cây có hương như cây hồi, và cây dâu để nuôi tằm.

Trong cả xứ, nơi nào cũng có nuôi lợn⁽⁴⁾, nuôi gà, vịt. Về miền núi thì người ta nuôi nhiều trâu bò và ngựa.

Ở các sông-ngòi và bờ biển vịnh Bắc-kỳ, người ta đánh (5) được nhiều cá để làm nước mắm và phơi khô.

Toát-yếu. — Bắc-kỳ có mỏ than ở Hòn-gay, Đông-triều, Quảng-yên, Cái-bàu, mỏ kẽm ở Thái-nguyên, Tuyên-quang, Tuần-muội, mỏ thiếc ở Nguyên-bình, đá làm xi-moong ở Dương-dộng (Quảng-yên) và ở núi Voi (Kiến-an), muối ở Kiến-an và ở Nam-dịnh.

Người ta trồng lúa, trồng ngô cùng các cây ăn được, các cây có sợi, các cây có dầu.

Người ta nuôi các súc-vật và làm nghề đánh cá.

Câu hỏi. — Những mỏ ở Bắc-kỳ là những mỏ gì? — Ở đâu có rừng và trong rừng có những gì? — Người ta trồng những thứ cây gì? — Người ta nuôi những súc-vật gì và nuôi ở đâu? — Người ta đánh cá ở đâu? — Người ta đánh cá để làm gì?

5. — **Bắc kỳ:** kinh-tế.

Công-nghệ - Thương-mại.

Công-nghệ. — Bắc-kỳ là xứ nhiều công-nghệ nhất trong cõi Đông-pháp. Công-nghệ ta trước thì sơ-sai lắm, từ khi người Pháp sang bảo-hộ, mở mang thêm ra nhiều.

Hiện bây giờ thì những quặng (quánh) khai ở mỏ lên, tải ngay (liền) đi bán ngoại-quốc. Ở Quảng-yên đang mở một nhà máy đúc, nhà ấy mở xong thì quặng (quánh) sẽ đúc ngay ở xứ ta.

(1) bắp - (2) đu-đu-tia - (3) đậu phộng - (4) heo - (5) chài lưới

Kề những công-nghệ của người Pháp thì có: nhà làm gạch ở Đáp-cầu, Yên-viên, Hà-nội, Nam-định; nhà làm xi-moong, nhà máy xay ở Hải-phòng; nhà máy khuy (cúc, nút), máy cưa, máy diêm⁽¹⁾, nhà máy nước ở Hà-nội; nhà máy làm giấy ở Việt-tri và ở Đáp-cầu; nhà máy rượu ở Hà-nội, Nam-định, Hải-dương; nhà máy sợi ở Nam-định; nhà máy đèn, nhà máy xà-phòng, máy dầu, nhà in ở Hà-nội và Hải-phòng; xưởng làm xe-lửa ở Gia-lâm và các xưởng làm tàu-thủy ở Hải-phòng.

Những công-nghệ của người Việt-nam là: lò gạch, lò chum⁽²⁾, vại⁽³⁾, đầu cũng có; xưởng làm nồi và lò đúc ở Hà-nội, Hải-phòng; nhà làm thủy-tinh (kính, gương) ở Hà-nội; nhà thuộc da ở Hải-phòng; nghề làm bát ở Bát-tràng (gần Hà-nội); nghề dệt chiếu ở Thái-bình và Ninh-bình; nghề dệt tơ lụa ở Thái-bình, Nam-định và Kiến-an; nghề thêu, nghề cần, nghề thợ bạc ở Hà-nội, Nam-định, Bắc-ninh.

Việc thương-mại. — Những hàng xuất-cảng là: quặng (quanh) gạo, ngô⁽⁴⁾, da, chè, bông, lụa, than mỏ, cá khô, chiếu.

Những hàng nhập-cảng là những đồ dùng, đồ kim-khí, vàng lá, dầu hỏa⁽⁵⁾, chè.

Toát-yếu. — Từ khi người Pháp sang cai-trị nước ta, công-nghệ mở-mang hơn trước nhiều.

Người Pháp lập ra những công-nghệ lớn như nhà máy làm gạch, làm xi-moong, máy làm rượu, máy sợi, máy đèn, nhà in, máy làm xà-phòng và dầu; các xưởng làm xe lửa, làm tàu, v. v.

Người Việt-nam thì có nghề nung gạch, làm chum vại, nghề đúc, làm thủy-tinh (kính, gương), thuộc da, dệt lụa, làm đồ sứ, dệt chiếu, thêu, cần, làm đồ đồng, đồ vàng bạc.

Câu hỏi. — Người Pháp có những công-nghệ gì ở Bắc-kỳ? — Người Việt-Nam có những công-nghệ gì? — Hàng xuất-cảng là những hàng gì? — Hàng nhập-cảng là những hàng gì?

(1) hộp quẹt — (2) lu — (3) mái — (4) bắp — (5) dầu lửa.

6. — Bắc-kỳ: kinh-tế.

Các đường bộ.

Bắc-kỳ có nhiều đường giao-thông, trên bộ là những đường cái và những đường đê đắp to⁽¹⁾ cho xe chạy được.

Những con đường lớn chạy từ Hà-nội đi Cao-băng qua Thái-nguyên và Bắc-kạn; đi Hà-giang qua Sơn-tây, Hưng-hóa, Phú-thọ và Tuyên-quang; đi Lao-kay qua Hưng-hóa và Yên-báy; đi Phú-thọ qua Phúc-yên, Vĩnh-yên; đi Huế qua Phủ-lý, Nam-định và Ninh-bình; đi Đồ-sơn qua Hải-dương và Hải-phòng; đi Hải-phòng qua Phả-lại; đi Hòn-gay qua Bắc-ninh và Phủ-lạng-thương; đi Lạng-sơn qua Phủ-lạng-thương và Kép.

Lại có một con đường theo miền giáp giới Tàu, từ Mông-cây đến Lao-kay qua Lạng-sơn, Thất-khê, Cao-băng và Hà-giang.

Từ Bắc-kỳ sang Ai-lao thì có những đường nhỏ đi ngựa được. Con đường xe-lửa Vân-nam dài 857 km, thì 390 km ở đất Bắc-kỳ, chạy từ Hải-phòng đến Vân-nam qua Hải-dương, Hà-nội, Phúc-yên, Vĩnh-yên, Việt-tri, Phú-thọ, Yên-báy và Lao-kay.

Con đường xe-lửa từ Hà-nội đi Na-săm (179 km) qua Bắc-ninh, Đáp-cầu, Phủ-lạng-thương, Kép và Lạng-sơn. Lại một đường nữa chạy từ Hà-nội đến Vinh (325 km) qua Phủ-lý, Nam-định, Ninh-bình.

Ở Hòn-gay, Ưông-bí có đường xe-lửa nhỏ chở than, ở Hà-nội và từ Hà-nội tới Hà-đông có đường xe-điện. Khắp trong nước đâu đâu cũng có dây thép và dây nói.

Toát-yếu. — Bắc-kỳ có nhiều đường chạy từ Hà-nội, Hải-phòng, Hòn-gay, Lạng-sơn.

Lại có một đường theo địa-giới Tàu chạy từ Mông-cây đến Lao-kay.

(1) lớn.

Có ba đường xe-lửa chạy từ Hải-phòng tới Vân-nam, từ Hà-nội tới Na-săm, từ Hà-nội tới Vinh.

Ở Hòn-gay và Ưông-bí có đường xe-lửa chở than, ở Hà-nội có đường xe-điện và khắp trong nước chỗ nào cũng có dây thép và dây nói.

Câu hỏi. — Các đường đi mọi nơi khởi đầu từ đâu? — Những đường lớn là đường nào? — Đường ấy qua những tỉnh nào? — Đường xe-lửa Vân-nam qua những tỉnh nào? — Đường xe-lửa đi Na-săm qua những tỉnh nào? — Đường xe-lửa từ Hà-nội tới Vinh dài bao nhiêu ki-lô-mét?

— Bắc-kỳ : kinh-tế.

Các đường thủy — Các thành-phố.

Các đường thủy. — Các đường thủy nhiều hơn đường bộ. Thuyền và tàu chạy khắp trong vùng châu-thô, bởi vậy những bến Hà-nội, Nam-định có vẻ sầm-uất lắm.

Những đường thủy chạy theo dòng sông thì có đường từ Hà-nội đi Hải-phòng, từ Hà-nội đi Sơn-tây và Việt-trì để ngang về Tuyên-quang hoặc Chợ-bờ; từ Hà-nội đi Nam-định; từ Nam-định đi Bến-thủy (Trung-kỳ) và Hải-phòng; từ Hải-phòng đi Hòn-gay, Mông-cây, đi Đáp-cầu và đi Nam-định.

Lại có đường biển chạy sang Tàu, vào Trung-kỳ, Nam-kỳ và sang Pháp.

Các thành-phố. — Những đường bộ và đường-thủy là đường thông thành-thị nọ với thành-thị kia. Những thành-thị ấy ở cả trong vùng châu-thô.

Thành-thị lớn nhất là Hà-nội, nơi đô-hội, dân số có hơn 10 vạn người.

Hải-phòng dân số 8 vạn người là thương-cảng lớn nhất trong xứ Bắc-kỳ, có đường xe-lửa và có đường tàu chạy sông và chạy biển.

Những thành-phố lớn khác là Nam-định và Hải-dương.

Toát-yếu. — Thuyền và tàu thủy chạy khắp trong vùng châu-thô từ Hà-nội đi Hải-phòng, Sơn-tây, Việt-trì, Chợ-bờ, Tuyên-quang và Nam-định, từ Nam-định đi Hải-phòng, Bến-thủy, từ Hải-phòng đi Nam-định, Đáp-cầu, Hòn-gay và Mông-cây.

Đường biển chạy sang Tàu, vào Trung-kỳ, Nam-kỳ và sang Pháp.

Những thành-phố lớn như Hà-nội là chỗ đô-hội, Hải-phòng là thương-cảng và Nam-định, Hải-dương.

Câu hỏi. — Đường thủy theo dòng sông có những đường nào? — Đường biển có những đường nào? — Đô-hội Bắc-kỳ là gì? — Thương-cảng Hải-phòng tại sao mà được sầm-uất? — Ngoài Hà-nội, Hải-phòng còn có những thành-phố nào nữa?

CHƯƠNG V. — TRUNG-KỲ

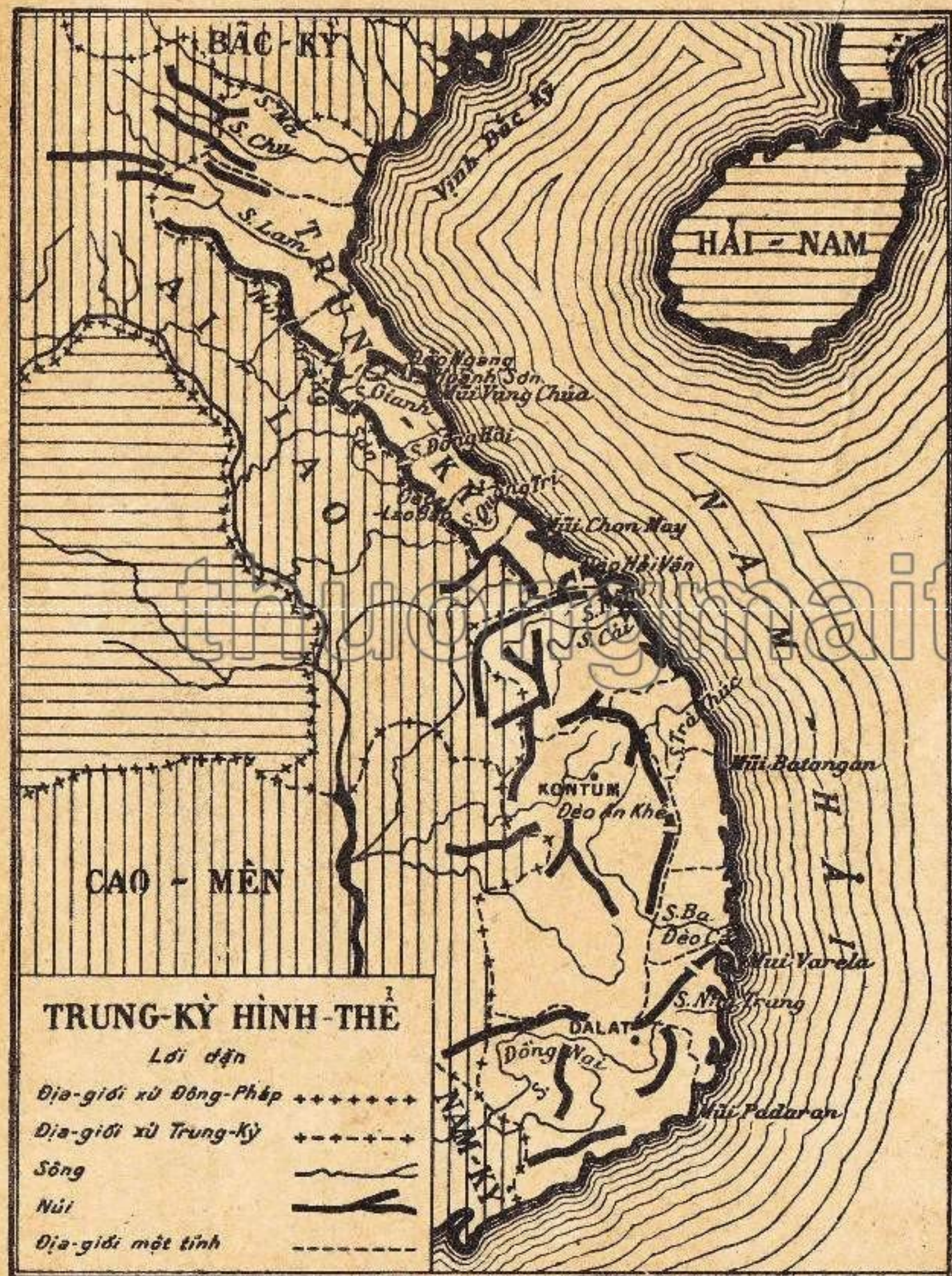
1. — Trung-kỳ : hình-thể.

Vị-trí — Giới-hạn — Diện-tích — Địa-thể — Bờ biển.

Vị-trí — Giới-hạn — Diện-tích. — Trung-kỳ ở về phía đông xứ Đông-pháp, bắc giáp Bắc-kỳ, đông giáp vịnh Bắc-kỳ và Nam-hải, nam giáp Nam-kỳ và Cao-mên, tây giáp Ai-lao. Diện-tích đo được chừng 150.000 km².

Địa-thể. — Trung-kỳ là một xứ nhiều núi. Chỉ về mạn bắc là có bình-nguyên hơi rộng, còn thì toàn là núi thuộc về dãy núi Tráng-sơn (Giăng-mán), từ Thượng-Lào đến Nam-kỳ, một bên thì biển, một bên thì sông Cửu-long.

Dãy núi Tráng-sơn có mấy trái núi cao hơn 2.000 thước tây. Dãy núi ấy có những đèo như: đèo Hợp-hàm, đèo Qui-hợp, đèo Mộ-giạ (Men-gia), đèo Lão-bảo, đèo An-kê, đèo Jock-kao. Trong những đèo ấy thì có đèo Lão-bảo là thấp và quan-hệ hơn cả, vì là lối đi tự miền biển sang Ai-lao tiện hơn cả. Dãy núi



Tràng-sơn càng đi về phía nam thì càng rộng ra thành những cao-nguyên ở đất Ai-lao, và lan gần ra đến biển, có lắm chi núi đâm ngang ra, chia miền giáp biển thành từng ngăn, có những đèo cao đi từ ngăn nọ sang ngăn kia, như đèo Ngang (Hoành-sơn) ở phía bắc, đèo Hải-vân ở mạn giữa và đèo Cả ở phía nam.

Bờ biển. — Từ phía bắc tới Mũi-đồng thì bờ biển Trung-kỳ cũng giống như bờ biển miền châu-thỏ Bắc-kỳ: thấp và phẳng. Từ Mũi-đồng đến mũi Vũng-chùa vì có dãy núi Hoành-sơn, nên bờ biển có nhiều đá. Từ đây về đến mũi Chu-mại thì bờ biển lại thấp. Từ mũi Chu-mại trở vào núi Tráng-sơn ăn ra tận biển, cho nên bờ biển lại lởm-chồm những đá.

Toát-yếu. — Trung-kỳ ở về phía đông xứ Đông-pháp, bắc giáp Bắc-kỳ, đông giáp vịnh Bắc-kỳ và Nam-hải, tây giáp Ai-lao, nam giáp Nam-kỳ và Cao-mên.

Trung-kỳ là một xứ có nhiều núi. Dãy núi Tráng-sơn chạy suốt từ bắc chí nam, có nhiều đèo, quan-hệ nhất là đèo Lào-bảo.

Bờ biển Trung-kỳ từ phía bắc đến Mũi-đồng và từ mũi Vũng-chùa đến mũi Chu-mại thì thấp và thẳng, còn thì lởm-chồm những đá.

Câu hỏi. — Trung-kỳ ở đâu? — Trung-kỳ giáp giới những xứ nào? — Bình-nguyên Trung-kỳ ở về phía nào? — Dãy Tráng-sơn có liên không? — Tráng-sơn và Hoành-sơn có những đèo nào? — Bờ biển Trung-kỳ thế nào? — Những chỗ nào phẳng và thấp? — Những chỗ nào nhiều đá?

2. — Trung-kỳ: hình-thể.

Khi-hâu — Sông-ngòi.

Khí-hậu. — Khí-hậu Trung-kỳ nóng hơn ở Bắc-kỳ. Về mùa nóng hàn-thử-biêu lên tới 30 độ; về mùa mát không xuống quá 15 độ.

Từ tháng ba đến tháng tám, thì gió thổi từ đông-nam đến tây-bắc hay là từ tây-nam đến đông-bắc, từ tháng chín đến tháng hai, thì thổi từ đông-bắc đến tây-nam. Ở Trung-kỳ cũng như ở Bắc-kỳ, hay mưa về mùa gió nồm; nhưng mà ở Trung-kỳ gió

bắc cũng qua biển, cho nên mùa gió bắc cũng có mưa. Về miền nam thì trong ba tháng cuối năm lại mưa nhiều hơn cả.

Sông-ngòi. — Trung-kỳ có nhiều sông, song trừ những sông miền bắc ra, thì toàn là sông ngắn cả, vì phát nguyên ở dãy núi Tráng-sơn là dãy núi gần bờ biển. Vả lại lòng sông cạn cho nên tàu không đi lại được. Những sông ấy kể từ bắc đến nam là: Sông Mã và phụ-lưu là sông Chũ, sông Lam hay là sông Cả, sông Gianh, sông Đồng-hới hay là sông Nhật-lệ, sông Quảng-trị hay là sông Thạch-hãn, sông Hương-giang và sông Hàn, sông Cái, sông Trà-khúc, sông Ba, sông Nha-trang và sông Phan-rang.

Toát-yếu. — Khí-hậu Trung-kỳ nóng hơn Bắc-kỳ. Trung-kỳ có gió mùa, gió bắc, gió nồm đều có mưa cả.

Trung-kỳ có nhiều sông, nhưng trừ những sông về phía bắc, còn thì toàn là những sông ngắn và tàu không đi lại được.

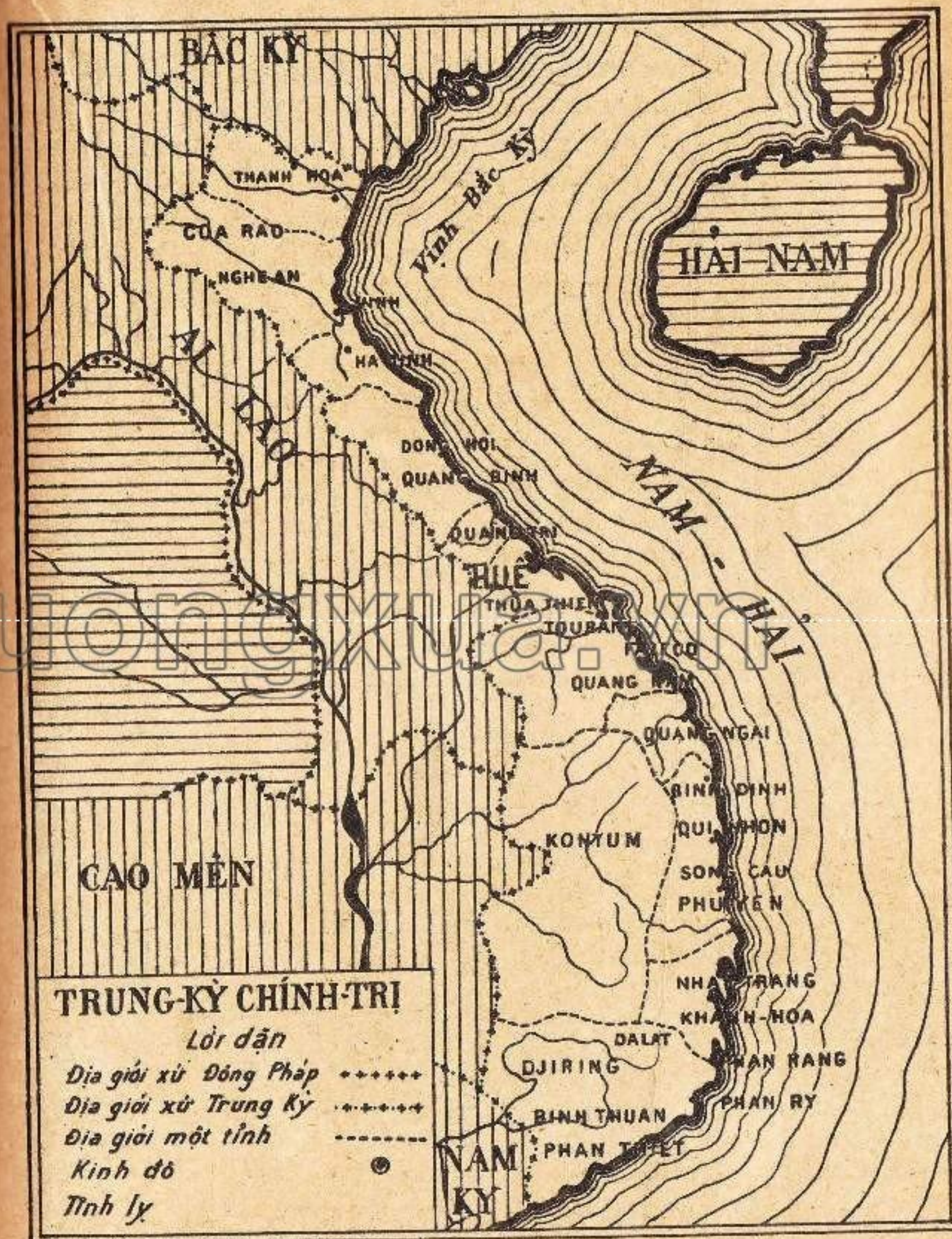
Câu hỏi. — Thời-tiết ở Huế thế nào? — Gió mùa thổi về phương nào? — Khi nào thì có mưa? — Những sông-ngòi xứ Trung-kỳ như thế nào? — Tại làm sao những sông ấy lại ngắn và tàu không đi lại được? — Trung-kỳ có những con sông nào?

3. — Trung-kỳ: chính-trị.

Dân-cư — Việc cai-trị.

Dân-cư. — Dân-cư Trung-kỳ có tới năm triệu người. Người Việt-nam đông hơn và ở về mạn bờ biển. Người Việt-nam thuở trước đánh đuổi người Chiêm-thành (Hời) đi mà chiếm lấy đất Trung-kỳ. Bây giờ giống Chiêm-thành chỉ còn có một ít người ở về vùng Nha-trang, Phan-rang và Bình-thuận. Ở miền núi và ở các cao-nguyên, thì có những giống Mường, Mọi. Những giống ấy hãy còn dã-man, không có công-nghệ mà cũng không biết buôn bán.

Việc cai-trị. — Việc cai-trị của người bản-xứ, thì ở Trung-kỳ cũng gần giống như ở Bắc-kỳ. Xã thì có hương-hội quản trị, tổng thì có chánh, phó tổng, phủ, huyện thì có tri-phủ, tri-huyện;



tỉnh thì có tổng-đốc hay tuần-phủ (vụ), bố-chánh, án-sát, lãnh-binh.

Vua đóng đô ở Huế. Có Cơ-mật-viện tức là các quan thượng-thư các bộ (bộ lại, bộ hộ, bộ binh, bộ lễ, bộ hình, bộ công, bộ học) hội-đồng để coi việc chính-trị trong nước.

Về việc cai-trị của chính-phủ Bảo-hộ, thì có các quan công-sứ các tỉnh và các quan quản-lý các công-vụ. Quan thủ-hiến cả toàn xứ là quan Khâm-sứ đóng ở Huế. Quan Khâm-sứ kiêm chức Cơ-mật-viện-trưởng.

Trung-kỳ chia ra làm 15 tỉnh và một hạt tự-trị là hạt Lang-bian (Lâm-viên), hạt-ly đóng tại Đà-lạt.

Những tỉnh ở Trung-kỳ là: Thanh-hóa, Nghệ-an (tỉnh-ly: Vinh), Hà-tĩnh, Quảng-bình (tỉnh-ly: Đồng-hới), Quảng-trị, Thừa-thiên (tỉnh-ly: Huế), Quảng-nam (tỉnh-ly: Faifoo), Quảng-ngãi, Bình-định (tỉnh-ly: Qui-nhơn), Phú-yên (tỉnh-ly: Sông-cầu), Khánh-hòa (tỉnh-ly: Nha-trang), Phan-rang, Bình-thuận (tỉnh-ly: Phan-thiết), Kon-tum và Đồng-nai (có sở đại-ly ở Djiring).

Đà-nẵng có hội-đồng thành-phố quản-trị.

Toát-yếu — Dân số Trung-kỳ được chừng năm triệu người. Người Việt-nam nhiều hơn cả, ở mạn bờ biển. Còn một ít người Chiêm-thành (Hời) ở hạt Nha-trang, Phan-rang và Bình-thuận. Ở miền núi và các cao-nguyên thì có những người Mường, người Mạ.

Quan thủ-hiến chính-phủ Bảo-hộ là quan Khâm-sứ ở Huế. rồi đến các quan công-sứ các tỉnh cùng các quan quản-lý các công-vụ. Việc cai-trị của người Việt-nam, thì có vua và các quan thượng-thư ở Huế, các quan tỉnh, các phủ huyện, cùng các tổng lý.

Trung-kỳ chia ra làm 15 tỉnh và một hạt tự-trị. 15 tỉnh là: Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-bình, Quảng-trị, Thừa-thiên, Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định, Phú-yên, Khánh-hòa, Phan-rang, Bình-thuận, Kon-tum và Đồng-nai.

Kinh-đô Trung-kỳ là Huế.

Đà-nẵng có hội-đồng thành-phố quản-trị.

Câu hỏi. — Trung-kỳ có những giống người nào? — Người Chiêm-thành là gì? — Ở dãy Trảng-sơn có những giống người nào? — Đất Trung-kỳ cai-trị thế nào? — Trung-kỳ có những tỉnh nào và tỉnh lỵ là gì?

4. — Trung-kỳ: kinh-tê.

Các sản-vật — Công nghệ.

Các sản-vật. — Miền núi ở Trung-kỳ cũng như ở Bắc-kỳ, có nhiều mỏ, như mỏ sắt, đồng, chì, thiếc, kẽm. Nhưng chỉ mới khai có mỏ than ở Nông-sơn, mỏ vàng ở Bồng-miêu, mỏ kẽm ở Đức-bố mà thôi. Ở gần Đà-nẵng có đá-hoa (cầm-thạch).

Ở miền núi có rừng, có nhiều cây có ích và quý, như gỗ teck, gỗ mun, gỗ gụ⁽¹⁾, gỗ kiên-kiền, quế, v.v.

Ở các sườn núi và vùng cao-nguyên, người ta nuôi nhiều trâu bò đem bán ngoài Bắc-kỳ và trong Nam-kỳ.

Những bình-nguyên ở Trung-kỳ đất tốt lắm, nhưng vì hẹp cho nên thóc (lúa) gạo không đủ dùng trong xứ. Những thứ cây người ta trồng là lúa, ngô (bắp), mía, chè, cau, bông, dâu, dừa, cao-su.

Dọc bờ biển người ta làm nghề đánh cá, nhất là về miền nam, thì lại có nhiều ruộng muối.

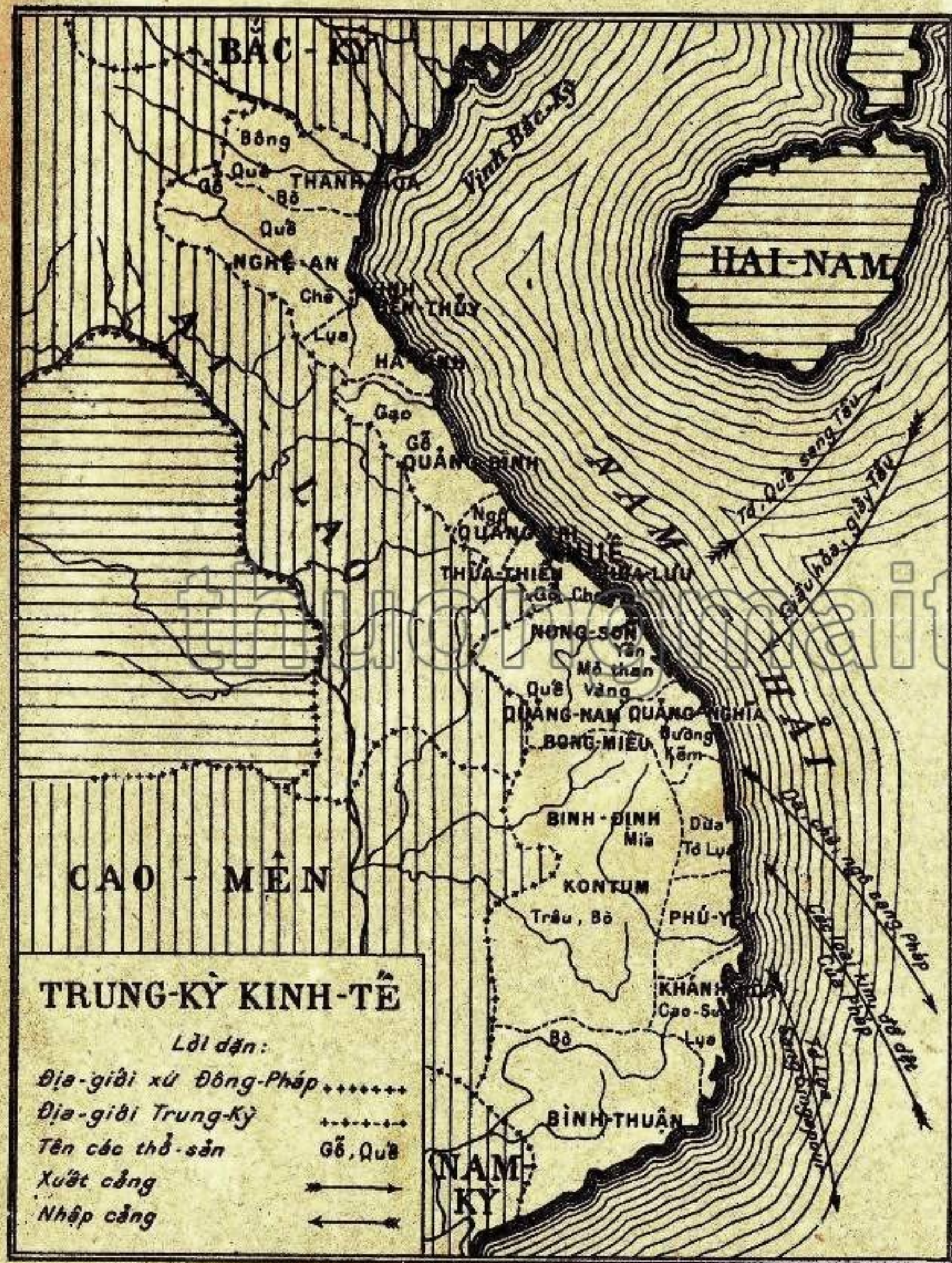
Công-nghệ. — Ở Hàm-rồng (Thanh-hóa), Bến-thủy và Thừa-lưu (gần Huế) có nhà máy cưa; ở Hàm-rồng, Bến-thủy có nhà máy diêm; ở Qui-nhơn có nhà làm dầu, làm xà-phòng, ở Trường-thị, gần Bến-thủy, có xưởng làm xe-lửa.

Ở các tỉnh và nhất là ở Bình-định người ta dệt lụa.

Toát-yếu. — Trung-kỳ có mỏ sắt, mỏ đồng, mỏ chì, mỏ kẽm, mỏ thiếc, mỏ vàng. Người ta khai mỏ than ở Nông-sơn, mỏ vàng ở Bồng-miêu, mỏ kẽm ở Đức-bố. Gần Đà-nẵng có đá hoa (cầm-thạch).

Rừng thì có gỗ teck, gỗ lim, gỗ mun, gỗ gụ, gỗ kiên-kiền, quế. Ở sườn núi và cao-nguyên thì người ta nuôi trâu bò. Ở bình-

(1) gỗ.



nguyên người ta cấy lúa, trồng ngô, mía, chè, bông, cau, dừa, dâu, cao-su. Người ta đánh cá ở ven biển.

Ở Hàm-rồng, Bến-thủy và Thừa-lưu có máy cưa, ở Hàm-rồng và Bến-thủy có nhà máy diêm, ở Thừa-thiên có nhà máy ép dầu, làm xà-phòng, ở Trường-thị có xưởng xe-lửa. Tỉnh nào cũng có nơi dệt lụa.

Câu hỏi. — Ở Trung-kỳ người ta khai những mỏ gì? — Rừng Trung-kỳ có những thứ cây gì? — Người ta trồng những thứ cây gì? — Người ta đánh cá ở đâu? — Ở Trung-kỳ có những công nghệ gì? — Ở đâu có máy cưa, máy diêm? — Người ta dệt lụa ở đâu?

5. — Trung-kỳ: kinh-tế.

Đường giao-thông — Thương-mại — Các thành-phố.

Đường giao-thông. — Trung-kỳ có một con đường quan-lộ đi dọc theo bờ biển từ Thanh-hóa đến Bình-thuận. Lại có những đường khác đi từ Trung-kỳ sang Ai-lao. Những đường ấy là đường từ Vinh đến Cửa-rào, từ Vinh đến Tha-khệt, từ Quảng-trị đi Sa-van-na-khệt, từ Qui-nhơn đi An-khê, từ Phan-rang đi Đà-lạt, từ Phan-thiết đi Djiring.

Đường xe-lửa Đông-pháp có nhiều chỗ làm theo đường quan-lộ, thì hiện nay ở Trung-kỳ đã có một đường từ Hà-nội đến Hàn, và một đường (409 km) từ Nha-trang đi Sài-gòn.

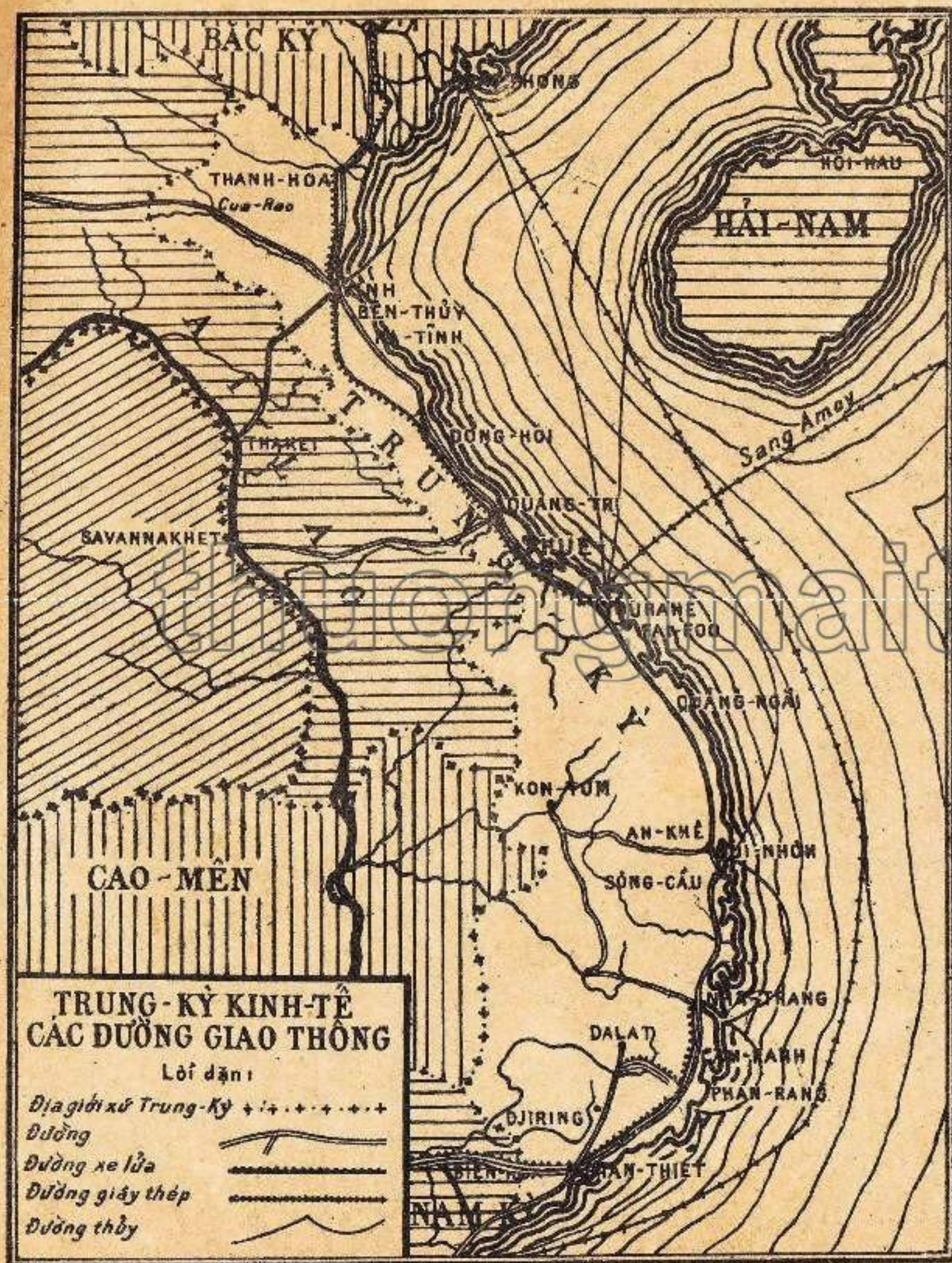
Về miền bắc thì thuyền bè đi lại ở các lạch gần bờ biển và các sông đào, thông sông nọ sang sông kia.

Về miền giữa và miền nam, thì các sông nước chảy xiết quá, tàu không đi lại được.

Ở ven biển thì có tàu lớn tàu nhỏ và các mảnh (1) đi lại.

Việc thương-mại và các thành-phố. — Những hàng xuất-cảng ở Trung-kỳ là ngô (bắp), da trâu, da bò, chè, quế, lụa, bông, cá khô, gỗ. Những hàng nhập-cảng là các đồ kim-khí, vải, rượu, giấy, dầu-hỏa(2), đồ sứ.

(1) ghe bầu — (2) dầu lửa.



Người ta buôn bán ở các thương-cảng như là: Vinh, Đà-nẵng, Faifoo, Qui-nhơn, Cam-ranh, Sông-cầu, Nha-trang và Phan-thiết. Ngoài các thương-cảng chỉ có kinh-đô Huế là thành-phố lớn.

Toát-yếu. — Trung-kỳ có một con đường đi theo bờ biển và những con đường đi sang Ai-lao.

Đường xe-lửa Đông-pháp ở Trung-kỳ đã có đường từ Hà-nội đến Hàn, và từ Nha-trang đến Sài-gòn.

Tàu bè chạy ở các sông Trung-kỳ thì không có mấy; ở ven biển thì có các tàu, các mảnh đi lại.

Những hàng xuất-cảng ở Trung-kỳ là ngô, da, chè, quế, lụa, cá khô và gỗ; hàng nhập-cảng là các đồ kim-khí, vải, rượu, giấy, dầu-hỏa.

Những thương-cảng ở Trung-kỳ là: Vinh, Đà-nẵng, Faifoo, Qui-nhơn, Cam-ranh, Sông-cầu, Nha-trang và Phan-thiết.

Kinh-đô Trung-kỳ là Huế.

Câu hỏi. — Trung-kỳ có những con đường nào? — Trung-kỳ có những đường xe-lửa nào? — Trung-kỳ có những đường thủy nào? — Những hàng xuất-cảng là những thứ gì? — Trung-kỳ nhập-cảng những thứ hàng gì? — Trung-kỳ có những thương-cảng nào?

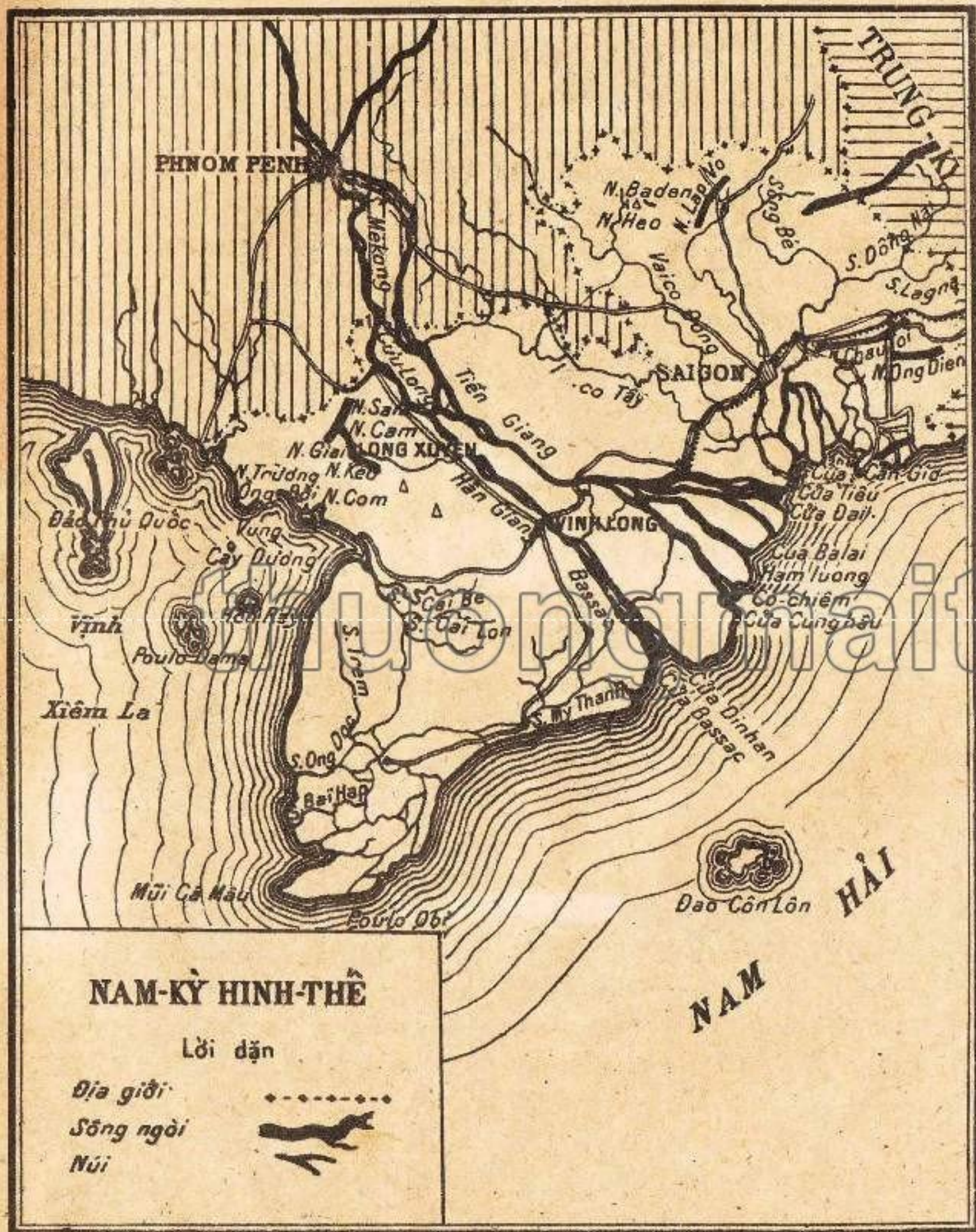
CHƯƠNG VI. — NAM-KỲ

1. — Nam-kỳ: hình-thể.

Vị-trí — Giới-hạn — Diện-tích — Địa-thể — Bờ biển.

Vị-trí — Giới-hạn — Diện-tích. — Nam-kỳ ở về phía nam xứ Đông-pháp, phía tây giáp vịnh Xiêm, phía nam và đông-nam giáp Nam-hải, phía đông-bắc giáp Trung-kỳ, phía bắc và tây-bắc giáp Cao-mên. Diện-tích đo được 57.000km².

Địa-thể. — Nam-kỳ có hai miền: miền đông từ Tây-ninh đến Ba-ri-a là xứ có nhiều núi từ dãy Tráng-sơn chạy xuống. Miền tây là miền châu-thỏ. Những đồng lầy ở Tháp-mười và bãi Cà-mau trước là biển, sau vì đất phù-sa sông Cửu-long lấp đầy lên. Về phía ngoài vùng châu-thỏ gần biển có một dãy bãi còn thấp.



Bờ biển. — Bờ biển Nam-kỳ hơi giống chữ V. Về phía Tây gần núi Cao-mên thì bờ biển nhiều đá. Ở ngoài biển lại có nhiều cù-lao, lớn nhất là cù-lao Phú-quốc.

Về phía đông mũi de la Table thì bờ biển là rìa đất châu-thô, thấp và phẳng, có một vài cái vũng không được kín và lại có những cửa sông Cửu-long và sông Đồng-nai chảy ra. Về vùng ấy có ít cù-lao, và có quần-đảo Côn-lôn là lớn hơn cả (1).

Cả xứ chỉ có một thương-cảng là Sài-gòn cách biển 150 km

Toát-yếu. — Nam-kỳ ở về phía nam Đông-pháp, giáp Nam-hải, Trung-kỳ và Cao-mên.

Nam-kỳ có hai miền : miền đông có núi thuộc về dãy Tráng-sơn, miền tây là miền châu-thô.

Bờ biển Nam-kỳ hình chữ V. Về phía tây thì khúc-khuỷ, ngoài có nhiều cù-lao như cù-lao Phú-quốc. Về phía đông thì thấp phẳng, có nhiều cửa sông Cửu-long và sông Đồng-nai. Ngoài có quần-đảo Côn-lôn. Chỉ có một thương-cảng là Sài-gòn.

Câu hỏi. — Nam-kỳ ở đâu? — Giáp giới những đâu? — Nam-kỳ chia làm mấy miền? — Miền đông địa-thể thế nào? — Bờ biển Nam-kỳ thế nào? — Những cù-lao nào thuộc Nam kỳ? — Thương-cảng lớn ở Nam-kỳ là gì?

2. — Nam-kỳ : hình-thể.

Khí-hậu — Sông-ngòi.

Khí-hậu. — Khí-hậu Nam-kỳ nóng. Ở Sài-gòn thì nóng quanh năm, về tháng nóng nhất thì trung-độ hàn-thử-biêu thường lên đến 30 độ, về tháng mát nhất thì thường xuống đến 25 độ.

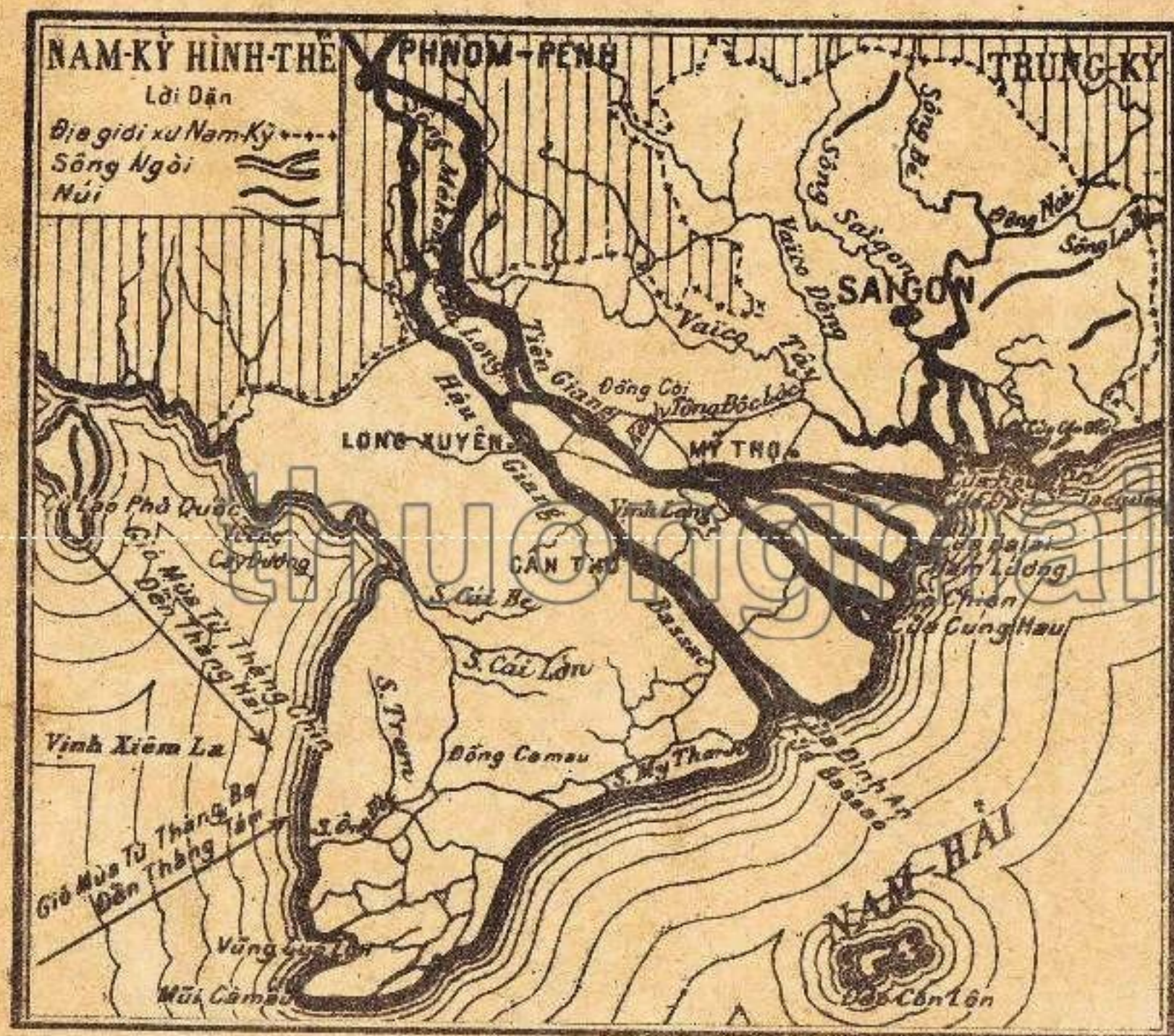
Từ tháng ba đến tháng tám gió tây-nam, từ tháng chín đến tháng hai gió đông-bắc. Gió tây-nam hay có mưa.

Sông-ngòi. — Những sông-ngòi chảy ở Nam-kỳ chia ra làm ba khu : những sông về phía tây và tây-nam, sông Cửu-long và các phụ-lưu, sông Đồng-nai và các phụ-lưu. Tuy là chia làm ba khu, nhưng không có núi ngăn hẳn ra thành khu-vực, cho nên sự vận-tải khu này sang khu khác được dễ-dàng lắm.

(1) hết.

Những sông về phía tây là những sông chảy từ bãi Cà-mau ra biển.

Những sông về khu giữa là: hai ngành sông Cửu-long hình dải-quạt, chảy khắp xứ Nam-kỳ.



Sông Đồng-nai phát nguyên ở Trung-kỳ, về hữu-ngạn có sông Bé và sông Sài-gòn, về tả-ngạn có sông Bagna, đều là phụ-lưu sông Đồng-nai cả. Từ ngã-ba sông Sài-gòn trở xuống, thì sông Đồng-nai gọi là sông Nhà-bè, chia ra làm nhiều ngành, mà ngành về phía đông tức là sông Sài-gòn. Ngành về phía tây gọi là Soai-rap, có sông Vai-cô là phụ-lưu. Sông Vai-cô lại có hai phụ-lưu là sông đông Vai-cô và sông tây Vai-cô.

Lại có nhiều sông nhỏ và sông đào khác, chảy chằng-chịt như mạng (váng) nhện, rất là tiện lợi cho việc cấy cấy và thuyền bè đi lại.

Toát-yếu. — Khí-hậu Nam-kỳ nóng quanh năm. Từ tháng ba đến tháng tám có gió tây-nam, từ tháng chín đến tháng hai có gió đông-bắc. Gió tây-nam hay mưa.

Những sông-ngòi ở Nam-kỳ chia ra làm ba khu: những sông về phía tây và phía tây-nam; — sông Cửu-long và các phụ-lưu; — sông Đồng-nai và các phụ-lưu.

Có nhiều sông nhỏ và sông đào chảy khắp trong xứ rất là tiện lợi cho việc giao-thông và việc cấy cấy.

Câu hỏi. — Ở Sài-gòn sự nóng lạnh chừng độ bao nhiêu? — Nam-kỳ có những gió nào thổi? — Nam-kỳ hay mưa về mùa nào? — Người ta chia những sông-ngòi ở Nam-kỳ ra thế nào? — Phía tây có những sông nào? — Sông Cửu-long chảy đến Nam-kỳ ra thế nào? — Sông Đồng-nai thế nào?

3. — Nam-kỳ: chính-trị.

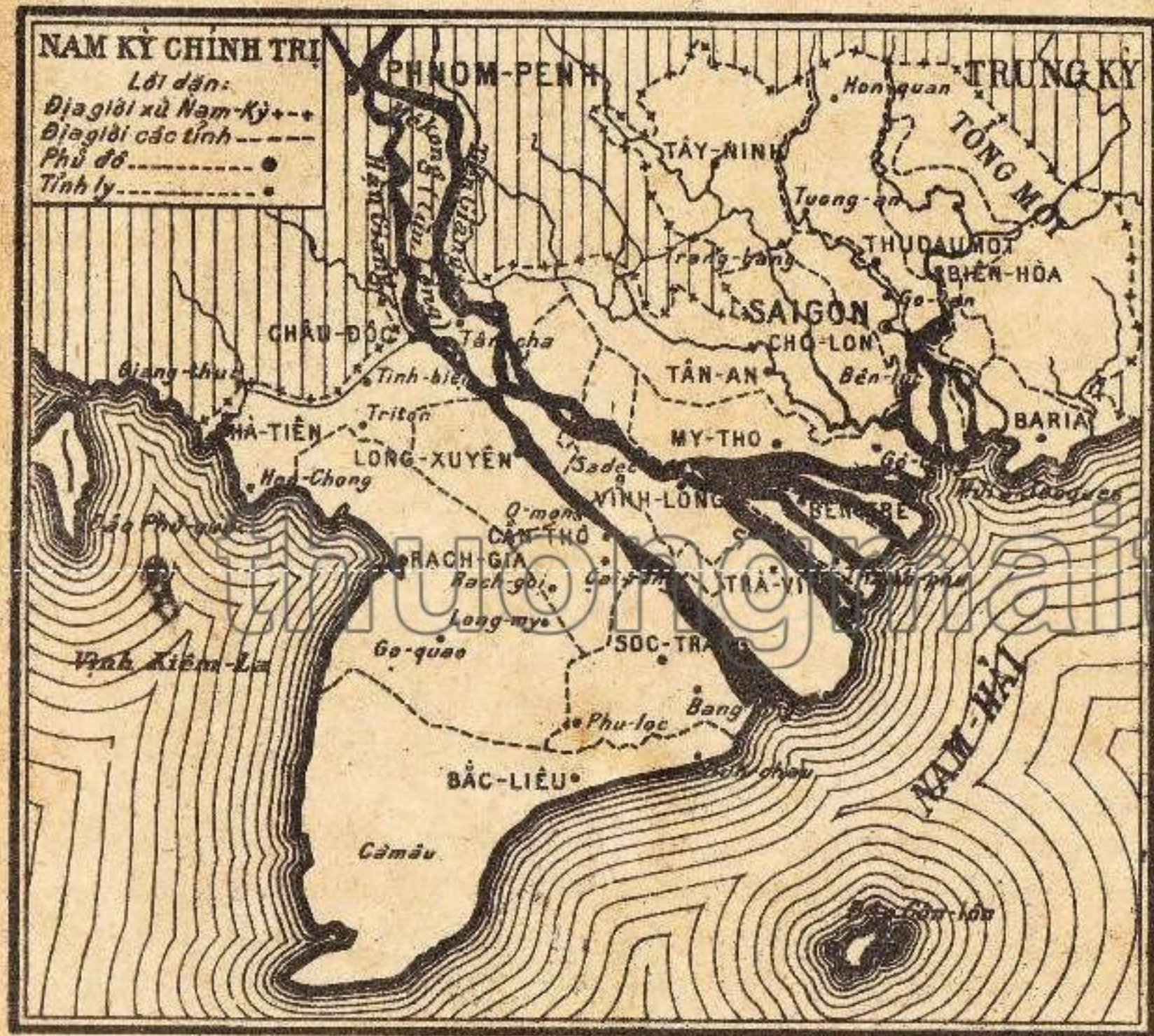
Dân-cư — Việc cai-trị — Các tỉnh.

Dân-cư. — Dân số Nam-kỳ được chừng ba triệu rưỡi người. Nhiều nhất là người Việt-nam, người Cao-mên, người Tàu. Ở tỉnh Thủ-đầu-một, Biên-hoà, Bà-ri-a có mấy ngàn người Mọi.

Việc cai-trị. — Khi người Pháp chưa sang cai-trị thì Nam-kỳ có 6 tỉnh: Biên-hoà, Gia-định, Định-tường (Mỹ-tho), Long-hồ (Vĩnh-long), An-giang (Châu-đốc), Hà-tiên. Bây giờ Nam-kỳ là thuộc-địa của nước Pháp. Về việc cai-trị thì tỉnh nào cũng vậy, cũng tương-tự như các tỉnh Trung-kỳ và Bắc-kỳ. Đầu tỉnh thì có một quan cai-trị người Pháp. Thành-phố Sài-gòn và Chợ-lớn thì có quan Đốc-ly⁽¹⁾ và hội-đồng thành-phố quản-trị. Quan thủ-hiến Nam-kỳ là quan Thống-đốc đóng tại Sài-gòn. Nam-kỳ lại có một hội-đồng quản-hạt và có một ông nghị-viên thay mặt ở Nghị-viện bên Pháp.

(1) xã tây.

Các tỉnh. — Ngày nay có 20 tỉnh chia ra làm ba khu:
 Các tỉnh về phía đông: Ba-ri-a, Biên-hoà, Thủ-đầu-một và Tây-ninh.



Các tỉnh về phía giữa: Gia-định, Chợ-lớn, Tân-an, Mỹ-tho, Gò-công, Bến-tre, Trà-vinh, Vĩnh-long và Sadec.

Các tỉnh về phía tây: Châu-độc, Hà-tiên, Long-xuyên, Cần-thơ, Sóc-trang, Bắc-liêu, Rạch-giá.

Toát-yếu. — Dân số Nam-kỳ được chừng ba triệu rưỡi, kể gồm cả người Việt-nam, người Cao-mên, người Tàu và mấy ngàn người Mọi.

Việc cai-trị ở Nam-kỳ cũng tựa như ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ. Nam-kỳ là đất thuộc-địa của Pháp. Đầu tỉnh có một quan cai-trị người Pháp. Thủ-hiến Nam-kỳ là quan Thống-đốc đóng ở Sài-gòn. Nam-kỳ có hội-đồng quân-hạt và có một ông nghị-viên thay mặt ở Nghị-viện Pháp.

Nam-kỳ có 20 tỉnh, chia ra làm ba khu: Những tỉnh ở khu phía đông, những tỉnh ở khu giữa và những tỉnh ở khu phía tây.

Câu hỏi. — Nam-kỳ có những giống người nào ở? — Khi người Pháp chưa sang cai-trị thì Nam-kỳ có bao nhiêu tỉnh? — Việc cai-trị ở các tỉnh thế nào? — Quan Thống-đốc làm gì? — Bây giờ Nam-kỳ có bao nhiêu tỉnh? — Những tỉnh về phía đông, khu giữa, phía tây là những tỉnh nào?

4. — Nam-kỳ: kinh-tế.

Các sản-vật.

Các sản-vật. — Nam-kỳ không có mỏ, nhưng các núi thì nhất về phía đông có nhiều chỗ lấy đá dùng xây nhà, lát (1) đường. Lại có đất sét, đất trắng, dùng làm đồ sành, đồ sứ. Về phía nam có rừng, có nhiều gỗ quý như gỗ trầm, gỗ trắc, gỗ căm-lai, v.v...

Nam-kỳ là xứ canh-nông, vì đất Nam-kỳ là đất phù-sa sông Cửu-long bồi lên.

Lúa là giống ngũ-cốc người ta trồng nhiều hơn cả. Những tỉnh nhiều thóc lúa nhất là những tỉnh về phía tây như: Sóc-trang, Cần-thơ, Rạch-giá, Bắc-liêu và những tỉnh ở khu giữa như Vĩnh-long, Sadec, Mỹ-tho, Gò-gông, Bến-tre, Trà-vinh.

Ở Nam-kỳ người ta lại còn trồng hột-tiêu, ngô (bắp), mía, dừa, cau, thuốc-lá, cao-su, bông, gai, dâu.

Người ta lại nuôi trâu, bò, ngựa, lợn (2). Ở Cà-mau người ta nuôi nhiều ong để lấy mật.

Ở các sông và ven biển có nhiều cá lấm. Ở Ba-ri-a và ở Bắc-liêu, người ta làm muối để ăn và để ướp cá.

(1) lốt — (2) heo.

Người Việt-nam làm đồ gỗ, đồ vàng bạc, v. v. Những hàng xuất-cảng là gạo, cá khô, hột-tiêu, dầu dừa; những hàng nhập-cảng là vải, đồ kim-khí, rượu, chè, dầu-hỏa, bao gai, thuốc-phien.

Câu hỏi. — Nam-kỳ có những công-nghệ gì thuộc về nông-sản, lâm-sản? — Ở Sài-gòn có những công-nghệ gì? — Người Việt-nam làm những công-nghệ gì? — Nam-kỳ xuất-cảng những hàng gì? — Nhập-cảng những hàng gì?

6. — Nam-kỳ : kinh-tế.

Các đường bộ — Các đường thủy — Các thành-phố.

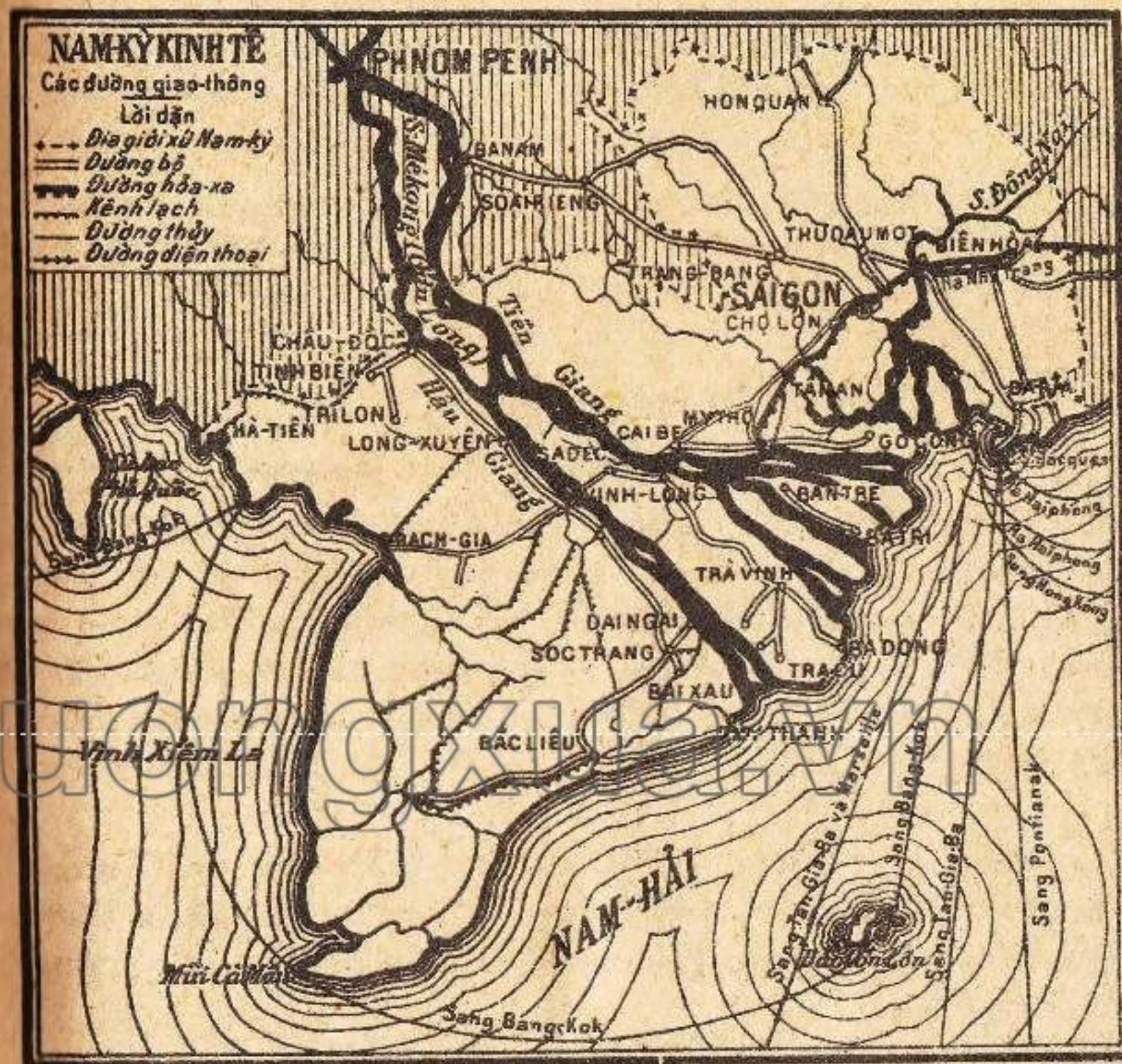
Các đường bộ. — Từ khi người Pháp sang đến giờ, các đường-sá mở-mang ra nhiều. Những đường ở Nam-kỳ đẹp vào hạng nhất trong thế-giới. Những đường lớn là : từ Sài-gòn qua Biên-hòa đến Ba-ri-a, từ Sài-gòn đi Tây-ninh, từ Sài-gòn đi Bắc-liêu qua Chợ-lớn, Tân-an, Mỹ-tho, Vĩnh-long, Cần-thơ, Sóc-trang, từ Cần-thơ đi Long-xuyên, Châu-đốc, từ Cần-thơ đi Rạch-giá.

Có một đường xe-lửa chạy từ Sài-gòn đi Mỹ-tho; một đường từ Sài-gòn ra Trung-kỳ. Lại có đường xe-lửa nhỏ đi từ Chợ-lớn đến Gia-định, Go-vap, Hóc-môn và Lai-thieu, và các đường dây thép, dây nôi

Các đường thủy. — Đường thủy ở Nam-kỳ nhiều hơn đường bộ. Ở những sông chảy trong vùng châu-thỏ sông Cửu-long và sông Đồng-nai cũng là những sông đào, tàu-bè đều đi lại được cả.

Những sông tàu đi được, chia ra làm 5 khu : a) từ sông Sài-gòn đến sông đồng Vai-cô; — b) từ đông Vai-cô đến tây Vai-cô; — c) từ sông Vai-cô lớn đến tây Vai-cô và sông Cửu-long; — d) từ sông Cửu-long đến sông Bassac; — e) từ sông Bassac đến vịnh Xiêm.

Có tàu biển chạy từ Nam-kỳ đến Trung-kỳ, Bắc-kỳ, sang Nhật-bản, sang quần-đảo Phi-luật-tân, sang Java, sang Xiêm và sang Pháp.



Các thành-phố. — Các đường giao-thông đều chạy về Sài-gòn là thương-cảng lớn nhất ở Đông-pháp. Ngoài thành-phố Sài-gòn lại còn những thành-phố lớn khác như : Chợ-lớn, Mỹ-tho, Vĩnh-long, Cần-thơ và Sóc-trang.

Toát-yếu. — Đường ở Nam-kỳ là đường vào hạng đẹp nhất thế-giới. Những đường lớn nhất là : Sài-gòn đi Ba-ri-a, Sài-gòn đi Tây-ninh, Sài-gòn đi Bắc-liêu, Cần-thơ đi Long-xuyên, Châu-đốc, Cần-thơ đi Rạch-giá.

Có một con đường xe-lửa từ Sài-gòn đi Mỹ-tho, từ Sài-gòn đi ra Trung-kỳ và đường xe-lửa nhỏ từ Chợ-lớn đi Sài-gòn, Gia-định, Gò-vap, Hóc-môn và Lai-thieu.

Những sông ở vùng châu-thỏ sông Cửu-long, sông Đồng-nai, cùng những sông đào, tàu-bè đều đi lại được cả. Có tàu biển đi từ Nam-kỳ sang các nước lân-bang và sang Pháp.

Sài-gòn là thương-cảng lớn nhất ở Đông-pháp.

Câu hỏi. — Nam-kỳ có những đường lớn nào ? — Nam-kỳ có những đường xe-lửa nào ? — Đường thủy có những đường nào ? — Tàu biển chạy những đường nào ? — Nam-kỳ có những thành-phố nào lớn ?

CHƯƠNG VII. — AI-LAO

1. Ai-lao : hình thể.

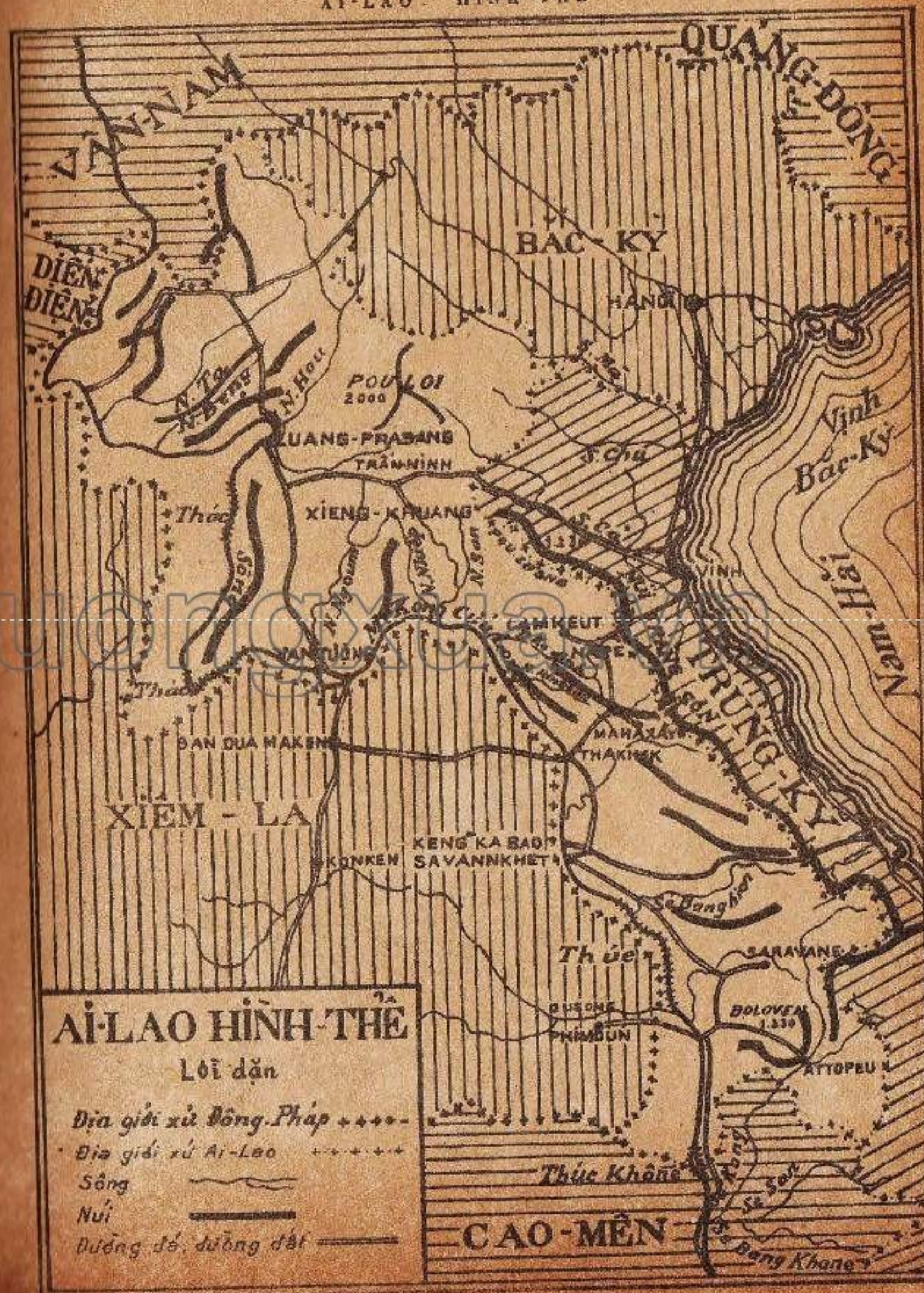
Vị-tri — Giới-hạn — Diện-tích — Địa-thế — Khí-hậu.

Vị-tri — Giới-hạn — Diện-tích. — Ai-lao ở về phía tây xứ Đông-pháp, bắc giáp nước Tàu và Bắc-kỳ, đông giáp Trung-kỳ, nam giáp Cao-mên, tây giáp Xiêm và Điện-điện. Diện-tích đo được 214.000 km².

Địa-thế. — Ai-lao là một xứ nhiều núi, chia ra làm hai miền khác nhau :

Miền bắc là Thượng-Lào thì nhiều núi, có trái cao hơn 2.000 m, như núi Pou-loi, núi Pou-bia, và nhiều cao-nguyên như Huapanh và Trấn-ninh. Những núi ở Thượng-Lào đều cùng một mạch với những núi ở thượng-du Bắc-kỳ. Dãy núi lớn nhất là dãy Pou-luong tức là phần bắc dãy núi Tráng-sơn.

Miền nam là Trung-Lào và Hạ-Lào, ở về tả-ngạn sông Cửu-long. Miền ấy là miền cao nguyên, đứng tựa vào dãy núi Tráng-sơn ; sông Cửu-long và các phụ-lưu chảy ở giữa những cao-nguyên ấy.



Khi-hậu. — Ai-lao có hai mùa : mùa khô và mùa mưa.

Từ tháng mười đến tháng tư tây là mùa khô. Từ tháng chạp đến tháng hai tây thì trời mát-mẻ, trung-độ hàn-thử-biêu ở Vạn-tượng thì từ 21 đến 24 độ, ở Xiêng-khouang thì từ 14 đến 17 độ. Từ tháng ba tây trở đi càng ngày càng nóng, ở Vạn-tượng về tháng tư tây nhiệt-độ lên tới 28 độ, và ở Xiêng-khouang về tháng sáu tây lên tới 23 độ. Từ tháng năm, tháng sáu tây là bắt đầu mùa mưa. Ngày thì nóng, nhưng đêm thì lạnh. Ai-lao thường có mưa to, gió lớn.

Toát-yếu. — Ai-lao ở về phía tây Đông-pháp, giáp Tàu, Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Cao-mên, Xiêm và Diên-diện. Ai-lao là một xứ nhiều núi. Ai-lao chia ra làm hai miền : miền bắc là Thượng-Lào thì lờm-chờm những núi ; miền nam là Trung-Lào và Hạ-Lào ở về tả-ngạn sông Cửu-long. Miền ấy là những cao-nguyên tựa vào dãy núi Tráng-sơn.

Ai-lao có hai mùa : mùa khô từ tháng mười đến tháng tư tây. Mùa mưa bắt đầu từ tháng năm tháng sáu tây.

Câu hỏi. — Ai-lao ở đâu ? — Giáp giới những xứ nào ? — Ai-lao chia ra làm bao nhiêu miền ? — Miền Thượng-Lào thế nào ? — Miền Trung-Lào và Hạ-Lào thế nào ? — Ai-lao có bao nhiêu mùa ? — Mùa khô về bao giờ ? — Mùa mưa bắt đầu từ bao giờ ? — Ở Ai-lao mưa gió như thế nào ?

2. — Ai-lao : hình-thế.

Sông-ngòi.

Sông-ngòi. — Ai-lao có sông Cửu-long chạy từ bắc xuống nam, là một con sông lớn trong thế-giới, và lớn nhất ở cõi Đông-pháp. Sông Cửu-long dài ước chừng 4.000 km.

Khi sông Cửu-long chảy vào địa-giới Ai-lao, thì bề rộng đã tới ba bốn trăm thước tây. Từ chỗ phân địa-giới đến Louang-prabang và Vạn-tượng, khúc sông cong queo, vì hai bên có những núi. Lòng sông có nhiều thác. Từ trên trở xuống đến

Xiêng-khouang, thì thuyền bè không đi được. Từ Xiêng-khouang xuống đến Vạn-tượng tuy hãy còn nhiều thác nguy-hiêm, nhưng thuyền độc-mộc vẫn đi được, và đến mùa nước lớn thì tàu nhỏ cũng đi được.

Đến Vạn-tượng lòng sông Cửu-long hãy còn cao hơn mặt biển 300 m. Nhiều chỗ nước chảy xiết thành thác, như thác Kemmarat và thác Khône, cao tới 15 thước tây. Khúc sông dài nhất mà không có thác và mùa nào tàu cũng chạy được, là khúc sông từ Keng-tian trên Vạn-tượng đến Keng-kebao trên Savan-nakhet.

Toát-yếu. — Ai-lao có sông Cửu-long, chảy từ bắc xuống nam, là con sông lớn nhất ở Đông-pháp. Sông Cửu-long có chỗ tàu không đi được, vì có những thác, như thác Kemmarat và thác Khône. Từ trên trở xuống đến Xiêng-khouang thì không thuyền bè nào đi lại được. Từ Xiêng-khouang đến Vạn-tượng thì thuyền độc-mộc, và mùa nước lớn, thì tàu nhỏ đi được. Khúc sông dài nhất và mùa nào cũng đi được, là khúc sông từ Vạn-tượng đến Savan-nakhet.

Câu hỏi. — Sông Cửu-long là sông thế nào ? — Sông Cửu-long dài bao nhiêu ? — Tự chỗ giáp địa-giới đến Vạn-tượng sông chảy thế nào ? — Tự Vạn-tượng đến Khône sông chảy thế nào ?

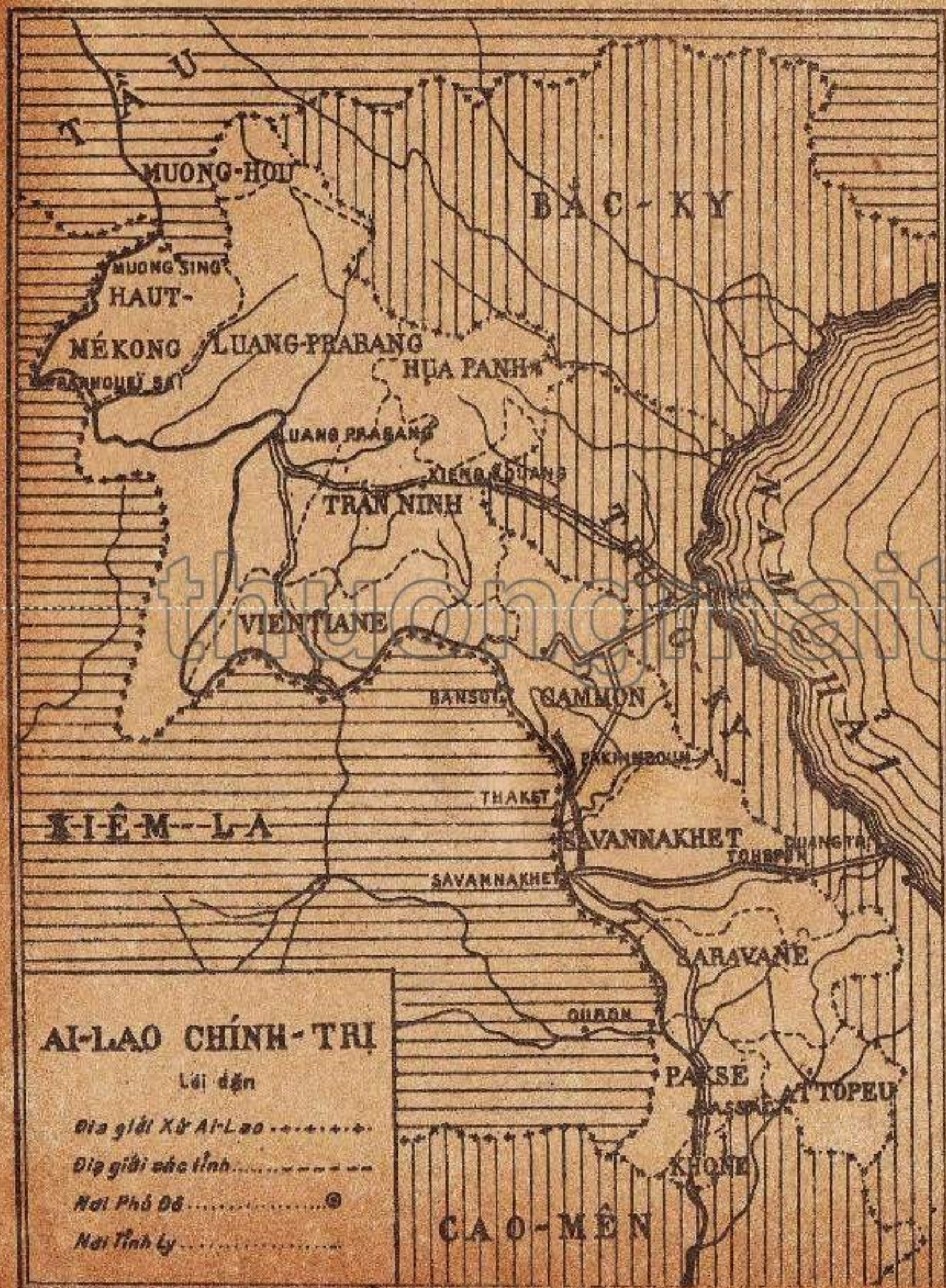
3. — Ai-lao : chính-trị.

Dân-cư — Việc cai-trị.

Dân-cư. — Dân số Ai-lao được hơn 90 vạn người, vừa người Lào vừa người Kha.

Người Kha ở Ai-lao là những dân ở các sườn núi, cũng như người Mường ở Bắc-kỳ và người Mọi ở Trung-kỳ.

Việc cai-trị. — Người Lào ở tụ họp thành từng làng, có phó-ban cai-trị. Nhiều làng họp lại thành tổng, có tasseng cai-trị. Nhiều tổng họp lại thành tỉnh hay mường, có tiao-mường cai-



trị. Nhiều mường họp lại thành nước. Ngày trước đất Lào chia ra làm nhiều nước. Hiện nay thì chỉ còn có một nước là nước Louang-prabang.

Về việc người Pháp cai-trị thì đứng đầu có quan Khâm-sứ, đóng tại Vạn-tượng. Quan Khâm-sứ có các quan đầu tỉnh và các quan đại-lý giúp việc. Ai-lao chia ra làm ba khu, gồm tất cả là 10 tỉnh và một đạo quan binh:

a) Những tỉnh ở Thượng-Lào: Haut-Mékong, Louang-prabang, Hua-panh, Trấn-ninh, Vạn-tượng và đạo quan binh thứ năm;

b) Những tỉnh ở Trung-Lào: Cammon, Savannakhet;

c) Những tỉnh ở Hạ-Lào: Saravane, Attopeu, Paksé.

Toát-yếu — Dân số Ai-lao ngót một triệu người, vừa người Lào vừa người Kha.

Người Lào ở thành làng, có phó-ban cai-trị; làng họp thành lũng, có tasseng cai-trị; tổng họp thành mường có tiao-mường cai-trị; mường họp lại thành nước. Quốc-vương nước Louang-prabang đóng tại Louang-prabang.

Các quan người Pháp thì có quan Khâm-sứ và các quan đầu tỉnh.

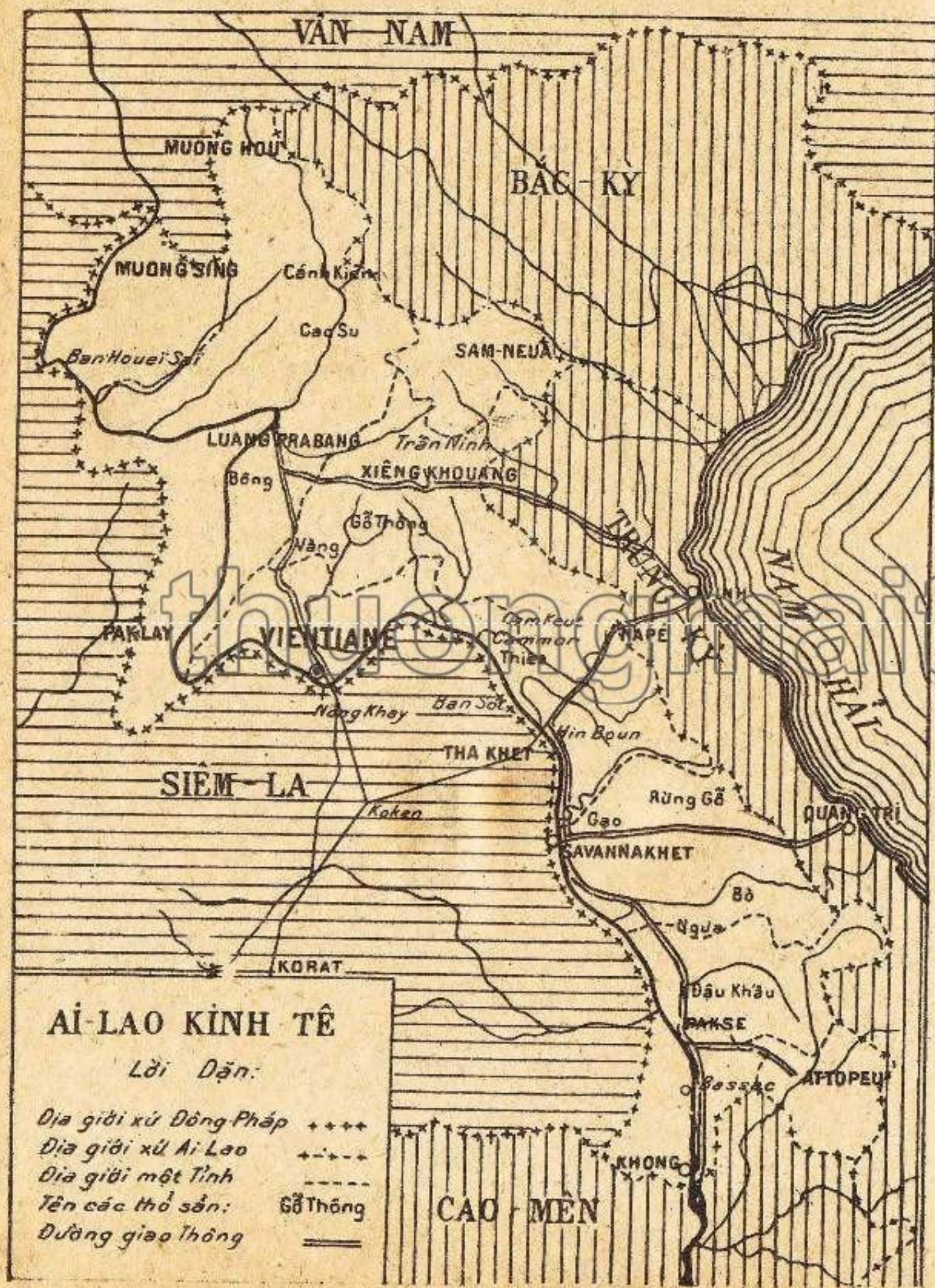
Ai-lao có 10 tỉnh và một đạo quan binh.

Câu hỏi. — Dân Ai-lao có bao nhiêu người? — Là những giống người nào? — Người Kha là gì? — Các thể quan có những viên chức nào? — Quan Pháp có những viên-chức nào? — Thượng-Lào có những tỉnh nào? — Hạ-Lào có những tỉnh nào? — Trung-Lào có những tỉnh nào?

4. — Ai-lao: kinh-tế.

Các sản vật — Đường giao-thông.

Các sản-vật. — Ai-lao có mỏ than, mỏ sắt, mỏ thiếc, mỏ đồng, mỏ vàng. Những nơi có nhiều mỏ là Louang-prabang, Sầm-nưa, Xiêng-khouang, Trấn-ninh, Vientiane (Vạn-tượng), Hin-boum, Savannakhet.



Núi Ai-lao có nhiều rừng. Rừng có gỗ sến và gỗ thông là những cây mọc ở xứ lạnh. Lại có nhiều cây có nhựa, cây cao-su, cánh-kiến, hời.

Ở Trung-Lào và Hạ-Lào thì trồng lúa, các thứ rau, mía, chè, dâu, chàm, trầu-không, thuốc-lá. Ở miền Thượng-Lào thì người ta trồng bông, vừng (mè), nha-phiến.

Ở Trấn-ninh và Savannakhet người ta nuôi nhiều trâu bò. Ở các rừng có nhiều voi.

Ai-lao ít công-nghệ lắm. Người Lào dệt lụa, nung (1) vôi ở Cammon và ở Savannakhet, lọc cát lấy vàng ở các sông và khai mỏ sắt. Người Pháp có hai nhà máy چرا ở Không và ở Louang-prabang và khai các mỏ.

Đường giao-thông. — Ai-lao ít đường-sá. Những đường lớn là đường đi về Trung-kỳ, còn thì chỉ có những đường nhỏ cứ hết mùa mưa lại phải đắp lại. Đường thủy thì có sông Cửu-long.

Hiện bây giờ thì việc buôn bán ở Ai-lao là do đường Bangkok. Những hàng đem bán ra ngoài là hời, cánh-kiến, cao-su. Những hàng mua ở ngoài vào là vải, sợi, chỉ vàng, chỉ bạc, sắt, dầu-hỏa (2), diêm (3), muối.

Toát-yếu. — Ai-lao có mỏ than, mỏ sắt, mỏ thiếc, mỏ đồng, mỏ vàng. Rừng có gỗ sến, gỗ thông, các cây có nhựa, cây cao-su, cánh-kiến, hời.

Người Lào trồng lúa, rau, mía, chè, dâu, chàm, trầu-không, thuốc-lá, bông, vừng, thuốc-phiện.

Ở Trấn-ninh và Cammon người ta nuôi trâu bò. Ở Ai-lao ít có công-nghệ. Người Lào dệt lụa, lọc cát lấy vàng. Người Pháp khai mỏ và có máy چرا.

Ở Ai-lao ít đường-sá. Những đường lớn là đường đi Trung-kỳ. Đường thủy thì có sông Cửu-long.

(1) hầm — (2) dầu lửa — (3) hộp quẹt.

Người Lào bán hồi, cánh-kiến, cao-su và mua vải, sợi, chỉ vàng, chỉ bạc, sắt, dầu-hỏa, diêm, muối.

Câu hỏi — Ai-lao có những mỏ gì? — Người ta khai những mỏ gì? — Rừng có những thứ gỗ gì? — Ở Ai-lao trồng những thứ cây gì? — Ai-lao có những công-nghệ gì? — Ai-lao có những đường giao-thông nào? — Người Lào mua gì? — Bán gì?

CHƯƠNG VIII. — CAO-MÊN

1. — Cao-mên : hình-thể.

Địa-thể — Bờ biển — Khí-hậu.

Vị-tri — Giới-hạn — Diện-tích. — Cao-mên ở về phía tây-nam xứ Đông-pháp, đông giáp Trung-kỳ và Nam-kỳ, nam giáp vịnh Xiêm, tây và bắc giáp Xiêm và Ai-lao. Diện-tích được 175.000 km vuông.

Địa-thể. — Cao-mên chia ra làm ba khu :

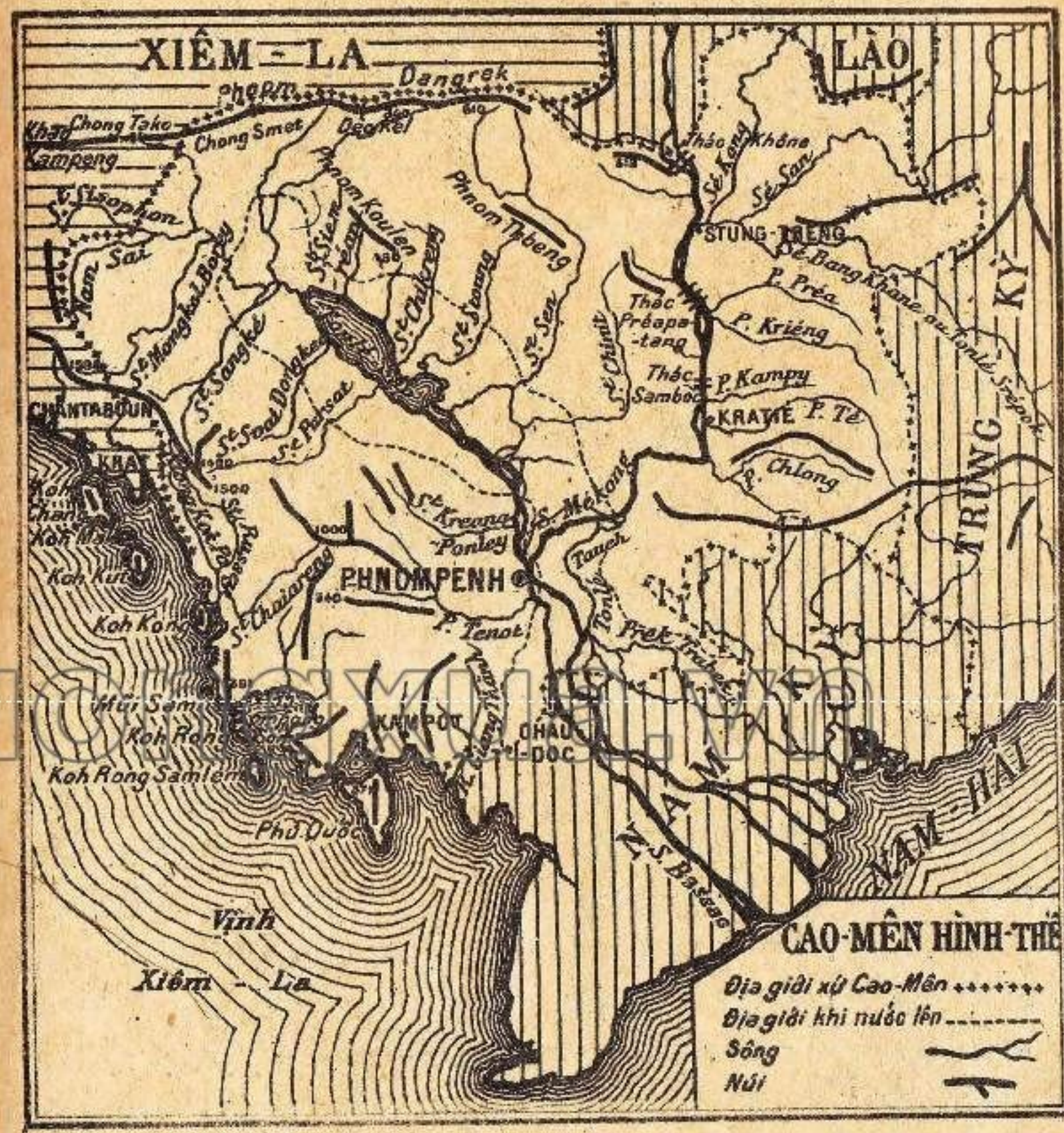
Về phía bắc có một dãy núi lớn là dãy Dang-reck ở giáp giới Ai-lao.

Về phía nam dãy Dang-reck là một khu bình-nguyên rộng, có sông Cửu-long, sông Tonlé-sap và có Biền-hồ. Ngoài khu bình-nguyên ấy lại có những dãy núi ăn lan về phía nam theo dọc bờ biển. Những cù-lao ở vịnh Xiêm đều thuộc về dãy núi ấy.

Bờ biển. — Cao-mên chỉ có phía tây-nam là giáp biển. Bờ biển lởm-chờm những đá, vì chỗ nào núi cũng lan ra đến tận biển.

Miền bờ biển không có thương-cảng nào. Bởi vậy việc vận-tải đường biển đều do đường Nam-kỳ cả.

Khí-hậu. — Cao-mên là xứ nóng. Về tháng nóng nhất thì nhiệt-độ trung-bình là 29 độ và về tháng mát nhất là 25 độ. Cao-mên có gió mùa thổi, từ tháng bảy đến tháng mười-một tây thì nóng luôn. Mùa mưa là mùa gió tây-nam.



Toát-yếu. — Cao-mên ở về tây-nam xứ Đông-pháp, giáp Trung-kỳ, Nam-kỳ, vịnh Xiêm, Xiêm và Ai-lao.

Cao-mên chia ra làm ba khu : khu bắc dãy núi Dang-reck, khu giữa có Biền-hồ và khu nam là một khu có núi ra đến biển. Bờ biển nhiều đá, không có thương-cảng.

Khí-hậu Cao-mên nóng. Có gió mùa và về mùa gió tây-nam thì hay mưa.

Câu hỏi. — Cao-mên ở đâu? — Giáp-giới những xứ nào? — Cao-mên có mấy khu? — Là những khu nào? — Bờ biển Cao-mên ở về phía nào? — Bờ biển thê nào? — Khí-hậu Cao-mên thê nào? — Mưa về mùa nào?

2. — Cao-mên: hình-thể.

Sông-ngòi.

Sông-ngòi. — Ngoài mấy con sông nhỏ chảy vào vịnh Xiêm, thì bao nhiêu sông ngòi ở Cao-mên đều chảy vào sông Cửu-long, sông Tonlé-sap hay là Biển-hồ.

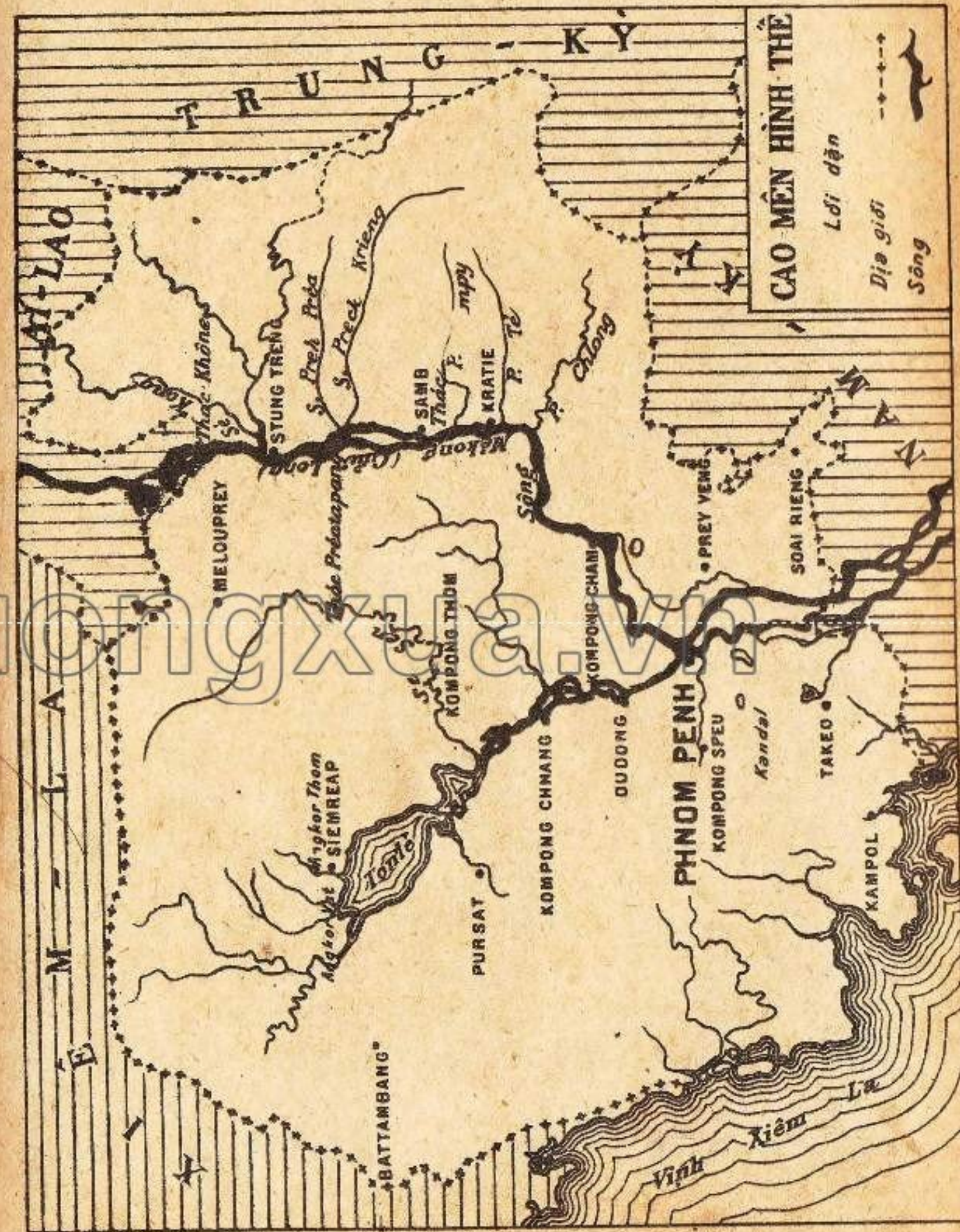
Sông Cửu-long bắt đầu chảy vào địa-giới Cao-mên từ Khône là chỗ có nhiều thác cao tới 15 m. Từ Khône đến Kratié ở giữa sông có nhiều cù-lao mà cù-lao lớn nhất là Kalognieu và có nhiều thác như thác Préapatang và thác Samboc. Trong quãng ấy thì sông Cửu-long có những phụ-lưu này: sông Sékong, sông Prek-prea, sông Prek-krieng.

Ở Nam-vang sông Cửu-long chia ra làm bốn ngọn. Ngọn lớn nhất là sông Cả ở Ai-lao chảy về, chia ra làm hai ngọn chảy về Nam-kỳ. Ngọn thứ tư là sông Tonlé-sap chảy vào Biển-hồ. Về mùa nước lên, nước sông cao hơn nước Biển-hồ, thì sông Tonlé-sap chảy vào Biển-hồ; về mùa nước cạn, nước sông thấp hơn nước Biển-hồ, thì sông Tonlé-sap lại từ Biển-hồ chảy ra.

Biển-hồ có hồ nhỏ và hồ lớn, về mùa nước cạn thì sâu độ 1 m. Về mùa nước lớn hồ sâu từ 8 đến 10 m. Các vùng xung-quanh đều ngập hết cả. Về mùa ấy thì những tàu lớn vào được đến tận cửa sông Strung Sang-ké.

Có nhiều sông phát-nguyên từ miền núi phía bắc và phía tây chảy vào Biển-hồ.

Toát-yếu. — Ở Cao-mên phần nhiều các sông đều chảy vào sông Cửu-long, sông Tonlé-sap hay Biển-hồ.



thư giúp việc cai-trị. Nước chia ra từng tỉnh hay là khét, tỉnh chia ra từng xã. Các quan Bảo-hộ, thì đứng đầu có quan Khâm-sứ, đóng ở kinh-đô, và các quan cai-trị các hạt.

Cao-mên chia ra làm 13 hạt : Stung-treng, Kompong-cham, Kratié, Prey-veng, Soai-rieng, Kandal, Kompong-speu, Takeo, Kampot, Kompong-thom, Kompong-chnang, Pursat và Battambang. Thành-phố Nam-vang có quan đốc-ly cai-trị.

Toát-yếu. — Dân số Cao-mên được độ hơn 2 triệu người, có nhiều giống người khác nhau. Ở phía bắc, phía tây và ở miền giáp Ai-lao có những rợ mọi. Kinh-đô Cao-mên trước là Angkor-thom, nay hãy còn có di-tích vĩ-đại ở chùa Angkor-vat. Ở Cao-mên cũng có người Việt-nam, người Tàu, người Mã-lai.

Cao-mên là xứ bảo-hộ, có vua và các quan thương-thu coi việc cai-trị. Người Pháp thì có quan Khâm-sứ và các quan cai-trị các hạt.

Cao-mên chia ra làm 13 hạt và một thành-phố là Nam-vang.

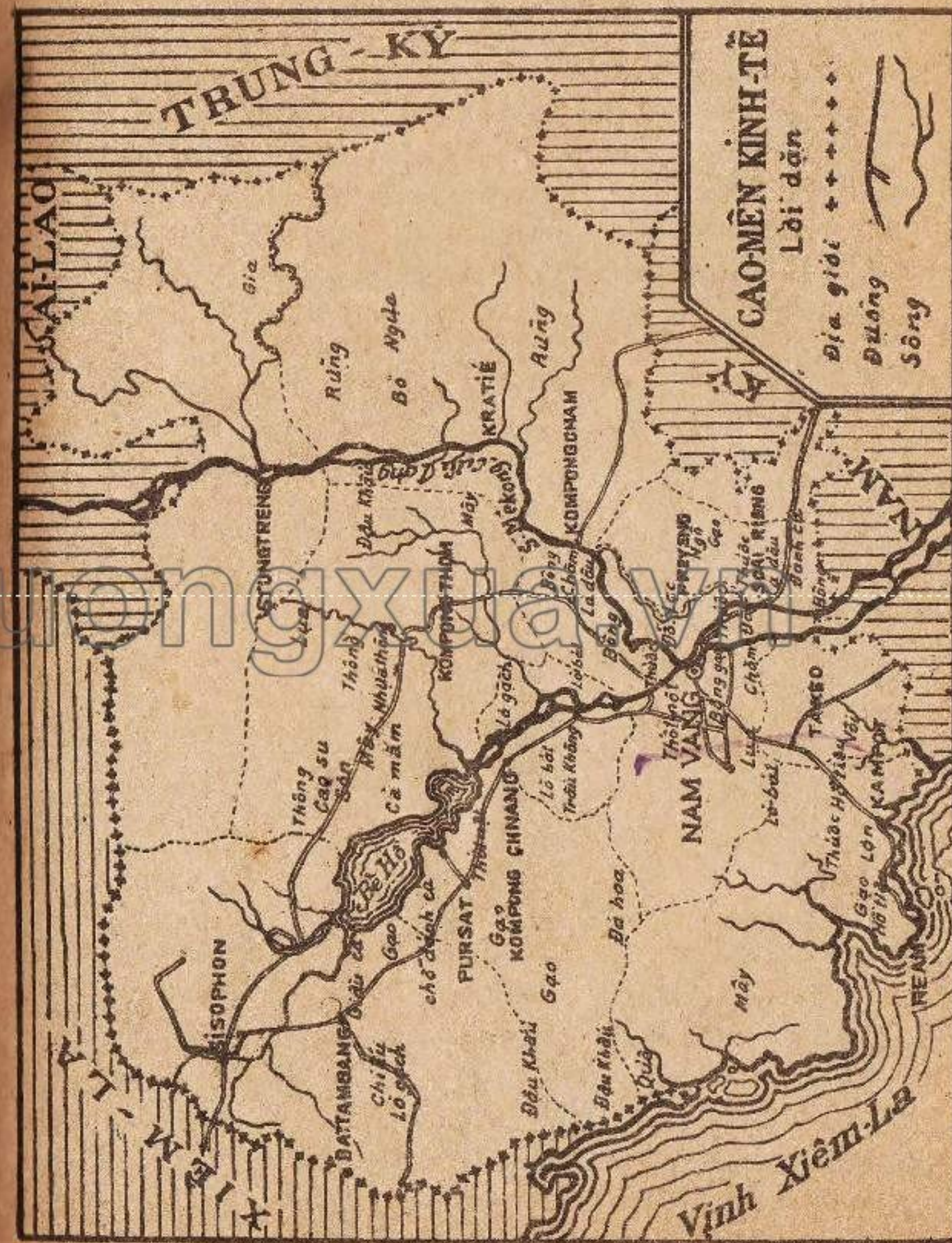
Câu hỏi. — Cao-mên có những giống người nào ? — Giồng mọi ở đâu ? — Giồng Cao-mên thế nào ? — Cao-mên có những ai cai-trị ? — Cao-mên chia ra làm bao nhiêu hạt ? — Là những hạt nào ?

4. — Cao-mên : kinh-tế.

Các sản-vật — Công-nghệ — Đường giao-thông — Việc thương-mại.

Các sản-vật. — Cao-mên có ít mỏ, chỉ có mỏ sắt ở Phnom-deck. Gần địa-hạt Nam-kỳ, gần vịnh Xiêm và ở hạt Battambang có mỏ « cốt-phát ». Về phía bắc Biên-hồ có nhiều chỗ lấy đá. Rừng có nhiều gỗ để làm nhà cửa, có gỗ quý, tre, nứa, mây, thứ cây leo có cao-su, hời, sơn.

Ở Cao-mên người ta nuôi nhiều trâu, bò. Nhưng mà thịnh nhất là nghề chài-lưới. Người ta đánh cá ở bờ biển và về mùa nước cạn thì đánh ở sông và ở Biên-hồ.



Ở Cao-mên người ta trồng lúa, ngô (bắp), hột-tiêu, thuốc-lá, trầu-không ⁽¹⁾, bông, bông gạo, vừng (mè), đậu, chàm và mía.

Công-nghệ. — Công-nghệ lớn ở Cao-mên là nghề phơi cá và làm dầu cá. Lại còn có nhà máy cưa, lò chum vại ⁽²⁾, gạch ngói, nhà làm dầu và xá-phòng (bong). Người bản-xứ thì nuôi tằm, dệt lụa.

Đường giao-thông. — Những đường giao-thông lớn là đường thủy. Về mùa nước lớn, tàu đi khắp mọi nơi. Đường bộ thì có đường từ Nam-vang đi các tỉnh và đi Nam-kỳ.

Việc thương-mại. — Việc buôn bán ở Cao-mên đều do đường Nam-kỳ. Những sản-vật xuất-cảng là trầu bò, da, bông, gạo; hàng nhập-cảng là vải, các đồ kim-khí.

Nam-vang là nơi thương-trường lớn nhất trong nước. Những nơi đô-hội lớn là: Takeo, Kampot, Prey-veng, Soai-rieng, Kratie, Battambang, v.v.

Toát-yếu. — Cao-mên có mỏ sắt và mỏ « cốt-phát », có nhiều chỗ làm đá. Rừng có nhiều gỗ làm nhà và gỗ quý.

Ở Cao-mên có nghề đánh cá là thịnh hơn cả.

Người Cao-mên trồng lúa, ngô (bắp), hột-tiêu, chàm, v.v.

Công-nghệ lớn là nghề phơi cá và làm dầu cá. Lại có nhà máy cưa, lò chum vại, gạch, ngói, nhà làm dầu và xá-phòng (bong).

Những đường giao-thông lớn là đường thủy. Những đường bộ lớn là đường từ Nam-vang đi các nơi và đi Nam-kỳ.

Việc buôn bán đều do đường Nam-kỳ. Những sản-vật xuất-cảng là trầu, bò, da, bông, gạo; những hàng nhập-cảng là: vải cùng các đồ kim-khí.

Nam-vang là một nơi thương-trường lớn.

Câu hỏi. — Cao-mên có những mỏ gì? — Chỗ lầy đá ở Cao-mên về phía nào? — Rừng có những thứ gỗ gì? — Ở Cao-mên trồng những cây gì? — Cao-mên xuất-cảng những gì? — Nhập-cảng những gì?

(1) trầu — (2) lu, mái

MỤC-LỤC

VIỆT-NAM-SỬ

	Trang
Tựa	3
Bài đầu. — Nước Việt-nam	5
CHƯƠNG I. — Thượng-cổ thời-dại.	
Họ Hồng-bàng. 7	Nhà Triệu 10
Nhà Thục 8	
CHƯƠNG II. — Bắc-thuộc thời-dại.	
Bắc-thuộc lần thứ nhất. 12	Nhà Tiền-Lý 18
Trung nữ-vương. 14	Bắc-thuộc lần thứ ba 20
Bắc-thuộc lần thứ hai 16	Họ Khúc dây nghiệp. 22
CHƯƠNG III. — Tự-chủ thời-dại.	
Nhà Ngô và Thập nhị Sứ-quân 23	Sự chiến-tranh đời nhà Trần. 37
Nhà Đinh 25	Cuối đời nhà Trần 40
Nhà Tiền-Lê 27	Nhà Hồ 42
Nhà Lý 29	Thuộc nhà Minh. 44
Sự chiến-tranh đời nhà Lý 31	Ông Lê-Lợi khởi nghĩa đánh quân nhà Minh. 45
Cuối đời nhà Lý 33	Nhà Lê 48
Nhà Trần 35	
CHƯƠNG IV. — Nam Bắc phân tranh thời-dại.	
Nhà Mạc 50	Trịnh và Nguyễn đánh nhau 58
Nhà Lê trung-hưng. 52	Công việc chúa Trịnh ở xứ Bắc. 60
Họ Trịnh làm chúa xứ Bắc 54	Công việc chúa Nguyễn ở xứ Nam 62
Họ Nguyễn làm chúa xứ Nam. 56	Nhà Nguyễn Tây-sơn 64
CHƯƠNG V. — Thống-nhất thời-dại.	
Ông Nguyễn Ánh khởi binh đánh Tây-sơn 66	Vua Thiệu-trị, vua Tự-đức 73
Nhà Nguyễn: vua Gia-long 69	Sự biến loạn trong đời vua Tự-đức 74
Vua Minh-mệnh 70	
CHƯƠNG VI. — Cuộc bảo-hộ.	
Quân Pháp lấy ba tỉnh Nam-kỳ — Hoà-ước năm (1862) 77	Quân Pháp vào Huế 85
Quân Pháp lấy ba tỉnh phía tây đất Nam-kỳ 79	Ông Paul-Bert và việc đánh dẹp ở nước Nam 88
Quân Pháp đánh Bắc-kỳ lần thứ nhất 81	Việc cai-trị trong các xứ Đông-pháp 90
Quân Pháp đánh Bắc-kỳ lần thứ hai 83	Những công việc của chính-phủ Bảo-hộ 91
	Niên-biểu 94

ĐỊA-DƯ**CHƯƠNG I — Tỉnh**

Tỉnh — Lời dẫn	Trang
Tỉnh Hà-dông. Dân cư, Việc cai-trị	1
— Phủ-huyện — Đường giao-thông	2
— Sản-vật — Công-nghệ — Thương-mại	3
	4

CHƯƠNG II — Các tỉnh lân cận

Sơn-tây — Phúc-yên — Bắc-ninh	5
Hưng-yên — Hà-nam — Hòa-bình	6

CHƯƠNG III — Đông-pháp

Đông-pháp : hình-thê	7
— Bình-nguyên và bờ biển	8
— Khí-hậu	9
— Sông-ngòi	10
— Chính-trị : Dân cư	11
— Việc cai-trị	12
— Kinh-tê : các sản-vật	13
— Các sản-vật	14
— Công-nghệ	15
— Đường giao-thông — Việc thương-mại-Thương-cảng	16

CHƯƠNG IV — Bắc-kỳ

Bắc-kỳ : hình-thê : Vị-trí — Giới-hạn — Diện-tích	17
— Khí-hậu — Sông-ngòi	18
— Chính-trị, Dân-cư — Việc cai-trị — Các tỉnh	19
— Kinh-tê : Các sản-vật	20
— Công-nghệ — Thương-mại	21
— Đường bộ	22
— Đường thủy — Các thành-phố	23

CHƯƠNG V — Trung kỳ

Trung-kỳ : hình-thê : Vị-trí, Giới-hạn, Diện-tích, Địa-thê, Bờ biển	Trang
— Khí-hậu — Sông-ngòi	24
— Chính-trị : Dân-cư — Việc cai-trị	25
— Kinh-tê : Các sản-vật — Công-nghệ	26
— Đường giao-thông — Thương-mại — Các thành-phố	27
	28

CHƯƠNG VI — Nam-kỳ

Nam-kỳ : hình-thê : Vị-trí, Giới-hạn, Diện-tích, Địa-thê, Bờ-biên	29
— Khí-hậu, Sông-ngòi	30
— Chính-trị : Dân-cư — Việc cai-trị — Các tỉnh	31
— Kinh-tê : Các sản-vật	32
— Công-nghệ — Việc thương-mại	33
— Các đường bộ — Các đường thủy — Các thành-phố	34

CHƯƠNG VII — Ai-lao

Ai-lao : hình-thê : Vị-trí — Giới-hạn — Diện-tích — Địa-thê — Khí-hậu	35
— Sông-ngòi	36
— Chính-trị : Dân-cư — Việc cai-trị	37
— Kinh-tê : các sản vật — Đường giao-thông	38

CHƯƠNG VIII — Cao-mên

Cao-mên : hình-thê : Địa-thê — Bờ biển — Khí-hậu	39
— Sông-ngòi	40
— Chính-trị : Dân-cư — Việc cai-trị	41
— Kinh-tê : Các sản-vật — Công-nghệ	42
— Đường giao-thông — Việc thương-mại	43-44

VIỆT-NAM TIỂU-HỌC TỪNG THƯ

Sách đã xuất bản:

Quốc-văn giáo-khoa thư:	Lớp Đồng-âu.
—	— Dự-bị.
—	— Sơ-dãng.
Luân-lý giáo-khoa thư:	— Đồng-âu.
—	— Dự-bị.
—	— Sơ-dãng.
Toán-pháp — Cách-trí — Địa-	
dur:	— Đồng-âu.
Toán-pháp giáo-khoa thư:	— Dự-bị.
Cách-trí giáo-khoa thư:	— Dự-bị.
—	— Sơ-dãng.
Toán-pháp giáo-khoa thư:	— Sơ-dãng.
Vệ-sinh giáo-khoa thư:	— Đồng-âu và
	Dự-bị.
Sử-ký — Địa-dur giáo-khoa thư:	— Dự-bị.
—	— Sơ-dãng.
Ngũ-hoa của J. MARQUET soạn.	
Sách-day thể-thao.	
— chữ-pháp	— Đồng-âu.
—	— Dự-bị.
— chữ-hoa	— Đồng-âu.
—	— Dự-bị.
—	— Sơ-dãng.